

BUI DINH

TÌM HIỂU

CÁC PHONG TRÀO
YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP

CỦA NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGHĨA

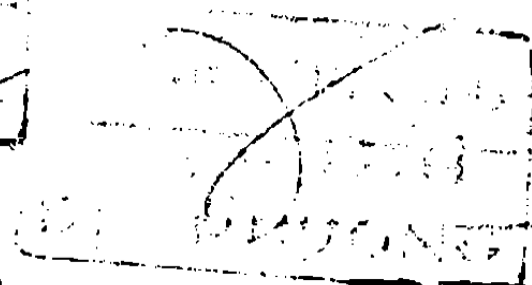
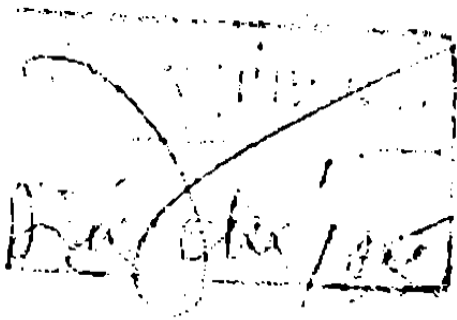
(1885 - 1945)



BAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG
VÀ SỞ V.H.T.T. TỈNH NGHĨA BÌNH
XUẤT BẢN

BÙI ĐỊNH

TÌM HIỂU
CÁC PHONG TRAO YÊU NƯỚC
CHỐNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGHĨA
(1885 - 1945)



Đến
ĐCN/70
PC/204
198

Đến M/202

TRƯỜNG : QUẢNG NGHĨA
152
91-113

LỜI GIỚI THIỆU

Dân tộc Việt Nam, giai cấp công nhân Việt Nam có một truyền thống đấu tranh kiên cường bất khuất. Từ xưa đến nay truyền thống ấy ngày càng được nâng lên, tạo nên sức mạnh vô cùng to lớn, đánh bại bao kẻ thù xâm lược từ bốn phương kển phương Bắc đến đế quốc Pháp, Nhật, Mỹ.

Với chiến thắng mùa xuân 1975, non sông ta đã liền một dải; Bắc nam sum họp một nhà. Ngày nay nhân dân ta đang đoàn kết một lòng hăng hái lao động và chiến đấu, quyết tâm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Có được thành quả to lớn này trước hết là nhờ dân tộc ta có Đảng công sản Việt Nam quang vinh do Bác Hồ vĩ đại sáng lập và rèn luyện, Đảng đã biết kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Tự hào biết bao cho Nghĩa Bình, quê hương của vị anh hùng dân tộc kiệt xuất Nguyễn Huệ, người đã làm nên kỳ tích lịch sử vào cuối thế kỷ 18; quê hương của Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, Tăng Bạt Hổ, Mai Xuân Thưởng, Trương Quang Trọng, Nguyễn Nghiêm... từ cuối thế kỷ 19 đến những năm đầu của thế kỷ 20; quê hương của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ, một trong những ngọn cờ tiêu biểu của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ chuẩn bị giành chính quyền trong cách mạng tháng Tám vĩ đại.

Đồng chí Bùi Định, quê xã Đức Minh, huyện Mộ Đức, tỉnh Nghĩa Bình là một cán bộ cao cấp của Đảng tham gia cách mạng từ những ngày đầu thành lập Đảng bộ tỉnh, liên tục hoạt động cho đến khi đất nước hoàn toàn độc lập (1975), từng giữ cương vị lãnh đạo cấp tỉnh và cấp khu trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Nay đồng chí đã về hưu. Với lòng yêu mến quê hương, đồng chí Bùi Định đã gia công nghiên cứu lịch sử tỉnh Quảng Nghĩa và viết tập sách với tên: «Tìm hiểu: Các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp của nhân dân Quảng Nghĩa 1885 - 1945», nhằm giới thiệu với đồng chí, đồng bào: phong trào yêu nước của nhân dân các dân tộc trong tỉnh Quảng Nghĩa (cũ..) từ Cần Vương đến cách mạng tháng Tám 1945.

Tập sách ra đời là do lao động nhàn rỗi của tác giả có sự đóng góp ý kiến của một số cơ quan và cá nhân ở Trung ương và địa phương, trong đó có Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Nghĩa Bình.

Ban thường vụ Tỉnh ủy Nghĩa Bình giao trách nhiệm cho Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Nghĩa Bình xuất bản tập sách với sự giúp đỡ của sở Văn hóa thông tin.

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu tập sách trên với bạn đọc. Mong đồng chí, đồng bào trong và ngoài tỉnh góp ý chỉ dẫn để lần xuất bản sau được tốt đẹp hơn.

Quy Nhơn 14-9-1984

**BAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ
ĐẢNG TỈNH NGHĨA BÌNH**

LỜI NÓI ĐẦU

Một chúng ta đều tự hào là con em một dân tộc anh hùng, mà lòng yêu nước và phẩm giá con người được thử thách nhiều nhất qua lịch sử đấu tranh chống xâm lược nô dịch; giành độc lập, tự do.

Viết tập nghiên cứu này, trước hết chúng tôi mong muốn cùng đồng bào, đồng chí tỉnh Quảng Bình và bạn đọc xa gần tìm hiểu về quá trình phát triển của phong trào yêu nước và cách mạng của nhân dân ta trong tỉnh Quảng Nghĩa (cũ) khoảng thời gian từ 1885 khi thực dân Pháp đặt ách đô hộ lên nước ta cho đến 1945, lúc toàn dân ta vùng lên Tổng khởi nghĩa Tháng Tám thắng lợi. Qua các trang viết, chúng tôi mong góp phần sưu tầm, tập hợp và hệ thống lại các tư liệu về các sự kiện lịch sử các phong trào yêu nước và cách mạng tại tỉnh Quảng Nghĩa để chúng ta có cơ sở mà suy nghĩ về tính chất, khuynh hướng, qui mô, các phong trào thời ấy.

Dựa vào trật tự thời gian các sự kiện xảy ra và nội dung, mục tiêu các phong trào, chúng tôi chia các phong trào yêu nước chống Pháp từ 1885 đến 1945 ra ba thời kỳ:

- Các phong trào Cần Vương
- Các phong trào yêu nước chống Pháp mang màu sắc dân chủ tư sản.
- Các phong trào yêu nước đi con đường cách mạng vô sản, theo chủ nghĩa Mác - Lênin.

Sắp xếp như vậy cũng có chỗ chưa ổn. Vì như: Phong trào khởi thu thuế năm 1908, tuy có chịu ảnh hưởng ít nhiều của phong trào Duy Tân, nhưng nếu nói phong trào đó cũng mang màu sắc dân chủ tư sản thì chưa thỏa đáng. Đến như đem các phong trào chống sưu, chống thuế, chống áp bức, giành quyền làm chủ núi rừng của đồng bào các dân tộc ít người miền tây Quảng Nghĩa ghép cùng loạt với các phong trào dân chủ tư sản ở đồng bằng thì càng không ổn. Bất đắc dĩ, chúng tôi tạm xếp như hiện nay, mong bạn đọc thông cảm.

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi được sự khích lệ, góp ý và giúp đỡ của Viện sử học thuộc ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Viện lịch sử Đảng thuộc Viện Mác - Lênin, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng lĩnh Nghĩa Bình, và nhiều đồng chí bạn bè tận tình chỉ bảo. Thường Vụ Tỉnh ủy Nghĩa Bình đã quan tâm đặc biệt và tạo điều kiện để chúng tôi hoàn thành công việc biên soạn. Chúng tôi chân thành cảm ơn các cơ quan, các đồng chí, đồng bào đã giúp đỡ chúng tôi đạt được nguyện vọng. Mong sao mỗi chúng ta khi soi bóng hình vào lịch sử, tìm được nguồn cảm hứng không bao giờ cạn cho công việc hàng ngày cũng như cho các dự kiến sẽ thành đạt trong tương lai, phấn đấu hoàn thành tốt nhất những công việc mà các thế hệ trước còn để lại.

Tự biết khả năng có hạn, nhưng đờ lòng yêu quê hương thối thúc, chúng tôi mạnh dạn biên soạn tập nghiên cứu này, chắc còn nhiều thiếu sót. Chúng tôi rất mong được bạn đọc tận tình chỉ bảo.

Hà Nội, hè 1984
NGƯỜI BIÊN SOẠN

PHẦN MỞ ĐẦU

MẤY NÉT VỀ ĐẤT NƯỚC—NHÂN DÂN—TRUYỀN THỐNG CỦA TỈNH QUẢNG NGHĨA

Tỉnh Quảng Nghĩa (cũ) nằm giữa chiều dài của Tổ quốc Việt-Nam, rộng 4.359 km² (1), nay là phần phía Bắc tỉnh Nghĩa Bình; phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam—Đà Nẵng; phía Nam giáp tỉnh Bình Định (cũ), phía Tây dựa vào dãy Trường sơn hùng vĩ giáp tỉnh Kom Tum (cũ), phía đông ngó ra biển Đông xanh thẳm bao la.

Trong tỉnh có nhiều cảnh đẹp, tiêu biểu là đỉnh núi Ấn vuông vức và dòng sông Trà trong vắt.

Tính từ phía Bắc vào, trong tỉnh có các sông lớn là sông Trà Bồng, sông Trà khúc, sông Vệ và sông Trà Cầu. Ven các dòng sông ấy có những cánh đồng phì nhiêu nuôi sống nhân dân trong tỉnh.

Vùng đất thuộc địa phận tỉnh Quảng Nghĩa, từ năm 1402 đã trở thành Châu Tư và Châu Nghĩa thuộc Lộ Thăng Hoa của Triều Hồ, nước Đại Việt. Năm Nhâm dần (1602) đời Lê Hoàng Định, nhà Lê đổi 2 Châu Tư và Châu Nghĩa thành phủ Quảng Nghĩa; đời Tây Sơn

(1) Thống kê địa lý nhân văn của nhà cầm quyền Sài Gòn 1960, báo Tự do số 573, 7/9/1962.

đổi thành phủ Hòa Nghĩa ; đến năm Minh mạng thứ 10 (1829) mới chính thức mang tên là tỉnh Quảng Nghĩa (1).

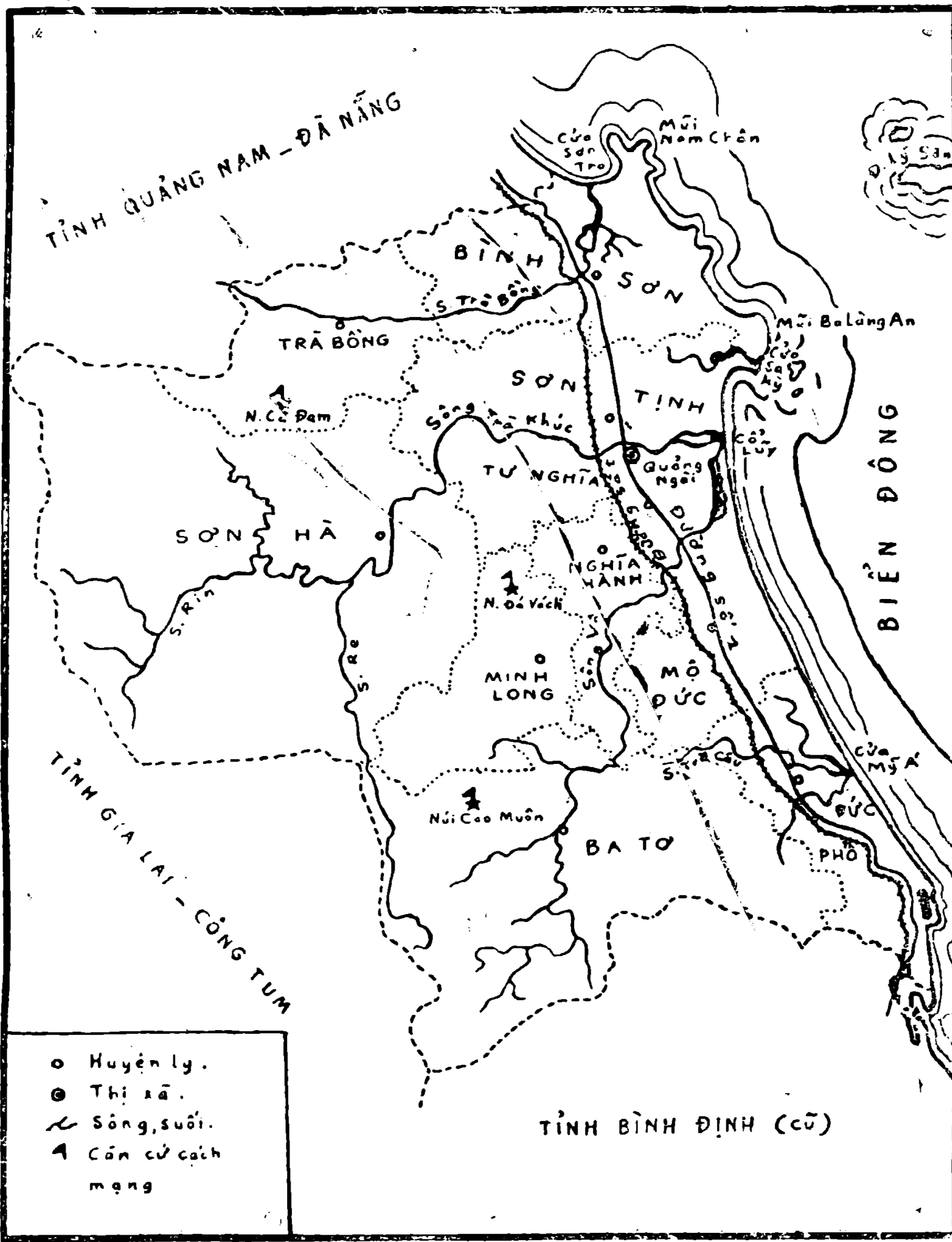
Trải qua nhiều đổi thay, đến trước 1930, tỉnh Quảng Nghĩa được chia thành 6 phủ huyện ở đồng bằng (Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ) và 4 châu ở miền núi (Trà Bồng, Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ) và nha Lý Sơn (đảo Lý Sơn). Đảo Hoàng Sa trước 1945 cũng thuộc tỉnh Quảng Nghĩa.

Trực thuộc các phủ, huyện, châu, nha ấy có 19 tổng, 403 làng ở đồng bằng (kể cả 2 làng ở đảo Lý Sơn) và 16 tổng, 209 sách (như làng) ở miền núi (2).

Cho đến trước cách mạng tháng Tám 1945, đời sống kinh tế trong tỉnh Quảng Nghĩa vẫn là một nền kinh tế tiểu nông phân tán, tự túc, tự cấp, công thương

(1) *Đại Nam nhất thống chí*, quyển 2.

(2) *Quảng Nghĩa tỉnh chí*, báo Nam Phong, 1933, do Nguyễn Bá Trác chủ trương. Khiếu Hữu Kiều, Nguyễn Trâm, Phan Đình Thi biên soạn, Thư viện Nghĩa Bình sao lại tập đánh máy. trang-52.



Bản đồ tỉnh Quảng Nghĩa

ng nghiệp đến trước cách mạng tháng Tám hầu như chẳng có gì (1).

Hơn 650.000 dân trong tỉnh, đại bộ phận là nông dân, sống nhờ vào nghề trồng cây lương thực (lúa, khoai lang, sắn (củ mì), ngô...) và cây công nghiệp (mía, quế, cau, thuốc lá, bông và những nghề thủ công như nghề làm đường (năm 1932, sản xuất được 12.000 tấn), dệt vải trong từng gia đình, đan lát, tre, mây...

Quảng Nghĩa là tỉnh có ít ruộng đất mà dân lại đông. Theo số liệu thống kê trong đợt giảm tô sau năm 1950, tỉnh Quảng Nghĩa có 135.579 mẫu (4.970 m²) ruộng đất, trong đó ruộng đất tư chiếm 110.000 mẫu, ruộng đất công trên 25.000 mẫu (18%). Trong số 110.000 mẫu ruộng đất tư ấy, địa chủ chiếm 9.467 mẫu (7%), phú nông

(1) Trước năm 1945, cả tỉnh Quảng Nghĩa chỉ có một nhà máy điện dùng thắp cho thị xã (độ 2000—3000 dân); một xưởng sửa chữa tàu hỏa có độ 60 công nhân và một xưởng sửa chữa ô tô của tư nhân có 5-6 công nhân; một số lò nấu đường phèn, đường phôi ở Vạn Tường (Tư Nghĩa) làm theo kiểu thủ công; một số nấu muối ở Sa Huỳnh (Đức Phổ) và một lò nấu rượu của Tây đặt ở làng Phú Nhơn (Sơn Tịnh) mỗi năm sản xuất được 165.568 lít (1929). Ở Thu Xà (Tư Nghĩa) có một số nhà buôn Hoa Kiều, trong số đó có một vài nhà làm đại lý, còn lại là tiểu thương, tiểu chủ.

Quảng Nghĩa còn có nghề dựng bờ xe nước tưới ruộng, mỗi bờ xe có 5-7 thợ xe. Cả tỉnh trước năm 1930 có 96 bờ xe nước, (Sơn Tịnh có 29 bờ, có 6 bờ xe 10 bánh, 19 bờ xe 9 bánh. Tư Nghĩa có 24 bờ, có 4 bờ xe 10 bánh, 8 bờ xe 9 bánh; Mộ Đức có 25 bờ; Nghĩa Hành có 18 bờ).

Theo Quảng Nghĩa tỉnh chí — 1933 — Đã dẫn.

chiếm 13.551 mẫu (11%) nhà chung chiếm 16.633 mẫu (12%), nhà chùa chiếm 137,7 mẫu (0,1%), Pháp chiếm 304 mẫu (0,22%) (1). Còn ruộng đất công, về nguyên tắc phải đem phân cấp cho toàn thể tráng đinh (18 tuổi trở lên) trong làng, song trong thực tế thì bọn quan lại, cường hào, ác bá địa phương đã tìm mọi cách bao chiếm, phát canh thu tô hết những ruộng đất tốt, còn số « xương xẩu » mới đem chia cho nông dân cày cấy (2).

(1) Theo Quảng Nghĩa tỉnh chí, 1933, đã dẫn, thì số chủ điền trong tỉnh trước 1930 có:

- Từ 10 - 20 mẫu là 568 chủ
- Từ 20 - 50 mẫu là 170 chủ
- Từ 60 - 100 mẫu là 35 chủ
- Từ 100 mẫu trở lên có 9 chủ

- Theo tài liệu của đồng chí Hồ Thiết, nguyên Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến hành Chính Quảng Nghĩa và đồng chí Cao Kỳ, nguyên cán bộ nông hội trong thời giám tô, sau 1950 thì cách tính địa chủ là những người có chiếm ruộng đất phát canh thu tô. Với tiêu chuẩn này thì số địa chủ chiếm dưới 10 mẫu nhiều hơn số địa chủ chiếm từ 10 mẫu trở lên. Số địa chủ chiếm trên 100 mẫu gồm có: Nguyễn Hy (con Nguyễn Thân) ở Nghĩa Hòa chiếm 600 mẫu, Nguyễn Thượng Hiền (Tân Hội, Đức Phổ) chiếm 485 mẫu, Nguyễn Tiên (con Bang Trinh) ở Hành Phong chiếm 348 mẫu, Phan Quang Thọ ở Sơn Tịnh chiếm 285 mẫu, Nguyễn Thảo (Nghĩa Hòa, Tư Nghĩa) chiếm 131 mẫu, Phan Quang Chương (Hành Phước, Nghĩa Hành) 125 mẫu, Phùng Đức Siêng (Tịnh Hiệp, Sơn Tịnh) chiếm 114 mẫu, Võ Bật (Tịnh Hiệp, Sơn Tịnh) chiếm 100 mẫu v.v...

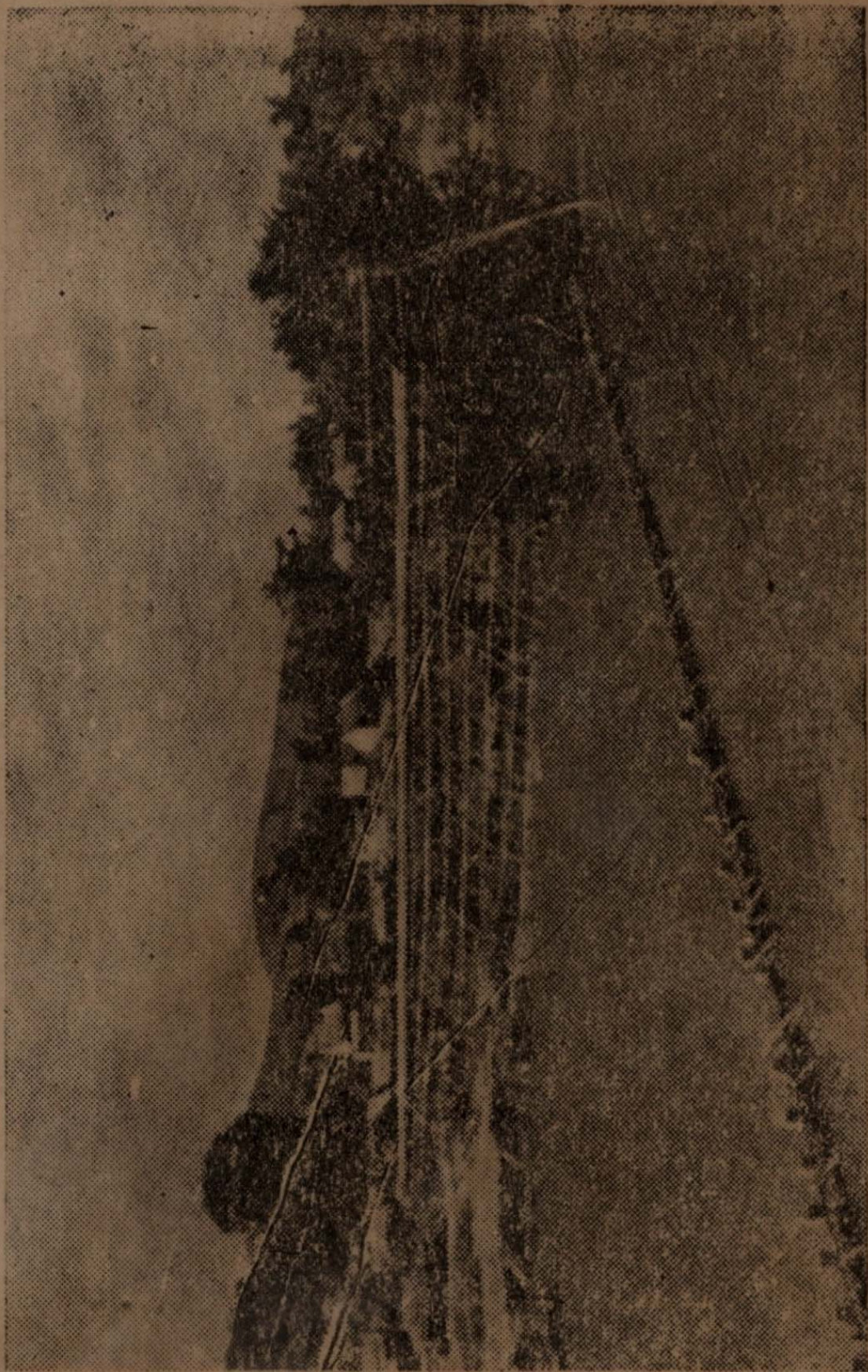
(2) Theo đồng chí Hồ Thiết thì số ruộng đất công bị bao chiếm làm của riêng hay là của nhà thờ các họ lớn là 22.460 mẫu (sau 1950).

Trong tỉnh, trước 1945 chỉ có 1 rạp chiếu bóng, 1 nhà hát tuồng (của tư nhân) ở thị xã. Ngoài ra không có một nhà in, nhà xuất bản nào. Báo chí thì mãi đến 1938 mới có tạp chí *Cầm Thành* của Nguyễn Đình Nhơn ra được hai số thì chết.



Dân cư trong tỉnh Quảng Nghĩa gồm có các dân tộc người Việt (Kinh), người Hre (hay Chăm Re), người Cor và người Cà dong. nguồn gốc của những dân tộc dân cư ấy gồm có người ở bản địa và người Việt gốc ở miền Bắc Việt Nam, do những hoàn cảnh khác nhau (1)

(1) Nói do những hoàn cảnh khác nhau là nói: ngoài những nông dân nghèo khổ ở miền Bắc tự động di cư vào Nam để làm ăn (*Lịch sử Việt Nam*, tập 1, nhà xuất bản khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, trang 330). Những nông dân nổi loạn trong các triều đại Đại Việt, sau khi bị thất bại tự tìm vào ẩn náu ở miền Bắc, có: -1 là do quân Chiêm Thành đánh vào đất Việt rồi bắt người Việt mang về (theo *sơ thảo lịch sử Việt Nam* của Văn Tân và Phan Huy Lê 1963, trang 75, 79), -2 là nguồn tù binh do quân chúa Nguyễn đánh thắng quân Trịnh bắt mang về Nam (theo *Đại Nam thực lục tiền biên*, quyển 3, bản dịch của Viện Sử học, Hà nội), hay như trong cuộc giao tranh Trịnh-Nguyễn năm 1653-1657, quân Nguyễn chiếm được 7 huyện của xứ Nghệ An, khi rút về phía Nam quân Nguyễn đã bắt cả dân 7 huyện đem về an ấp ở các miền Thang Hoa, Từ Nghĩa (theo Huỳnh Lứa trong *tạp chí Nghiên cứu lịch sử* số 3 (180) tháng 5 và 6/1978) - 3 là do triều đình nhà Hồ đưa dân vào lập ấp khẩn hoang (Theo *tạp chí Nghiên cứu lịch sử* số 3 đã dẫn, lấy từ *Đại Việt sử ký toàn thư*, trang 231 - 240) hay là do nhà Lê đày những người bị tội tù vào các vùng đất mới để khai khẩn, (theo Phan Khoang trong *Việt sử xứ đàng trong*, Khai trí, Sài Gòn, xuất bản, 1970...)



Núi Ấn - sông Trà, một trong những cảnh đẹp nổi tiếng của tỉnh Quảng Nghĩa.

di cư đến ở đây. Những dân di cư vào ở vùng đất Quảng Nghĩa (cũng như vào các tỉnh «đàng trong» khác), tuyệt đại bộ phận vốn là con cháu của nông dân trong những thế kỷ trước, đã từng tham gia nhiều cuộc kháng chiến chống quân xâm lược từ phương Bắc đến (Tần, Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh) để bảo vệ tổ quốc, giải phóng dân tộc, đã từng lao động cần cù chống lại thiên nhiên khắc nghiệt để xây dựng đất nước quê hương. Vì thế, khi đến quê hương mới, dù phải sống và chiến đấu trong một hoàn cảnh vô cùng khó khăn, gian khổ, xa nơi «chôn nhau cắt rốn», song tình quê hương đất nước, ý thức bảo vệ dân tộc... vốn đã thấm sâu vào trong tâm hồn họ, chẳng những không phai nhạt đi mà càng phát triển mạnh mẽ thêm!

Tại quê hương mới, người dân Việt vừa di cư đến đã hòa hợp với dân bản địa kết thành một bộ phận mới của dân tộc Việt Nam. Trong những vùng đất mới khai phá đó, dân cư đã cùng dân bản địa lập hợp nhau lại trong những làng, xóm, trại «tổ chức theo kiểu công xã nông thôn» ở miền Bắc từ bao đời nay để tự đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau trong đấu tranh với thiên nhiên và đấu tranh xã hội đầy thử thách ác liệt (1). Trong những làng xóm mới kiểu «công xã nông thôn» ấy, người dân Việt di cư và dân bản địa đã chung góp công sức và trí tuệ lo lập thể làm ăn, từng bước «khai hoang lập ấp», xây dựng từng mảnh vườn từng thửa ruộng, cánh đồng, làm vốn sống cho mỗi gia đình và cho cả làng (ruộng đất công). Họ đã khéo hòa hợp các phong tục, tập quán, kiểu cách, kỹ thuật

(1) *Lịch sử Việt Nam*, tập 1, nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, trang 294.

lạm ăn mà người di cư đã mang từ quê hương cũ của họ ở miền Bắc vào, cùng hợp thành một bộ phận có sắc thái mới trong nền văn hóa Việt Nam (1). Làng tại quê mới vẫn là cơ sở của xã hội, của đất nước, vẫn là nơi mà nhân dân lao động cố kết nhau, đùm bọc nhau để sinh tồn như làng xưa ở « quê cha đất tổ ».

Trong quá trình đấu tranh với thiên nhiên, đấu tranh với xã hội để khai phá, xây dựng và bảo vệ quê hương mới, nhân dân Quảng Nghĩa đã từng tham gia phong trào đấu tranh chống áp bức do ông Linh cầm đầu (1695) và cuộc khởi nghĩa do ông Lia khởi xướng ở Qui Nhơn vào thế kỷ thứ XVIII (2). Đặc biệt là đã tham gia phong trào quật khởi của giai cấp nông dân thời kỳ Tây Sơn vùng lên lật đổ các tập đoàn phong kiến cát cứ của họ Nguyễn, họ Trịnh và tiếp theo đó đã dập tan cuộc xâm lược của triều Mãn Thanh (Trung Quốc) để giải phóng đất nước, khôi phục nền thống nhất quốc gia, bảo vệ toàn vẹn nền độc lập của Tổ quốc, của dân tộc.

Những truyền thống đấu tranh với thiên nhiên và đấu tranh trong xã hội lâu dài ấy đã rèn đúc cho người dân Quảng Nghĩa đức tính cần cù, nhẫn nại, luôn luôn đấu tranh vượt quá những khó khăn trở ngại để tự tồn, tự lập một ý chí đấu tranh bền bỉ bất khuất chống lại mọi thù trong, giặc ngoài, quyết giành thắng lợi.

Từ khi thực dân Pháp đến xâm chiếm nước ta, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Quảng Nghĩa đã bền bỉ chiến đấu với quân thù, phong trào trước thất bại, phong trào sau lại rút kinh nghiệm đề rồi tiếp tục nổi dậy. Người trước ngã, người sau lại tiếp tục xốc tới. Ngọn cờ yêu nước chống Pháp xâm lược luôn luôn

(1,2) Lịch sử Việt Nam, tập I, đã dẫn, trang 322 và 333.

được giương cao, dẫn dắt ~~nhân dân~~ Quảng Nghĩa kiên trì đấu tranh sống chết với quân thù, góp phần cùng nhân dân cả nước đánh đuổi thực dân Pháp (và phát xít Nhật) giành lại độc lập tự do cho Tổ quốc thân yêu.

Những phong trào đấu tranh chống Pháp ấy, khi thì theo chủ nghĩa phong kiến, lúc thì theo những quan điểm dân chủ tư sản, và sau cùng thì chiến đấu dưới ngọn cờ yêu nước và dân chủ của chủ nghĩa Mác—Lê nin dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, đội tiên phong của giai cấp công nhân. Giữa các phong trào ấy, mỗi phong trào trong từng giai đoạn khác nhau, đều có màu sắc, quan điểm tư tưởng, đường lối, chủ trương, chính trị, phương pháp đấu tranh và ngọn cờ lãnh đạo khác nhau, song cũng giữa các phong trào ấy, những phong trào sau đều có sự học hỏi, chọn lọc kế thừa những di sản, những bài học từ các phong trào trước, và giữa các phong trào chống Pháp trong tỉnh, dù là theo chủ nghĩa, đường lối nào, đều cùng có một sợi chỉ đỏ là lòng yêu nước thương nòi, chí căm thù quân cướp nước và lũ bán nước cao độ, là ý chí quyết giành cho được độc lập, tự do cho Tổ quốc, cho dân tộc xuyên suốt, nối liền và gắn chặt các phong trào đó với nhau rất là bền vững. Lòng yêu nước, chí căm thù quân cướp nước và bán nước và ý chí độc lập, tự do ấy đã nung nấu, rèn luyện tâm can và tài năng từng thế hệ, từng con người cách mạng trong tỉnh, đoàn kết họ lại thành những khối vững chắc, sẵn sàng vượt muôn ngàn khó khăn, ác liệt, người trước ngã, kẻ sau tiến lên, nhiều thế hệ nối tiếp đấu tranh sinh tử với quân thù, góp phần cùng nhân dân cả nước giành cho kỳ được độc lập, tự do cho Tổ quốc, cho dân tộc Việt Nam.

PHẦN MỘT

PHONG TRÀO “CẦN VƯƠNG,, CHỐNG PHÁP TRONG TỈNH QUẢNG NGHĨA (1885 – 1896)

Thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản đã trở thành chủ nghĩa đế quốc, đua nhau đi xâm chiếm thuộc địa, giành giật thị trường, đoạt nguyên liệu, bòn rút nhân công rẻ mạt cho nền kinh tế tư bản của chúng.

Từ ngày giúp Nguyễn Ánh (Gia Long) chống lại phong trào Tây Sơn, tư bản Pháp đã có dã tâm xâm chiếm Việt Nam. Ngày 27/6/1859 hạm đội Pháp và Tây Ban Nha đánh phá Đà Nẵng, Pháp bắt đầu cuộc xâm chiếm Việt Nam.

Lợi dụng sự ương hèn, bất lực của triều đình nhà Nguyễn, Pháp đã dùng chính sách chinh phục «khuân từng gói nhỏ» (système de conquête par petits paquets) (1) với chiến thuật vừa tấn công quân sự, uy hiếp từ bên ngoài, vừa dùng tay sai phá rối từ bên trong (như vụ cố đạo Pellerin và quan năm Charner đã xúi dục Tạ Văn Phụng nổi loạn ở Bắc năm 1861 để phối hợp với quân Pháp đánh chiếm miền Bắc Việt Nam. Kết hợp các đòn tiến công về quân sự, chính trị, ngoại giao, đến tháng 6/1864, Pháp đã buộc triều đình Huế ký hiệp ước Pa-tơ-nốt, công nhận quyền bảo hộ của Pháp đối với Việt Nam.

(1) Đặng Thai Mai, *Thơ văn cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX* văn học giải phóng, 1976, trang 13.

Trong quá trình Pháp xâm chiếm Việt Nam, nhân dân Việt Nam không ngừng nổi dậy chống Pháp xâm lược. Trước hết là những cuộc khởi nghĩa của đồng bào Nam Bộ từ 1860 đến 1866, nổi tiếng nhất là các cuộc khởi nghĩa của các ông Trương Định (1) ở Gò Công, ông Nguyễn Trúng Trục ở Tân An v.v. và các phong trào chi viện đồng bào miền Nam chống Pháp (như phong trào các nhân sĩ Nghệ Tĩnh tự tổ chức nghĩa quân kéo vô chi viện cho đồng bào phía Nam kháng chiến v.v.). Ngoài ra còn có các phong trào quần dân các địa phương miền Trung, miền Bắc trực tiếp đứng lên kháng chiến mỗi khi bị Pháp đánh đến như Đà Nẵng, Hà Nội v.v...

Những phong trào chống Pháp đó đã cổ vũ các lực lượng yêu nước trong tỉnh Quảng Nghĩa rất nhiều.

Nhưng trước khi tai họa bị Pháp xâm lược đó, triều đình nhà Nguyễn, đứng đầu là vua Tự Đức, thì ương hèn, bất lực, chia rẽ, bè phái, liên tục nhượng bộ rồi đi đến đầu hàng giặc Pháp, để đất nước Việt Nam phải rơi từng miếng vào miệng của lũ sói lang ngoại xâm.

Năm 1883, sau khi Tự Đức chết, với cương vị Thượng thư bộ binh, Tôn Thất Thuyết đã khống chế được triều đình, tôn Hàm Nghi lên làm vua, đã bắt đầu tổ chức

(1) Trương Định gốc ở làng Tư Cung, phủ Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Nghĩa, là con trai ông Vệ Ủy hữu thủy Vệ Trương Cầm. Năm kỷ mùi (1859) ông Trương Định đã lãnh đạo nhân dân vùng Gò Công nổi lên chống Pháp, sau khi được nhân dân tôn lên làm « Bình Tây đại Nguyên soái, Trung Thiên tướng quân ». Ông Trương Định đã hy sinh ngày 19/7 năm giáp Tý (20/8/1861). Sau khi ông hy sinh, vợ ông là bà Lê Thị Thượng người Tân Hòa, Tân An đã về ở quê chồng, được nhân dân Tư Cung kính trọng và bảo dưỡng chu đáo.

sắp xếp lực lượng còn lại của triều đình để chuẩn bị kháng chiến chống Pháp. Cụ thể là :

— Trong một số tỉnh ở miền Trung còn thuộc triều Huế, về danh nghĩa, phe chủ chiến đã tổ chức ra « Nghĩa hội » để tập hợp lực lượng « Cần vương » chống Pháp.

— Bố trí những nhân vật « chủ chiến » nắm các lực lượng vũ trang còn lại của triều đình, đặc biệt là các lực lượng Sơn phòng đang chiếm lĩnh các vùng rừng núi Trung bộ để tạo thế dựa cho lực lượng kháng chiến chống Pháp lâu dài (1).

— Gấp rút tổ chức và huấn luyện các lực lượng « Phấn nghĩa Cần Vương » gồm có quân « Đoàn Kiệt » và đội « hương binh » trong khắp các tỉnh miền Trung sẵn sàng nổi dậy chống Pháp khi có thời cơ.

Ngoài ra, Tôn Thất Thuyết còn phái Phạm Thân Duật sang cầu viện với nhà Thanh, cầu mong nhà Thanh ủng hộ cho Việt Nam chống Pháp (1)...

Các phong trào Cần vương chống Pháp ở Quảng Nghĩa đã nổ ra trong bối cảnh lịch sử ấy.

1- CUỘC KHỞI NGHĨA CỦA ÔNG LÊ TRUNG BÌNH (1885)

Theo chủ trương của phe chủ chiến do Tôn Thất Thuyết đứng đầu, các lực lượng yêu nước chống Pháp

(1) Tôn Thất Thuyết đã bố trí các ông Phan Đình Phùng làm tham biện sơn phòng Nghệ An, ông Trần Văn Dục làm sơn phòng Quảng Nam và ông Tri phủ Nguyễn Tạo làm tiền phủ sứ nắm lực lượng Sơn phòng Quảng Nghĩa, Bình Định

(2) Trịnh Văn Thanh *Thành ngữ điển tích danh nhân từ điển*, Sài Gòn, 1966.

ở Quảng Nghĩa tập hợp trong « Nghĩa hội Cần Vương » do Lê Trung Đình đứng đầu, tích cực chuẩn bị lực lượng để kháng chiến chống Pháp. Trong Nghĩa hội chia ra « văn hội » và « võ hội ». Văn hội (Văn thân) gồm các giới quan lại, những nhân vật có khoa bảng, văn bằng và những thân hào có thế lực. Võ hội gồm những võ quan tại chức hoặc hưu trí, những người có bằng võ cử và các võ sĩ có tiếng... Dựa vào võ hội, Nghĩa hội đã tổ chức ra đội quân « đoàn kiệt » (gồm những người biết võ nghệ) và các đội « hương binh » trong các làng xã sẵn sàng ứng nghĩa Cần vương, Ông Lê Trung Đình được cử giữ chức chánh quản hương binh, các Ông Nguyễn Tự Tân, Vũ Hội làm phó quản hương binh (1) trong tỉnh.

Công việc phản nghĩa Cần Vương trong tỉnh Quảng Nghĩa đang được tích cực chuẩn bị thì ngày 23/5 năm Ất Dậu (5/7/1885), Pháp đánh chiếm kinh đô Huế, Tôn Thất Thuyết đem vua Hàm Nghi chạy khỏi kinh thành và ban chiếu « Cần vương ».

Sau khi kinh đô thất thủ và vua Hàm Nghi chạy khỏi kinh thành hai ngày thì ở Quảng Nghĩa mới biết tin (2).

(1) Việt Nam những sự kiện lịch sử tập I, 1885 – 1896, NXB khoa học xã hội Hà Nội, 1981, trang 264. Ông Nguyễn Tự Tân thi đỗ tú tài, người làng Phước Thọ, Trung Sơn, phủ Bình Sơn, tỉnh Quảng Nghĩa, nguyên là một quan chức trong quân Sơn phòng ở Quảng Nghĩa.

Ông Vũ Hội chúng tôi chưa rõ lý lịch.

(2) Theo tài liệu cụ Nguyễn Công Phương kể, do Hải Phương ghi, hiện lưu trữ tại Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Nghĩa Bình.

Nghĩa hội Quảng Nghĩa đã gấp rút huy động lực lượng nổi dậy hưởng ứng Cần Vương.

Ngày 1-6 năm Ất Dậu (13-7-1885) các ông Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, Vũ Hội đã kéo lực lượng Đoàn Kiệt và hương binh về tỉnh thành đòi tỉnh cấp khí giới, lương ăn cho nghĩa quân để cùng chống Pháp, cứu nước. Nhưng quyền bố chánh là Duy Thụy, quyền án sát là Nguyễn Văn Dụ lấy cớ là hương binh chỉ có nhiệm vụ canh phòng trong làng xóm, không phải như quân tỉnh nên không chịu cấp khí giới, lương thực cho hương binh (1). Lập tức các ông Lê Trung Đình... đã vận động được các ông thành thủ ủy là Nguyễn Côn, hiệp quản Trần Tu hưởng ứng cuộc khởi nghĩa (2). Và ngay trong đêm 1-6 năm Ất Dậu ấy, các ông Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân... đã xuất lĩnh hơn 3.000 nghĩa quân (bao gồm quân « Đoàn Kiệt », hương binh và các hội viên Nghĩa hội) kéo về làm lễ tế cờ tại bãi cát ở sông Trà khúc, trước mặt đền Văn miếu Quảng Nghĩa, thuộc địa phận làng Phú Nhơn, Phủ Sơn Tịnh. Sau lễ tế cờ, nghĩa quân chia làm 3 đạo vượt sông Trà Khúc, phối hợp với quân đang trú trong tỉnh thành do các ông Nguyễn Côn, Trần Tu chỉ huy làm nội ứng cùng tấn công chiếm lĩnh tỉnh thành, bắt giam bọn Lê Duy Thụy, Nguyễn Văn Dụ (3), tịch thu ấn triện, thả

(1) và (2) *Việt Nam những sự kiện lịch sử*, đã dẫn, trang 264.

(3) Theo Phạm Trung Việt, trong *Non nước xứ Quảng*, in lần thứ 2, thì cuộc khởi nghĩa của ông Lê Trung Đình đã bắt được bố chánh Lê Đoan, và theo Phan Ngọc Liên trong bài « Vai trò và bước chuyển biến của sĩ phu yêu nước Quảng Nghĩa » đăng trong tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 2, 1978 (179) thì án sát Tôn Thất Lữ đã chạy thoát. Ở đây chúng tôi viết theo *Việt Nam những sự kiện lịch sử*, đã dẫn, trang 264.

tù phạm, tịch thu các kho vũ khí để trang bị cho nghĩa quân, lo tổ chức phòng giữ tỉnh thành, chuẩn bị phát động phong trào Cần vương ra toàn tỉnh.

Nhưng cuộc khởi nghĩa đã bị tên Nguyễn Thân giữ chức quyền Tiều phủ sứ Sơn phòng Nghĩa Định, nguyên là một thành viên trong nghĩa hội Cần vương ở Quảng Nghĩa phản bội. Nguyễn Thân đã một mặt cho quân đi lừa giết ông Nguyễn Tạo (1), mặt khác, qua sự mô giới của tên cố đạo Thiên chúa ở nhà thờ Tam Quan (Bình Định) là Đặng Đức Tuần, vào đầu hàng giặc Pháp vừa mới đổ bộ lên Qui Nhơn, nhận của Pháp 500 súng nạp hậu, đem quân quay về đánh bại nghĩa quân của ông Lê Trung Đình. Sự phòng thủ của nghĩa quân ở trong tỉnh thành Quảng Nghĩa bị phá vỡ. Bảy thủ lĩnh của nghĩa quân trong đó có Nguyễn Tự Tân đã bị tử trận, ông Lê Trung Đình bị bắt vào ngày 5-6 năm Ất Dậu (17-7-1885).

Bắt được ông Lê Trung Đình, Pháp và bọn Nguyễn Thân hết sức dụ hàng. Song trước sau ông vẫn khẳng khái cam chịu hy sinh, không chịu khuất phục, ông Lê Trung Đình đã bị giặc Pháp và bọn Nguyễn Thân xử chém tại phía Bắc tỉnh thành Quảng Nghĩa ngày

(1) Ông Nguyễn Tạo, cử nhân, người làng An Đại (nay thuộc xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ). Thời Tự Đức, ông làm tri phủ phủ Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ. Trước 1885, đã được Tôn Thất Thuyết bổ nhiệm về giữ chức tiều phủ sứ Sơn phòng Nghĩa Định (trước đó chức tiều phủ sứ do Huỳnh Quang giữ) để lo việc kháng Pháp. Song không may mẹ ông Nguyễn Tạo chết, nên ông phải xin về nhà cử tang một thời gian. Khi cuộc khởi nghĩa của ông Lê Trung Đình nổ ra, Nguyễn Thân đã mời ông Tạo về Sơn phòng bàn việc quân. Khi vớng ông đến cầu Mương Găng (ở phía Nam cầu Trà cầu một đoạn) thì ông bị chúng giết chết.

11-6-năm Ất Dậu (23-7-1885) (1).

Trước khi vĩnh biệt đất nước, ông Lê Trung Đình có bài thơ tuyệt mệnh, chúng tôi xin tạm dịch:

Hôm nay còn trong ngục,

Sáng mai đã hy sinh,

Thân này nào đáng tiếc,

Thương vận nước gặp ghèn! (2)

Lê Trung Đình con cụ cử nhân Lê Trung Lương, học trò cụ cử nhân Nguyễn Duy Cung (3), sinh năm

(1) Theo tài liệu Nguyễn Công Phương, Hải Phương ghi, đã dẫn, thì ông Lê Trung Đình bị xử tử ngày 6 tháng 6 năm Ất Dậu. Sống ngày giỗ ông Lê Trung Đình hàng năm tại nhà thờ họ Lê ở xã Tịnh Ấn, Sơn Tịnh do cháu, chất ông Lê Trung Đình quản giữ là ngày 11 tháng 6 âm lịch. Chúng tôi viết theo ngày giỗ tại nhà thờ kể trên.

(2) Nguyên văn chữ Hán:

Kim nhật lung trung điều,

Mệnh tiêu tử thường ngư,

Thử thân hà túc tiếc,

Xã tắc ai kỳ khu!

Thơ chữ Hán theo bản in trong *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ XIX* (1885-1900), NXB Văn học, Hà Nội, 1976, trang 343

(3) Nguyễn Duy Cung người làng Vạn Tượng, phủ Tư Nghĩa Đàng cử nhân xong, cụ về nhà dạy học, rồi được bổ nhậm giữ chức thương biện Sơn phòng 4 năm. Ngày kinh thành Huế thất thủ, Cụ đã lãnh chức án sát Bình Định, vừa mới được 3 tháng thì được tin vua Hàm Nghi chạy khỏi kinh thành, ban chiếu Cần vương. Cụ đã lập tức đem bản bộ binh mã cùng các sĩ phu yêu nước tỉnh Bình Định khởi nghĩa chống Pháp. Nhưng ít lâu sau đó cụ bị tên Tổng đốc Bình Định là Lê Bá Thân phản bội đầu hàng Pháp, bắt giam. (Theo Phạm Trung Việt, *Non nước xứ Quảng*, in lần thứ hai). Trước khi bị giặc hành hình, cụ Nguyễn Duy Cung viết bài « Bình thành cáo thị » nổi tiếng (xem *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ XIX* đã dẫn). Cụ đã bị giặc Pháp và bọn Lê Bá Thân xử chém ngày 1 tháng 7 năm Ất Dậu (12-8-1885). (Theo Lê Trọng Khánh, trong *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ XIX*, đã dẫn.

1863 tại làng Phú Nhơn, Phú Sơn Tĩnh (xưa thuộc phủ Bình Sơn), đậu cử nhân khoa Nhâm ngọ tại trường thi Bình Định (1882)

Thế là cuộc khởi nghĩa Cần vương chống Pháp đầu tiên trong tỉnh Quảng Nghĩa do ông Lê Trung Đình lãnh đạo vừa bùng lên được 6 ngày đã bị tan vỡ. Cuộc khởi nghĩa ấy bị thất bại, song đã lập nên một chiến công lớn là *giương cao ngọn cờ chống Pháp cứu nước cho nhân dân Quảng Nghĩa noi theo*. Ngọn cờ chống Pháp cứu nước của cuộc khởi nghĩa và tấm gương yêu nước bất khuất của các lãnh tụ cuộc khởi nghĩa mãi mãi là nguồn động viên, cổ vũ cho phong trào yêu nước, chống Pháp của nhân dân Quảng Nghĩa.

II — CUỘC KHỞI NGHĨA CỦA ÔNG NGUYỄN BÁ LOAN (1885 — 1888)

Sau khi cuộc khởi nghĩa Cần vương do ông Lê Trung Đình lãnh đạo bị thất bại, một số lãnh tụ trung kiên trong nghĩa hội Cần vương còn lại, đứng đầu là ông Nguyễn Bá Loan (1), Tôn Tường (2) và Nguyễn Hạnh (3)

(1) Nguyễn Bá Loan, còn gọi là Ấm Loan, con trai của Thượng thư Nguyễn Bá Nghi, người làng Lạc Phố, xã Đức Thắng, phủ Mộ Đức. Sau khi cuộc khởi nghĩa năm 1886 — 1888 thất bại, ông lánh vào đồng bằng sông Cửu long ẩn mình. Năm 1904 lại trở về Quảng Nghĩa cùng ông Lê Đình Cần phát động phong trào Duy Tân trong tỉnh. Phong trào khát thuế nổi lên, ông bị thực dân Pháp bắt và xử chém tại thành Quảng Nghĩa.

(2) Người làng Đông Dương, xã Tịnh Ấn, phủ Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Nghĩa.

(3) Theo Nguyễn Công Phương, tài liệu đã dẫn.

đã cùng nhau lo tập hợp lực lượng của phong trào thời ông Lê Trung Đình còn lại và tổ chức thêm lực lượng mới, liên kết với phong trào Cần vương Quảng Nam do ông Nguyễn Duy Hiệu (Hương Hiệu) đứng đầu và phong trào Cần vương Bình Định do các ông Mai Xuân Thưởng, Bùi Điền đứng đầu để cùng tiếp tục sự nghiệp Cần vương chống Pháp và bọn vua quan bù nhìn làm tay sai cho Pháp lúc bấy giờ. Cờ hiệu của nghĩa quân của Nguyễn Bá Loan màu đỏ, có 7 chữ vàng «TIÊU TẶC, TRỪ GIAN, BÌNH QUỐC, LOẠN» (nghĩa là quét trừ lũ giặc và tay sai, làm yên loạn nước) (1).

Sau một thời gian chuẩn bị, tháng 12-1885, nghĩa quân Quảng Nghĩa do ông Nguyễn Bá Loan chỉ huy đã phối hợp với nghĩa quân Cần vương Bình Định do ông Bùi Điền chỉ huy cùng tấn công chiếm đồn Lỗ Thục (2) của quân Sơn phòng. Cuối tháng 1, đầu tháng 2-1886, dưới sự chỉ huy của Nguyễn Bá Loan, Bùi Điền, Đặng Đề (3), nghĩa quân Cần vương Quảng Nghĩa - Bình Định đã phối hợp đồng thời tấn công vào tỉnh Quảng Nghĩa và vào sở chỉ huy của quân Sơn phòng ở đồn Vạn Lý (nay gọi là đồn Đức Phổ) thuộc cơ nhứt của

(1) Phạm Ngọc Liên trong bài «Vai trò và những bước chuyển biến của sĩ phu yêu nước Quảng Nghĩa trên con đường chống Pháp», *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 2, 1978 (179).

(2) Theo *Việt Nam những sự kiện lịch sử*, đã dẫn, trang 273 nói «Lão thuộc», song «Lỗ Thục» mới đúng. Đồn này hiện còn dấu tích ở vùng An Đỗ, xã Hoài Sơn, huyện Hoài Nhơn.

(3) Theo *Quảng Nghĩa tỉnh chí*, đã dẫn nói là Trần Cang.

Sơn phòng quân (1). Tháng 8-1886, nghĩa quân Cần vương Quảng Nghĩa, Bình Định, Quảng Nam lại phối hợp cùng tấn công vào sở chỉ huy của quân Sơn phòng ở Cơ nhứt ở phía Nam vào phủ lý Bình Sơn ở phía Bắc Quảng Nghĩa. Trong trận tấn công vào Cơ nhứt, hai bên đánh nhau rất ác liệt, quân Sơn phòng bị thiệt hại nặng, nhưng nghĩa quân cũng hy sinh mất Đề Đốc Búa, Lãnh Binh Tích và Lãnh Binh Lư (2). Sau trận này, Pháp phải tăng viện cho Nguyễn Thân 200 súng và một vạn viên đạn để phòng giữ các đồn Sơn phòng (3). Trong trận tấn công vào phủ lý Bình Sơn (4), nghĩa quân Quảng Nghĩa và nghĩa quân Quảng Nam do hai ông Trần Hoàn và Tôn Cường (người Quảng Nghĩa) trực tiếp chỉ huy (5) đã đánh nhau với quân của Nguyễn Thân một trận dữ dội tại địa phận làng Yên Tri, giết được tướng giặc là Lê Thuyên (6), buộc Nguyễn Thân phải đốt cầu mà chạy. Từ đó cầu này gọi là Cầu Cháy.

Phong trào Cần vương do Nguyễn Bá Loan cầm đầu hoạt động được 3 năm. Trong 2 năm 1887—1888, nghĩa quân Cần vương bị quân Pháp và quân Sơn phòng của Nguyễn Thân liên tục phản kích, làm cho thế lực của nghĩa quân càng hao mòn và tan vỡ.

(1); (2), (3) và (4) *Việt Nam những sự kiện lịch sử*, đã dẫn, trang 273, 294.

(5) *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam tập IV*, Nhà xuất bản Văn hóa Hà Nội, 1963, chú thích theo bài ngoại liệt truyện.

(6) Theo Phan Ngọc Liên trong tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 2/1978 (179) nói là « giết được tướng giặc Lê Thuyên ». *Quảng Nghĩa tỉnh chí*, đã dẫn, (bản đánh máy do thư viện Nghĩa Bình ở Qui Nhơn sao lại, trang 45) nói là « giết được lãnh binh Trần Giã ».

Thế là cuộc khởi nghĩa Cần vương chống Pháp lần thứ hai của các sĩ phu yêu nước trong tỉnh Quảng Nghĩa lại bị thất bại.

III - CUỘC KHỞI NGHĨA CỦA ÔNG THÁI THỨ (1894)

Sau khi cuộc khởi nghĩa của ông Nguyễn Bá Loan bị thất bại, ông Thái Thứ (1) và những đồng chí trung kiên của ông như Tôn Đỉnh (2), Nguyễn Vĩnh (3), Bạch Văn Vĩnh (4) v.v... tiếp tục bí mật tập hợp, tổ chức lại lực lượng yêu nước trong tỉnh và kết liên với phong trào Cần vương do cụ Phan Đình Phùng đứng đầu ở Nghệ Tĩnh (5) để chuẩn bị cho một cuộc khởi nghĩa chống Pháp và tay sai.

Trước khi cuộc khởi nghĩa nổ ra, những người lãnh đạo phong trào đã cùng nhau vạch định kế hoạch cho cuộc vận động chống Pháp, cứu nước là: một mặt

(1) Ông Thái Thứ là bộ tướng của Nguyễn Bá Loan, người Trấn Thu Xà, phủ Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Nghĩa.

(2) Tôn Đỉnh thi đậu cử nhân, người làng Đông Dương, xã Tĩnh Ấn, phủ Sơn Tịnh, Quảng Nghĩa.

(3) Nguyễn Vĩnh, tức « Cử Vĩnh » đậu võ cử nhân, người làng An Phú, xã Tĩnh Minh, phủ Sơn Tịnh, Quảng Nghĩa.

(4) Bạch Văn Vĩnh, còn gọi là Bạch Long (cha Bạch Quang Bạ) gốc người làng Mỹ Thịnh, xã Nghĩa Thắng, phủ Tư Nghĩa. Vợ ông Bạch Văn Vĩnh là em gái ông Cử Vĩnh. Sau khi cuộc khởi nghĩa của ông Thái Thứ thất bại, ông Bạch Long đã trốn về ẩn ở làng An Phú khá lâu, sau cùng ông đã bị bắt và bị chém cùng lần với các ông Nguyễn Hảo, Nguyễn Chờ đều là em trai của ông Nguyễn Vĩnh.

(5) *Quảng Nghĩa lĩnh chí*, đã dẫn, Thư viện Qui Nhơn tỉnh Quảng Bình đánh máy lại, trang 47.

phải mở cuộc bí mật vận động, tổ chức những người giàu lòng yêu nước, có quyết tâm chống Pháp, nhất là những người biết võ nghệ vào nghĩa hội, tổ chức thành các đội nghĩa quân bí mật để làm lực lượng trụ cột, xung kích cho cuộc khởi nghĩa sau này. Mặt khác, rút kinh nghiệm nội công ngoại kích trong cuộc khởi nghĩa do ông Lê Trung Đình lãnh đạo hồi 1885, các ông Thái Thú v.v... còn chủ trương xúc tiến tổ chức cơ sở bí mật trong hàng ngũ quân đội triều đình nhà Nguyễn để chuẩn bị cho chiến thuật « nội công ngoại kích » cùng tiêu diệt địch. Lực lượng cơ sở chống Pháp cứu nước trong quân đội triều đình nhà Nguyễn được gọi là « quân bạch lộ » (1).

Với kế sách ấy, sau một thời gian chuẩn bị tích cực đêm 7 rạng ngày 8 tháng 12 năm Giáp Ngọ (...1894) (2) cuộc khởi nghĩa đánh Pháp do ông Thái Thú cầm đầu bùng nổ. Theo kế hoạch thì cuộc khởi nghĩa tiến hành như sau :

— Cánh quân do ông Thái Thú chỉ huy sẽ phối hợp với quân « bạch lộ » đánh chiếm đồn Pháp đóng ở thôn Cồ Lũy (3) xong sẽ kéo lên chi viện cho cánh quân do ông Nguyễn Vĩnh chỉ huy đánh chiếm tỉnh Quảng Nghĩa

— Cánh quân do ông Nguyễn Vĩnh chỉ huy sẽ phối hợp với quân « bạch lộ » thành thế nội công ngoại kích

(1) Theo Nguyễn Công Phương thuật, Hải Phương ghi, đã dẫn.

(2) *Quảng Nghĩa tỉnh chí*, Thư viện Nghĩa Bình, trang 47.

(3) Cồ Lũy là một bán đảo ở bên phải của các dòng sông Trà, sông Vệ chảy ra biển. Ở đây có một thôn nổi tiếng là « Cồ lũy cô thôn » trong « Cầm thành tập cảnh » (mười cảnh đẹp ở Quảng Nghĩa). Đến 1894, Pháp đã tổ chức một đồn thương chánh ở đây, có quân triều đình nhà Nguyễn bảo vệ.

đánh chiếm tỉnh thành. Sau khi chiếm được tỉnh thành sẽ phát động khởi nghĩa ở các nơi khác.

Kết quả, dưới sự chỉ huy của ông Thái Thú nghĩa quân đã phối hợp với quân Bạch lộ tiêu diệt gọn đồn Cồ Lũy, giết chết tên chủ sự Thương Chánh người Pháp tên là Regnard (1) và ngay trong đêm đó, ông Thái Thú đã chỉ huy bộ hạ, gấp rút kéo lên chi viện cho cánh quân của ông Nguyễn Vĩnh cùng đánh chiếm tỉnh thành. Song trong khi phục quân ở phía cửa đông tỉnh thành đề đợi bất liên lạc với quân Bạch lộ trong thành mở cửa ra đón, cánh quân do ông Nguyễn Vĩnh chỉ huy do điều khiển không chu đáo nên khi quân Bạch lộ ra tìm thì không gặp. Thế là kế hoạch bị lộ. Khi cánh quân của ông Thái Thú từ Cồ Lũy cò trống kéo lên đến tỉnh thành thì quân giữ thành do án sát Tôn Thất Lữ chỉ huy đã được báo động, canh giữ nghiêm ngặt. Kế hoạch nội công ngoại kích không thực hiện được nữa. Cả hai cánh quân của ông Thái Thú và Nguyễn Vĩnh đều phải vội rút về phía rừng núi An Đại, thuộc phủ Tư nghĩa (cách phía nam tỉnh thành 7.000 mét) để trú ẩn.

Sáng ngày 8-12 năm Giáp Ngọ, quân của Tôn Thất Lữ đã đuổi theo nghĩa quân, vây hãm vùng núi An Đại và hai hôm sau thì vì cạn lương, nghĩa quân tan rã. Các ông Thái Thú, Nguyễn Vĩnh đều bị bắt và đều bị xử tử (2). Ông Bạch Văn Vĩnh đã thoát được, song sau đó một thời gian cũng bị bắt và bị chém.

(1) *Quảng Nghĩa tinh chí*, đã dẫn, Thư viện Nghĩa Bình, trang 47.

(2) Theo Nguyễn Công Phương trong tập *Quảng Nghĩa 1885 1945* do Hải Phương ghi, đã dẫn.

Cuộc khởi nghĩa chống Pháp, cứu nước lần thứ 3 của nhân dân Quảng Nghĩa lại bị thất bại. Tuy vậy cuộc khởi nghĩa chống Pháp, cứu nước 1894 do ông Thái Thú cầm đầu so với 2 cuộc khởi nghĩa Cần vương trước đó đã có một số điểm mới.

— Một là cuộc khởi nghĩa 1894 là kết quả của một quá trình bí mật vận động nhân dân nổi dậy chống Pháp cứu nước của các lãnh tụ nghĩa quân, đứng đầu là ông Thái Thú tự động gây dựng nên, cho nên cuộc khởi nghĩa này so với các cuộc khởi nghĩa của các ông Lê Trung Đình và Nguyễn Bá Loan có tính nhân dân đậm hơn.

— Hai là cuộc khởi nghĩa chống Pháp cứu nước 1894 do ông Thái Thú lãnh đạo, chẳng những biết trọng công tác bí mật vận động các lực lượng chống Pháp cứu nước trong nhân dân mà còn biết đặt rõ vấn đề đề vận động những lực lượng yêu nước chống Pháp nằm trong lực lượng vũ trang của triều đình nhà Nguyễn, tay sai của Pháp, để phục vụ cho chiến thuật « nội công ngoại kích » của nghĩa quân. Đó là công tác binh địch vận của phong trào yêu nước chống Pháp trong lĩnh vực đầu tiên đã được đặt ra một cách rõ ràng.

— Từ hai điểm trên, chúng ta thấy cuộc khởi nghĩa 1894 do ông Thái Thú lãnh đạo đã bước đầu biết sử dụng lực lượng chính trị, vũ trang, cách mạng trong quần chúng nhân dân kết hợp với lực lượng cách mạng trong hàng ngũ binh lính nguy cùng tiến công địch.

Cho nên cuộc khởi nghĩa chống Pháp, cứu nước năm 1894 do ông Thái Thú lãnh đạo tuy thất bại, nhưng đã để lại những kinh nghiệm quý báu cho các phong trào chống Pháp cứu nước sau này.

IV - CUỘC VẬN ĐỘNG CHỐNG PHÁP CỨU NƯỚC CỦA ÔNG TRẦN DU (1895 - 1896)

Sau khi cuộc khởi nghĩa của ông Thái Thú bị thất bại, những văn thân yêu nước trong tỉnh Quảng Nghĩa lại tập hợp nhau, tiếp tục cuộc vận động chống Pháp cứu nước mới. Người cầm đầu phong trào này là ông Trần Du (1) đã bí mật liên lạc với nghĩa quân Cần vương của ông Phan Đình Phùng ở Nghệ Tĩnh, với danh nghĩa đại diện cho phong trào Cần Vương ở phía nam (2). Ông Trần Du đã bí mật tiến hành cuộc vận động chống Pháp cứu nước ở nhiều tỉnh như Quảng Nghĩa, Bình Định, Phú Yên v.v...

Đối tượng vận động của phong trào là các nhà khoa bảng, thân hào, thân sĩ... yêu nước chống Pháp thuộc các tầng lớp trên và trung gian trong xã hội và những tướng sĩ yêu nước, chống Pháp trong quân đội triều đình nhà Nguyễn, nhất là trong quân Sơn phòng ở Quảng Nghĩa, Bình Định (3). Ngoài việc bí mật xây

(1) Ông Trần Du người xóm Trung Hòa, xã Đức Tân thuộc Thị Phò Nhứt, phủ Mộ Đức, Quảng Nghĩa, ông là con trai cụ tú tài Trần Thê, anh ruột ông cử nhân Trần Trạch và ông Trần Toại (Kiêm Tương)...

(2) Theo Phan Ngọc Liên trong tạp Chí Nghiên cứu lịch sử, Số 2, năm 1978 (179)

(3) Theo đồng chí Trần Tri con trai ông cử nhân Trần Trạch, cháu gọi ông Trần Du bằng bác nói lại thì trước khi bị bắt, ông Trần Du đã trú ẩn nơi nhà ông Trịnh Thê, tiểu phủ, sứ quân Sơn phòng Nghĩa Định. Theo Quảng Nghĩa tỉnh chí đã dẫn, thì khi Nguyễn Thân đi nhận chức tổng đốc Bình Định, ông Trịnh Thê lên thay giữ chức tiểu phủ sứ Sơn Phòng).

dựng cơ sở cách mạng chống Pháp cứu nước trong nhân dân, trong quân đội triều đình nguy, phong trào chống Pháp do ông Trần Du đứng đầu còn có chủ trương xây dựng căn cứ ở các vùng miền núi để mua sắm tích trữ vũ khí, xây dựng lực lượng vũ trang... để chờ cơ hội nổi dậy khởi nghĩa chống Pháp (1).

Cuộc vận động đang tiến triển thì tháng 12 năm Ất Mùi, do sự phản bội của tên chánh tổng Hoàn đem công việc của Nghĩa hội xung khai với cố đạo, nên Pháp đã đem quân vây bắt được các ông Trần Du, ông Thọ Nam, ông Thạch Hồ (2) tại làng Hùng Nghĩa, huyện Đức Phổ. Trước sự tra tấn cực kỳ tàn bạo của Pháp và tay sai, các ông Trần Du, Thọ Nam, Thạch Hồ vẫn trung kiên bất khuất, quyết hy sinh thân mình để bảo toàn cơ sở, phong trào. Cuối cùng ông Trần Du đã bị giặc Pháp và tay sai đem xử chém tại bãi sông Trà Khúc vào ngày 5 tháng 2 năm Bính Thìn (18/3/1896).

Ông Trần Du đã hy sinh, song cơ sở lực lượng yêu nước chống Pháp do ông Trần Du xây dựng vẫn còn đó, tuy vậy phong trào Cần Vương đến đây cũng không còn có thể khôi phục và tiến lên được nữa. Bởi vì đến cuối thế kỷ XIX, tình hình trong nước và thế giới đã có những biến đổi khá sâu sắc, ngọn cờ Cần vương bấy giờ không còn thích hợp với nhiệm vụ chống Pháp cứu nước trong tình hình mới nữa rồi. Do đó, những

(1) Theo Phan Ngọc Liên, tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 2, 1978, (178).

(2) Lý lịch của các ông Thọ Nam, Thạch Hồ và tên chánh tổng Hoàn chúng tôi chưa tra cứu được rõ ràng, chính xác, có tài liệu nói chánh tổng Hoàn là người Bình Định. Cần tra cứu thêm.

người yêu nước chống Pháp đương thời ắt phải đi tìm con đường cứu nước khác thích hợp với tình thế của nước Việt ta hơn con đường mà phong trào Cần vương đã đi.

Phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân cả nước nói chung và nhân dân Quảng Nghĩa nói riêng đến đây đã bắt đầu khủng hoảng về đường lối.



Một vài suy nghĩ bước đầu về phong trào Cần vương trong tỉnh Quảng Nghĩa:

Cũng như phong trào Cần vương ở các vùng khác trong nước, phong trào Cần vương ở Quảng Nghĩa do các sĩ phu phong kiến yêu nước chống Pháp tổ chức và lãnh đạo. Ban đầu phong trào Cần vương ở Quảng Nghĩa do ông Lê Trung Đình lãnh đạo là một bộ phận của phong trào Cần vương do phái chủ chiến trong triều đình nhà Nguyễn đứng đầu là Tôn Thất Thiết khởi xướng.

Mục tiêu của phong trào này là: *chống Pháp xâm lược giữ vững sơn hà xã tắc, bảo tồn chế độ quân chủ và ngôi vua của giòng họ nhà Nguyễn.* Đó là quan điểm yêu nước của các sĩ phu phong kiến đương thời. Đối với họ « ái quốc » phải gắn liền với « trung quân », bảo vệ « sơn hà xã tắc » là bảo vệ giang sơn đất nước của một triều đại phong kiến. Nội dung cơ bản cốt lõi của phong trào Cần vương là *chống Pháp xâm lược, giữ vững nền độc lập của đất nước.*

Nhưng từ khi tên vua bù nhìn Đồng Khánh do Pháp lập nên thay cho vua Hàm Nghi « xuất bôn » (chạy khỏi kinh thành) thì nước ta đã hoàn toàn mất vào tay giặc Pháp, và triều đình nhà Nguyễn đã hoàn toàn

trở thành bộ máy tay sai đặc lực cho Pháp chống lại nền độc lập của đất nước, chống lại mọi phong trào yêu nước chống Pháp. Vua Hàm Nghi từ 1885—1888 chỉ còn là một ngọn cờ yêu nước chống Pháp mà thôi. Đến nay chữ « ái quốc » đã mâu thuẫn với chữ « trung quân », bởi vì các nhà yêu nước theo chủ nghĩa phong kiến đi theo ngọn cờ Cần vương là đi liền với chống Pháp để bảo vệ sơn hà xã tắc Việt Nam, giành lại nền độc lập của Tổ quốc Việt Nam, nay triều đình nhà Nguyễn do tên vua Đồng Khánh đứng đầu, đã làm tay sai cho Pháp chống lại mọi phong trào yêu nước chống Pháp thì phong trào Cần vương làm sao còn có thể « trung » với tên vua bán nước ấy, với triều đình làm tay sai cho Pháp ấy? Đây là một chỗ kẹt của những nhà yêu nước chống Pháp xâm lược theo chủ nghĩa trung quân ái quốc trong phong trào Cần vương lúc bấy giờ. Tuy nhiên, do lòng yêu nước thương nòi thiết tha, do ý chí chống Pháp để giành lại nền độc lập cho Tổ quốc mãnh liệt, nên các nhà yêu nước chống Pháp trong phong trào Cần vương đều đã giải quyết cái mâu thuẫn, cái thế kẹt đó bằng cách một mặt vẫn theo thuyết tôn quân, bảo tồn chế độ phong kiến, mặt khác vẫn chia mũi nhọn đấu tranh đánh thẳng vào thực dân Pháp và triều đình tay sai của chúng.

Cuộc khởi nghĩa Cần vương do ông Lê Trung Đình lãnh đạo còn chừng nào mang danh nghĩa và dựa vào uy thế của phe chủ chiến trong triều đình nhà Nguyễn để công khai tập hợp, tổ chức những lực lượng yêu nước trong tỉnh, kể cả lực lượng vũ trang của triều đình (như quân Sơn phòng) cùng lo chống Pháp xâm lược và bẻ lũ tay sai. Cuộc khởi nghĩa của ông Nguyễn

Bá Loan, chừng nào đó còn giữ cái thế công khai hợp pháp đó đối với quần chúng nhân dân. Đến cuộc khởi nghĩa do ông Thái Thủ cầm đầu và cuộc vận động phục quốc do ông Trần Du lãnh đạo thì các lực lượng khởi nghĩa đã phải bí mật tập hợp, tổ chức lực lượng yêu nước, chống Pháp một cách bất hợp pháp, đề cùng nổi dậy chống Pháp và bẻ lũ triều đình nhà Nguyễn bù nhìn tay sai của thực dân Pháp để giành lại nền độc lập cho Tổ quốc. Như vậy phong trào Cần vương ở Quảng Nghĩa đã *phát triển từ cái thế công khai hợp pháp đến cái thế hoạt động bí mật hợp pháp.*

Về mặt xây dựng tổ chức lực lượng thì 2 cuộc khởi nghĩa của ông Lê Trung Đình và Nguyễn Bá Loan có phần thiên về xây dựng lực lượng vũ trang, nửa vũ trang vùng lên khởi nghĩa chống Pháp và bẻ lũ tay sai của chúng. Đến cuộc khởi nghĩa của ông Thái Thủ lãnh đạo và cuộc vận động phục quốc của ông Trần Du cầm đầu đã tiến lên vừa bí mật tổ chức các lực lượng chính trị—vũ trang yêu nước chống Pháp trong nhân dân, vừa bí mật tổ chức lực lượng yêu nước chống Pháp trong hàng ngũ quân đội triều đình nhà Nguyễn để làm nội ngoại giáp công, khi nổi lên khởi nghĩa đánh Pháp và tay sai. Ngoài ra, trong cuộc vận động chống Pháp của ông Trần Du đã có ý thức xây dựng cơ sở ở miền núi để làm căn cứ cho nghĩa quân. Tất cả những điều ấy là *biểu hiện đầu tiên của sự kết hợp giữa lực lượng vũ trang với lực lượng chính trị, bình vận, giữa căn cứ miền núi với đồng bằng* một cách tổng hợp. Đó là những bước phát triển mới về chỉ đạo trải qua 11 năm hoạt động của phong trào Cần vương ở Quảng Nghĩa. Đó cũng là những kinh nghiệm quý để

lại cho phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Quảng Nghĩa sau này.

Lực lượng tham gia phong trào Cần vương chống Pháp cứu nước trong tỉnh Quảng nghĩa, cuối thế kỷ thứ XIX, gồm các giai tầng cư dân trong địa phương: Số đông trong lực lượng quân đoàn kiệt, hương binh, nghĩa binh, quân bạch lộ... và các loại binh sĩ khác trong nghĩa quân Cần vương, là nông dân lao động và hội viên các nghĩa hội Cần vương có mặt đủ các tầng lớp trí thức nho học, thân sĩ phú hào quan viên (lớp dưới), tổng lý... phản ánh một mặt trận yêu nước chống Pháp của nhân dân trong tỉnh lúc bấy giờ. Đặc biệt là thành phần các nhân vật lãnh đạo, chỉ huy các phong trào Cần vương Quảng Nghĩa từ 1885-1896, đa phần là những nhà khoa bảng (cử nhân, tú tài), những bậc túc nho, thân sĩ đều chưa từng ra làm quan, chưa xa rời hẳn quần chúng nhân dân. Tất cả những nhà lãnh đạo chỉ huy ấy đều có nhiều quan hệ kinh tế, xã hội... rất chặt với nhân dân địa phương. Cho nên tuy phong trào Cần vương Quảng Nghĩa còn theo những tư tưởng, những quan điểm chính trị, xã hội của chế độ phong kiến lỗi thời, phong trào Cần vương ở Quảng Nghĩa vẫn là một *phong trào yêu nước chống Pháp xâm lược mang tính nhân dân rõ nét*. Và xét cho cùng phong trào Cần vương ở Quảng Nghĩa từ 1885 đến 1896, mặt chủ yếu và cái cốt lõi, là một phong trào yêu nước chống Pháp và tay sai giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, cho dân tộc của nhân dân ta lúc bấy giờ. Cho nên chúng ta không lấy làm lạ tuy phong trào mang danh nghĩa Cần vương song khi vua quan nhà Nguyễn đã theo Pháp chống lại dân tộc thì phong trào Cần vương đã đánh cả Pháp lẫn triều đình tay sai của Pháp.

Rốt cuộc, phong trào Cần vương đã bị thất bại. Nguyên nhân thất bại của phong trào Cần vương ở Quảng Nghĩa là:

1) Chế độ phong kiến ở Việt Nam đến triều Nguyễn đã bước vào giai đoạn suy tàn phản động. Đặc biệt từ khi giặc Pháp xâm lược nước ta thì vua quan nhà Nguyễn càng tỏ ra ngu muội, hèn nhát và phản động tột độ, làm cho đa số nhân dân rất căm ghét chế độ phong kiến và bọn vua quan nhà Nguyễn. Tiếng kêu « Phan, Lâm mã quốc, triều đình khi dân » (1) của sĩ phu chống Pháp ở Nam bộ trong thời vua Tự Đức là sự đánh giá và kết tội đối với các chính sách đầu hàng, phản động của vua quan nhà Nguyễn trước họa xâm lăng của giặc Pháp.

Thế mà phong trào Cần vương lại giương cao ngọn cờ bảo vệ chế độ phong kiến, bảo vệ ngôi vua để hiệu triệu nhân dân chống Pháp, cứu nước thì làm sao có thể tập hợp đông viên được đông đảo nhân dân lăn mình vào sống chết với kẻ thù?

2) Ngay từ đầu phong trào Cần vương đã tỏ ra bị động, lúng túng, thiếu một đường lối, phương châm chiến lược, sách lược rõ ràng dứt khoát, thiếu một tổ chức chỉ đạo chặt chẽ. Ban đầu phe chủ chiến trong triều đình chỉ nêu ra được một số yêu cầu chống Pháp cho các địa phương chuẩn bị, rồi để cho từng địa phương lo liệu lấy. Đến khi quân Pháp tiến đánh chiếm kinh thành, vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thiết chạy ra Quảng Bình thì Tôn Thất Thuyết chỉ nhân

(1) Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp là hai đại thần triều Nguyễn đã thay mặt triều đình ký những hiệp ước dâng nền độc lập của Việt Nam cho Pháp.

đánh vua Hàm Nghi ra được tờ chiếu Cần vương, rồi đề vua Hàm Nghi lại Quảng Bình, còn Thuyết chạy sang Tàu cầu viện nhà Mãn Thanh! Do đó phong trào Cần vương các tỉnh thiếu sự chỉ đạo thống nhất để cùng dốc sức ra chống Pháp xâm lược. Ngay phong trào Cần vương ở ba tỉnh Quảng Nghĩa, Bình Định, Quảng Nam lúc đầu cũng không phối hợp được với nhau. Vì vậy, ngay từ đầu Pháp và tay sai đã dễ dàng tập trung sức đánh phá lực lượng Cần vương ở từng tỉnh, từng vùng, cho đến khi đánh tan được toàn bộ phong trào.

3) Ngay từ đầu phong trào Cần vương đã bị vua quan nhà Nguyễn như bọn Đồng Khánh, Tuy Lý Vương, Hoàng Cao Khải, Nguyễn Thân... đứng đầu, ra mặt phản bội Tổ quốc, làm tay sai cho giặc Pháp, chống lại cuộc kháng chiến cứu nước của dân tộc, chống lại cả phong trào Cần vương là một phong trào tôn phò, bảo vệ nhà Nguyễn, làm cho thế và lực của giặc Pháp mạnh hẳn lên, thế và lực của phong trào Cần vương yếu hẳn đi.

Riêng đối với phong trào Cần vương ở Quảng Nghĩa thì việc tên việt gian Nguyễn Thân phản bội, đem cả lực lượng quân Sơn phòng (1) theo Pháp, chống lại phong trào Cần vương đã làm cho phong trào Cần vương trong tỉnh do ông Lê Trung Đình lãnh đạo, ngay từ đầu đã bị thất thế, phải thất bại.

Phong trào Cần vương ở Quảng Nghĩa đã hoạt động

(1) Theo *Quảng Nghĩa tinh chí* đã dẫn, thì quân sơn phòng thời Nguyễn Thân có 6.000 người (ở Quảng Nghĩa có 4.000, Bình Định 2.000)

được khoảng 11 năm (1885-1896) và cuối cùng phải tan rã, thất bại,

Tuy nhiên, phong trào Cần vương đã giương cao ngọn cờ yêu nước, chống Pháp trong tỉnh, để lại trong tâm khảm nhân dân Quảng Nghĩa những tấm gương yêu nước bất khuất, sáng chói, người trước ngã, kẻ sau tiến lên, vì độc lập tự do của Tổ quốc, của dân tộc. Ngọn cờ đó, tấm gương đó đã luôn cõ vũ, dẫn dắt phong trào đấu tranh chống Pháp, cứu nước của nhân dân trong tỉnh cùng với nhân dân cả nước tiến lên tiếp tục đấu tranh chống Pháp, cứu nước cho đến thắng lợi cuối cùng.

Đó là công lao to lớn của phong trào Cần vương trong những năm 1885-1896 ở Quảng Nghĩa.

PHONG TRÀO YÊU NƯỚC MANG MÀU SẮC DÂN CHỦ TƯ SẢN TRONG TỈNH QUẢNG NGHĨA (1897-1926)

I. NHỮNG BIẾN ĐỔI CƠ BẢN TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX

Cuối thế kỷ XIX, Pháp đã căn bản hoàn thành giai đoạn chinh phục Đông Dương bằng quân sự, mở đầu giai đoạn khai thác bòn rút về kinh tế trên toàn cõi Đông Dương, đặc biệt là ở Việt Nam.

Song song với việc khai thác, bòn rút về kinh tế, Pháp đã chia nước Việt Nam thành ba kỳ có chế độ chính trị, kinh tế khác nhau để gây sự kỳ thị, chia rẽ trong dân tộc Việt Nam, làm cho sức mạnh của dân tộc Việt Nam yếu đi, dễ cho Pháp dễ bề thống trị.

Để có người phục vụ cho việc cai trị và khai thác các xứ Đông Dương, Pháp đã mở nhiều trường thông ngôn trường tiểu học, trung học Pháp-Việt và trường dạy chữ Pháp, chữ quốc ngữ cho các nhà nho (collège des lettres), tạo ra một tầng lớp trí thức mới do Pháp đào tạo bên cạnh tầng lớp sĩ phu nho học cũ.

Thực hiện những chính sách đó, đến đầu thế kỷ XX, Pháp đã làm cho xã hội Việt Nam có những biến đổi cơ bản:

— Trên đất nước Việt Nam đã xuất hiện thêm một số thành thị lớn, những khu vực công nghiệp, nông nghiệp mới, những cơ cấu, chế độ và hình thức kinh

tế tư bản thực dân đã từng bước hình thành và chi phối cả nền kinh tế Việt Nam, song song với sự tồn tại của các cơ cấu kinh tế tự cấp, tự túc của xã hội phong kiến cũ.

— Triều đình nhà Nguyễn về danh nghĩa vẫn tồn tại và cai trị một dải đất hẹp ở Trung kỳ, song trên thực tế, toàn cõi Việt Nam đã đặt dưới sự cai trị trực tiếp của thực dân Pháp. *Chế độ thuộc địa, nửa phong kiến đã thay thế chế độ phong kiến chuyên chế trong xã hội Việt Nam. Nhân dân Việt Nam đã mang phải cái họa « một cổ đôi tròng ».*

— Trong xã hội Việt Nam đã có sự phân hóa giai cấp mới: Bên cạnh các giai cấp, tầng lớp dân cư vốn tồn tại trong xã hội phong kiến Việt Nam như địa chủ, phú nông, nông dân lao động, đã xuất hiện những giai cấp, tầng lớp mới non trẻ như giai cấp công nhân, công nhân nông nghiệp (1), giai cấp tư sản và tiểu tư sản thành thị, trong đó có tầng lớp trí thức mới tây học.

Song song với sự biến đổi về kinh tế, chính trị, xã hội, cuộc sống tư tưởng, văn hóa trong xã hội Việt Nam cũng diễn ra những biến chuyển sâu sắc: Các trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản Âu Tây, hoặc từ Pháp trực tiếp đi thẳng vào Việt Nam, hoặc đi vòng sang Nhật Bản, Trung Quốc, được các nhà tư tưởng ở Nhật, ở Trung Quốc chế biến lại, rồi tràn vào Việt Nam, từng bước làm rung chuyển ý thức hệ phong kiến đã từng tồn tại bao đời trong xã hội Việt Nam.

Chính trong hoàn cảnh ấy, phong trào yêu nước

(1) Theo Trần Huy Liệu trong *Lịch sử 80 năm chống Pháp*, thì đến 1914 đã có 54.000 công nhân người Việt, riêng công nhân mỏ có 17.000 người.

chống Pháp ở Việt Nam tiếp thu các luồng tư tưởng dân chủ tư sản với những quan điểm khác nhau. Cụ thể là :

Năm 1903, Phan Bội Châu viết « Lưu cầu huyết lệ tân thư » (chữ Hán) đề ra ba phương châm « mở mang dân trí, bồi dưỡng dân khí, đào tạo nhân tài » để làm cơ sở cho việc cứu nước cứu dân (1). Theo phương hướng đó, năm 1904, cụ Phan Bội Châu đã cùng các cụ Đặng Thái Thân, Nguyễn Hàm (Tiền la)... lập ra hội Duy Tân, mở đầu cho phong trào « Đông Du » nổi tiếng (2).

Đồng thời, các cụ Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng... cũng đẩy mạnh cuộc vận động yêu nước, truyền bá học thuyết dân quyền, dân chủ, vận động mở trường dạy chữ quốc ngữ, chữ Pháp, dạy « cách vật trí tri », vận động bỏ hủ tục, lập các thương hội, nông hội trong các giới hữu sản Việt Nam.

Ngoài Bắc, các cụ Lương Văn Can, Nguyễn Quyền v.v. lập ra « Đông kinh nghĩa thực », mở hội bình văn, diễn thuyết, xuất bản sách báo, phát động tinh thần yêu nước thương nòi, kêu gọi dùng văn tự nước nhà (chữ quốc ngữ), sửa đổi phép thi, gấp lo khai dân trí, chấn dân khí, chấn hưng nội hóa, bài trừ ngoại hóa..., ảnh hưởng của Đông kinh nghĩa thực vang dội khắp nước.

Chính trong hoàn cảnh kinh tế, chính trị, văn hóa chung đó mà các nhà yêu nước chống Pháp ở Quảng Nghĩa đã từ bỏ phong trào Cần vương, chuyển sang xây dựng và phát động phong trào yêu nước chống Pháp mang màu sắc dân chủ tư sản.

(1) và (2) Phan Bội Châu niên biểu, Phạm Trọng Diễm và Tôn Quang Phiệt dịch nhà xuất bản Văn Sử Địa, Hà Nội, 1957.

II. HỘI DUY TÂN VÀ PHONG TRÀO « KHAI DÀN TRÍ, CHẤM DÂN KHÍ, HẬU DÂN SINH » TRONG TỈNH QUẢNG NGHĨA

1904 — 1908

Sau khi ông Trần Du bị bắt và bị giết hại (1896) những nhà yêu nước có uy tín, vốn là hội viên trong nghĩa hội Cần vương của ông còn lại, như các ông Cử nhân Lê Đình Cần (La Hà, Tư Nghĩa), Nguyễn Đình Quảng (Phong Xiêng, Sơn Tịnh), Trần Kỳ Phong (Bình Châu, Bình Sơn), Phạm Cao Châm (Xuân Phổ, Tư Nghĩa), Nguyễn Tuyên (Tân Hội, Đức Phổ), Lê Ngung (Bình Quang, Bình Sơn)... Vẫn giữ liên lạc với nhau, cùng giữ các đầu mối tổ chức yêu nước, chống Pháp còn lại chờ cơ hội. Năm 1904, ông Nguyễn Bá Loan (Lạc Phổ, Mộ Đức) vốn là một lãnh tụ nổi tiếng của phong trào Cần vương trong những năm 1885—1888, sau nhiều năm trốn tránh ở Nam Kỳ, cũng trở về tỉnh nhà hoạt động, lo khôi phục phong trào chống Pháp cứu nước trong tỉnh (1). Bây giờ phong trào cứu nước theo tư tưởng phong kiến lạc hậu mà các phong trào Cần vương đã đi qua không còn thích hợp nữa. Song phải đi con đường nào, làm cách nào để cứu nước, cứu dân thoát khỏi cái ách nô lệ nặng nề mà thực dân Pháp đã tròng vào cổ dân tộc ta thì các cụ đều còn lúng túng

Chính lúc đó thì các phong trào yêu nước do các ông Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Lương Văn Can... chủ trương xuất hiện và được truyền bá rộng rãi, đã được các nhà yêu nước trong tỉnh Quảng Nghĩa chăm chú tìm hiểu lựa chọn. Các cụ thấy 3 phong trào ấy có sự giống nhau, có quan hệ mật thiết với nhau, song

(1) Theo Tự thuật của Nguyễn Công Phương, đã dẫn.

cũng có sự khác nhau. Giống nhau là cả 3 phong trào đều đã chịu ảnh hưởng của các học thuyết dân chủ tư sản (đã bị các phái cải cách ở Trung Quốc và Nhật Bản chế biến), đều muốn đưa đất nước, dân tộc thoát khỏi cảnh yếu hèn nô lệ, mà muốn vậy cả 3 phái đều thống nhất là phải lo mở mang dân trí, bồi dưỡng nâng cao dân khí để ai nấy đều dám đứng lên đấu tranh giành quyền sống cho đất nước, cho dân tộc. Mà muốn vậy phải sớm lo đào tạo một lớp người mới để gánh vác lấy trách nhiệm cứu nước, cứu dân. Để thực hiện những chủ trương đó, các cụ đều thống nhất là phải công khai phát động phong trào lập các thương hội, nông hội, mở hiệu buôn, lập nông trại, công xưởng để «đua chen kinh tế» với tư bản nước ngoài, chống lối học từ chương, sáo rỗng kiểu nho học, phải chống hủ tục, đồi phong, chống đầu óc phục cồ, nệ cồ, nô lệ, phải học lối sống văn minh tiến bộ, phải dạy cho dân, nhất là cho thanh niên học chữ quốc ngữ, chữ Pháp, học cách vật trí tri (khoa học), phải mở nhà báo, lập trường học, mở diễn đàn để đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục các chủ trương cải cách Duy Tân ấy cho đồng bào, cho thanh niên trong nước để sớm khai dân trí, chấn dân khí, tạo điều kiện cho công việc cứu nước, cứu dân sau này.

Song giữa các phong trào đó, nhất là giữa phái cụ Phan Bội Châu với cụ Phan Chu Trinh lại còn có những chủ trương khác nhau khá cơ bản:

Phái cụ Phan Bội Châu tuy cũng chủ trương gây một phong trào cải cách để khai dân trí, chấn dân khí, song lại thấy muốn cứu nước, cứu dân thì trước hết phải nhận rõ kẻ thù là thực dân Pháp, có đánh đuổi được Pháp thì mới có thể giành độc lập cho đất nước, mưu

câu hạnh phúc cho dân tộc. Mà muốn đánh đuổi Pháp thì phải dùng bạo lực, muốn dùng bạo lực đánh đuổi Pháp thì phải học, phải dựa vào nước nào đó thì mới làm nổi. Và lúc bấy giờ, cụ Phan Bội Châu đã chọn Nhật Bản để học, để dựa.

Còn phái cụ Phan Chu Trinh thì phản đối chủ trương dựa vào nước ngoài và dùng bạo lực để chống Pháp giành độc lập, cho đó là chủ trương điên rồ, ngu xuẩn... (1). Phan Chu Trinh chủ trương « Ý Pháp cầu tiến bộ », nghĩa là phải học Pháp, đem văn minh Tây Âu dạy cho dân, để khai dân trí, chấn dân khí và hợp tác với Pháp để đánh đổ bọn vua quan uơnon hèn hủ lậu trong triều đình nhà Nguyễn đi, hầu xây nên một chế độ chính trị tiến bộ, thực hành thuyết dân quyền, dân chủ. Tóm lại, chính sách của Phan Chu Trinh là thỏa hiệp, hợp tác với Pháp nhằm cải lương chế độ chính trị thuộc địa của Pháp để mưu cầu cứu nước, cứu dân, chứ không được dùng bạo lực, nhất là không được

(1) Trong thư Phan Chu Trinh gửi toàn quyền Beau ngày 15-8-1906, cụ Phan đã viết: « Công việc ngày nay ai có thể dạy ta học thì ta xin làm học trò, ai có thể nuôi ta thì ta xin làm con »... và « bỏ nơi này sang cầu nơi khác thì đi đâu chẳng phải là nhờ, mà lại bảo rằng nhờ người kia là nhục, nhờ người này là vinh, cứ lo ngày lo đêm, tìm cách nọ, kẻ kia, ném đi mấy mươi vạn cái đầu, chảy ra mấy mươi vạn vũng máu, vất đi bao nhiêu cái xác cho ruồi không thêm đậu, cáo không thêm ăn (1) để mua lấy cái địa vị nô lệ mấy trăm đời không thay đổi thì lòng mới hả, mới sướng. Người Nam dầu mắc phải bệnh điên, cũng không ai chịu làm thế (Theo Đặng Thai Mai dịch từ bản chữ Hán của Phan Chu Trinh, lưu trong Thư viện khoa học. Bản khắc gỗ, ký hiệu A.367)

dựa vào nước ngoài để mưu cầu độc lập cho nước, cho dân.

Chính trong tình hình đó, sự bất đồng lớn về đường lối, chủ trương cứu nước đó, năm 1906 (1) các nhà yêu nước ở Quảng Nghĩa, đứng đầu là ông Lê Đình Cẩn và Nguyễn Bá Loan đã lập ra hội Duy Tân và phát động phong trào khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh (nhân dân trong tỉnh thường gọi phong trào Duy Tân và nhất thiết là phong trào đồng bào, vì trong khi tuyên truyền, các phong trào này, đã dùng chữ đồng bào để kêu gọi) để lo khôi phục và phát triển phong trào chống Pháp, cứu nước trong tỉnh.

Chủ trương của Hội là: Về mặt công khai hợp pháp phải gây một phong trào cách tân trong tỉnh, vận động đồng bào lập Nông hội, Thương hội, mở trường dạy học chữ quốc ngữ, dạy cách vật trí tri, vận động bỏ phong tục xấu, bỏ khăn đen áo dài, mặc quần cộc bằng vải thô nội hóa, bãi trừ ngoại hóa, vận động cắt bỏ búi tóc. Đồng thời hội cũng bí mật liên hệ với phái Đông du của Phan Bội Châu để đưa thanh niên đi du học tạo điều kiện cho khi có thời cơ thì có sẵn nhân tài đảm đương việc cứu nước, cứu dân (2).

(1) Trong tập *Quảng Nghĩa 1885 - 1945*, hiện lưu tại ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Nghĩa Bình, Cụ Nguyễn Công Phương không nói rõ hội Duy Tân thành lập năm, tháng nào, mà chỉ viết: "Sau cuộc khởi nghĩa của ông Thái Thú 12 năm thì trong tỉnh có phong trào khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh và thành lập hội Duy Tân."

(2) Nguyễn Công Phương, *Quảng Nghĩa 1885 - 1945*, đã dẫn:

Bấy giờ hội Duy Tân ở Quảng Nghĩa có liên hệ cả với phái Đông du của Phan Bội Châu, phái cải lương của Phan Chu Trinh và phái Đông kinh nghĩa thực của Lương Văn Can để phối hợp hoạt động (1), song không phải hội Duy Tân Quảng Nghĩa hoàn toàn đi theo các chủ trương, đường lối quan điểm của các phái ấy, đặc

(1) Theo Phan Bội (châu niên biểu thì cuối năm Bình Ngô 1906 cụ Phan Bội Châu có gặp 2 người Quảng Nghĩa ra, và khi hai người trở về có mang theo các tài liệu như *Việt Nam vong quốc sử*, *Tân Việt Nam*, *Hải ngoại huyết thư* và bài *Kính cáo toàn quốc* mang tên ký của Cường Để.

— Trong *Cư sưu Trung kỳ 1908* của cụ Huỳnh Thúc Kháng có viết « ông Trần Kỳ Phong trước kia có cùng ông Tú Cơ (em Cử Cần) sang tìm gặp cụ Phan Sào Nam ở Quảng Đông mang ít sách mới về ».

— Theo cụ Nguyễn Công Phương thì những năm 1908, 1909, chính Huỳnh Công Thạnh (người Xuân Phổ, Tư Nghĩa) đã nhiều lần đưa người trong tỉnh đi học ở nước ngoài theo đường của phái Duy Tân của cụ Phan Bội Châu.

— Cũng theo cụ Nguyễn Công Phương, tài liệu đã dẫn, thì 1906, ông Lê Đình Cần có gặp cụ Phan Chu Trinh 2 lần. Một lần tại trường thi hương Bình Định, cụ Phan có đưa cho ông Lê Đình Cần các quyển *Mậu tuất chính biến*, *Trung Quốc hồn*, *Âm băng thất*, *Lưu thoa tuyền sử* và *Việt Nam vong quốc sử*. Lần sau Phan Chu Trinh đến nhà ông Lê Đình Cần tại làng La Hà, tổng Nghĩa Hà, phủ Tư Nghĩa. Trong cuộc gặp này, Phan Chu Trinh đã nói với ông Lê Đình Cần « Đừng có bạo động, bạo động là dại ».

Về việc liên hệ với « Đông Kinh nghĩa thực » thì đồng chí Phạm Trung Mưu cho biết là: ông Phạm Cao Châm (bác ruột đồng chí Mưu) đã cùng ông Tử Hữu Lập (cha đồng chí Từ Ty) đã cùng đi ra Hà Nội gặp ông Lương Văn Can để bàn với nhóm « Đông kinh nghĩa thực » cùng phối hợp hoạt động. Và khi hai ông trở về, có mang theo nhiều tài liệu tuyên truyền do « Đông kinh nghĩa thực » biên soạn và in.

biệt là không theo các chủ trương ý Pháp cầu tiến bộ của Phan chu Trinh và không đồng ý với nhận định của Phan Bội Châu cho rằng: « Trong nước có nhiều người lưu luyến với nhà Nguyễn nên phải tìm người có danh vọng trong hoàng tộc làm ngọn cờ đề hiệu triệu dân chúng » (xem Phan Bội Châu niên biểu). Hiện nay trong nhân dân ở Quảng Nghĩa còn lưu truyền một số văn thơ đã lưu hành trong những năm 1904 — 1908 của phong trào Duy Tân và phong trào khất thuế ở Quảng Nghĩa như: *xin đúc một chữ đồng* (1) và bài *Cổ quốc sơn hà trọng* (2) của ông Lê Đình Cần, bài *Nợ nước đã vay thì phải trả* (3) và bài *Bỏ hết thói hư tật xấu* (4) của Phan Long Bằng, một đoạn trong « *Bài ca vận động binh lính* » (5) của ông Nguyễn Thụy (cử Suy) « *Bài ca kêu gọi phụ nữ* » và bài « *Thương chiến* » (6). Nghiên cứu những văn thơ đó, đặc biệt là bài « *Xin đúc một chữ đồng* » của ông Lê Đình Cần, chúng tôi thấy quan điểm và nội dung hoạt động của phong trào Duy Tân và khất thuế có những điểm đáng chú ý sau đây:

Một là, những nhà lãnh đạo hội Duy Tân ở Quảng Nghĩa nhận thức rất kỹ và rất đau xót trước những thảm cảnh đau khổ của nhân dân, cảnh *nước mất nhà xao* (7), những thảm cảnh nhân dân như: *chim sẻ một*

(1), (3) và (4) *Thơ văn yêu nước và cách mạng Quảng Nghĩa (1885—1945)*, Hội văn nghệ Nghệ An xuất bản 1975.

(2) *Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng* do Vương Đình Quang nghiên cứu, tuyển chọn, Nhà xuất bản Văn học Hà Nội, 1965.

(5) *Non nước xứ Quảng* của Phạm Trung Việt, đã dẫn.

(6) Bùi Định sưu tập và giữ (xem phần phụ lục).

(7) Những chữ in nghiêng lấy từ tài liệu của hội Duy Tân lúc ấy, ngoài ra sẽ có chú thích riêng.

đàn, cháy thêu phải chịu, thơ than dặng nào... và nếu không tự cứu thì đê dân bị diệt không hay... Đó là ý thức dân tộc và quan điểm nhân dân của phong trào Duy Tân lúc ấy.

Hai là, phong trào Duy Tân đã nhận rõ kẻ thù cơ bản và cụ thể của dân tộc. Các cụ viết:

Nước Đại Việt mây mù phủ kín
Giống Lạc Hồng điêu đứng tang thương
Vi chung giặc Pháp xâm lăng,
Vi chung nhà Nguyễn bán mình cầu thân
Giờ ta tự cứu lấy mình!

Khi nhận định sâu về triều đình nhà Nguyễn, các cụ đã đánh giá:

Giờ trên chín bệ lâu vàng mục hũ,
Dưới trăm quan giặc ngủ im lìm,
Gió Tây phảng phất ngoài rèm,
Lát lay hồn quế bên đèn phù dung.
Mặc nói giống lao lung tù hãm,
Chốn triều đình trái gấm lay-Lang sa.
Than ôi, một cõi sơn hà,

Và cụ thể hơn:

Nước ta từ Nguyễn Ánh tới nay,
Dân nghèo vua lại no say,
Lợi quyền tóm vét về tay cường đồ.

Và:

Đem thân đòi lấy sơn hà,
Làm vua nước Việt, tôi nhà Pháp lang.
Đầy 20 triệu (dân) thành đàn trâu ngựa,
Xô xuống hầm không cựa, không la,
Cướp cả nước, tịch cả nhà,

Các cụ đã vạch mặt giả dối của thực dân Pháp:

Thế rồi nói rằng nhờ tế độ,
Được danh là bảo hộ Viêm bang.

Đó, ý thức chống thực dân Pháp và triều đình nhà Nguyễn rất rõ.

Ba là, từ chỗ nhận rõ thù ngoài, thù trong, các cụ trong Duy Tân hội ở Quảng Nghĩa đã kêu gọi:

Giờ ta tự cứu lấy mình,
Vứt đường khoa mục, treo danh hoạn đồ,
Quyết ngăn chống sóng to vào cửa
Cứu dân ta khỏi bề trăm luan.

Và các cụ đã chủ trương:

Phải tìm học khôn ngoan làm trước,
Phải kết đoàn cả nước với nhau,
Công - nông hai nghiệp làm đầu,
Khoa danh đừng chuộng, công hầu đừng ham,
Cuộc tự lập chăm làm cho nổi,
Thì nước nhà mới trời đầu lên,
Giang sơn thu phục về mình.

Muốn làm được nhiệm vụ thu phục giang sơn đó thì phải:

Đường vinh nhục ta mau phải sáng,
Chí tự cường cây hắc nhân dân,
Mong sao trên dưới một lòng.
Cùng nhau lấp hố bất bằng từ đây
Đời nô lệ đặng cay quét sạch
Đất tự do hạnh phúc xây nền,
Nghìn thu lộng cảnh rồng tiên,
Việt Nam chung đúc văn minh loài người.

Cái mới, cái bản sắc của hội Duy Tân ở Quảng Nghĩa là đã sớm nhận rõ được kẻ thù của đất nước, của dân tộc là thực dân Pháp cướp nước và lũ vua quan triều Nguyễn từ Nguyễn Ánh (vua Gia Long) đến các vua

chúa bảy giờ đều là tôi tớ. là tay sai của giặc Pháp xâm lược, cho nên các cụ không bắt chước Ý Pháp cầu tiến bộ và cũng không đi theo con đường mượn danh nghĩa triều Nguyễn để kêu gọi dân chúng trong nước và đi xin cầu nước ngoài giúp cho ta cứu nước ta, mà các cụ chủ trương ta phải tự cứu lấy mình, phải tự lập chăm làm cho nổi, phải tự cường cây hản nhân dân, phải trên dưới một lòng cùng nhau lập hố bất bằng, để quét sạch cuộc đời nô lệ, để xây nền hạnh phúc tự do cho đất nước, cho dân tộc.

Bốn là, về nội dung cụ thể, chủ trương của hội Duy Tân ở Quảng Nghĩa có nhiều điểm gần giống chủ trương của các phong trào « Đông du », phong trào « Đông kinh nghĩa thực » và phong trào Canh tân (của Phan Chu Trinh) như hội đã chủ trương phát động phong trào khai dân trí, chấn dân khí hậu dân sinh và đồng thời tích cực đào tạo cán bộ, chuẩn bị điều kiện cho phong trào chống Pháp cứu nước sau này. (Bằng cách tự mở trường đào tạo và gửi thanh niên yêu nước xuất dương du học).

Có thể nói, nhiều điểm về đường hướng, chủ trương cơ bản của hội Duy Tân ở Quảng Nghĩa trái hẳn với đường hướng, chủ trương của phái Đông du của cụ Phan Bội Châu và phái Ý Pháp cầu tiến bộ của cụ Phan Chu Trinh. Tuy nhiên, về những chủ trương cụ thể và hình thức của phong trào thì có nhiều điểm giống với chủ trương của cụ Phan Chu Trinh, cụ Phan Bội Châu và phong trào « Đông Kinh nghĩa thực ».

Quá trình phát động phong trào khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh, hội Duy Tân ở Quảng Nghĩa đã làm được các công việc sau đây :

— Qua giảng dạy trong các nhà trường do hội lập ra (1) qua tuyên truyền phổ biến thơ ca yêu nước chống Pháp của hội Duy Tân trong tỉnh soạn ra và của các nhà yêu nước nổi tiếng trong nước Việt (phần nhiều là của cụ Phan Bội Châu và của Đông kinh nghĩa thực), lòng yêu nước thương nòi và ý chí tự lập, tự cường quyết đấu tranh giành độc lập tự do cho đất nước của nhân dân trong tỉnh ngày một dâng cao. Nội dung tuyên truyền lúc ấy, hội Duy Tân ở Quảng Nghĩa thường chú trọng đi sâu vào những nỗi *suu cao thuế nặng, cửa nát nhà tan, cảnh người Việt Nam như kiếp con chim, con cá vẫy vùng iại ặng chầu, đua bơi trong lũng* và đang lâm vào cái hoạ *củi một đồng chắt chõng trên lửa, để vậ ngời mà ngỡ rằng an và thương thay chim sẻ một đàn, cháy thieu phải chịu, thỏ than dặng nào*. Và tất cả những thảm cảnh đó đều là do thực dân Pháp và vua quan nhà Nguyễn gây ra.

Ngoài ra, hội còn hết sức chống những lối học từ chương, sáo rỗng của các nhà nho theo giáo lý Khổng Mạnh đã nhồi nhét cho thanh niên ta, chống những mê tín, dị đoan, đồi phong bại tục còn ăn sâu trong dân

(1) Theo cụ Nguyễn Công Phương, tài liệu đã dẫn, lúc ấy trường Lao động ở Sung Tích (Sơn Tĩnh) do cụ Nguyễn Đình Quảng chủ trì luôn có những bài giảng nói về suu cao thuế nặng, về nhiệm vụ yêu nước chống Pháp.

Theo đồng chí Phạm Ngọc Trân thì trước cửa trường của hội Duy tân tổ chức dạy tại nhà bà Đại Phụng, ở làng An Phú (Sơn Tĩnh), cha ông Cao Chánh Nghị, người làng An Tây (Đức Phổ) chủ trì câu đối « Tiên sinh hà hũ nhân, diệt thủ cự, diệt duy tân, kiến thức lược châu hoàn hải sự, tiểu sử thù mạc học, nghi tự do nghi độc lập, tinh thần còn tại thiếu niên thân ». Nghĩa là : Thầy là người vừa thủ cự, vừa duy tân, kiến thức biết khắp việc trên đời, học trò ai không lo học, cần tự do, cần độc lập, trông cậy vào các bạn thiếu niên.

chúng, làm cho người Nam ta bị mê muội, ương hèn, chống sưu cao thuế nặng, chống ô lại, tham quan, cường hào, ác bá. Hội đã chủ trương cho nhân dân ta «cứ học, đừng thi», không đi vào con đường «hoạn đồ», không làm quan cho Pháp, cho triều đình nhà Nguyễn...

Để xây dựng thuần phong, mỹ tục, các cụ đã phát động phong trào cải cách phong tục, lập quán theo hướng cách tân, âu hóa như cắt tóc ngắn, bỏ áo dài đen, khăn đen, mặc áo cộc bằng vải; hàng nội hóa, để khỏi mua hàng nước ngoài, khỏi gánh vác đi đồ sông, ngọ. Hội đã vận động lập hương hội, nông hội để cùng lo lấy *Công nông hai nghiệp làm đầu, lo bề thực nghiệp ấy thì ấm no*. Chỉ có làm như vậy thì cuộc thương kinh tế (mới) chen đua kịp người, mà muốn làm được cuộc «Thương chiến» đó thì phải rủ nhau góp lấy bạc tiền, mỗi nơi chung síe, chung thuyền bán buôn (theo bài ca kêu gọi phụ nữ).

Ngoài việc dùng văn thơ, ca hát hội Duy Tân đã nêu lên những khẩu hiệu tuyên truyền rất gọn nhẹ như: « Khai trí », « Trị sanh », « tính xa sùng kiệm ». « Chấn hưng thể hóa, bài trừ ngoại hóa », « Phát triển công thương nghiệp »... (1) làm cho nhiều người dễ nhớ, dễ thuộc.

Về phương pháp, hình thức hoạt động của hội Duy Tân ở Quảng Nghĩa bao gồm cả công khai hợp pháp, nửa hợp pháp và không hợp pháp. Công khai hợp pháp như hội đã cử người đứng ra xin phép nhà đương quyền để lập nhà buôn, mở trường học (2), nửa hợp pháp là việc hội hợp đọc bình văn thơ, diễn

(1) Nghĩa là « khai dân trí, cải thiện sinh hoạt, bỏ xa xỉ, chuộng tiết kiệm Phát triển công thương... »

(2) Theo cụ Nguyễn Công Phương, đã dẫn, thì trước khi mở trường « lao động » ở Sung Tích, cụ Nguyễn Đình Quảng có đơn đến xin phép án sát tỉnh Quảng Nghĩa là Tôn Thất Đình.

thuyết, phổ biến các tài liệu, hội cứ làm công khai, song không có xin phép, ngoài ra hội còn thông qua các cuộc họp bí mật mà tuyên truyền giáo dục hội viên, qua hội viên đi tuyên truyền rí rã bằng miệng trong dân chúng một cách nửa hợp pháp.

Về mặt tổ chức củng cố phần công khai, phần bí mật công khai và nửa công khai là các trường học, các hương hội, hiệu buôn, nông trại do hội lập ra. Bí mật gồm có hệ thống tổ chức của hội trong tỉnh và các mối mang liên hệ của hội với các phong trào yêu nước chống Pháp ở trong và ngoài nước, nhất là phái Đông du của Phan Bội Châu ở nước ngoài.

Kết quả những hoạt động của hội Duy Tân ở Quảng Nghĩa lúc bấy giờ là đã lập được 1 số nông hội, thương hội và trường học (1) đã xây dựng được cơ sở tổ chức

(1) Theo Phan Bội Châu niên biểu thì "ở Quảng Nam, Quảng Nghĩa, nông hội, thương hội đã mọc lên như nấm". Song hiện nay chúng tôi mới biết là sau khi trốn tránh ở Nam Kỳ một thời gian trở về, ông Nguyễn Bá Loan, để thực hiện chủ trương khai dân trí, hậu dân sinh đã lập ra một nông trại tại làng Tinh Phú ở Nghĩa Hành, trong nông trại có một trường dạy chữ quốc ngữ cho trại viên, và người trong làng. Nông trại cũng là nơi họp bí mật của hội Duy Tân. Nông trại này do ông Nguyễn Bá Loan làm hội trưởng, Nguyễn Đình Nghị làm phó hội, Nguyễn Công Phương làm thư ký, Nguyễn Thương Văn kiểm soát viên, các ông Phạm Soạn (tác giả *Tiểu phú thân*) Hưng Dư, Thừa Hưng làm ủy viên. Còn hiệu buôn thì mới có 1 hiệu buôn thuốc bắc (hội Quảng Tri), do ông Lê Khiết chủ trì, (theo Nguyễn Công Phương đã dẫn).

Về trường học có các trường lao động ở Sung Tích (150 học trò), trường ở nhà bà Đội Phụng ở An Phú và 1 trường (cũng là một hiệu buôn thuốc bắc) ở đình làng Châu Me, Bình Sơn do ông Trần Kỳ Phong chủ trì (theo Phạm Ngọc Trân) ngoài ra ở các nông trại, hiệu buôn đều có tổ chức trường để dạy chữ quốc ngữ và cách vật trí tri. Đó là chưa kể một số trường tư.

của hội khắp trong tỉnh. Song kết quả lớn nhất của hội Duy Tân ở Quảng Nghĩa lúc bấy giờ là đã gây và phát động được một phong trào yêu nước thương nòi mang màu sắc dân chủ tư sản, trong các tầng lớp sĩ phu, đã khơi dậy trong nhân dân, nhất là trong nhân dân lao động đông đảo, lòng căm thù và ý thức phản kháng cao đối với giặc Pháp xâm lược và lũ vua quan bán nước, và lũ cường hào ác bá tay sai cho giặc Pháp ở trong tỉnh.

Ở phần sau này, khi nghiên cứu về cao trào khất thuế ở Quảng Nghĩa, chúng ta sẽ thấy, tuy hội Duy Tân không khởi xướng và phát động phong trào ấy, song các hoạt động tuyên truyền giáo dục của hội đã động viên cổ vũ được quảng đại quần chúng nhân dân Quảng Nghĩa thức tỉnh và có ý thức nổi dậy đấu tranh chống địch, giành lại cuộc sống cho dân, cho nước thật là sâu rộng. Có thể nói hội Duy Tân ở Quảng Nghĩa đã thực hiện được nhiệm vụ « khai dân trí, chấn dân khí, ... Những kết quả đó chẳng những đã có tác động trực tiếp đến lòng người, tạo nên tiền đề cho cao trào « Chống thuế, chống sưu » năm 1908 ở Quảng Nghĩa lên, mà còn là một trong những nhân tố thúc đẩy các phong trào khởi nghĩa 1916, do hội Việt Nam quang phục miền Nam Trung bộ chủ trương và những phong trào yêu nước và dân chủ trong những năm thứ 20 của thế kỷ này.

Phong trào Duy tân ở Quảng Nghĩa tuy có màu sắc dân chủ tư sản, song đó chưa phải là một phong trào chính trị do nhu cầu của nền kinh tế tư sản đang phát triển đòi hỏi, thúc bách mà nảy sinh ra. Phong trào Duy Tân ở đây, thực chất là một phong trào yêu nước, trong khi chưa tìm được con đường đúng đắn để tiến

lên, bí quá mà phải đi theo con đường dân chủ tư sản từ nước ngoài vừa dội vào đề mưu cầu cho sự nghiệp chống Pháp, cứu nước mà thôi. Vì vậy ngày nay nhìn vào quan điểm lập trường, đường lối chủ trương và phương pháp hoạt động của hội Duy Tân, ta thấy còn có điều chưa ổn.

Tuy vậy, khách quan mà xét, thì phong trào Duy Tân ở Quảng Nghĩa đã đưa được phong trào yêu nước trong tỉnh Quảng Nghĩa thoát khỏi cái tình trạng bế tắc sau phong trào Cần vương thất bại, gây cho phong trào yêu nước, chống Pháp trong tỉnh một không khí hoạt động sôi nổi trở lại, và kết quả những hoạt động đó đã tạo được điều kiện cho các phong trào yêu nước và dân chủ sau đó tiếp tục tiến lên mạnh mẽ, rõ nhất là phong trào kháng thuế 1908.

Đó là công lao của phong trào Duy Tân ở Quảng Nghĩa trong những năm 1904 — 1908.

III — CAO TRÀO CHỐNG THUẾ, XAU, (KHÁNG THUẾ) CỦA NHÂN DÂN QUẢNG NGHĨA (1908).

1) Nỗi căm uất của nhân dân đối với các chính sách thuế, xâu và áp bức bóc lột của thực dân Pháp và triều đình nhà Nguyễn tại sai ;

Trong những chính sách kinh tế tài chính của thực dân Pháp, thuế xâu là chính sách vơ vét, bóc lột, cướp bóc tàn bạo, trắng trợn nhất của thực dân Pháp đối với nhân dân Việt Nam, làm cho tất cả các giai cấp, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh Quảng Nghĩa, kể cả những tầng lớp trung gian trong xã hội bấy giờ như địa chủ nhỏ, phú nông, trung nông, lý hương trong

các thôn, xã, tiểu thương, tiểu chủ ở các thành thị và các tù trưởng, già làng các dân tộc ít người... đều bị thiệt thòi, phá sản và đều hết sức căm giận, uất ức.

Chúng ta cùng nghiên cứu cụ thể vào một số chính sách thuế và xâu của thực dân Pháp từ đầu thế kỷ.

Thuế ruộng đất : Trước khi Pháp chiếm Việt Nam mỗi mẫu ruộng (1) « thượng đẳng » chỉ phải nộp 1 đồng bạc thuế. Năm 1897 Pháp tăng thuế lên mỗi mẫu là 1 đồng 5. Và về sau cứ đánh thuế « phụ gia » tăng thêm mãi (2).

Ngoài việc đóng thuế theo sào, mẫu đã định. Pháp và triều đình nhà Nguyễn còn thi hành chính sách « tương » lên, biến ruộng đất xấu thành « thượng đẳng chi điền », bắt mỗi mẫu « thượng đẳng chi điền » đó phải nộp mỗi năm là 2 đồng 5 bạc thuế, và thêm phần phụ giá mỗi mẫu là 3 hào (3).

Dã man nhất là lối « bồ khoán », thuế xâu cho từng làng, xã, bắt mỗi làng phải nộp mỗi năm một số thuế đinh, điền nhất định, mặc dù trong làng ấy thực tế không có số ruộng, số đinh ấy. Ngoài ra, mỗi khi làng nào có người phạm lỗi với « bảo hộ » hoặc với triều đình thì Pháp cũng thi hành chính sách bồ khoán

(1) Mẫu đây là mẫu tính theo mẫu 36.000 m² không phải theo 4.970 m² (quan xích), vì Pháp bắt tính mẫu 36.000 m² để tính diện tích tăng lên, thu được nhiều thuế.

(2) Theo Trần Huy Liệu : *Lịch sử 80 năm chống Pháp*, đã dẫn.

(3) Theo về kể chuyện đấu tranh chống thuế, in trong *Về yêu nước chống Pháp xâm lược*, Nhà xuất bản Văn học Hà Nội 1967. Nguyên văn « ... có 3 miếng hoang thổ, tương thượng đẳng chi điền, mẫu 2 tữ (đồng) 5 tiền, gia 2 hào làm tiền, gia 1 hào làm tiền ».

đó đề phạt làng phạm lỗi phải nộp một số thuế xâu nhất định (1).

Chính sách thuế ruộng đất này đã đánh mạnh vào tất cả mọi hạng người sở hữu ruộng đất, kể cả quan viên, lý hào... đều phải gánh chịu. Ở những vùng có nhiều công điền, công thổ thì quan viên, hào lý là những người được chiếm ruộng đất công nhiều nhất, cho nên họ phải chịu thuế nhiều hơn.

Thuế đinh: Thuế đinh là đánh thuế vào từng đầu người đàn ông từ 18 tuổi đến 55 tuổi (có nơi quy định phải là 60 tuổi mới gọi là nhiều, tuổi nhiều là tuổi thôi, khỏi phải đánh thuế đinh (hay thuế thân và khỏi phải đi làm xâu nữa).

Khi chưa bị Pháp xâm chiếm, triều đình Huế quy định thuế đinh mỗi người (tráng đinh) mỗi năm phải đóng 1 quan (ngang với 14 xu), sau bị Pháp tăng lên mỗi người tráng đinh ở Trung Kỳ phải đóng mỗi năm

(1) Chính sách này trong *Lịch sử 80 năm chống Pháp*, Trần Huy Liệu đã nói đến. Và trong thực tế, ở Quảng Nghĩa đã xảy ra năm 1908, có ông Võ Phong người làng An Điền, phủ Bình Sơn tham gia phong trào khát thuế và bị Pháp bắn chết, ông Trần Thêm cũng người làng An Điền tham gia cuộc khởi nghĩa chống Pháp 1916 ở Quảng Nghĩa, đã bị Pháp xử chém. Nhân hai việc đó, Pháp phạt làng An Điền phải khống nộp mỗi năm một số thuế điền và thuế đinh mà trong làng An Điền không có ruộng và người đó. Thành ra toàn dân An Điền phải chia nhau gánh chịu. (theo lời bác Phạm Văn Bình, nguyên lý trưởng An Điền).

Trong *Quảng Nghĩa tỉnh chí* đã dẫn cũng có ghi dân số trong tỉnh năm 1921 được 432.000 người và có chua thêm "đã có nhà nước gia thêm mấy phần trăm, chứ hương lý khai dưới số đó".

là 30 xu, (Bắc kỳ là 50 xu), rồi sau đó tăng dần lên 1 đồng 1, rồi 2 đồng 5 hào (1). Đó là chưa kể các khoản thuế bổ khoản như đã nói trên mà mọi người dân 'tráng trong làng đều phải chia nhau gánh chịu « không nộp ».

Thuế muối : Năm 1897, mỗi tạ muối (60kg) phải đóng thuế 30 xu (0đ30 xu) gấp 3 lần giá muối mua nơi người sản xuất; đến năm 1906, Pháp tăng lên mỗi tạ muối phải nộp 2 đồng 5 bạc thuế (2). Như vậy, cứ mỗi tạ 60kg muối Pháp đã tăng thêm 2 đồng bạc thuế (hơn 130%), chưa kể các khoản thuế phụ gia.

Cần nhấn mạnh thuế muối chẳng những đánh vào người sản xuất, buôn bán mà còn đánh cả vào tất cả mọi người ăn muối, mà người Việt Nam có ai mà không ăn muối, dùng muối?

(1) Theo bài hát *Xin râu*, in trong *Thơ văn yêu nước và cách mạng*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội 1959 thì:

Thuở ngày xưa thuế đóng quan bầy.

Thêm xâu vào tính độ quan hai.

(cả thuế thân và xâu cộng lại bằng độ 40 xu)

Từ khi « bảo hộ » đảo lai,

Thuế thêm đồng một, sưu sai thêm bốn ngày,

Chẳng biết ai gian dối tâu bày,

Hai đồng hai rồi lại gia lên.

Cũng theo *Về thuế nặng*, tài liệu của Vũ Ngọc Khánh in trong *Về yêu nước chống đế quốc xâm lược*, NXB Văn học Hà Nội 1967 đã dẫn thì nói thuế phải nộp là 3 đồng thêm 6 hào.

(2) *Về kể chuyện đấu tranh chống thuế*, tài liệu của Vũ Ngọc Khánh, đã dẫn thì thuế muối trước 10 thùng 1 quan, giờ 1 tiền 1 đọi (bát).

Thuế rượu: Khi chưa bị Pháp xâm chiếm, giá 1 lít rượu ở Việt Nam chỉ có 6 xu. Từ khi toàn quyền Beau giao cho hãng Phòng—ten của người Pháp độc quyền nấu và kinh doanh rượu (1902) thì giá 1 lít rượu lên 14 xu, 18 xu, rồi lên 29 xu 1 lít (giá hãng Phòng—ten mua rượu của người Việt Nam nấu, cất phí 7 xu). (1)

Ban đầu vốn của hãng Phòng—ten bỏ ra chỉ có 2,5 triệu đồng, song toàn quyền Beau đã ký lệnh cho hãng Phòng—ten được thu lãi mỗi năm là 2,3 triệu đồng. Để thu cho được số lãi cao đó, Pháp đã ra lệnh bắt các làng, xã phải tiêu thụ cho hết số rượu mà hãng Phòng—ten quy định cho mỗi làng phải uống, làng nào không tiêu thụ hết số rượu quy định phải bị phạt (2).

Thuế thuốc phiện: Pháp không bắt các làng phải bán thuốc phiện như bán rượu, song lại cho tay chân mở hiệu bán thuốc phiện khắp nơi dưới sự độc quyền bán thuốc phiện của Pháp (3).

Ngoài những thuế đinh, thuế điền, thuế muối, thuế rượu, thuế thuốc phiện... tàn ác, quá quắt đó, Pháp còn đặt thêm hàng loạt thứ thuế mới hết sức dã man, đè vơ vét, bóc lột người dân Việt Nam. Ta hãy nghe bài ca «Á tế á ca» nói về các loại thuế đó. Pháp đặt thêm ra lúc bấy giờ.

(1) và (2) theo Trần Huy Liệu, *Lịch sử 80 năm đấu tranh chống Pháp*.

(3) Theo tài liệu của Chesneaux, Trần Huy Liệu trích dẫn thì năm 1900 Pháp đã thu được 6 triệu đồng thuế thuốc phiện. Riêng tại Quảng Nghĩa thì theo *Quảng Nghĩa tỉnh chí* đã dẫn thì ở Quảng Nghĩa đã bán được 226.784 đồng tiền thuốc phiện mỗi năm. Giá thương chánh bán 1kg là 283,48 đồng.

Các hạng thuế các làng tăng mãi,
 Hết dinh điền rồi lại trâu bò,
 Thuế chó cũi, thuế lợn lò
 Thuế diêm, thuế rượu, thuế đồ, thuế xe,
 Thuế chợ, thuế chè, thuế thuốc.
 Thuế môn bài, thuế nước, thuế đèn,
 Thuế nhà cửa, thuế chùa chiền,
 Thuế rừng tre gỗ, thuế quyền bán buôn.
 Thuế đến cả phần sơn đường phố,
 Thuế những anh thuốc lợ gây mòn,
 Thuế gò, thuế bãi, thuế cồn,
 Thuế dầu, thuế củi, thuế mộc, thuế sơn.
 Thuế gạo rau, thuế lúa, thuế bông,
 Thuế tơ, thuế sắt, thuế đồng,
 Thuế chim, thuế cá khắp trong lương ký
 Các hạng thuế kê chi cho xiết
 Thuế xưa kia mới thiết lạ lừng,
 Làm cho thập nhất cửu khung (1)
 Làm cho xơ xác khốn cùng chưa thôi!

Và trong về kể chuyện đấu tranh chống thuế ở miền Trung (2) cũng kể ra nhiều loại thuế tương tự.

Xâu : Trong chế độ phong kiến Việt Nam có chế độ «xâu», đó là một loại tô lao dịch. Chế độ đã bắt tất cả các loại tráng đinh, trừ loại quan quyền và loại được hưởng chế độ «miễn sai», còn thì mọi người đều phải đi làm xâu cho nhà nước. Sóng lúc ấy, người dân đinh thỉnh thoảng mới bị nhà nước bắt đi xâu làm «công

(1) nghĩa là trong 10 nhà thì 9 nhà đã bị vỡ vét đến không còn cái gì nữa.

(2) Tài liệu của Vũ Ngọc Khánh, in trong Về yêu nước chống đế quốc xâm lược.

ích» hay «tư ích» (cho làng) và số ngày bị bắt đi làm xâu cũng không dài.

Năm 1886, ngay khi Pháp mới chiếm xong Việt Nam, để có nhân công dùng vào việc củng cố, khai thác thuộc địa, Pháp đã buộc đại diện triều đình Huế là Nguyễn Trọng Hợp phải ký với Pháp một thỏa hiệp vào ngày 12/10/1886, trong thỏa hiệp quy định: mỗi tráng đinh người Việt (ở Trung kỳ) đều phải đi làm 48 ngày xâu mỗi năm. Sau đó Pháp lại ra quyết định «cho mỗi người dân Việt Nam mỗi năm chỉ đi 24 ngày xâu, còn lại là 24 ngày (theo thỏa hiệp) thì người dân được «quyền» trả cho nhà nước với giá mỗi ngày xâu là 7 xu, tức là 1,68 đồng để khỏi đi xâu».

Như vậy là từ 1886, mỗi người dân Việt Nam ở Trung kỳ, mỗi năm đều phải đi làm cho Pháp 24 ngày xâu và trả thêm cho Pháp 1,68 đồng tiền chuộc 24 ngày xâu còn tại theo thỏa hiệp Nguyễn Trọng Hợp đã ký với Pháp. Trong khi làm xâu cho «bảo hộ» người dân Việt phải «cơm nhà, áo vợ» và phải bị đánh đập, hành hạ đủ đường.

Chế độ sau này bị nhân dân kêu ca phản đối nên Pháp và triều đình Pháp lại đổi ra: ở Trung kỳ, mỗi người dân, mỗi năm chỉ phải đi xâu 20 ngày, còn 28 ngày xâu mà triều đình đã ký với bảo hộ thì người dân chỉ phải trả cho nhà nước 2,3 đồng tiền chuộc để khỏi đi làm xâu.

— Đó, thuế xâu như thế đó! Nhưng chưa phải chỉ thế. Người dân khi đã bị bắt đi xâu thì những người thừa hành «coi xâu» được quyền tha hồ hành hạ, ức hiếp người phu đi xâu, có khi chúng đập chết người đi xâu cũng không bị tội lỗi gì. Đó là chưa nói đến cái họa

đau ốm vì « rừng xanh nước độc » không có thuốc thang, không có ai chăm sóc, nhiều người đã bị bỏ mình trong lúc đi xâu cho nhà nước.

Chúng ta lại nghe một đoạn trong bài « Về thuế nặng » lúc bấy giờ:

Hỡi trời cao đất dày,
Thuế xâu nặng thế này,
Xóm làng đánh bóp bụng,
Bán đĩa (ao) nạp thuế Tây.
Từ hương mục, hạ hào,
Trống mõ nện lao xao,
Tiền phải mau đem nộp
Ba đồng thêm sáu hào,
Tuần đình như thiên lôi,
Lý trưởng mắt ốc nhồi,
Mồm đe nạt quát chửi
Sao ra tiền ông xơi.
Mục hào thực chó má,
Quát mắng suốt đêm ngày,
Làm dân mình bới xói,
Chỉ sướng độc quân Tây! (1)

Tóm lại, thuế, xâu là những hình thức áp bức bóc lột, cướp bóc dã man nhất trong các chính sách kinh tế tài chính của thực dân Pháp. Chính sách thuế, xâu ấy đã đánh mạnh vào các dân tộc, mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam, nhất là đánh vào nhân dân lao động đông đảo lúc ấy một cách hết sức nặng nề, trắng trợn, làm cho nhân dân Việt Nam, người các dân tộc đa số cũng như thiểu số, kể cả một bộ phận lý hương, địa chủ nhỏ

(1) Theo tài liệu của Trần Việt Ngữ, in trong *Dân ca miền Nam Trung Bộ*, tập I, Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội 1963.

điều bị thiệt thòi, đều bị lâm vào cái cảnh « thập nhất cửu không », đều bị bần cùng, phá sản, cơ cực.

Riêng tại Quảng Nghĩa, ngay từ cuối thế kỷ, XIX Pháp đã bắt nhân dân Kinh, Thượng trong tỉnh đi xây đắp thành quách, dinh thự, đồn trại, nhà thừa lương (nơi nghỉ mát) và đắp to thêm đoạn đường quốc lộ số 1 dài 98 km và 8 con đường tỉnh lộ dài 230 km, Cụ thể :

- Đường Quảng Nghĩa đi Sơn Hà, Di Lăng
- Đường Quảng Nghĩa đi Minh Long
- Đường Thạch Trụ đi Giá Vực
- Bình Sơn đi Trà Bồng.
- Liên Trì đi Sơn Hà.
- Quảng Nghĩa đi Sa Kỳ.
- Núi Bút đi Cồ Lũy
- Quảng Nghĩa đi Thu Xà.

Nếu thuế đã làm cho mọi tầng lớp nhân dân trong tỉnh phá sản cơ cực, thì xây đã làm cho các tầng lớp nhân dân lao động nghèo khổ cả Kinh lẫn Thượng cũng bị hành hạ, khổ sở, chết chóc, bỏ nhà cửa, vợ con điều linh, cùng cực.

Đó là những nguyên nhân đã trực tiếp xô đẩy nhân dân Quảng Nghĩa ở cả miền núi lẫn ở đồng bằng vùng lên chống thuế, chống xây vào đầu thế kỷ XX.

2) *Diễn biến quy mô của cao trào chống thuế, chống xây ở đồng bằng tỉnh Quảng Nghĩa (1908) (1)*

(1) Tư liệu chúng tôi dùng để viết mục này chủ yếu là dựa vào các hồi ký tự thuật của cụ Nguyễn Công Phương, người đã trực tiếp tham gia phong trào Duy Tân và phong trào kháng thuế trong tỉnh Quảng Nghĩa kể lại. Một số trong những tài liệu này hiện lưu trữ ở Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Nghĩa bình. Nếu có dùng thêm tài liệu khác, chúng tôi sẽ có chú thích riêng.

Trong khi các tầng lớp nhân dân trong nước đang căm uất đối với các chính sách khai thác vơ vét thuộc địa, đặc biệt là đối với các chính sách thuế, xâu của thực dân Pháp, thì cuộc tuyên truyền vận động khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh do Hội Duy Tân Quảng Nghĩa chủ trương được đẩy mạnh và lan rộng, làm cho lòng căm uất của dân chúng đối với thực dân Pháp và bè lũ tay sai càng tăng lên và đã đến cái độ có dịp là bùng nổ.

Đầu 1908, đồng bào trong tỉnh Quảng Nghĩa đã xôn xao bàn tán về thuế, xâu quá nặng, chính trong thời gian ấy, nhiều đồng bào, có cả một số lý hương, thường qua lại tỉnh thành, hay đến hiệu buôn Quảng tri, hiệu bán thuốc bắc ở phía cửa Tây tỉnh thành, cơ quan liên lạc của Hội Duy Tân Quảng Nghĩa do Lê Tựu Khiết, thường gọi là Bá Khiết quản lý đề hỏi ý kiến về cách đối phó với thuế nặng xâu cao, Có lần ông Lê Tựu Khiết đã trả lời: « Theo ý riêng tôi, thuế xâu quá nặng thì phải đi xin, một người đi xin không được thì nhiều người cùng đi kêu xin ắt phải được ».

Ý kiến của ông Lê Tựu Khiết được đồng bào loan truyền nhau, bàn nhau khá rộng.

Kể đó, thượng tuần tháng 2 năm Mậu Thân (3-1908) phong trào kháng sưu ở Quảng Nam đã nổ ra và lan rộng một cách mãnh liệt, bị thực dân Pháp đàn áp tàn khốc càng làm cho nhân dân Quảng Nghĩa thêm căm uất sôi sục]

Ngày 22-2 năm Mậu thân (24-3-1908) có độ 400 dân

ở Bình Sơn (1), số đông là dân ở làng An Điền, trong đó có nhiều lý hương, kéo về kinh thành, đến dinh công sứ đưa đơn xin giảm thuế. Sau khi nghe dân nói rõ yêu sách giảm thuế, tên công sứ Đô-đê không trả lời gì cả, mà chỉ ra lệnh bắt giam tất cả những người đến xin thuế, một số người trong đoàn xin thuế đó trốn thoát chạy về báo lại tình hình Pháp khủng bố cho đồng bào nghe.

Trước tình hình đó, ngày 25-3-1908, hơn 1.500 (2) dân ở các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh và Tư Nghĩa lại kéo về tỉnh thành đòi:

1) Giảm thuế,

2) Thả tất cả những người đi xin giảm thuế mà đã bị bắt ngày hôm trước.

Sứ Đô-đê lại ra lệnh bắt giam tất cả và ra lệnh đóng tất cả các cửa ra vào của tỉnh thành.

Thế là, ngày 27-3-1908, dân ở khắp các phủ, huyện trong tỉnh đều đồng loạt kéo về tỉnh, hàng ngàn người đòi giảm thuế, thả người bị bắt trong 2 ngày vừa qua.

Thấy chính sách khủng bố phủ đầu không dọa nổi nhân dân, tên Công sứ Đô-đê đành phải giải quyết: « Đồng ý thả tất cả những người đã bị bắt trong 2 ngày trước, còn việc giảm thuế thì quan sứ không có quyền, phải đợi quan sứ tư về tòa khâm ở Huế giải quyết và sẽ trả lời sau »

Cuộc đấu tranh đã thu được một phần thắng lợi, nhưng yêu sách chính là đòi giảm thuế thì chưa thu

(1 và 2) Con số 400 và 1.500 dân trong 2 đợt chống thuế ngày 24 và 25-3-1908 là lấy từ sách *Quảng Nghĩa tỉnh chí*, 1933 do Nguyễn Bá Trác chủ trương và Khiếu Hữu Kiều biên soạn đã dẫn.

được kết quả. Do đó dân chúng các phủ, huyện có mặt lại chủ trương tiếp tục kéo về tỉnh đấu tranh đòi sứ phải thỏa mãn yêu sách đòi giảm thuế, giảm xâu của mình.

Ngày 28-2 Mậu thân (30-3-1908) số người tham gia đấu tranh từ các phủ, huyện kéo về tỉnh thành càng đông và bắt đầu có dán những tờ « yết thị » với các khẩu hiệu sau đây : *Về chính trị* : *Khoản 1* : Cần chánh Nguyễn Thân là cực phẩm triều đình, mà không có chút lương tâm, cướp đoạt mạng sống của đồng bào, làm điều tình tệ. Nay dân 6 phủ, huyện chúng tôi yêu cầu tỉnh tòa đem Nguyễn Thân về tỉnh xét trị. *Khoản 2* : Tuần Vũ Lê Từ là người tham của, thích gái, bắt nạt dân thường. Nay dân 6 phủ, huyện yêu cầu xét trị. *Khoản 3* : Tri huyện Nghĩa Hành Nguyễn Hoàn là người kiêu ngạo, khinh rẽ đồng bào, mắng chửi toàn dân. Nay xin khiêng về giao cho tỉnh tòa xét trị (1).

Về kinh tế : Các yết thị đòi : Một là : thuế điền xin thu y như năm Thành thái thứ 11 (2) và giảm bách phần

(1) Nguyên văn chữ Hán : Đệ nhất khoản : Cần chánh Nguyễn Thân vi cực nhân thân, nhi tư cách toàn vô nhưt điểm lương tâm, lũng vũ đồng bào huyết mạch, tình tệ đa đoan. Tư lục phủ huyện nhân dân đẳng yêu cầu tỉnh tòa đại tải Nguyễn Thân đề đường suy trị. Đệ nhị khoản : Tuần Vũ Lê Từ vi nhân tham tài, hiếu sắc, bích truật thường dân. Tư lục phủ huyện nhân dân yêu cầu nghĩ trị. Đệ tam khoản : Nghĩa Hành huyện viên Nguyễn Hoàn vi nhân kiêu ngạo, khinh vũ đồng bào, nhục mạ toàn dân. Tư án đại hội giao tỉnh, tòa nghĩ trị.

(2) Từ 1897, Pháp đã tăng thuế điền từ 1 đồng lên 2,5 đồng một mẫu. Thành thái thứ 11 tức là năm 1900. Chỗ này cần tra cứu thêm. Chúng tôi nghĩ : có lẽ dân đòi giảm mức thuế năm 1897 chăng ?

chi bát (khoản phụ gia tám phần trăm); Hai là: thuế đinh y như năm Thành thái thứ 12 (1); Ba là: bỏ tất cả thuế muối, rượu và các thứ thuế khác (chữ Hán: bãi miễn chư tạp thuế).

Các yết thị ấy đã dán khắp tỉnh. Thế là cuộc đấu tranh đòi giảm thuế một cách hợp pháp của nhân dân trong một vùng Bình Sơn, nay đã lan ra khắp tỉnh, đã bước đầu có tổ chức và lãnh đạo, có nội dung cả kinh tế lẫn chính trị và hành động bạo lực (khiêng Nguyễn Hoành trả tỉnh).

Trước tình hình đó, ngày 01/4/1908, công sứ Đô - đê lại phải một lần nữa trực tiếp tiếp dân và giải quyết như sau: « Ông Nguyễn Thân là quan to, dân phải kêu kiện ra lục bộ và viện cơ mật thì mới giải quyết được; Quan Tuần Vũ Lê Từ có lỗi, dân không ưng thì quan lớn sẽ đổi. Đối với tri huyện Nghĩa Hành Nguyễn Hoành tỉnh sẽ xử xét sau » (2).

Dân chúng thấy yêu cầu chính là giảm thuế, giảm sưu nó vẫn không giải quyết, nên không chịu giải tán. Ngày 2/4/1908, dân ở các phủ, huyện lại kéo về tỉnh thành càng đông hơn, lên đến độ 10 vạn người (theo cụ Nguyễn Công Phương). Đến lúc này dân cả tỉnh đều nổi lên, dân chúng tự do nhóm họp ở các đình, chùa, đánh trống, gõ luôn ngày: luôn đêm; giấy thông tri cho nhau thì viết trát đề

(1) Có lẽ dân đòi giảm thuế đinh từ 2,5 đồng xuống còn 1,1 đồng như khi Pháp mới đến (xem bài hát *Xin rêu* có câu: « từ khi bảo hộ đáo lai, thuế thêm đồng, một, sưu sai thêm 4 ngày » đã dẫn).

(2) Quảng Nghĩa tỉnh chí đã dẫn ghi là Tuần Vũ, án sát bị đổi

« lục phủ, huyện dân » (1). và ở từng làng dân đã cất phiên thay nhau có tốp đi ra tỉnh, tốp ở nhà, mỗi tốp đều có người chỉ huy, lúc nào cũng có kẻ đi, người về, người ở lại vây thành đấu tranh đòi giảm cho được thuế, xâu. Phong trào tiếp tục phát triển mạnh, tuy vậy, cho đến ngày 3/4/1908, phong trào vẫn là do dân chúng tự phát, tự đứng ra đề tổ chức lấy, còn các nhà lãnh đạo hội Duy Tân vẫn chưa có chủ trương tham gia lãnh đạo phong trào.

Mãi đến ngày 3/3 năm Mậu thân (3/4/1908) các nhà lãnh đạo hội Duy Tân như các ông Nguyễn Bá Loan, Nguyễn Thụy, Trần Kỳ Phong, Nguyễn Đình Quảng, Phan Cao Châm, Lê Đình Cơ, Lê Ngung, Lê Tự Khiết v.v... (ông Lê Đình Cẩn đã bị bắt từ 1907) mới họp nhau tại nhà Nguyễn Thượng Huyền (2) ở cửa Tây tỉnh thành để nhận định tình hình và quyết định chủ trương của hội đối với cao trào chống thuế, chống xâu của dân chúng đang dâng cao ở trong tỉnh. Các cụ nhận định: Nếu đề phong trào Quảng Nghĩa cô độc thì sẽ nguy; Vậy hội cần tham gia phong trào và cử người đi các tỉnh bàn bạc với các nhà yêu nước các nơi đề vận động phong trào các tỉnh cùng nổi lên, đề phong trào chống thuế, chống xâu ở Quảng Nghĩa, Quảng Nam có cái thể nương tựa vào nhau mới được.

Hội nghị đã cử các ông Trần Kỳ Phong, Lê Ngung đi Quảng Nam bàn với ngoài ấy cố duy trì phong trào.

(1) Đoạn này trích trong *Quảng Nghĩa tinh chí*, đã dẫn.

(2) Tên Nguyễn Thượng Huyền sau này phả, chỉ bắt ông Trần Hoàn, tức Cửu Cao hoạt động ở Nam trung khách sạn ở Cần Thơ. Ý được Pháp cho đi làm kiểm lý nhà Lý Sơn rồi chết ở đó (theo cụ Nguyễn Công Phương).

các ông Lê Đình Cơ, Phan Long Bằng đi giúp phát động phong trào ở Bình Định, Phú Yên cùng ưỡn dậy. Các ông khác thì tham gia phong trào tại địa phương. Trong hội nghị này cũng đã cử các ông Nguyễn Bá Loan, Phạm Tuấn (Tĩnh Hòa, Sơn Tịnh), Phạm Mỹ (Nghĩa Trang, Tư Nghĩa) tham gia vào ban lãnh đạo cuộc đấu tranh. Hội nghị còn cử ông Nguyễn Công Phương (Hòa Vinh—Nghĩa Hành) phụ trách công việc liên lạc cho ban lãnh đạo, địa điểm liên lạc đặt tại nhà Đội Trường và nhà Ký sự (?) (Theo tự thuật của Nguyễn Công Phương đã dẫn).

Về khẩu hiệu đấu tranh, các cụ chủ trương điều chỉnh lại như sau:

— Về thuế đinh, dân đòi giảm, nay đòi bỏ, còn thuế điền chỉ đòi giảm thôi. Ngoài ra còn nêu thêm khẩu hiệu; lập thêm trường học, cho dân được tự do lập hội buôn bán...

Trong khi các công việc mà hội nghị các nhà lãnh đạo hội Duy Tân chủ trương ngày 3 tháng 3 năm Mậu thân (3-4-1908) đang được triển khai, thì ngày 6-4-1908, ông Lê Tự Khiết bị tên quân cơ lính khố xanh (1) Phạm Kế Năng (quê ở Thanh Hóa) thuyết dụ, ông đã đem hết mọi chủ trương của hội Duy Tân Quảng Nghĩa đã bàn ngày 3-4-1908 nói lại với nó. Tên Phạm Kế Năng

(1) Tên Phạm Kế Năng sau đó được Pháp thăng lên chức lãnh binh.

nghe xong lập tức đem hết sự tình báo lại với công sứ Đô-đê. Thế là việc hội Duy Tân tham gia lãnh đạo cuộc chống thuế, chống xâu bị bại lộ, và bọn Pháp sợ nếu để cho hội Duy Tân lãnh đạo được cuộc đấu tranh chống thuế xâu thì tình thế của chúng sẽ khó khăn thêm.

Do đó, ngày 7/4/1908, sứ ra lệnh bắt ngay ông Lê Tựu Khiết và 10 ông tú, cử khác đã tham gia hội nghị, chiều 7/4, sứ cho lính hỏa tốc lên trại canh nông ở làng Tình Phú (Nghĩa Hành) bắt ông Nguyễn Bá Loan, ngày 8/4 bắt luôn ông Nguyễn công Phương và tất cả những nhân vật khác trong hội Duy Tân. Đồng thời, sứ Quảng Nghĩa cũng hỏa tốc thông tri cho Quảng Nam tìm bắt các ông Lê Ngung, Trần Kỳ Phong; cho Bình Định, Phú Yên tìm bắt các ông Phan Long Bằng... đang hoạt động trong phong trào chống thuế, chống xâu ở các tỉnh ấy.

Lúc này quân chúng đang tức trực vây quanh tỉnh thành, quyết đòi cho được yêu sách giảm thuế, giảm xâu. Chiều ngày 7/4/1908 quân chúng biết tên Phạm Kế Năng báo cho sứ bắt các nhà lãnh đạo hội Duy Tân. họ liền phái người (1) kéo lên làng Ri (2) bắt vợ con

(1) Theo *Quảng Nghĩa tỉnh chí*, đã dẫn thì số người kéo lên bắt vợ con tên Phạm Kế Năng là 4.000 người.

(2) Trước khi Pháp bắt các nhà lãnh đạo hội Duy Tân thì tên Phạm Kế Năng còn làm chức chánh quản, đồn trưởng đồn khố xanh đóng ở vùng làng Ri, nên vợ con hắn ở đó.

tên Phạm Kế Năng đem về nhốt lại tại làng Xuân Quang Tư Nghĩa, ở cách phía đông tỉnh thành 4 km.

Chiều ngày 8/4/1908, sứ Đô-đê đã ra lệnh cho lính đứng từ trên thành tỉnh bắn xuống dân chúng đang vây quanh thành, tại địa điểm « Trường tập » ở phía cửa Nam, làm chết 7 người và nhiều người bị thương.

Trước sự khùng bố dã man của Pháp, quần chúng đã không lùi bước. Những người chỉ huy quần chúng vây thành, lập tức tổ chức khám liệm và làm lễ « tế » những người vừa bị hy sinh ngay tại sát chân thành, phát động đồng bào tiếp tục siết chặt hàng ngũ, tiếp tục đấu tranh. Tất cả những người đang vây thành đòi giảm thuế, giảm sưu đều đeo băng tang và thề không lùi bước. Khí thế cuộc đấu tranh càng tăng lên : nhân dân khắp các phủ, huyện đã bắt đầu có phong trào quần chúng tự động bắt giam và đập phá nhà cửa, dinh thự của bọn tay sai của Pháp, và đã bắt đầu có những cuộc xung đột với binh lính địch như cuộc xung đột với lính khố xanh ở Thu Xà (theo « Quảng Nghĩa tỉnh chí », 1933 đã dẫn) và cuộc đánh phá dinh cơ tên đại Việt gian Nguyễn Thân ở làng Phú-Thọ, Tư Nghĩa (Theo Trần Huy Liệu—Lịch sử 80 năm đấu tranh chống Pháp).

Trước tình hình đó, Pháp đã điều lính Tây và lính

khố đỏ ở Bắc kỳ kéo vào tiếp viện (1) cho Quảng Nghĩa để cho Pháp giữ vững tình thế. Khoảng 3 giờ sáng ngày 14/4/1908, Pháp cho tên Phạm Kế Năng, lãnh binh, đem độ 100 lính (2), theo đường cống từ trong thành chui ra phía cửa Bắc thành, đi vòng xuống làng Xuân Quang để giải thoát cho gia đình Năng đang bị giam ở đó. Trong khi hành quân, bọn Năng đã xả súng bắn bừa vào quần chúng làm chết hơn 150 người và nhiều người bị thương (3). Nhân dân Xuân Quang và các vùng xung quanh nghe súng nổ, lập tức nổi mõ, trống từ làng này sang làng khác. Sau đó nhân dân các phủ, huyện trong tỉnh lại tiếp tục kéo về tỉnh thành ngày càng đông. Sứ Đô đề buộc phải dùng lính Tây « sơn đầm » và khố đỏ giữ thành, còn lính tập phải bung ra đón các ngã đường xung quanh đi về tỉnh để chặn dân lại, giảm bớt áp lực cho tỉnh thành.

Cuộc khủng bố kéo dài từ ngày 8 cho đến 17/4/1908, đặc biệt là từ ngày 14 đến ngày 17/4 đã làm cho lực lượng quần chúng bao vây tỉnh thành đòi giảm thuế, giảm sưu dần dần và chấm dứt.

Sáng sớm ngày 23/4/1908, Pháp đã đem chém các

(1), (2) *Quảng Nghĩa linh chí*, đã dẫn, và trong « *Bát ca vận động binh lính* » của ông Nguyễn Thụy đã in trong *Non nước xứ Quảng* đã dẫn cũng có mấy câu: quân sơn đầm (Đồng bào Quảng Nghĩa thường gọi lính thuộc địa người Pháp là lính sơn đầm hay sơn đá), lính khố đỏ, lính giả nhơn kinh, hay quân minh.

(3) *Quảng Nghĩa linh chí*, đã dẫn.

ông Nguyễn Bá Loan, Lê Tụ Khiết (1), Trần Chót và Nguyễn Đển (hai ông này đã chỉ huy dân kéo lên làng Ri bắt vợ con Phạm Kế Năng), tại bờ xe nước, thuộc địa phận làng Ba Na, ở phía đông tỉnh thành Quảng Nghĩa. Các ông Phạm Mỹ (2) Phạm

(1) Lê Tụ Khiết người làng An Ba, huyện Nghĩa Hành, thi đậu cử nhân, được cậu ruột là Nguyễn Tấn làm tiểu phủ sứ Sơn phòng cất nhắc lên chức tán tướng quân vụ Sơn phòng. Năm 1885 Khiết đã theo Nguyễn Thân đi đánh lại nghĩa quân Cần vương ở Quảng Nghĩa, Bình Định, Quảng Nam và Nghệ Tĩnh, bị Phan Bội Châu viết trong *Việt Nam vong quốc sử*, gọi Lê Tụ Khiết là một tên chó dữ. Khi đã về hưu, Lê Tụ Khiết được đọc Phan Bội Châu chửi mình, song Lê Tụ Khiết không giận, mà lại tỏ ra ăn năn hối lỗi, tích cực tham gia phong trào Duy Tân chống Pháp. Trước khi bị chém, Lê Tụ Khiết đã nói: "Cái vết nhơ của thân ta nửa đời trước nay được đem dòng máu ở cổ này chảy ra rửa sạch, thật là điều vinh hạnh cho ta (theo "Phan Bội Châu câu thơ dạy sóng" của Triều Dương, Báo Văn Nghệ, số 12 (645) ngày 13/5/1976, trang 6).

(2) Phạm Mỹ, người làng Nghĩa Trang, phủ Tư Nghĩa là một trong những người hoạt động tích cực trong phong trào Duy Tân và kháng thuế. Trong vụ kháng thuế ông đã được hội Duy Tân cử vào ban lãnh đạo. Khi dịch xử án ông, chứng nó viết: "Phạm Mỹ, kỳ nhân tiểu tiểu, kỳ thanh bảo hảo, kích động bạo loạn, nghĩ ứng xử giáo" (ý là: Phạm Mỹ người nhỏ nhỏ, tốt giọng, chuyên đi kích động dân làm loạn, xét án nên xử treo cổ).

Tuân (1) sau đó cũng bị bắt và bị địch kết án xử giao giam
hậu. Những người được hội Duy Tân phái đi hoạt
động ở các tỉnh thì: ông Phan Long Bằng bị địch bắt
và bị xử chém ở gần tỉnh thành Bình Định (2), ông Lê
Đình Cơ bị bắt ở Phú Yên, hai ông Trần Kỳ Phong và

(1) Người làng Tịnh Hòa, Sơn Tịnh, cũng bị địch xử giao
giam hậu như ông Phạm Mỹ, song không bị xử tử. Sau ông
lại tham gia cuộc khởi nghĩa do Hội Việt Nam Quang phục
miền Nam Trung bộ lãnh đạo, đã bị địch xử tử 1916.

(2) Phan Long Bằng sinh năm 1888 tại làng Thanh Sơn, xã
Phổ Cường, huyện Đức Phổ, tác giả các bài « Bỏ hết thói hư
lật xấu » và « Nợ nước đã vay thì phải trả » (xem *Tài
văn cách mạng Quảng Nghĩa*, Hội Văn nghệ tỉnh Nghệ An
xuất bản 1975). Khi ông bị xử chém ở Bình Định, các nhân
sĩ Bình Định có bài thơ điệu ông như sau :

« Đồng bào kháng thuế dậy cơn giông,

Nói đến Đồ Bàn, nói đến ông.

Cây bút nhà văn gây sóng gió,

Soi gương cửa võ rang non sông !

Tám gương anh kiệt to tay bẻ,

Lưỡi kiếm quân thù nhẹ tựa lông!

Hoa cỏ Thanh sơn thơm khí tiết,

Trăng nước sông Trà rạng nghĩa nhân.»

(Văn thơ cách mạng Quảng Nghĩa, đã dẫn).

Lê Ngung bị bắt ở Hội An Quảng Nam (1) v.v... Tất cả đều bị địch kết án tù chung thân và đều bị đày đi các nhà tù Côn Đảo, Lao Bảo, Ba Tơ, Phan Thiết, làng Ri... (2).

Trong lúc phong trào chống thuế, chống xâu ở 6 phủ huyện đồng bằng đang nổi lên long trời, lở đất, thì đồng bào dân tộc ít người ở Hạt Ba Tơ kéo về đánh phá quân Sơn phòng ở đèo Đức Phồ (nằm ở làng Vạn Lý, tổng Phồ Cẩm trên đường từ Thạch Trụ đi Ba Tơ) (3). Đây là một sự phối hợp giữa phong trào chống Pháp của đồng bào các dân tộc ít người

(1) Theo báo cáo của công sứ tỉnh Quảng Nam gửi cho khám sứ Trung Kỳ 27/10/1908 thì: Trần Kỳ Phong và Lê Ngung bị bắt nơi nhà ông Bá Mai tại làng Thanh Châu, gần cửa Đáy (Đại) ở Faifo vào ngày 23/10/1908. Địch có bắt được nơi Trần Kỳ Phong các tài liệu (Récit) về Phan Bội Châu hay Sào Nam Tử. Những bài ca của Tăng Bạt Hồ, của Nguyễn Hiệp, Vương Thúc Quý và Lương Á Thành. Theo báo cáo của Công sứ Quảng Nghĩa, gửi khám sứ Trung Kỳ ngày 28/10/1908 thì các ông Trần Kỳ Phong, Lê Ngung trước khi bị bắt ở Hội An đã từ phía Trà Bồng, Trà Mi đi ra đến căn cứ của Đê Thám ở Bắc kỳ. Ở đó qua Mười Ty, các ông Trần Kỳ Phong, Lê Ngung đã gửi thư về cho các ông Cử Cần, Cử Quảng.

(2) Di đày Côn Lôn: Trần Kỳ Phong, Nguyễn Đình Quảng án chung thân. Nguyễn Tuyên, Phạm Cao Châm, Nguyễn Thụy (Cử Suy), huyện Mai tức là huyện Sầm, người làng Kim Giao, Liên Chiêu án tù 9 năm. Ông Lê Bình Cơ bị đi đày Lao Bảo, còn lại đày đi Phan Thiết, Ba Tơ, làng Ri.

(3) *Quảng Nghĩa tinh chí*, 1933 đã dẫn (đoạn nói về quân Sơn phòng).

ở miền núi với phong trào yêu nước chống Pháp của đồng bào ở đồng bằng trong tỉnh Quảng Nghĩa.

..

Cao trào chống thuế, chống sưu của nhân dân Quảng Nghĩa kéo dài được 1 tháng (24/3 đến 23/4/1908), đã cùng với phong trào chống thuế, chống sưu của nhân dân các tỉnh Trung kỳ làm cho nền thống trị của thực dân Pháp và phong kiến tay sai bị rung chuyển dữ dội: Tuy phong trào bị khủng bố ác liệt phải tan rã, song đã buộc thực dân Pháp sau đó phải tuyên bố giảm bớt thuế, sưu cho nhân dân. Riêng tại Quảng Nghĩa, thực dân Pháp đã phải tuyên bố:

– Thuế thân, trước 2, 6 đồng, giảm xuống 2, 1 đồng.

– Sưu, trước phải đi làm liên miên không hạn định (đề đắp cáo đường Mộ Đức cũ đi Ba Tư, thị xã Quảng Nghĩa đi Nghĩa Hành, Di Lăng, Sơn Tịnh đi Sơn Hà v.v...) nay thì mỗi người tráng đinh mỗi năm chỉ đi làm 3 ngày công ích, ai không đi được thì có thể nạp 2 hào bạc trắng thay cho 1 ngày sưu. Ngoài ra, Pháp còn phải thay đổi một số quan lại mà nhân dân đã đòi trừng trị.

Sự nhượng bộ đó chỉ là một chính sách lừa mị của thực dân Pháp để xoa dịu phong trào chống thuế, chống sưu của nhân dân, vì sau đó không lâu Pháp lại tìm cách tăng thuế, sưu lên cao hơn.

3) Cuộc nổi dậy chống thuế, chống sưu của nhân dân Quảng Nghĩa có những điểm nổi bật đáng chú ý sau đây:

Một là, cũng như phong trào chống thuế, chống sưu ở các tỉnh Trung kỳ, cao trào chống thuế, chống sưu ở Quảng nghĩa, tuy có chịu ảnh hưởng trực tiếp và sâu sắc của cuộc vận động yêu nước, chống Pháp do Hội Duy Tân Quảng Nghĩa khởi xướng, song căn bản, đó

là một phong trào tự phát (1) của đông đảo nhân dân chủ yếu là nông dân trong tỉnh nổi lên chống lại các chính sách khai thác, vơ vét thuộc địa, trước hết là chính sách thuế, xâu đã man tàn bạo của thực dân Pháp và bè lũ triều đình phong kiến tay sai lúc bấy giờ.

Tinh tự phát của phong trào quán xuyên từ lúc mới nổ ra cho đến lúc kết thúc, tự phát cả trong nội dung, kiểu cách và hình thức đấu tranh, tất cả đều tự phát tiến lên từng bước theo những bức xúc mà trong quá trình đấu tranh phong trào đã gặp phải, nhất là những bức xúc do các chủ trương khủng bố đàn áp của thực dân Pháp.

— Hai là, nội dung đấu tranh của phong trào lúc đầu chỉ có một khẩu hiệu xin giảm thuế, dần dần do những bức xúc mới, khẩu hiệu đấu tranh cũng dần dần

(1) Theo cụ Nguyễn Công Phương, người đã trực tiếp tham gia phong trào Duy Tân và phong trào kháng thuế, thì mãi đến ngày 3/4/1908 tức là sau khi phong trào kháng thuế đã nổ ra 10 ngày, các nhà lãnh đạo Duy Tân mới họp bàn để tìm cách lãnh đạo phong trào. Song đến 7/4/1908 thì các nhà lãnh đạo hội Duy Tân đều bị bắt, và từ đó phong trào chống thuế, chống xâu trong tỉnh lại tự phát tiến lên với những nội dung và hình thức mới cao hơn, không dự định trước.

Ngoài ra, chúng tôi mới tìm được 2 bài thơ của các ông Nguyễn Đình Quảng và Phạm Cao Đài là những người có vai trò chủ chốt trong hội Duy Tân làm ra sau vụ kháng thuế, nói rõ phong trào chống thuế, chống xâu là do « dân làm ra chịu », tức là không phải do hội Duy Tân chủ trương và lãnh đạo. Bài thơ ông Nguyễn Đình Quảng có câu « Dân cực ta nay sướng được nào, Dân làm ta chịu có sao đâu ». Bài thơ của ông Phạm Cao Đài có câu « Ai bày, ai biểu sự xin này, tôi báo thân khổ cực bấy lâu... » xin xem 2 bài thơ phần phụ lục.

tiến lên đòi bỏ thuế đinh, bỏ thuế muối... giảm thuế điền, giảm xâu, bỏ các khoản thuế phụ gia bách phân, kèm theo các thứ thuế, rồi đòi trừng trị tham quan ô lại, ác bá cường hào... đặc biệt là sau ngày 7/4 năm 1908, khi thực dân Pháp ra lệnh bắt những nhà lãnh đạo hội Duy Tân có uy tín trong tỉnh, thì phong trào đã tiến lên với khẩu hiệu chống khủng bố và phong trào đã dùng bạo lực đánh phá, trừng trị thẳng vào bọn tay sai Pháp trong tỉnh (như vụ bắt gia đình Phạm Kế Năng và đánh phá dinh Cần chánh Nguyễn Thân).

— Ba là, phong trào bắt đầu từ hình thức « xin thuế » một cách *hợp pháp, hòa bình*, với quy mô 400 quần chúng ở trong một vùng Bình Sơn, dần dần phong trào đã tiến lên những hình thức vừa hợp pháp, vừa nửa hợp pháp với quy mô hàng ngàn quần chúng ở nhiều huyện cùng kéo về tỉnh đấu tranh, rồi phát triển lên quy mô toàn tỉnh mang những nội dung mới vừa *kinh tế, vừa chính trị mang tính chất phản kháng chế độ bằng bạo lực của quần chúng khá cao*. Và chừng nào đó, phong trào chống thuế, chống xâu ở Quảng Nghĩa đã bắt đầu có sắc thái của *một cuộc nổi dậy tự giành lấy quyền làm chủ ở nông thôn*, nếu không muốn nói là sắc thái của một cuộc khởi nghĩa của nông dân chống lại chế độ thuộc địa của thực dân Pháp.

Cao trào đấu tranh chống thuế, chống xâu của nhân dân Quảng Nghĩa, một bộ phận của cao trào chống thuế, chống xâu của nhân dân Trung kỳ đã xẹp xuống, song cuộc đấu tranh long trời lở đất đó của nông dân đã làm cho chế độ thực dân Pháp và phong kiến tay sai một phen rung chuyển dữ dội, đã làm nổi bật vai trò và khả năng hết sức to lớn của nông dân Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ Việt Nam, đã

bước đầu chỉ ra cho các phong trào yêu nước chống Pháp sau đó những nội dung và hình thức đấu tranh mới mà cách mạng dân tộc dân chủ Việt Nam có thể theo nó để tập hợp phát động nhân dân, nhất là nông dân Việt Nam vùng lên đấu tranh sinh tử với thực dân Pháp và bọn phong kiến tay sai để giành độc lập và dân chủ.

Tóm lại, cao trào chống thuế, xâu của nhân dân Quảng Nghĩa, cũng như cao trào ấy ở các tỉnh Trung kỳ, là một cao trào đấu tranh kinh tế, chính trị xã hội toàn diện rất quyết liệt và sâu sắc. Đó là *phong trào yêu nước dân chủ* của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp và triều đình phong kiến tay sai vào đầu thế kỷ XX, chứ *không phải là một « phong trào cải lương »* như có người đã nhận định (1).

IV. CUỘC VẬN ĐỘNG KHỞI NGHĨA CỦA HỘI VIỆT NAM QUANG PHỤC MIỀN NAM TRUNG BỘ (2) (1908-1916)

Sau khi phong trào « khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh » và phong trào chống thuế, chống xâu bị khủng bố, những hoạt động yêu nước chống Pháp bằng những hình thức công khai, nửa công khai không thể tiếp tục. Những hội viên trung thành của Hội Duy Tân

(1) Trong chú thích bài thơ « Quay về một mối » trong *Thơ văn yêu nước cách mạng Quảng Nghĩa*, soạn giả đã viết: Ông Trương Quang Cận, người làng Trà Bình (nay là xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh), tham gia hoạt động trong phong trào *cải lương chống thuế* và Duy Tân khởi nghĩa (chúng tôi gạch dưới chữ cải lương Chống thuế - BD).

(2) Chúng tôi viết phần này, chủ yếu là dựa vào tài liệu của cụ Nguyễn Công Phương đã dẫn.

còn lại vẫn tiếp tục bí mật động viên thanh niên yêu nước đi ra nước ngoài du học.

Cuối 1908, theo các mối liên lạc sẵn có với phái « Đông du » của Phan Bội Châu ở nước ngoài, các nhà yêu nước Quảng Nghĩa đã tổ chức cho Nguyễn Bình người phủ Bình Sơn sang Trung Quốc du học. Khi Nguyễn Bình đi rồi, ông Tú Võ Hàng, người Bình Sơn viết thư cho Phạm Huyền người ở thị xã Quảng Nghĩa biết. Phạm Huyền đã đưa thư ấy cho Tuần vũ Quảng Nghĩa là Đoàn Đình Nhân đọc. Nhân lập tức bắt Võ Hàng. Song nhờ Võ Hàng không khai thêm, nên số hội viên cũ của hội Duy Tân còn lại vẫn tiếp tục bí mật hoạt động.

Đầu 1909, các ông Nguyễn Diên, người Trung Sơn, Bình Sơn; Lê Triết, người Hiệp Phò, Nghĩa Hành, Bùi Phú Đặc tức Bùi Phú Thiện người Thu Phò, Tư Nghĩa và Nguyễn Công Mậu, người Hòa Vinh, Nghĩa Hành đã tìm bắt liên lạc được với ông Thái Phiên (1) ở Quảng Nam để cùng bàn kế tiếp tục hoạt động chống Pháp. Sau đó, trong một cuộc họp gồm những nhà yêu nước ở hai tỉnh Quảng Nghĩa, Quảng Nam, mọi người đều đồng ý với quan điểm của ông Đỗ Tự; người Quảng Nam nói rằng: « Chúng ta không chờ các ông ở nước ngoài, ta phải lo phần ta ». Theo quan điểm đó, hội nghị đã quyết định:

— Một là, dựa vào cơ sở lãnh kiện (thầu khoán) của

(1) Theo cụ Phan Bội Châu viết trong *Phan Bội Châu niên biểu* thì ông Thái Phiên là người thường gửi tiền ra giúp cụ Phan và những nhà yêu nước Việt Nam đang ở Nhật trong những năm 1906 — 1907. Song lúc này ông Thái Phiên đã mất liên lạc với cụ Phan Bội Châu.

ông Thái Phiên đề đi chấp nối liên lạc với các nhà yêu nước chống Pháp từ Quảng Bình vào đến Bình Thuận (phạm vi hoạt động thầu khoán của ông Thái Phiên) Đồng thời qua công việc lãnh biện mà làm tài chính cho cách mạng.

— Hai là, tiếp tục chọn thanh niên yêu nước có chí khí cho ra học ở nước ngoài để chuẩn bị nhân tài cho tương lai.

— Ba là, tích cực vận động binh sĩ địch để sử dụng sau này (theo cụ Nguyễn Công Phương, sở dĩ có chủ trương ấy là vì trong hội nghị này các cụ đã bàn đến việc dùng bạo lực đánh đuổi Pháp).

— Bốn là, tìm mọi cách bắt liên lạc với các nhà cách mạng ở nước ngoài, nhất là với cụ Phan Bội Châu.

Như vậy, năm 1909, một tổ chức yêu nước chống Pháp mới, gồm phần đông là người trong hội Duy Tân, trước kia còn sót lại, đã hình thành. Tuy chưa có một đường lối, phương hướng hoạt động rõ rệt, song tổ chức yêu nước mới hình thành này đã tự bỏ các hình thức đấu tranh kinh tế, văn hóa một cách công khai hợp pháp của hội Duy Tân cũ mà đã đi hẳn vào con đường hoạt động bí mật, có ý thức chuẩn bị cho việc dùng bạo lực nổi dậy đánh đuổi Pháp, khôi phục nền độc lập cho đất nước.

Sau cuộc họp tại Quảng Nam, các nhà yêu nước chống Pháp trong tỉnh Quảng Nghĩa đã tích cực móc nối, hình thành tổ chức yêu nước chống Pháp trong tỉnh, đẩy mạnh việc chọn người đưa đi học ở nước ngoài và đẩy mạnh công tác vận động binh lính địch...

Về công tác vận động binh lính địch thì Quảng Nghĩa đã mạnh dạn chọn những người yêu nước, có ý chí cách mạng vững đưa vào quân đội địch để vừa làm công

tác vận động binh lính vừa làm những công việc cách mạng trong lực lượng địch sau này. Ngoài ra các cụ ở Quảng Nghĩa còn sử dụng một số tù chính trị còn bị giam tại lao Quảng Nghĩa (như ông Phạm Cần, người Bình Sơn) để làm công tác binh vận. Nhờ đó, đến 1913 Quảng Nghĩa đã cầm được 14 người cách mạng vào nằm trong quân đội địch và vận động được một số đông binh lính địch trở thành cơ sở hoặc cảm tình với cách mạng.

Về công tác đưa thanh niên yêu nước đi du học, năm 1909 và 1910, Quảng Nghĩa đã đưa đi học được 6 người.

1) Vũ Quán là người Trung Sơn, Bình Sơn (1)

2) Phạm Cao Đài (2), người làng Xuân Phổ, phủ Tư Nghĩa.

(1) Vũ Quán sang Trung Quốc mang tên Lâm Quán Trung. Sau khi học xong trường sĩ quan Bắc Kinh, Vũ Quán về hoạt động ở biên giới Việt-Trung (vùng Quảng Đông), chuẩn bị tổ chức lực lượng để về nước đánh Pháp. Tháng 3/1912 Vũ Quán tham gia bộ chấp hành của hội Việt Nam quang Phục do Phan Bội Châu sáng lập, được phân công là ủy viên chấp hành phụ trách Vận động trong nước (Trung kỳ). Sau khi bệnh não, chết ở Quảng Đông Trung Quốc (theo *Phan Bội Châu niên biểu*).

(2) Phạm Cao Đài sang Trung Quốc mang tên là Nguyễn Yên Chiêu, học trường quân nhu Bắc Kinh. Học xong, tham gia hội Việt Nam quang phục, được cử vào Bộ chấp hành của hội, phụ trách bộ Văn học (theo *Phan Bội Châu niên biểu*). Sau đó bị Pháp bắt, đày đi Côn Lôn. Tại đây, năm 1918, Phạm Cao Đài đã cùng các ông Hy Cao, Nguyễn Đình Kiên và Cửu Cai (người Quảng Trị) kết bè vượt ngục Côn Đảo, trốn sang Quảng Đông rồi đi Thượng Hải. Phạm Cao Đài, Nguyễn Đình Kiên đều bị Phan Bá Ngọc bắt nộp cho Pháp. Sau Phạm Cao Đài bị bệnh chết ở nhà pha Hỏa lò Hà Nội (Theo bài *Cuộc cự sưu Trúng kỳ* của cụ Huỳnh Thúc Kháng, in trong *Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng*. Nhà xuất bản Văn học Hà Nội, năm 1965. Trang 166-167).

3) Võ Tùng (3) người làng An Tây, Đức Phổ.

4) Đào Trọng Đường người làng Hành Trung, Nghĩa Hành.

5) Huỳnh Long Thạnh tức Vĩnh San (hay Vĩnh Sanh), người làng Lâm Điền, Mộ Đức.

6) Lê khôi Luân (1) người làng La Hà, tổng Nghĩa Hà, Tư Nghĩa.

Như vậy, đến đầu 1913, phong trào yêu nước chống Pháp trong tỉnh Quảng Nghĩa đã khôi phục và đang phát triển. Tuy nhiên, cho đến lúc này, phong trào yêu nước chống Pháp trong tỉnh Quảng Nghĩa vẫn chưa có phương hướng, đường lối chính trị rõ rệt, nên mọi hoạt động vẫn còn dè dặt, hạn chế.

..

(3) Võ Tùng khi sang Trung Quốc mang tên Lưu Khải Hồng, học trường quân nhu Bắc Kinh. Học xong về làm việc trong « quán Lữ - Tích » tại Quảng Đông, cùng Vũ Quán lo tổ chức lực lượng để phục quốc. Tham gia hội Việt Nam quang phục. Sau sang Alem, ở đây ông tham gia Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội (trong Việt Kiều). Tháng 5-1929 Võ Tùng đã tham gia dự đại hội Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội họp ở Hồng Kông (theo Quang Hưng và Quốc Anh viết theo tạp chí *Khoa học xã hội* của Việt Kiều xuất bản ở Pa-ri (Pháp). Sau đó bị bắt đày Lao Bảo.

(1) Lê Khôi Luân là con trai của Cử nhân Lê Đình Căn. Lúc còn ở Trung Quốc, Luân đã thoát hóa. Sau về nước vẫn được Pháp để cho tự do, không thấy Pháp xử lý gì. Cuối 1944 lúc Nhật đã căn bản thống trị Đông Dương, Lê Khôi Luân đã lập ra Ủy ban độc lập ở Quảng Nghĩa, lôi kéo quần chúng ủng hộ quân Nhật, chống lại Việt Minh.

Sau khi cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) của Trung Quốc, do Tôn Trung Sơn lãnh đạo thắng lợi, Phan Bội Châu từ Xiêm trở lại Quảng Đông Trung Quốc. Tháng 2 năm Nhâm Tý (3/1912) Phan Bội Châu lập ra hội Việt Nam Quang phục. Tôn chỉ của Hội là: đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nền độc lập của nước Việt Nam, thành lập nhà nước Cộng hòa dân quốc Việt Nam (1).

Đầu 1913, Lâm Quán Trung, tức Vũ Quán với danh nghĩa là ủy viên Bộ chấp hành hội Việt Nam quang phục, từ Trung Quốc về gặp ông Thái Phiên để cùng lo xúc tiến việc xây dựng phân bộ hội Việt Nam quang phục ở Trung kỳ. Thế là phân hội bộ Việt Nam quang phục miền Nam Trung bộ được thành lập (2). Thành phần của hội lúc đầu gồm một số người trong hai tỉnh Quảng Nghĩa, Quảng Nam đã liên lạc với nhau hoạt động từ 1909 đến bây giờ. Chủ trương của hội Việt Nam quang phục miền Nam Trung Bộ lúc này, ngoài các chủ trương cũ như vận động phát triển lực lượng hội, tích cực vận động quân đội địch... hội còn có 2 chủ trương mới:

— Một là tích cực vận động các nhà yêu nước chống Pháp trong các phong trào trước vừa ở tù ra như các ông Nguyễn Thụy (Cử Suy) ở Quảng Nghĩa, ông Trần Cao Vân ở Quảng Nam... gia nhập hội.

— Hai là, cử các ông Bùi Phú Đặc tức là Bùi Phú Triệu và Nguyễn Công Mậu đi sang Xiêm để lo đặt mối liên hệ với Việt Nam quang phục hội ở hải ngoại.

(1) Theo Phan Bội Châu niên biều.

(2) Theo Lâm Quang Thu, trong Quảng Nam, địa lý, lịch sử nhân vật Thanh Hóa xuất bản 1974.

Khi hai ông Bùi Phú Đặc và Nguyễn Công Mậu sang đến Xiêm thì hai ông chỉ gặp được ông Hùng Lục (có lẽ là Hường Lục) người Quảng Nam và ông Đinh Hữu Tôn) người Phan Thiết, được hai ông Lục và Tôn cho biết: các cơ sở cách mạng của ta ở Trung Quốc (Quảng Đông), đã bị Long Tế Quang khủng bố, cụ Phan Sào Nam đã bị bắt (1). Còn ở Xiêm thì Pháp đã ký hiệp ước với Xiêm, nên các hoạt động cách mạng của người Việt ở Xiêm cũng đang gặp nhiều khó khăn.

Trong khi hai ông Bùi Phú Đặc và Nguyễn Công Mậu sang Xiêm thì cuộc chiến tranh Pháp—Đức (1914) bùng nổ. Cơ sở cách mạng trong các tầng lớp nhân dân yêu nước, kể cả trong binh sĩ người Việt trong quân đội Pháp ở hai tỉnh Quảng Nghĩa, Quảng Nam phát triển khá. Ở các tỉnh Thừa Thiên, Bình Định... cũng đã bắt đầu có cơ sở. Trong số cơ sở chống Pháp ở Quảng Nghĩa có một linh mục gốc người Đức, mang tên Việt là Cố Hoàng cai quản địa phận đạo Bàu Gốc (Mộ Đức). Và qua Cố Hoàng, ta đã liên lạc được với một thiếu tá gốc người Đức trong quân đội Pháp đóng ở đồn Mang cá (Huế).

Tháng 2/1915, đại biểu hai tỉnh Quảng Nghĩa, Quảng Nam họp nhau ở Đà Nẵng (2) để nghe hai ông Bùi Phú Đặc và Nguyễn Công Mậu báo cáo kết quả chuyến đi công tác qua Xiêm và bàn việc sắp tới.

Trong hội nghị này, ông Lê Ngung (Bình Sơn, Quảng Nghĩa) lại đề nghị tiến hành bạo động gấp, song các

(1) Theo Phan Bội Châu niên biên, thì cụ Phan bị Long Tế Quang bắt ngày 24/12 năm Quý Sửu (19/1/1914), đến 1916 mới được thả ra.

(2) Quảng Nam, địa lý, lịch sử, nhân vật, đã dẫn.

ông Thái Phiên, Nguyễn Thụy không đồng ý (1). Hội nghị đã nhận định tình hình các mặt chủ trương gấp rút tăng cường, chỉnh đốn thế lực, nhất là đẩy mạnh công tác vận động binh lính địch để khi có thời cơ thì chớp lấy khởi nghĩa đánh Pháp giành quyền độc lập cho đất nước.

Hội nghị đã phân công: ông Thái Phiên, Hoàng Công Mậu lo xây dựng lực lượng ở Quảng Nam và qua công tác linh biện (thầu khoán) mà lo tài chính cho cách mạng. Các ông Lê Ngung, Nguyễn Thụy lo xây dựng phong trào ở Quảng Nghĩa. Đặc biệt là phải gấp rút xây dựng căn cứ cách mạng ở miền núi và mở rộng một con đường sang Lào để tạo lợi thế cho tiến công và thế thủ trong khi khởi sự sau này.

Hội nghị còn giao cho Thái Phiên và Trần Cao Vân tìm mọi cách vận động vua Duy Tân tham gia phong trào để có danh nghĩa lôi kéo vận động các tầng lớp trên. Và giao cho Quảng Nghĩa tiếp tục tìm cách bắt liên lạc với Việt Nam quang phục ở Hải ngoại.

(1) Theo Nguyễn Công Phương trong *Quảng Nghĩa 1885 - 1945*, đã dẫn, thì tháng 12/1914 khi Cổ Hoàng báo tin cho biết vụ bạo động do Trần Hữu Lực chỉ huy đã thất bại, khi Trần Hữu Lực bị bắt và bị xử tử thì ông Lê Ngung đã có thư cho Thái Phiên đề nghị bạo động. Trong thư có câu « Pháp - Đức khai hãn chi nhật thị Việt Nam độc lập chi thời » (nghĩa là Pháp đánh nhau với Đức là thời cơ cho Việt Nam giành độc lập). Ông Thái Phiên khuyên ông Lê Ngung bình tĩnh và nói « Pháp nó thua một lần rồi thì 30 năm nữa nó cũng chưa chỉnh đốn lại được ». Ông Cử Nguyễn Thụy lại nói: « Ta làm bạo động vì toàn thể đồng bào, hay chỉ vì một số đồng bào, đồng chí bị khủng bố? Nếu vì toàn thể đồng bào thì được, nếu chỉ vì mấy trăm đồng chí, đồng bào bị khủng bố mà nổi dậy bạo động thì chưa được ».

Sau hội nghị này, phong trào các mặt ở Quảng Nghĩa Quảng Nam phát triển khá mạnh, nhất là công tác xây dựng căn cứ và công tác binh vận. Một vùng căn cứ từ Minh Long đã nối liền sang phía Ba Tư lan rộng ra phía Mang Đen (Kon Tum) và An Đô (Bình Định, một con đường xuyên sơn từ Nghĩa Hành, Minh Long, Ba Tư và xuyên sang Lào cũng được khai thông. Công tác vận động binh sĩ địch ở Quảng Nghĩa, Quảng Nam, Thừa Thiên chẳng những phát triển trong lính khố xanh mà còn nắm được khá đông lính mộ (đi qua Pháp) đóng ở Đà Nẵng và Huế (1). Cơ sở yêu nước chống Pháp trong các tầng lớp nhân dân ở Quảng Nam lên mạnh và đặc biệt là đã bắt đầu gây dựng cơ sở ở Thừa Thiên, Huế, Quảng Trị, Bình Định, Phú Yên và Kon Tum. Cái thế của cách mạng đã vững hơn cuối năm 1914 nhiều.

Chính trong thời gian đó, quân Pháp cứ tiếp tục bị Đức đánh cho thua liềng xiềng. Ý thức nổi dậy chống Pháp giành độc lập cho đất nước phát triển mạnh trong nhân dân, cả trong các tầng lớp trung gian, lớp trên, trong binh sĩ người Việt.

Trước tình hình đó, tháng 6 năm Ất Mão (1915), các nhà lãnh đạo hội Việt Nam quang phục ở Quảng Nghĩa

(1). Theo đồng chí Phạm Trung Mưu, cháu ông Phạm Cao Châm kể lại, sở dĩ công tác binh địch vận có kết quả là nhờ chủ trương mạnh dạn đưa người cách mạng vào lính địch vận động bên trong hàng ngũ địch. Ở Quảng Nghĩa đã có Trần Thêm, người An Điền, Võ Căn (Trà Khương), Trần Luân (Thị Phở) vào lính khố xanh và cử nhân Trần Thương (Đức Phở) vào lính mộ.

đã họp nhận định lại tình hình các mặt và cũng kết luận là « thời cơ khởi nghĩa đã chín múi », và đồng ý với đề nghị « gấp rút nổi dậy bạo động » của ông Lê Ngung. Hội nghị đã viết thư cho ông Thái Phiên, người lãnh đạo Việt Nam quang phục hội ở miền Nam Trung bộ, đề nghị gấp rút khởi sự. Trong thư có câu: « Thời hồ, thời hồ thời bất tái lai; kim nhật bất phản có đái hà thời » (nghĩa là: ôi thời cơ, ôi thời cơ, thời cơ không thể quay trở lại, thời cơ này mà không nổi dậy, còn ngồi yên chờ đến bao giờ?).

Tháng 9/1915, sau khi nhận được thư đề nghị gấp rút nổi dậy của Quảng Nghĩa, ông Thái Phiên lập tức triệu tập một cuộc hội nghị đại biểu các tỉnh miền Trung tại nhà ông Đoàn Bông, thư lại Bộ Hộ ở đường Đông Ba (Huế) để cùng bàn việc chuẩn bị khởi nghĩa. Cuộc họp này có mặt:

— Đại biểu Quảng Nam có: Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài, Đỗ Tự.

— Đại biểu Quảng Nghĩa có Lê Ngung, Nguyễn Thụy (Cử Suy), Lê Triết, Nguyễn Công Mậu (1).

— Đại biểu Thừa Thiên có Đoàn Bông.

— Đại biểu Quảng Bình có Nguyễn Chánh.

Hội nghị do ông Thái Phiên chủ trì đã thống nhất nhận định là: lực lượng cách mạng đã phát triển đều khắp trong các tỉnh miền Trung, có khả năng nổi dậy

(1) Theo Lâm Quang Thự trong sách đã dẫn nói trong hội này có cụ Nguyễn Công Phương. Song trong các hồi ký của Nguyễn Công Phương chỉ nói Nguyễn Công Mậu, không nói rõ Nguyễn Công Phương, chúng tôi viết theo hồi ký của cụ Phương.

đánh Pháp giành thắng lợi, và thời cơ cho một cuộc khởi nghĩa cũng đã chín muồi. Hội nghị đã bàn sâu về công việc tích cực chuẩn bị khởi nghĩa.

— Một là, trọng điểm khởi nghĩa ở các tỉnh Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Nghĩa, song đặc biệt là phải chiếm cho được Đà Nẵng để có đường thông thương với nước ngoài để tranh thủ viện trợ (lúc này trông vào nước Đức).

— Hai là, lực lượng khởi nghĩa gồm có các đội nghĩa quân (tân quân và dân binh), các lực lượng cách mạng trong lính tập (khố xanh) và lính mộ (chủ yếu là ở Đà Nẵng và Huế)..

— Ba là, để chuẩn bị quân trang, vũ khí cho cuộc khởi nghĩa, hội nghị đã giao lại cho Quảng Nam, Quảng Nghĩa xúc tiến mạnh việc rèn vũ khí quân cụ, may sắm quân trang quân dụng.

Hội nghị cũng đã chủ trương tích cực tuyển mộ trong quần chúng cách mạng, lấy thêm người bổ sung vào các đội « tân quân » để đủ sức mạnh vùng lên khởi nghĩa.

Đầu năm 1916, các ông Thái Phiên, Trần Cao Vân qua người lái xe của vua Duy Tân là Nguyễn Hữu Khánh (có sách nói là Phạm Hữu Khánh?) đã liên lạc và mời được vua Duy Tân tham gia phong trào chống Pháp giành độc lập tự do cho đất nước. Bấy giờ tình hình công tác chuẩn bị các mặt cho cuộc khởi nghĩa ở các tỉnh Quảng Nghĩa, Quảng Nam, Thừa Thiên... cũng thu kết quả tốt. Trung tuần tháng 3 năm Bính Thìn (4/1916) (1), các ông Thái Phiên, Lê Ngung, Nguyễn Thụy đã triệu

(1) Non nước xứ Quảng, đã dẫn.

tập một cuộc họp các nhân vật trọng yếu của Hội Việt Nam quang phục miền Nam Trung bộ tại làng Xuân Yên (1), Bình Sơn, để kiểm điểm lại toàn bộ tình hình và bàn kỹ kế hoạch nổi dậy khởi nghĩa.

Nội dung cuộc họp này đã bàn :

1) Cuộc khởi nghĩa sẽ cử hành vào giờ tý, ngày 2 tháng 4 năm Bính Thìn (1 giờ sáng ngày 3/5/1916).

2) Sẽ lấy danh nghĩa vua Duy Tân kêu gọi nhân dân nổi dậy đánh Pháp, giành độc lập cho đất nước « Phụng Kim Thương chi an dân cơ sở » (2). Sau khi khởi nghĩa thắng lợi sẽ lập : — một cơ quan lập pháp lấy tên là « Viện nhân dân đại biểu ».

— Một chính phủ gọi là « Viện hành chánh trung ương ». Dưới chính phủ Trung ương có các nha kinh lược, như Nam Nghĩa kinh lược Bình Phú kinh lược và Trị Thiên kinh lược...

+ Một Tổng thống đứng đầu Nhà nước.

(1) Quảng Nam, địa lý, lịch sử, nhân vật, đã dẫn, nói là họp ở làng Yên xuân, chợ Cầu Cháy. Ở vùng Cầu Cháy, Bình Sơn hiện có thôn Xuân Yên, thuộc xã Liên Trì, phủ Bình Sơn, là quê hương ông Đặng Xuân Phong-tức Cử Lạc là một nhân vật trọng yếu trong Duy Tân hội và Việt Nam quang phục hội lúc bấy giờ. Có lẽ họp ở làng Xuân Yên thì đúng hơn.

(2) Non nước xứ Quảng, đã dẫn nói là cuộc khởi nghĩa lấy danh nghĩa « Việt Nam quân chính phủ » ? Ở đây chúng tôi viết theo ý kiến của Lâm Quang Thự trong sách đã dẫn, vì qua nhiều cụ già ở Quảng Nghĩa còn nhớ thì đều nói là cuộc khởi nghĩa đã lấy danh nghĩa vua Duy Tân, nên ở Quảng Nghĩa thường gọi là « Cuộc khởi nghĩa Duy Tân ».

- Quốc kỳ (1)

- Thủ đô đặt tại Qui Nhơn (2)

Hội nghị đã chủ trương: khi cuộc khởi nghĩa nổ ra phải lập tức ban bố các chính sách như: bỏ thuế đinh, sửa đổi thuế điền, để cho dân được hưởng các quyền tự do dân chủ...

Cuộc khởi nghĩa sẽ khởi sự ở Huế trước, khi Huế khởi sự sẽ bắn súng thần công làm lệnh, tiếp đó trên đèo Hải Vân sẽ đốt lửa đề tin cho Quảng Nam, Quảng Nghĩa, Quảng Trị biết nổi dậy tiếp.

Lực lượng khởi nghĩa: ở Huế dựa vào lực lượng lính mộ đóng ở Mang Cá, do thiếu tá người Đức chỉ huy và lực lượng dân binh. Ở Đà Nẵng dựa vào dân binh, lính mộ, lính tập. Ở các nơi khác: Quảng Nam, Quảng Nghĩa dựa vào tân quân và dân binh do hội Việt Nam quang phục hội tổ chức và các cơ sở cách mạng trong lính tập (khố xanh) của địch.

Hội nghị cũng đã bàn đến trường hợp khởi nghĩa không thành thì sẽ rút về phía các vùng núi Bà Nà (Quảng Nam) và phía Minh Long, Giá Vụt, Ba Tư, phía Quảng Nghĩa để kháng chiến lâu dài.

(1) Nguyễn Công Phương là người chỉ huy một cánh tân quân trong cuộc khởi nghĩa ở Quảng Nghĩa nói quốc kỳ « nền đỏ, có mặt trời màu vàng, xung quanh mặt trời có 5 sao vàng ». Lâm Quang Thụ và Phạm Trung Việt đều nói cờ nền đỏ có 5 sao trắng. Trong *Phan Bội Châu niên biểu* nói: « Hội Việt Nam quang phục định quốc kỳ nền vàng, sao đỏ, quân kỳ nền đỏ, sao trắng. Chúng tôi chưa xác định được.

(2) Theo Lâm Quang Thụ trong *Quảng Nam địa lý, lịch sử, nhân vật* đã dẫn nói lý do lấy Qui Nhơn vì cho là « Huế hẹp quá » khó tiến thủ.

Hội nghị đã cử một ban chỉ huy chung cho toàn bộ cuộc khởi nghĩa gồm các ông: Thái Phiên, Trần Cao Vân và Nguyễn Thụy.

Chỉ huy các cuộc khởi nghĩa ở các địa phương, hội nghị đã giao cho:

- Ở kinh đô Huế do Thái Phiên và Trần Cao Vân phụ trách.

Ở Quảng Nam do Đỗ Tự, Phan Thành Tài.

- Ở Đà Nẵng do Lâm Nhĩ, Lê Tường, Hồ Cẩm Vinh, Trần Ngọc Đạn.

- Ở Quảng Nghĩa do Lê Ngung, Nguyễn Thụy, Phạm Cao Châm...

- Các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Kon Tum, hội nghị giao cho Quảng Nghĩa chọn người cử đi giúp các tỉnh ấy (theo Nguyễn Công Phương thì Quảng Nghĩa đã cử Trần Kỳ Truyện, người Bình Sơn đi giúp Bình Định, Phú Yên. Phạm Quán người Bình Sơn đi giúp Kon Tum)

Hội nghị cũng giao cho Quảng Nghĩa lấy danh nghĩa của vua Duy Tân thảo một bản « Hiến chương » (hịch, hiệu triệu) để kêu gọi quốc dân hưởng ứng tham gia các cuộc khởi nghĩa. Quảng Nghĩa đã giao cho hai ông Võ Hàng người Bình Sơn và ông Cao Gia người Nghệ An (đều đương bị giam trong lao Quảng Nghĩa) thảo bản hiến chương ấy và ông cử Nguyễn Thụy duyệt lại rồi gửi ra cho ông Thái Phiên, Trần Cao Vân duyệt lại lần chót (1).

(1) Theo Nguyễn Công Phương, câu mở đầu của bản « hiến chương » viết « Thiên khải Thánh minh hữu bài Pháp, hung bong chi chí. Địa linh tuấn kiệt hữu truất dân thảo tặc chi quyền »... và « Phụ hoàng đế hà tội kiến thiên, Dục Tôn lãng hà cố kiến quật »... Nghĩa là: Vua anh minh có trí bài Pháp, hung bang; tuấn kiệt trong nước có quyền thương dân giết giặc. Và « Phụ hoàng đế của ta (Thành Thái) vì có gì mà bị đày, lãng vua Dục Tôn (Tự Đức) vì sao bị quật lên!...

Bản hiến chương đó đã được vua Duy Tân phê chuẩn, đóng kiem ấn, cho ban bố khi khởi sự.

Sau hội nghị Xuân Yên, các nhà yêu nước Quảng Nghĩa lại bắt tay kiểm tra lại toàn bộ tình hình địch, ta. Tổ chức và bố trí lại lực lượng để hưởng ứng cuộc khởi nghĩa theo kế hoạch chung.

Về lực lượng địch: Trong tỉnh Quảng Nghĩa lúc ấy có độ 450 tên (đa phần là lính khố xanh), 700 súng nạp hậu, 400 súng loại mới (còn đang tập dùng). Ngoài doanh trại chỉ huy và lực lượng quân sự đóng ở tỉnh thành do một người Pháp làm giám binh cai quản. Địch còn chia quân ra đóng ở các nơi trọng yếu như Thu Xà, Di Lăng, Nghĩa Hành, Ba Tư... Mỗi nơi độ 40 - 50 tên (đồn Nghĩa Hành do đội xếp Trần Luán, người của cách mạng chỉ huy).

Lực lượng vũ trang cách mạng: Ngoài cơ sở chính trị hoạt động trong nhân dân các vùng sẵn sàng nổi dậy khi có thời cơ, ta còn tổ chức được 600 tân quân, đã được huấn luyện trang bị chu đáo. Trong số đó, ba huyện Đức Phổ, Mộ Đức và Nghĩa Hành có 350 người

Lực lượng tân quân được tổ chức theo từng vùng, cứ 10 đến 20 người cử ra một cai, mỗi huyện cử ra một người chỉ huy gọi là quản. Quân phục của tân quân vải đen, mỗi người tân quân được cấp một dao tu (dài hơn dao tu của lính tập); nghĩa quân cũng đã có chế một số lựu đạn kềm, trong vỏ kềm có độn thuốc nổ và mảnh chai, có ngòi đốt như đốt pháo, đốt xong thì ném ra có thể làm bị thương một số người.

Cơ sở nằm trong quân đội địch, ta đã tổ chức được 150 người, và còn độ 150 người nữa đã được tuyên truyền, có cảm tình với cách mạng. Riêng đồn Nghĩa

Hành thì ta đã nắm toàn bộ 40 lính do Trần Luận chỉ huy.

Việc xây dựng căn cứ ở các vùng Minh Long, Di Lăng, Ba Tơ... cũng được tiến hành thuận lợi. Công việc lo sắm quân trang, vũ khí... đang gấp rút tiến hành. Việc rèn đúc vũ khí làm ở căn cứ Ba Tơ, Minh Long; may sắm quân trang chia về may ở các vùng có cơ sở mạnh, mỗi nơi một ít để khỏi lộ.

Sau khi kiểm điểm tình hình các mặt, các nhà lãnh đạo Việt Nam quang phục ở Quảng Nghĩa đã tổ chức hệ thống chỉ đạo, chỉ huy cuộc khởi nghĩa như sau:

Ban chỉ huy cuộc khởi nghĩa toàn tỉnh có các ông Lê Ngung, Nguyễn Thụy, Phạm Cao Châm,

Ban chỉ huy phía Nam tỉnh có Lê Triết và Nguyễn Khanh.

Ban chỉ huy phía Bắc tỉnh có Võ Phát và Trần Nghĩa

Ban chỉ huy Tân quân phía Nam có Nguyễn Công Phương, Trần Luận (đội khố xanh).

Ban chỉ huy tân quân phía Bắc có Nguyễn Hà và Trần Côn.

Ban Tài chính cung cấp toàn tỉnh có bà Hộ Gà (1) các ông Huỳnh Quang Tú và Nguyễn Công Mậu.

(1) Bà Hộ Gà tên là Võ Thị Đệ, vợ ông Đoàn Đức Thiện, mẹ ông Đoàn Cờ. Bà người làng Nhơn Hòa (Bình Cờ, Bình Sơn) là 1 điền chủ giàu có đến 1.800 ang giống lúa gieo. Bà là một nhà cách mạng chống Pháp, đã tham gia các phong trào Cần Vương, Duy Tân (Đông du) và là người có công lớn trong việc vận động tổ chức công việc tài chánh, quân nhu trong cuộc vận động khởi nghĩa 1916. Bà được tặng danh hiệu "Hộ quốc mẫu nghi" nên nhân dân gọi là bà Hộ Gà (Gà là tên con đầu lòng).

Về kế hoạch đánh chiếm tỉnh thành Quảng Nghĩa trong đêm 1 rạng ngày 2-4 Bình Thịn (đêm 2 rạng 3-5-1916) định như sau :

Tối đêm ấy, các ông Trần Thêm, Võ Cần sẽ bố trí cho cơ sở cách mạng của ta trong quân đội địch canh gác chiếm sẵn các khu vực trọng yếu, sẵn sàng đón và cùng với tân quân bên ngoài nổi dậy chiếm giữ lấy các đồn trại, kho tàng và toàn bộ tỉnh thành. Nếu vì lẽ gì đó mà bên trong không mở cửa thành đón được thì các đội tân quân phải dùng thang đã mang theo sẵn (mỗi thang dài 3 thước) mà trèo vào phía cửa đông tỉnh thành, cùng cơ sở ta ở trong thành hợp lực đánh chiếm tỉnh thành.

Khi chiếm được tỉnh thành sẽ bắt toàn bộ người Pháp và bọn quan Nam triều giam lại đợi lệnh, không được giết, (sinh cần pháp nhân, bất đắc vọng sát).



Đến cuối tháng 4-1916, mọi công việc chuẩn bị khởi nghĩa ở các tỉnh Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Nghĩa đều đã sẵn sàng chờ ngày khởi sự. Các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Kon Tum... chuẩn bị chưa kịp, có nơi xin hoãn ngày khởi sự, có nơi chỉ xin hưởng ứng thôi.

Nhưng đến chiều ngày 29-3 âm lịch (1-5-1916) do một sự bất cẩn của ông Võ Cự, người làng Long Phụng, Mộ Đức, là cơ sở trong lĩnh địch, mà công việc chuẩn bị khởi nghĩa trong tỉnh Quảng Nghĩa đã bị lộ. Nguyên là chiều 29 âm lịch, Võ Cự (Cai Cự) đang lo chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ của mình trong cuộc khởi nghĩa thì được lệnh phải dời vào đóng đồn ở Mộ Đức ngay trong đêm đó. Trước khi lên đường vào Mộ Đức, Võ

Cư đã gọi người em là Võ Trung, lính giản hầu cận của án sát Phạm Liệu, dặn rằng : « khi tôi đi rồi, anh em họ có làm gì, chú có tham gia thì tham gia, không thì đừng có nói gì ». Bị Võ Trung cất vấn, Võ Cư đem ý đồ khởi nghĩa nói rõ cho Võ Trung biết. Tối đó Võ Trung xin phép Phạm Liệu về quê thăm nhà. Thấy thái độ Trung khả nghi, Liệu tra vấn gắt gao, Trung liền thú hết với Phạm Liệu, nghe xong, Liệu ra lệnh bắt Võ Trung giam lại và cấp báo cho công sứ De Taste và Tuần Vũ Trần Tiến Hối đang đi « hành hạt » ở Bình Sơn biết (1). Được tin, công sứ Quảng Nghĩa lập tức trở về ra lệnh cấm trại, toàn bộ lính tập đang đóng trong và xung quanh thành tỉnh, đồng thời cho quân hỏa tốc vào Mộ Đức bắt Võ Cư. Cũng trong đêm ấy cho quân canh gác nghiêm ngặt các nơi xung yếu trong ngoài thành tỉnh và lùng bắt các nhân vật yêu nước nổi tiếng trong tỉnh mà đã bị Pháp nghi ngờ lâu nay. Song trong đêm đó, Pháp chỉ bắt được mỗi ông Huỳnh Quang Tú, ủy viên ban tài chính cung cấp của quân khởi nghĩa, còn tất cả các vị khác đều đã rời khỏi nhà đi làm nhiệm vụ chuẩn bị khởi nghĩa. Sáng ngày 1-4 âm lịch (tháng 3 không có ngày 30) (2-5-1916) địch điều lính khố đỏ từ Huế thêm vào và ngay đêm đó địch phân quân tăng viện cho các đồn lẻ xung yếu trong tỉnh và tiếp tục cuộc tuần tra, canh gác và lùng sục trong tỉnh một cách gắt gao.

Biết tin ông Võ Cư bị bắt, công việc khởi nghĩa đã bị lộ, ông Trần Thêm « lon ton » tòa sứ, lập tức thu đốt tất cả tài liệu, danh sách cơ sở cách mạng mà ông và một số bạn bè đã giữ. Ông Trần Thêm vừa đốt xong tài liệu thì đã bị Pháp ra lệnh cấm trại và tước vũ khí.

(1) Non nước xứ Quảng, đã dẫn.

nên tin bị lộ đó chỉ có cơ sở binh lính trong tỉnh thành biết, còn cơ sở cách mạng ở bên ngoài tỉnh thành mãi đến chiều 2-4-1916 mới hay tin.

Do các địa phương chậm được tin bị lộ như vậy, nên các cánh quân khởi nghĩa ở xa như Bình Sơn, ở Đồng Ké v.v... vẫn cứ tiếp tục kéo về núp phía bắc sông Trà Khúc, mãi đến khuya 2-5-1916 mới được lệnh giải tán. Cánh tân quân phía Nam do cụ Nguyễn Công Phương chỉ huy, song một phần do nhận được thư của các cơ sở trong binh lính bị cấm trại thúc ép, một phần do chưa nhận được lệnh bảo thôi không tiến hành cuộc khởi nghĩa như đã định, nên đêm 2-5-1916, cả cánh quân vẫn kéo về núp phía cầu Bàu Giang (La Hà) để nắm tình hình và đợi lệnh. Khuya 2 rạng 3-5-1916, biết chắc là địch đã canh gác, bố phòng cẩn mật xung quanh tỉnh thành, ngay cả ở núi Bút cũng có địch đóng, cánh tân quân phía Nam mới giải tán.

Thế là cuộc vận động khởi nghĩa của Hội Việt Nam quang phục trong tỉnh Quảng Nghĩa đến đêm 2 rạng ngày 3-5-1916 đã bị nghiền lại và thất bại.

Đồng thời với việc bại lộ ở Quảng Nghĩa, ở Huế, trước lúc khởi sự, vua Duy Tân đã được các ông Trần Cao Vân, Thái Phiên... đưa ra khỏi nội thành thì bị một tên thư ký tòa sứ Thừa Thiên, cũng người trong Hội Việt Nam quang phục phản bội, đi báo với tòa khâm sứ. Do đó Pháp lập tức cho lính đuổi theo đến núi Ngũ Phong ở làng Hà Trung bắt được nhà vua đem về nội thành Huế. Ở Quảng Nam cũng bị một tên Tuần Vũ hưu trí mang tài liệu nạp cho tòa sứ Hội An biết trước để phòng, đối phó (theo cụ Nguyễn Công Phương).

Thế là, gần như toàn bộ kế hoạch khởi nghĩa chống Pháp của hội Việt Nam quang phục miền Nam Trung Bộ chủ chương, tổ chức mấy năm ròng đã đổ vỡ trước giờ khởi sự (trừ ở Tam Kỳ, Quảng Nam, nghĩa quân có tấn công được phủ lý, giết được một số tên giặc). Thực dân Pháp một lần nữa lại dùng phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân ta trong khủng bố, tàn sát đẫm máu. Các lãnh tụ phong trào yêu nước Việt Nam quang phục miền Nam Trung Bộ như các ông Thái Phiên, Trần Cao Vân, Nguyễn Thụy, Lê Ngung... đều bị giặc Pháp bắt xử chém. Hàng trăm nhà yêu nước khác, kể cả vua Duy Tân đã bị thực dân Pháp bắt tù đầy. Riêng ở Quảng Nghĩa, trong cuộc vận động khởi nghĩa cứu nước này, các ông Nguyễn Thụy (1), Lê Ngung (2), Trần Thêm, Võ Cần (Võ Cự) Mai Tuấn (Sung Tích, Sơn Tịnh), Hứa Thọ (Tur Cung bắc, Sơn Tịnh) (3) đều đã bị giặc Pháp xử chém ngày 9-4 năm Bính Thìn (10-5-1916) và hàng trăm nhà yêu nước khác đã bị đày (bị đày đi Thái Nguyên là 34 người).

(1) Nguyễn Thụy (Cử Suy) người làng Hồ Tiểu (nên nhân dân thường gọi là ông Cử Hồ Tiểu) phủ Tư Nghĩa. 1908 ông đã tham gia phong trào Duy Tân, kháng thuế, bị kết án 9 năm và bị đày đi Côn Lôn. Trước 1915 ông được thả về và liền tham gia lãnh đạo phong trào vận động khởi nghĩa của Việt Nam quang phục miền Nam Trung Bộ.

(2) Lê Ngung người làng Tham Hội, xã Bình Quang, Bình Sơn. Khi kế hoạch khởi nghĩa bị đổ vỡ, ông đã về nhà đốt toàn bộ sổ sách giấy tờ mà ông được giao giữ, xong ông đã uống thuốc độc tự tử. Nhưng sau đó, thực dân Pháp vẫn đem chặt đầu ông mang về hâu ở tỉnh thành Quảng Nghĩa cùng với đầu các ông khác.

(3) Ông Phạm Cao Châm cũng bị kết án chém, song vì ông Phạm Cao Châm trốn thoát được.

Cuộc vận động khởi nghĩa chống thực dân Pháp do hội Việt Nam quang phục miền Nam Trung Bộ tổ chức, chỉ tạo từ 1909 đến 1916 có mấy điểm đáng chú ý sau đây :

— Một là : mục tiêu đấu tranh và đường lối chính trị của phong trào tuy có mang danh nghĩa của vua Duy Tân đề hiệu triệu nhân dân nổi lên chống Pháp, giành độc lập cho Tổ quốc, song xét về nội dung chính trị thì *phong trào này mang tính chất dân chủ tư sản rõ rệt* như : Về chính sách, có ban bố các quyền tự do dân chủ, có bỏ thuế đinh, giảm thuế điền và dự định sửa đổi các thứ thuế khác. Về tổ chức bộ máy nhà nước thì có nói rõ lập chế độ cộng hòa (tư sản), có cơ quan lập pháp và hành chính riêng, có tổng thống đứng đầu nhà nước.

— Hai là, về phương châm, phương thức của phong trào thì ngay từ 1909, khi chưa mang danh nghĩa của hội Việt Nam quang phục, các nhà yêu nước Quảng Nghĩa, Quảng Nam đã có ý định *dùng bạo lực cách mạng nổi lên đánh đuổi thực dân Pháp giành độc lập cho dân tộc*. Chính do ý định này mà năm 1909 — 1910, các nhà yêu nước Quảng Nghĩa, Quảng Nam đã chủ trương phái thanh niên đi ra nước ngoài tìm cách học quân sự, và ở trong nước thì tích cực lo vận động binh lính địch theo về với cách mạng. Đã có ý thức xây dựng căn cứ ở miền núi để tạo cái thế cho tấn công, thổi thỏ sau này. Đặc biệt là hội Việt Nam quang phục miền Nam Trung Bộ đã tích cực lo xây dựng lực lượng vũ trang (tân quân) và nửa vũ trang (dân quân) nằm sẵn trong nhân dân, để khi có thời cơ là nổi lên tấn công đánh địch, giành độc lập cho đất nước.

— Ba là, thành phần tham gia phong trào tuy có nhiều người ở các tầng lớp trên như các nhà khoa cử, nho sĩ, thân hào, địa chủ, phú nông... song số đông trong các lực lượng cách mạng yêu nước chống Pháp lần này vẫn là nông dân lao động. Đó là những người tham gia các đội dân quân, các đội tân quân, những người lo rèn đúc vũ khí, vận chuyển cất giấu quân lương, may sắm quân trang... Và tất cả lực lượng yêu nước chống Pháp có tính cách mặt trận yêu nước rộng rãi đó đều do những sĩ phu, trí thức nho học có xu hướng dân chủ tư sản lãnh đạo. Điều đáng chú ý là những trí thức, sĩ phu yêu nước lãnh đạo phong trào này đều chưa làm quan chức gì cho chế độ thuộc địa của Pháp và Nam triều tay sai. Họ là những trí thức yêu nước còn bám chặt trong nhân dân, còn quan hệ chặt về kinh tế, về xã hội với đông đảo nông dân lao động, được nhân dân lao động kính trọng và yêu mến. Do đó, *linh nhân dân của cuộc vận động khởi nghĩa chống Pháp, cứu nước lần này cũng khá đậm nét.*

Ngoài ra, trong quá trình vận động khởi nghĩa, Hội Việt Nam quang phục miền Nam Trung Bộ cũng đã biết chú ý lợi dụng mâu thuẫn giữa Pháp với Đức để vận động các cố đạo, sĩ quan gốc người Đức, để tìm cách tránh thủ sự viện trợ của nước ngoài khi cuộc khởi nghĩa nổ ra.

Nhìn chung, kể từ khi thực dân Pháp xâm chiếm được nước Việt Nam, đây là lần đầu tiên phong trào yêu nước chống Pháp ở Quảng Nghĩa có đường lối chủ trương, có phương châm, phương thức hoạt động nhất quán, cụ thể, có tổ chức nhĩ đạo tương đối có hệ thống quy củ rành mạch. Có được những ưu điểm trên là do các nhà yêu nước trong hội Việt Nam quang phục miền

Nam Trung bộ đã kế thừa, rút kinh nghiệm các phong trào trước đó và trong chừng mực nhất định đã có tham khảo kinh nghiệm các phong trào giải phóng dân tộc ở các nước khác.

Cuộc vận động khởi nghĩa chống Pháp, cứu nước do hội Việt Nam quang phục miền Nam Trung bộ tổ chức và chỉ đạo năm 1916 đã thất bại. Tuy nhiên, cuộc vận động khởi nghĩa ấy đã để lại những ảnh hưởng tốt, những bài học quý giá cho các phong trào yêu nước chống Pháp sau này. Và đặc biệt nó đã có tiếng vang xa và được cảm tình tốt trong phong trào cách mạng thế giới (1).

V — CÁC PHONG TRÀO « CẢI LƯƠNG » (1923 — 1926)

Sau khi cuộc khởi nghĩa do hội Việt Nam quang phục miền Nam Trung Bộ bị thất bại, phong trào yêu nước chống Pháp phải lảng xuống chờ cơ hội khác. Năm 1923, nhân toàn quyền Merlin ban hành chính sách « cải cách hương thôn », Khải Định ra dụ: « cải lương hương chánh » phong trào yêu nước lại bùng lên với nhiều dạng, nhiều vẻ khác nhau. Cụ thể là các phong trào:

1) Phong trào chấn hưng công thương nghiệp:

Với khẩu hiệu « chấn hưng thổ hóa bài trừ ngoại hóa, phát triển công thương nghiệp để cạnh tranh với tư bản nước ngoài », năm 1923 công ty buôn bán tạp hóa Quảng

(1) Trong bài: *Tổng kết một cuộc tranh luận về quyền dân tộc tự quyết vào năm 1916*, Lê-nin đã viết: «...Đã có những mưu đồ khởi nghĩa ở An Nam thuộc Pháp». (Xem *Một số vấn đề vụ giải phóng dân tộc* nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội 1965, trang 35.

Hòa Tế, do nhóm Võ Đức Liên, tức xã Quảng, người Sơn Tịnh. Võ Tấn người làng An Diêm (Sơn Tịnh), Trương Quang Xứng, tức Cửu Xứng người làng Tịnh Ấn (Sơn Tịnh) và Trương Quang Cận người làng Trà Bình Trại (Sơn Tịnh) cùng lập ra, đặt trụ sở tại Quán Cơm ở làng Tịnh An, Sơn Tịnh. Công ty Quảng Hòa Tế sau này tan vỡ, bán lại cho nhóm Ban Tường, Võ Đình Long ở Tư Nghĩa lập ra Công ty Quảng Đông An, tồn tại cho đến trước cách mạng tháng 8-1945.

— Công ty Trung Kỳ thực nghiệp, chuyên buôn bán vải, đặt trụ sở tại Đồng Ké, Sơn Tịnh, do nhóm Huỳnh Khâm, Hồ Tự ở Quảng Nam vào hùn vốn với nhóm Phan Đình Hiến, người Sa Kỳ, Sơn Tịnh, Bạch Quang Ba ở thị xã Quảng Nghĩa và Trương Quang Cận người làng Trà Bình Trại, Sơn Tịnh lập ra. Công ty này, sau phát triển to hơn thì dời trụ sở về đóng ở Quán Cơm, Sơn Tịnh, còn hiệu buôn thực nghiệp ở Đồng Ké thì trở thành chi nhánh đại lý.

— Hội buôn Quảng Chánh, buôn bán thuốc bắc và tạp hóa tại thị xã Quảng Nghĩa do đó các ông Lê Triết (Học Triết) người làng Hiệp Phổ, Nghĩa Hành; Lê Tuyên người làng Long Phụng, Mộ Đức; Phạm Cao Phiêu người làng Xuân Phổ, Tư Nghĩa và Đoàn Khâm người làng Vạn An, Tư Nghĩa lập ra.

— Hiệu Nghĩa Lộ do một nhóm thanh niên ở làng Xuân Phổ, Tư Nghĩa lập ra tại thị xã Quảng Nghĩa, chuyên mua bán các loại tạp hóa.

— Hiệu bán thuốc bắc Quảng Minh Đường do Trương Quang Tuyên chủ trương ở thị xã Quảng Nghĩa.

— Hội buôn bán tạp hóa Thanh Tân ở Hải Môn, do

Nguyễn Hiến ở Thanh Hiếu và Nguyễn Thành ở Thạch Lập, Đức Phổ chủ trương.

Ngoài ra, còn có hội « Những người kéo sợi » ở Tân Thi, Nghĩa Hành, hội Thân ái ở Thiết Trường, Mộ Đức... (Theo báo cáo quý 3 năm 1929 của công sứ Quảng Nghĩa gửi cho khâm sứ Trung Kỳ, hiện lưu tại Bộ Nội vụ Hà Nội).

Song song với phong trào lập hiệu buôn, hội nghề nghiệp kể trên, có phong trào vận động nhân dân, nhất là thanh niên mặc vải nội hóa, mặc quần áo cộc, quần âu, bỏ khăn đen, áo dài, cắt tóc ngắn...

Những khẩu hiệu, những dạng vẽ của phong trào này còn nhiều chỗ giống với dáng vẽ cách làm của phong trào khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh của hội Duy Tân đã từng hô hào vận động năm 1908.

2) Phong trào « Cải lương hương chính »

Dựa vào chính sách cải lương mà Pháp đã ban hành, trong tỉnh từ 1923 đã nổi lên những phong trào « cải lương hương chính », hay « cải lương tương tục » có những nội dung sau:

— Một là, vận động đưa những người tiến bộ, có uy tín trong nhân dân ra tranh nắm những chức vụ có quyền lực trong hương thôn, nhất là các chức lý trưởng, hương bộ, hương kiến trông bộ năm (ngũ hương), đề bình vực quyền lợi cho dân và đưa hương thôn đi đến con đường tiến bộ.

— Hai là, phong trào vận động chống lại các tệ tục hủ lậu, mê tín dị đoan trong hương thôn, như tệ xôi thịt, cúng bái trong các lễ tang, lễ cưới, lễ tế, lễ ăn mừng... trong các thôn xóm và gia đình giàu có đề chống phá tệ tục này. Thanh niên tiến bộ thường tổ

chức nhau thành từng nhóm, một mặt phát đơn đi kiện quan trên, tố cáo bọn hào lý dùng quỹ công của làng chèn chèn..., một mặt họ kéo nhau đi đập phá nhiều cỗ xôi thịt làng đưa đi biểu cần, bọn kỳ hào, quan lại trong làng, hoặc cướp các của biểu cần đó cho dân ăn. Có nơi họ kéo nhau đập phá các miếu, đình đang cúng tế ở làng hoặc phá những lễ cúng, cầu đảo của bọn phù thủy.

— Ba là, phong trào mặc đồ nội hóa, đá bóng, học võ... phong trào này lôi kéo được đông đảo thanh niên con nhà khá giả, có học thức. Họ đi lại giao du với nhau, ngoài việc đá bóng, học võ... họ còn cùng nhau đọc báo, đọc sách (lúc đầu là báo Tân thế kỷ và sách Hội trống tự do của Trần Hữu Độ), rồi từ đó họ tổ chức những cuộc diễn thuyết nói về thời cuộc và về những nội dung yêu nước thương nòi...

Qua các cuộc vận động cải lương hương chính và cải lương hương tục đó, Phan Đình Long người thôn Lương Nông, Thị Phở Nhi, Mộ Đức đã viết một quyển nhỏ nhan đề là «Đỉnh chính hương tục» để làm tài liệu cho thanh niên lúc ấy đi tuyên truyền trong tỉnh Quảng Nghĩa.

3) Phong trào tương tế ái hữu (1) và hội đồng canh:

Phong trào này có mấy dạng khác nhau:

(1) Hiện chúng tôi chưa có tài liệu cụ thể về việc lập hội ái hữu lúc bấy giờ như thế nào, chỉ mới biết năm 1927—1928, ông Hồ Phong người ở thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn bị Pháp kết án 3 năm tù vì tội lập hội ái hữu ở Bình Sơn, xin ghi lại để sau tra cứu.

— Một là, phong trào lập các nhóm tương tế, tương trợ như nhóm trợ táng (giúp nhau khi có người chết), nhóm lợp nhà, nhóm sản phụ... để giúp nhau trong những lúc khó khăn, thật nghệt trong đời sống hàng ngày giữa những nông dân lao động có nhau. Phong trào này vốn là phong trào có từ lâu đời trong nông thôn, nay gặp dịp phát triển thêm lên.

— Hai là, phong trào vận động công, hay là lập hội đồng canh trong thôn xã. Phong trào vận động công hay vòng công cũng là một phong trào, một kiểu cách làm ăn của nông dân Quảng Nghĩa đã có từ lâu, nay nhân có phong trào cải lương hương chính thúc đẩy, phong trào vòng động công phát triển mạnh lên. Và trong quá trình phát triển của phong trào vòng động công có nổi lên phong trào Toàn dân canh điền mà nhân dân thường gọi là phong trào hội đồng canh, nổi nhất là hội đồng canh ở làng Trà Bình Trại, Sơn Tịnh. Cụ thể như sau:

Năm 1923, nhân có dụ cải lương hương chính của Khải Định, các hào mục làng Trà Bình Trại, đứng đầu là ông Trương Quang Cận tức Hương Năm, chủ trương vận động toàn dân làng cùng lập một bản hương ước mới để cải tiến mọi qui định, thể lệ, tập tục của làng đã có từ trước đến nay. Nội dung chính của bản hương ước đó là:

— Vận động nhân dân trong làng lập hội đồng canh để tổ chức phát triển việc trồng lúa, ngô, khoai, sắn, chè, quế, tiêu, mít... để lấy hoa lợi bỏ vào quỹ Nghĩa sương của làng để chi tiêu vào các việc công ích trong làng như :

+ Trích quỹ Nghĩa Sương cho các gia đình thiếu ăn trong lúc giáp hạt hoặc gặp thiên tai, vay không có lãi.

đến mùa sẽ trả lại bằng hiện vật, hoặc sẽ đi làm công cho hội đồng canh theo giá công đã quy định để trừ dần.

+ Dân trong làng ai nghèo không cất nổi nhà thì làng sẽ giúp gỗ, tre v.v... và vận động bà con trong làng giúp công làm nhà để cho dân trong làng ai cũng có nhà ở.

+ Làng trích một phần quỹ Nghĩa Sinh và vận động dân làng góp công, góp của để xây dựng trường học và cấp một phần giấy bút cho con em nhà nghèo trong làng đi học. Học sinh giỏi sau mỗi kỳ thi có thưởng.

+ Việc cúng tế trong làng đều được tiết giảm. Lý hương không được lấy quỹ Nghĩa Sinh để chi tiêu vào việc cúng tế, xôi thịt theo tục lệ cũ. Việc ma chay, cúng giỗ, cưới xin... trong các gia đình cũng đều phải đơn giản, tiết kiệm. Mọi tục lệ thù tạc, vãng lai, đình đám, rượu thịt tốn kém đều bị cấm. Khi trong làng có người chết thì tổ chức giúp tang chủ chôn cất, ai nghèo không sắm nổi áo quan thì làng giúp.

+ Việc ăn ở, đi lại trong làng được sắp xếp lại cho văn minh sạch sẽ. Làng phải đứng ra vận động nhân dân đắp lại đường sá (có đắp cả đường lớn chỗ thông với đường ô tô trong vùng). Dọn dẹp nhà cửa, vườn rào cho ngay thẳng, phong quang.

+ Toàn dân trong làng đều phải tham gia giữ gìn trật tự an ninh trong làng, nhất là phải bảo vệ tài sản của làng, của hội đồng canh, nghiêm trị tệ gian tham, những lạm...

Ruộng đất cho hội đồng canh trồng trọt do các nguồn sau đây :

+ Ruộng đất công trước đem chia cho từng trảng đình làm ăn, nộp thuế nay lấy giao cho hội đồng canh quản lý kinh doanh và nộp thuế (ruộng đất công làng Trà Bình có ít).

+ Vận động các chùa, các nhà thờ họ có nhiều ruộng tế tự, bớt một phần giao cho hội đồng canh quản lý, sử dụng.

+ Động viên dân làng góp công và thuê một phần nhân công vỡ hoang các gò đồi và đất rừng để trồng trọt.

Tất cả ruộng đất của hội đồng canh đều thuộc quyền sở hữu của làng như ruộng đất công.

Ngoài ra, hội đồng canh còn thuê thêm một phần ruộng đất của các chủ điền để sản xuất, nhất là ruộng trồng lúa, trồng từng mùa. Ruộng đất của tư nhân, của địa chủ phần của ai nấy giữ, làng không can thiệp.

→ Nguồn nhân lực của hội đồng canh: Ban đầu làng buộc toàn dân tham gia cùng làm để trừ vào ngày xấu công ích và tư ích. Ngoài ra hội còn trích quỹ thuế thêm nhân công làm trong lúc thời vụ (giá thuê công đàn ông 1 ang lúa 5 kg, đàn bà 2/3 ang).

— Việc quản lý ruộng đất, tài sản và quỹ Nghĩa Sinh... do ban ngũ hương phụ trách. (Bấy giờ do các ông Trương Quang Cận, Trương Quang Phương tức Xã Tám (con ông Cận) và ông Phạm An, tức Xã Hai lo cả.

Hương ước này được thực hiện đến khoảng 1925, đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội trong làng Trà Bình dần dần có được cải thiện. Dân nghèo trong làng thoát khỏi nạn đói giáp hạt và con em đều được học hành. Đường sá, nhà cửa được tổ chức ngay thẳng, sạch sẽ, phóng quang hơn.

Làng Trà Bình Trại trở thành làng nổi tiếng trong phong trào cải lương hương chính, được nhiều nơi đến xem xét, học tập.

Nhưng đến năm 1926, khi ông Trương Quang Cận bị tử nạn (1), hội đồng canh thiếu người có công tâm, có ý chí và năng lực chủ trì, nên dần dần thoái hóa và tan rã (2).

4) Phong trào đòi thả cụ Phan Bội Châu và truy điệu cụ Phan Chu Trinh :

Giữa lúc các phong trào chấn hưng công thương nghiệp, cải lương hương chính và phong trào hội trung tế, hội đồng canh đang phát triển ở Quảng Nghĩa, thì năm 1925 cụ Phan Bội Châu bị Pháp bắt cóc ở Thượng Hải đưa về nhốt ở Hà Nội; Cụ Phan Chu Trinh vừa từ Pháp về nước đã đột ngột từ trần vào tháng 3-1926. Trước những sự kiện đó, năm 1925—1926, ở các đô thị lớn như Hà Nội, Sài Gòn, Huế... đã nổi lên một phong trào yêu nước rầm rộ, đặc biệt là phong trào đòi thả cụ Phan Bội Châu và truy điệu cụ Phan Chu Trinh.

(1) Trong một trận lũ to, các bè tre, gỗ của hội đồng canh bị trôi, Trương Quang Cận cùng dân làng đi cứu các bè tre, gỗ của hội, bị chết đuối. Đám tang ông Trương Quang Cận được nhiều giới trong cả tỉnh tham dự. Trong đám tang có câu đối phúng của ông Trần Toại, người làng Lương Nông, Mộ Đức viết : « Dân 25 triệu tỉnh say, nhìn dân tộc lương thương Anh mạng bạc. Nước 4.000 năm còn mất, đoái sơn hà riêng giận Bắc trời xanh ».

(2) Chúng tôi viết về phong trào hội đồng canh làng Trà Bình theo lời kể của các đồng chí Đinh Tín, nguyên bí thư chi bộ làng Trà Bình; Nguyễn Hiền tức Vinh Cường và bác Phạm Phú Bình nguyên lý trưởng làng An Điền, cạnh làng Trà Bình, trong những năm 1920.

Bấy giờ có nhiều thanh niên học sinh quê ở Quảng Nghĩa đã từ các đô thị Hà Nội, Huế... trở về Quảng Nghĩa vận động lấy chữ ký đòi thả cụ Phan Bội Châu, rồi vận động tổ chức các lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh, làm nổi lên một phong trào yêu nước cao hơn, rộng hơn, nhất là trong các giới thanh niên có học thức, giáo chức, học sinh...

Thế là phong trào cải lương lâu nay mới là những phong trào đấu tranh kinh tế, văn hóa, xã hội, trong khuôn khổ hợp pháp, nửa hợp pháp ở từng chòm, từng vùng, do từng nhóm tổ chức ra đã chuyển lên thành một phong trào đấu tranh có tính cách chính trị công khai, sôi nổi, có liên hệ với phong trào yêu nước bấy giờ. Khắp trong tỉnh, những thanh niên yêu nước nhộn nhịp đi lại gặp nhau, hội họp luận bàn thời cuộc, đọc báo Tân Thế kỷ, đọc sách hồi trống Tự do... Những cuộc mít tinh, những lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh có hàng chục, hàng trăm người dự làm chấn động dư luận trong tỉnh.

Trước tình hình đó, thực dân Pháp sợ phong trào yêu nước trong tỉnh sẽ chuyển thành cái thế khó kiểm soát lại được (như phong trào khát thuế trước kia), nếu chúng đã vội vã thi hành chính sách khủng bố. Hình thức khủng bố là bắt một số người cầm đầu phong trào lên tỉnh, lên huyện giam dọa đôi ba ngày rồi thả như vụ án sát Nguyễn Duy Tấn bắt ông Trần Toại tức Kim Trương lên tỉnh dọa, rồi thả về... Nhưng sau đó thấy dọa nhẹ không được thì Pháp đã khủng bố bằng cách xử tù nặng, như vụ xử ông tú tài Phạm Hòe, người làng An Đại, 9 năm tù về tội làm lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh tại trường Lộ Bàn có hàng trăm người dự,

hay xử ông Hồ Phong người ở thị trấn Châu Ô 3 năm tù về tội lập hội ái hữu không xin phép nhà cầm quyền...

Trước chính sách khủng bố của thực dân Pháp, các phong trào tương trợ, tương tế, vòng đời công trong nông thôn vẫn tồn tại và phát triển một cách không ồn ào. Còn các phong trào khác mang màu sắc chính trị, xã hội rầm rộ nổi cộm thì bị phân hóa: bộ phận có tinh thần yêu nước thật sự, chân chính thì tách ra, cấu kết nhau lại thành từng nhóm bí mật, lo tìm đường cứu nước; bộ phận cơ hội, xốc nổi thì co lại, hoặc tìm đường thoái lui, làm ăn yên phận...

Nhìn chung, phong trào cải lương trong tỉnh Quảng Nghĩa những năm 1923 — 1926 là một phong trào yêu nước thương nòi có những dạng khác nhau; vừa có màu sắc của những xu hướng cải lương tư sản; vừa mang dấu vết của các truyền thống thương yêu đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau trong đời sống của những cộng đồng xã thôn Việt Nam xa xưa mà người nông dân Việt Nam còn giữ lại (như các phong trào tương tế, tương trợ, nghĩa sương, vòng đời công...)

Phong trào cải lương là một phong trào tự phát phản ánh rõ thể bí của phong trào yêu nước ở Quảng Nghĩa đương bị thiếu một tổ chức cách mạng chân chính có đường lối cách mạng đúng đắn khả dĩ tập hợp, tổ chức, đoàn kết lãnh đạo mọi lực lượng yêu nước và dân chủ trong tỉnh lại thành một phong trào dân tộc và dân chủ cùng đấu tranh chống đế quốc và phòng kiến giành độc lập tự do.

Cho nên, ngoài phong trào tương tế, tương trợ, vòng đời công... là những phong trào đã có ở nông thôn Quảng Nghĩa lâu đời, phong trào cải lương tuy đã hoạt

động ở nông thôn Quảng Nghĩa nhiều năm, song trước sau chỉ mới tập hợp được một số tầng lớp trên, trung gian và một số thanh niên chịu ảnh hưởng của những quan điền yêu nước tư sản, mà chưa thể lôi kéo, tập hợp được nông dân lao động là lực lượng quần chúng đông đảo nhất trong tỉnh. Do đó mà phong trào cải lương tuy có mặt trong các tỉnh, có lúc cũng sôi nổi, vẫn chưa hình thành được một phong trào có tính quần chúng rộng, mạnh và rút cuộc phong trào ấy đã phải phân hóa và tan rã.

VI — PHONG TRÀO CHỐNG XÂU, CHỐNG THUẾ, CHỐNG ÁP BỨC, GIÀNH QUYỀN LÀM CHỦ NÚI RỪNG CỦA CÁC DÂN TỘC ÍT NGƯỜI Ở MIỀN TÂY QUẢNG NGHĨA.

Từ đầu thế kỷ thứ XX đến năm 1945, các dân tộc ít người ở Tây nguyên và miền tây Quảng Nghĩa cùng bị các chính sách áp bức bóc lột vơ vét, đặc biệt là chính sách xâu, thuế của thực dân Pháp làm cho xơ xác điêu linh, sống dở chết dở.

Đồng bào các dân tộc Tây nguyên và miền tây các tỉnh Nam Trung Bộ đã có hàng chục cuộc khởi nghĩa vũ trang chống lại sự thống trị, áp bức, bóc lột của thực dân Pháp, nhất là chống các chính sách cướp đất làm đồn điền và bắt xâu đi khai phá đồn điền, đi làm các đường quốc lộ, tỉnh lộ, xây công sở, dinh thự, đồn lũy cho thực dân Pháp.

Nhiều đồn bót như Đaktô, Đaksút, An Khê, Kanak, Kon-pờ-lông, Sơn Hà, Di Lăng, Cà Xôn đã bị đánh, bị tiêu diệt, nhiều tên thực dân Pháp tàn ác như giám binh Ô-đăng-đan ở An Khê, Pô, Va-lăng-xông ở Đaktô,

Hàn-ri Mét ở ba ranh giới, Ra-rit ở An Khê, quan một Ma-rit ở Vinh Thanh, quan hai Bọt ở Trà Bồng... đã bị diệt.

Riêng tại miền tây Quảng Nghĩa, phong trào chống xâu, chống thuế, chống áp bức, giành quyền làm chủ núi rừng của các dân tộc Cor, Cà dong, Hre... đã liên tục nổ ra dưới nhiều hình thức, dạng vẻ và qui mô khác nhau và đã kéo dài từ đầu thế kỷ thứ XX đến 1945.

Từ đầu những năm 1900, ở Ba Tơ có phong trào do các ông Đinh Đoàn, Đinh Đầu lãnh đạo nhân dân nổi dậy chống Pháp bắt xâu đi làm đồn ở làng Sếu, đã có lúc nghĩa quân đã chặn đánh diệt bọn địch đi bắt xâu lấy thuế trong vùng (1) năm 1908, khi cao trào chống thuế, chống xâu của đồng bào Kinh ở Trung Châu đang làm cho chế độ thực dân Pháp rung rinh, thì đồng bào Hre ở châu Ba Tơ đã kéo nghĩa quân xuống tấn công đồn Đức Phồ ở Vạn Lý (2) hình thành một sự phối hợp cùng tấn công vào thực dân Pháp trọng tỉnh.

— Phong trào chống xâu, không nộp thuế của đồng bào Cà dong, Hre vùng Minh Long — Sơn Hà, do ông Đinh Tôm, người sách (làng) Na Ba, tổng Sơn Trung cầm đầu, phong trào này đã làm cho Pháp mất quyền kiểm soát ở nhiều nơi, không bắt được xâu, không thu được thuế, buộc phải tung quân đi càn quét đánh phá các vùng tự làm chủ của đồng bào và mãi đến năm

(1) Theo lịch sử Đảng bộ cộng sản Quảng Ngãi (1930—1940) Do Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Quảng Ngãi thuộc hội đồng hương Quảng Ngãi ở Hà Nội xuất bản 1975. Trang 15.

(2) Theo *Quảng Nghĩa Tỉnh chí* do Nguyễn Bá Trác chủ trương. Khiến Hữu Kiều, Nguyễn Tâm, Phan Đình Thị biên soạn, 1933 đã đăng báo Nam Phong 1933.

1921, thực dân Pháp mới bắt được các ông Đinh Tôm, Đinh Mút, Đinh Rin đem xử tử để uy hiếp đồng bào. Bị giặc Pháp giết mất lãnh tụ, đồng bào Hré, Cà dong vẫn không khiếp sợ, khuất phục, mà đã cùng nhau đoàn kết tổ chức «chạy làng» vào rừng sâu ở cái thế bất hợp pháp, từng đợt kéo xuống đánh phá các vùng ở Tư Nghĩa, Sơn Tịnh làm cho Pháp phải khốn đốn (1).

— Đặc biệt từ 1937, nhân dân các dân tộc ít người miền Tây Quảng Nghĩa đã tham gia phong trào «Nước xu đỏ» của các dân tộc ít người ở Bắc Tây Nguyên mà nội dung chính của phong trào là chống xâm, chống thuế, chống áp bức của thực dân Pháp, giành quyền làm chủ núi rừng.

Phong trào nước xu đỏ của các dân tộc ít người ở miền Tây Quảng Nghĩa đã diễn ra như sau:

Lúc đầu, năm 1937 ông Sam Bram, lãnh tụ của đồng bào Chăm-roi ở miền Tây Phú Yên đã lãnh đạo nhân dân Chăm roi nổi lên chống xâm, chống thuế, chống áp bức của thực dân Pháp. Để cho quần chúng tin tưởng, ông Sam Bram đã tuyên truyền rằng ông có một thứ nước thần Đa yon xoa vào người sẽ được mạnh khỏe và đạn của Pháp bắn không trúng, không chết. Nhờ lòng tin vào nước thần mà phong trào chống Pháp của ông Sam Bram đã lan nhanh vào phía Lâm Đồng (phong trào Mụ Cọ) và các vùng Bắc Tây Nguyên, khi phong trào chống Pháp đó loang đến vùng các dân tộc Xơ-đăng Cà-dong... người ta không gọi thứ nước thần đó là nước Đa-yon như ở phía nam Tây Nguyên, mà nói là thứ nước thần đó lấy từ Đak gia và tác dụng

(3) Lịch sử Đảng bộ cộng sản Quảng Ngãi đã dẫn. Trang 15. Và Quảng Nghĩa linh chí đã dẫn.

nước thần Đak gia cũng tương tự như tác dụng của nước thần Đạ yon...

Do chịu không nổi ách áp bức, bóc lột, đặc biệt là không chịu nổi nạn bị bắt xâu, lấy thuế, đàn áp khủng bố của thực dân Pháp, đồng bào Xơ-dăng, Cà-dong... nhiệt liệt hưởng ứng phong trào nổi dậy khởi nghĩa vũ trang chống Pháp lúc bấy giờ. Tất cả những người tham gia khởi nghĩa đều đua nhau tìm lấy cho được nước thần Đak-giá. Dần dần nước thần Đak-giá được người ta đem bán, ai muốn mua nước thần phải trả bằng tiền xu đỏ, đồng bào gọi nước thần đó là «nước xu đỏ», và phong trào chống xâu, chống thuế, chống thực dân Pháp lúc đó cũng được người ta gọi là phong trào «Nước xu đỏ».

Phong trào Nước xu đỏ ban đầu nổi lên mạnh ở vùng Đak-tô, Đak-xút, Mang-bút v.v... rồi loang nhanh về phía miền tây Quảng Nghĩa theo hai nhánh:

Một nhánh vào đồng bào vùng Sơn Tĩnh, Sơn Thượng, Sơn Bao, Sơn Mùa... ở Sơn Hà do ông Nhá, ông Nía cầm đầu nổi lên rồi loang vào vùng đồng bào Hrê ở Minh Long, Ba Tư...

Một nhánh loang vào đồng bào Cor ở Trà Bồng, Trà Mi (vùng Giang rẫy) mà trung tâm là vùng núi Cà-dam (Trà Bồng) do các ông Phó mục Gia, ông Chân, ông Tài v.v... lãnh đạo. Cả hai nhánh phong trào nước xu đỏ ở miền Tây Quảng Nghĩa đều bắt đầu chuẩn bị từ 1937 đến mùa hè 1938 thì nổi lên cùng chống Pháp với nhiều kiểu cách, mức độ khác nhau:

1) *Phong trào Nước xu đỏ vùng Sơn Hà, Minh Long, Ba Tư:*

Sau khi đi đón được nước thần về, năm 1939 đồng bào ở vùng Sơn Tĩnh, Sơn Bao... do ông Nhá, ông Nía cầm

đầu cùng nổi dậy không chịu đi xâu, không nộp thuế cho Pháp. Phong trào này ban đầu còn ở dạng không hợp tác với Pháp, song vẫn ở, làm ăn trong các làng, các vùng cũ một cách nửa hợp pháp. Sau khi phong trào nổi dậy, bị Pháp khủng bố, dần dần phải chuyển vào các thế cờ bố phòng bằng chông, thò, cạm bẫy để chống lính Pháp đi lùng, càn, đi bắt xâu, thuế.

Phong trào chống xâu, chống thuế của đồng bào Cà Dong, Hré vùng Sơn Tịnh, Sơn Bao... loang nhanh sang các vùng đồng bào Hré ở Minh Long, Ba Tư, làm cho Pháp lo sợ phải đem quân đi lùng, càn và bao vây kinh tế các vùng dân đã chuyển vào thế đấu tranh có vũ trang, bất hợp pháp. Từ đó các vùng đồng bào sống bất hợp pháp, bị thiếu muối, vải, hạt giống, rựa, cuốc... và ngày càng đau ốm nhiều. Do đó dần dần đồng bào phải chuyển từng bộ phận ra sống thế hợp pháp, hứa chịu sẽ đi xâu, nộp thuế cho Pháp và một bộ phận ra ở thế nửa hợp pháp (sống công khai, có chông bẫy xa rẫy làng, và thông qua đồng bào sống hợp pháp mà mua, bán các thứ cần thiết song không gặp mặt Pháp). Lợi dụng lúc đồng bào núng thế, Pháp đã thi hành chính sách dụ hàng, hứa nới bớt thuế xâu và phong cho ông Nhá làm chánh tổng và ông Nía làm phó tổng, để mong qua việc nắm ông Nhá, ông Nía mà cai trị, áp bức đồng bào Cà-dong, Hré.

Song âm mưu này của Pháp căn Bản đã không thực hiện được. Ông Nhá, ông Nía một mặt vẫn nhận chức chánh, phó tổng của Pháp, một mặt vẫn tìm cách tránh né, không để Pháp trực tiếp cai trị và bắt xâu, lấy thuế của đồng bào. Khi bị Pháp thúc ép, thì đồng bào chỉ đi xâu, nộp thuế có mức độ còn thì hẹn, khất, tránh né, không làm theo ý Pháp. Khi bị Pháp, thúc ép mạnh,

thì từng bộ phận nhỏ đồng bào lại «chạy làng» bất hợp tác để các ông chánh Nhá, phó Nía lấy cớ «Người Hre, người Cà-dong khó lắm» mà đấu tranh với địch, làm cho Pháp phải nhượng bộ; đồng bào lại trở ra ở cái thể nửa hợp pháp, hợp pháp đấu tranh giằng co với địch.

Sau 1941, bọn Pháp theo phe Đờ-Gôn ở Quảng Nghĩa — Kon Tum có chủ trương xây dựng căn cứ ở Tây Nguyên để khi cần thì dựa vào nó mà chống Nhật. Từ chủ trương đó, Pháp đã bắt đầu xây dựng sân bay ở vùng Lang Ranh, thượng lưu sông Re. Pháp bắt nhân dân trong vùng, người Hre là chính, phải đi xâu làm sân bay cho chúng. Khổ quá, đồng bào nổi dậy đấu tranh, không đi xâu cho Pháp. Bị Pháp khủng bố, đồng bào Hre, Cà-dong lập tức nổi dậy dựng giáo mác, cung tên, gậy gộc, vây đánh quân Pháp đang coi giữ đốc thúc làm sân bay, có lúc đồng bào đã kéo hàng 200—300 người có vũ trang đi đánh bọn Pháp. Bị phản kích mạnh, đồng bào lại phải chuyển thể phong trào sang hình thức chạy làng bất hợp tác với Pháp, rồi dựa vào thể sống và làm ăn hợp pháp của đồng bào các vùng lân cận, từng bộ phận lại trở ra làm rẫy và ăn, ở theo thể hợp pháp, song vẫn không đi xâu cho Pháp.

Phong trào chống Pháp của đồng bào Hre, Cà-dong ở vùng Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ cho đến 1945 vẫn còn có nhiều chòm, nhiều làng Pháp chưa chinh phục được nhân dân các dân tộc ít người ở đó vẫn còn giữ được quyền «làm chủ núi rừng» (1).

(1) Phạm Kiệt *Từ núi rừng Ba Tơ*. NXB Quân đội nhân dân in lần thứ 4 trang 68, 73, 74 nói về phong trào ông Rum, Ba-rua-ba-roi...

2) Phong trào Nước'xu đỏ ở vùng Trà Bồng.

Sau một thời gian chuẩn bị các mặt như đi lấy nước thần, sắp xếp tổ chức lực lượng, tích trữ gạo, muối, rên sấm vũ khí... mùa hè năm 1938, đồng bào Cor ở xung quanh Trà Bồng dưới sự lãnh đạo của ông Phó mục Gia, làm lễ đâm trâu, tế thần, đề vùng lên khởi nghĩa. Sau lễ tế thần, nghĩa quân đã chia thành 4 cánh do các ông Phó mục Gia, ông Chân, ông Tài, ông Phú chỉ huy cùng kéo về đánh quân của Pháp ở châu lỵ Trà Bồng.

Trong khi đi tấn công đồn Trà Bồng, mỗi nghĩa quân đều có đeo trong người một lọ nước thần, họ tin rằng có nước trong người thì đạn Pháp sẽ không thể bắn trúng, không chết. Song khi nghĩa quân tràn đến gần đồn Trà Bồng, liền bị địch phản kích dữ dội, làm cho nghĩa quân phải bị thương nhiều và phải bỏ lại tại trận 2 chiến sĩ hy sinh.

Do quá tin vào phép mầu của nước thần mà thua trận, ban đầu nghĩa quân và quần chúng khởi nghĩa có hoang mang. Song từ lâu đồng bào đã không chịu nổi ách áp bức, xâu thuế tàn bạo của giặc Pháp, lại được các vị đứng đầu cuộc khởi nghĩa do ông Phó mục Gia lãnh đạo đã kịp thời động viên tổ chức lại nên đồng bào đã nhanh chóng chạy làng chuyển thế ẩn, ở vào núi rừng Cà-dam, triển khai thế trận chông, thò, cạm bẫy kết hợp với giáo mác, tên thuốc độc, dùng chiến thuật phục kích, tập kích nhỏ chống vây quét dài ngày, làm cho quân Pháp đi càn lũng bị thương vong nhiều. Trong những trận chông vây quét dài ngày đó, nổi nhất là trận chông càn vào tháng 1-1939 ở gò Rô thuộc xã Trà Phong. Trong trận này nghĩa quân dưới quyền chỉ huy trực tiếp của ông Chân, ông Bung đã quần đánh với địch suốt ngày làm cho hàng chục tên lính khổ

xanh bị thương, bị chết, quân địch đi càn trong trận này còn lại phải rút chạy về Trà Bồng. Về phía nghĩa quân có ông Chân và 2 chiến sĩ hy sinh anh dũng.

Bị thua đau trong trận Gò Rô, giặc Pháp cay cú liên tiếp tung cả lính khố đỏ, khố xanh đi bao vây, càn quét dài ngày, cố tiêu diệt cho được nghĩa quân.

Sau nhiều tháng chống vây quét, thế ăn ở của nghĩa quân trong vùng căn cứ Cà-đam đã nảy sinh nhiều khó khăn: Hàng ngày dân cùng nghĩa quân sống trong thế bị địch liên tục đánh phá, bao vây kinh tế... đã bắt đầu lâm vào cảnh thiếu muối, gạo, thóc giống, công cụ, quần áo... nhân dân bắt đầu đau ốm nhiều.

Trước tình hình đó, các lãnh tụ nghĩa quân chủ trương: chỉ giữ lại 8 làng chí cốt nhất ở lại căn cứ, sống bất hợp pháp, dưới quyền lãnh đạo của các ông Phó mục Gia, ông Tài,... cùng nhau xây dựng làng chiến đấu quanh vùng núi Cà-đam, kiên quyết vũ trang đánh Pháp; còn đại bộ phận đồng bào đã theo nghĩa quân khi mới khởi nghĩa thì dần dần chuyển ra sinh sống làm ăn theo thể đấu tranh hợp pháp với địch. Đồng bào sống thể hợp pháp với địch vừa phải bí mật đưa tin, tiếp tế cho đồng bào và nghĩa quân vùng căn cứ, vừa phải kiên trì đấu tranh kiện cáo, đấu lý với bọn tay sai địch, làm giảm sự áp bức trả thù của địch, đòi địch để cho dân được tự do đi lại bán các thứ như trâu, cau, quế... và mua các thứ như muối, vải, nông cụ, gạo v.v... để cải thiện đời sống nhân dân đang bị thiếu thốn. Khi thể ăn ở hợp pháp của đồng bào tạm ổn thì địch lại bắt đồng bào phải đi xâu, nộp thuế. Đối phó lại, đồng bào hứa chịu đi xâu, nộp thuế, song lại mượn cơ đau ốm, bệnh phát rầy, tài sản mất hết... mà trì hoãn,

đây đưa không đi xâu nạp thuế hoặc chỉ đi xâu nạp thuế từng phần lấy lệ rồi lơ đi. Nhờ có sự chuyên phương châm và hình thức đấu tranh nên thể chiến đấu vùng căn cứ nghĩa quân gọn, mạnh hơn, cơ động hơn, được giữ vững và thu nhiều thắng lợi. Trong những trận chiến đấu chống bao vây, càn quét dài ngày có trận chống càn ở vùng Cà Tinh—Nước Vọt, vào mùa hè 1942, dưới quyền chỉ huy trực tiếp của ông Thuộc (con trai ông Phó mục Gia) nghĩa quân đã chiến đấu gan dạ, diệt được nhiều địch, trong đó có tên quan hai Bọt người Pháp, đồn trưởng đồn Trà Bồng.

Bị thua đau, từ tháng 9 đến tháng 10-1942 quân Pháp do tên chánh tổng Niêm đưa đường, lại đi càn quét, bao vây dài ngày các vùng căn cứ, gây cho nghĩa quân nhiều khó khăn mới.

Trước tình hình đó, đồng bào và nghĩa quân người Cor rất căm tức bọn Việt gian, lại bị Pháp tuyên truyền chia rẽ Kinh Thượng, nên trong đồng bào Cor có người nêu ý kiến kéo nghĩa quân về tập kích các làng Kinh. Như ông Phó mục Gia đã giải thích: «Ta nên tập trung tên nà, giáo mác bắn, đâm thẳng vào bọn mũi cao, da trắng (Pháp), vào bọn áo vàng và bọn chó săn dẫn lối đưa đường... chó người Kinh cũng là mũi thấp, da vàng, cũng bị người Pháp bắt xâu, lấy thuế như mình thôi», Chính nhờ có sự nhận định sáng suốt đó của ông Phó mục Gia mà nghĩa quân khỏi bị mắc vào âm mưu chia rẽ Kinh Thượng của địch. Tinh thần chống Pháp của cuộc khởi nghĩa chống xâu, chống thuế của đồng bào Cor càng trong sáng hơn.

Bấy giờ nghĩa quân thấy địch đem nhiều quân bao vây càn quét căn cứ dài ngày, đã có chủ trương dùng

một bộ phận nghĩa quân xuống tập kích đồn Trà Bồng, đề buộc địch phải quay về giữ đồn và phải rời lòng vòng vây nghĩa quân quanh rừng núi Cà-đam. Song khi nghĩa quân đến gần Trà Bồng, thì biết lính địch ở đồn Trà Bồng vẫn còn nhiều, địch vẫn phòng bị nghiêm ngặt. Biết sức nghĩa quân chưa đủ đề tập kích thẳng lợi đồn Trà Bồng, nghĩa quân đã nhanh chóng chuyển hướng tập kích đốt phá nhà tên chánh tổng Tám gian ác ở cạnh đồn Trà Bồng, rồi chuyển quân về Trà Dục tập kích giết chết hai anh em tên chánh tổng Niêm tại nhà hăn. Cũng tại Trà Dục, trước đó không bao lâu, đồng bào đã đâm chết tên chánh tổng Năm cũng khét tiếng gian ác. Việc trong một đêm nghĩa quân đã tập kích diệt gian ở hai nơi sát đồn Trà Bồng làm cho bọn chó săn Pháp rất khiếp sợ.

Tuy vậy, Pháp vẫn chưa chịu rút quân bao vây, đánh phá căn cứ của nghĩa quân. Cuộc sống các làng trong vùng căn cứ ở vùng núi Cà Đam lại lâm vào thiếu muối, giống lúa, nông cụ, bệnh tật tăng lên...

Nhân lúc nghĩa quân gặp khó khăn, Pháp tugg tin dụ hàng. Ông Phó mục Gia đã tuyên bố: « người Cor thà chết rục như lá rừng, chứ không bao giờ đầu hàng Pháp, người Cor quyết chống Pháp đến cùng ». Tinh thần quyết chiến của các lãnh tụ nghĩa quân, đứng đầu là ông Phó mục Gia, đã làm cho đồng bào, chiến sĩ trong vùng căn cứ vững dạ thêm, đoàn kết chiến đấu. Nghĩa quân nhận thấy căn cứ ở một vùng quanh núi Cà-đam đã bị quân Pháp bao vây đánh phá, và họ cũng khó cơ động phối hợp chiến đấu. Do đó, họ chủ trương chia lực lượng ra làm hai: một nửa vẫn ở lại vùng căn cứ quanh núi Cà - đam do ông Phó mục Gia trực tiếp lãnh đạo; một nửa lực lượng giao cho ông Tài trực tiếp chỉ

huy, dời đến vùng làng Búp ở thượng lưu sông nước Tàng để xây dựng căn cứ mới. Từ đó, nghĩa quân vừa dựa vào thế hiểm trở của núi rừng; vừa dựa vào sự chi viện, đùm bọc trực tiếp hay gián tiếp của đồng bào Cor và các dân tộc anh em xung quanh, kiên trì dùng cách đánh lẻ, đánh nhỏ, quần nhau với Pháp, giữ vững lực lượng, giữ vững căn cứ chiến đấu đến cùng.

Tháng 3/1945, Nhật đánh úp Pháp, quân địch phải rút về Trà Bồng. Cuộc vây quét căn cứ của người Cor mà quân Pháp tiến hành gần 7 năm ròng đã hoàn toàn thất bại.

Từ căn cứ làng Búp, ông Tài trực tiếp chỉ huy nghĩa quân lập tức kéo về quanh Trà Bồng chuẩn bị tập kích đồn Trà Bồng. Ý định này chưa được thực hiện thì tin quân Việt Minh gồm người Kinh, người Hơ-rê đã nổi dậy khởi nghĩa đánh Pháp, đánh Nhật, chiếm được đồn Ba Tư bay đến vùng Trà Bồng làm cho đồng bào và nghĩa quân người Cor vô cùng phấn khởi. Kế đó cuộc tổng khởi nghĩa tháng 8/1945 của Việt Minh, do Đảng Cộng sản lãnh đạo, đã âm ỉ nổi lên khắp các miền đất nước. Đồng bào Cor, nghĩa quân người Cor do các ông Phó mục gia, ông Tài... lãnh đạo đã hăng hái nhập ngay vào lực lượng tổng khởi nghĩa. Cuộc tổng khởi nghĩa tháng 8/1945 đã hoàn toàn thắng lợi, đồng bào người Cor, đồng bào các dân tộc ít người ở miền tây cùng đồng bào Kinh trong tỉnh Quảng Nghĩa kết thúc thắng lợi cuộc đấu tranh chống Pháp giành độc lập tự do suốt mấy mươi năm ròng, tiến lên cùng các dân tộc trong cả nước Việt Nam được sống trong độc lập tự do, cùng nhau xây dựng cuộc sống mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Ông Phó mục Gia đã được nhân

dân Kinh – Thượng trong huyện cử làm chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng đầu tiên của huyện Trà Bồng.

Phong trào chống thuế, chống sưu, chống áp bức đòi quyền làm chủ núi rừng của đồng bào các dân tộc ít người ở miền Tây Quảng Nghĩa là những phong trào tự phát của những bộ tộc trong vùng chống lại ách áp bức, bóc lột tàn bạo của thực dân Pháp và bè lũ phong kiến tay sai.

Mục tiêu, phương pháp và hình thái đấu tranh của các phong trào ấy là do trình độ sản xuất, lối làm ăn sinh sống, sự phân hóa giai cấp trong xã hội, do mối quan hệ về chủng tộc, về phong tục tập quán và kinh nghiệm đấu tranh của nhân dân trong vùng quyết định.

Những phong trào đó đã góp phần công lao không nhỏ vào phong trào đấu tranh yêu nước chống Pháp và phong kiến của nhân dân trong tỉnh, trong nước và mang tính dân tộc, dân chủ khá sâu sắc.

MẤY SUY NGHỊ BƯỚC ĐẦU VỀ CÁC PHONG TRÀO YÊU NƯỚC MANG MÀU SẮC DÂN CHỦ TƯ SẢN TRONG TỈNH QUẢNG NGHĨA 1926.

Nghiên cứu các phong trào yêu nước mang màu sắc dân chủ tư sản trong tỉnh Quảng Nghĩa trong những năm đầu thế kỷ thứ XX, chúng tôi thấy nổi lên một số điểm như sau :

Về nội dung: Có thể chia các phong trào yêu nước trong giai đoạn này thành hai loại có khuynh hướng khác nhau.

Khuynh hướng thứ nhất là khuynh hướng chủ đạo có chủ trương chống Pháp, chống triều đình phong kiến tay

sai của chúng để giành độc lập tự do cho đất nước, do hội Duy Tân ở Quảng Nghĩa (1904 - 1908) và hội Việt Nam Quang phục ở miền Nam Trung bộ tổ chức và lãnh đạo (1909 - 1916).

Trong quá trình phát triển, khuynh hướng chống Pháp và tay sai này có hai thời kỳ khác nhau.

Thời kỳ từ 1904 đến 1908, có phong trào « khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh » (ở địa phương thường gọi là phong trào « đồng bào ») do hội Duy Tân ở Quảng Nghĩa tổ chức và lãnh đạo. Thời kỳ này chưa có chủ trương dùng bạo lực để trực tiếp đánh đuổi thực dân Pháp giành độc lập cho đất nước, mà mới lo khai dân trí, chấn dân khí, đào tạo nhân tài để tạo tiền đề cho việc cứu dân, cứu nước sau này. Thực chất của phong trào khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh là cuộc vận động cải cách, mà trong đó *trọng tâm là cải cách văn hóa tư tưởng*. Cuộc vận động này; chúng ta thấy có khẩu hiệu hậu dân sinh song đi vào cụ thể chủ yếu là vận động cải cách văn hóa tư tưởng, cải cách từ lối ăn, lối mặc, cải cách lối cúng, lối thờ, cúng ai, thờ ai; cải cách nội dung và lễ lối học tập và thi cử, đòi bỏ hẳn lối học theo Khổng Mạnh, từ chương sáo rỗng, và lo học cách vật trí tri... Tất cả những cải cách đó đều mang *nội dung chống lại nền văn hóa* phong kiến hủ lậu để chuẩn bị dân trí, dân khí cho đồng bào tiến lên cho kịp người, tức là kịp những nền văn hóa, tư tưởng văn minh tư sản phương Tây, để chuẩn bị điều kiện tiến lên giành quyền tự chủ cho đất nước. Có thể nói được chẳng là: các phong trào yêu nước chống Pháp ở Quảng Nghĩa đã biết đưa cuộc vận động văn hóa – tư tưởng đi trước một bước » mở đường cho các phong trào chính trị chống đế quốc Pháp và phong kiến

tay sai đề giành độc lập tự do cho Tổ quốc sau này.

Thời kỳ thứ hai bắt đầu từ 1909, sau khi phong trào khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh và cao trào chống thuế, chống xâu đã bị thực dân Pháp đàn áp tàn khốc phải xẹp xuống. các nhà yêu nước đã dứt khoát tiến vào con đường dùng bạo lực cách mạng đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, cho dân tộc. Đó là chủ trương đưa thanh niên yêu nước trong tình xuất dương học quân sự để trở về đánh Pháp là chủ trương đường lối mà hội Việt Nam quang phục miền Nam Trung bộ đã tiến hành trong cuộc vận động khởi nghĩa đánh Pháp, giành độc lập cho xứ sở từ 1909 đến 1916 đã nói trên.

Những phong trào trong cả hai thời kỳ nói trên đều là những phong trào yêu nước và cách mạng chống Pháp chống phong kiến tay sai rõ rệt.

Khuynh hướng thứ hai, nổi lên trong các phong trào cải lương, cải cách hương thôn cải lương hương chính và vận động thực nghiệp từ 1923 đến 1926, 1927. Những phong trào trong thời kỳ này là những phong trào yêu nước đang bị khủng hoảng đường lối, phương hướng lẫn đạo, không biết đi theo đường nào, nên gặp phong trào mới thì đi theo và nổi lên một cách tự phát, mạnh đâu làm đó, chưa thống nhất lại một lực lượng chính trị trong cả tỉnh. Và chính vì là 1 phong trào tự phát, thiếu phương hướng, nên những phong trào này đến khoảng 1925 thì đã phải phân hóa những lực lượng có lòng — yêu nước nồng nàn, có ý chí chống Pháp thật sự đã tách ra khỏi phong trào cải lương, sớm tập hợp nhau lại trong các nhóm yêu nước; chống Pháp có khuynh hướng cách mạng như hội « Thanh niên ái quốc » và « Công ái xã »... để đi tìm con đường chống Pháp.

Cứu nước đứng dẫn hầu lãnh đạo nhân dân trong tỉnh đứng lên chống Pháp và phong kiến để giành độc lập và dân chủ cho Tổ quốc, cho nhân dân.

Cần phải ghi nhận trong quá trình các phong trào yêu nước chống Pháp mang màu sắc dân chủ tư sản nổi lên thì còn có các phong trào tương tế, tương trợ đùm bọc nhau của nông dân trong các thôn xóm vẫn liên tục hoạt động. Đây là những phong trào có lâu đời trong xã thôn Việt Nam tồn tại đến bây giờ và sau đó khá lâu. Phong trào này không cùng một nguồn với phong trào yêu nước mang màu sắc tư sản dân chủ.

— Cơ sở xã hội của các phong trào yêu nước mang màu sắc dân chủ tư sản dựa vào các tầng lớp trên và trung gian như các nhà khoa mục, các thân hào thân sĩ, một số quan lại, các cấp công chức, sĩ quan, hạ sĩ quan, phú nông, địa chủ nhỏ và một ít địa chủ lớn như là Bà Hộ Gà Võ Thị Đệ... do những nhà yêu nước trong giới trí thức nho học tiến bộ lãnh đạo. Tuy nhiên nhìn vào từng phong trào cụ thể trong giai đoạn này, chúng ta thấy có sự khác nhau cụ thể như :

— Phong trào Duy Tân (1904 — 1908) chủ yếu là hoạt động trong các giới sĩ phu trí thức, quan lại (phần nhiều là quan về hưu), thân hào thân sĩ, địa chủ, phú nông... do những nhà khoa mục yêu nước lãnh đạo.

— Sang cuộc vận động khởi nghĩa do hội Việt Nam quang phục MNTB tổ chức và lãnh đạo thì ngoài các thành phần nói trên và trung gian đóng vai trò chủ chốt ra, còn có quần chúng nông dân lao động và binh sĩ địch gốc là nông dân lao động tham gia tích cực vào lực lượng võ trang, lực lượng hậu cần, tiếp tế... Nhìn chung cả lực lượng trong cuộc vận động khởi nghĩa

này, có tất cả các giai cấp, các tầng lớp nhân dân trong xã hội đương thời ở tỉnh Quảng Nghĩa tham gia. Với thành phần rộng rãi như vậy, cuộc vận động khởi nghĩa chống Pháp cứu nước do Việt Nam Quang Phục Miền Nam Trung Bộ tổ chức lãnh đạo năm 1916 đã mang tính nhân dân thực sự.

— Đến phong trào cải lương trong những năm 1923 — 1926 thì thành phần chủ yếu là các tầng lớp trung gian ở nông thôn và thành thị. Trong các phong trào tương trợ, tương tế, vòng đời công, hội đồng canh... và các phong trào loại này, về nguồn gốc vốn không thuộc phong trào tư sản dân chủ, tuy hai loại phong trào đó cùng phát triển trong cùng một thời gian.

— Về phương pháp và hình thức đấu tranh của các phong trào mang màu sắc dân chủ tư sản trong những năm 1904 — 1926 bao gồm nhiều nội dung và hình thức rất phong phú: Phong trào Duy Tân chủ yếu là đi sâu vào đấu tranh văn hóa — tư tưởng với những hình thức công khai nửa công khai và bí mật, vừa hợp pháp, nửa hợp pháp và không hợp pháp, để chuẩn bị điều kiện tư tưởng và tổ chức cho những yêu cầu cứu nước về sau. Sang cuộc vận động khởi nghĩa đánh Pháp cứu nước (1909 — 1916) thì phương pháp chính yếu là *bí mật vận động tổ chức lực lượng đề ròi nổi dậy khởi nghĩa vũ trang cướp chính quyền*. Trong cuộc vận động, hội Việt Nam Quang Phục Miền Nam Trung Bộ vừa dựa vào lực lượng nhân dân trong nước là chính vừa có ý thức tìm cách tranh thủ mọi việc để tạo thêm thế lực cho cuộc vận động phục quốc.

— Phong trào cải lương lại có những hình thức đấu tranh khác nhau tùy theo từng giới, như giới hữu sản đòi được tự do phát triển công thương nghiệp, thanh

niên, học sinh đấu tranh chống mê tín dị đoan, chống tệ xôi thịt đình đám, hoạt động thể thao, đọc báo chí, thảo luận tình hình đất nước, vận động đòi thả cụ Phan Bội Châu, truy điệu cụ Phan Chu Trinh; nông dân và dân nghèo thành thị đi sâu vào phong trào tương trợ, tương tế, văn công đòi công, hội đồng canh... Mặc dù phong trào cải lương chưa có được một đường lối chính trị rõ ràng, thống nhất, chưa có một tổ chức chính trị vững vàng lãnh đạo, nhưng phong trào yêu nước trong những năm ấy ở Quảng Nghĩa vẫn khá sôi nổi, có nhiều tầng lớp nhân dân trong tỉnh tham gia, làm cho thực dân Pháp phải lo sợ, sớm đàn áp khủng bố để mong dập tắt phong trào.

Nhìn chung phong trào yêu nước chống Pháp ở Quảng Nghĩa trong những năm đầu thế kỷ XX có mang màu sắc dân chủ tư sản. Song xét cho kỹ, phong trào đó chưa phải do giai cấp tư sản tổ chức và lãnh đạo, chỉ là những phong trào mưu cầu độc lập và dân chủ cho đất nước của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân yêu nước, chống Pháp, do những nhà trí thức yêu nước tiến bộ chịu ảnh hưởng của những tư tưởng dân chủ tư sản lãnh đạo mà thôi.



Các phong trào yêu nước chống Pháp mang màu sắc dân chủ tư sản trong tỉnh Quảng Nghĩa đã tồn tại và phát triển hơn 20 năm. Phong trào trước bị khủng bố, tàn sát phải xẹp xuống thì phong trào sau lại tìm cách nhẹ nhàng tập hợp lại để nổi lên tìm đường cứu nước, đã làm nên những sự tích anh hùng.

Tuy vậy, do quan điểm tư tưởng và chủ trương chính trị của các phong trào ấy còn chưa phù hợp với tình hình đất nước đang ở trong thời đại mà chủ nghĩa tư sản đã trở thành chủ nghĩa đế quốc xâm lược, phản động, thời đại mà cuộc cách mạng Tháng 10 Nga, theo chủ nghĩa Mác-Lê-Nin, do giai cấp công nhân lãnh đạo, đã giành được thắng lợi trên 1 phần 6 quả đất, giai cấp công nhân đã trở thành nhân vật trung tâm. Thời đại mà cuộc cách mạng giải phóng dân tộc trong mỗi nước không thể độc lập tách rời với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Hơn nữa, đường lối, chủ trương của các phong trào ấy còn chưa chú trọng đến quyền lợi cơ bản của các giai cấp tầng lớp nhân dân lao động đông đảo, nhất là quyền lợi thiết thân của giai cấp công nhân, nông dân, những giai cấp đông đảo nhất và bị áp bức, bóc lột tệ hại nhất trong xã hội. Do đó mà các phong trào yêu nước chống Pháp mang màu sắc dân chủ tư sản trong tỉnh Quảng Nghĩa đầu thế kỷ thứ XX, mặc dù rất quyết liệt, rất anh dũng, phương pháp hình thức đấu tranh có nhiều vẻ, rất sáng tạo, song cuối cùng đều không thành công, nhường bước cho những phong trào yêu nước chống Pháp có đường lối chủ trương chính trị đúng đắn, có tổ chức lãnh đạo vững vàng phù hợp với thời đại, với nguyện vọng, yêu cầu sâu xa của nhân dân hơn.

* *

PHẦN BA

PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP TRONG TỈNH QUẢNG NGHĨA TRÊN CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG VÔ SẢN THEO CHỦ NGHĨA MÁC-LÊ-NIN (1926 — 1945)

Đầu thế kỷ XX, tình hình thế giới và trong nước có những chuyển biến rất cơ bản, ảnh hưởng sâu sắc đến bước đường tiến lên của cách mạng Việt Nam :

Một là, dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng Bôn-sơ-vích Nga, do Lê-nin vĩ đại đứng đầu, cách mạng Tháng Mười Nga đã thành công trên 1 phần 6 quả đất, làm rung chuyển nền thống trị thế giới tư bản — đế quốc chủ nghĩa, đã giương cao ngọn cờ chủ nghĩa Mác-Lê-Nin, cổ vũ, dẫn dắt các giai cấp, các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới mạnh bước tiến lên con đường cách mạng vô sản để tự giải phóng cho mình.

Được sự cổ vũ của cách mạng Tháng Mười, cao trào khởi nghĩa của giai cấp công nhân và các giai cấp, tầng lớp lao động khác, dưới sự lãnh đạo của các Đảng theo chủ nghĩa Mác-Lê-Nin, tiếp tục nổi lên lập chính quyền Xô-viết ở Đức (1918 — 1919) ở Hung (1919), ở Ý (1920) và cao trào bãi công biểu tình, binh biến đòi quyền dân chủ dân sinh, ủng hộ Liên Bang Xô-viết cùng nổi lên rầm rộ ở Châu Âu, Châu Mỹ...

Song song với cao trào của công nông ở các nước tư bản, cao trào đấu tranh đòi độc lập và dân chủ với nhiều màu sắc và phương pháp khác nhau cũng nổi

lên mạnh mẽ khắp châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh, hình thành một thế trận cùng tấn công thẳng vào chủ nghĩa tư bản—để quốc tế giới.

Trọng quá trình phát triển các cao trào cách mạng vô sản và cách mạng dân tộc dân chủ đó, hàng loạt Đảng cộng sản, Đảng công nhân, những đội tiên phong của giai cấp vô sản và của các dân tộc bị áp bức ra đời ở nhiều nước châu Âu, châu Á, châu Mỹ, châu Phi. Tháng ba năm 1919, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Lê-Nin vĩ đại, quốc tế cộng sản thành lập. Sự ra đời của quốc tế cộng sản—quốc tế thứ ba, đã có ảnh hưởng trực tiếp và tạo ra một thuận lợi rất cơ bản, to lớn cho cách mạng Việt Nam.

Hai là, sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, thực dân Pháp đã gấp rút đẩy mạnh và mở rộng việc khai thác, bòn rút thuộc địa. Kết quả việc khai thác, bòn rút thuộc địa của thực dân Pháp đã làm cho tình hình xã hội ở Việt Nam có những biến đổi rất cơ bản.

1— Bên cạnh nền kinh tế nông nghiệp phân tán, tự cấp, tự túc theo kiểu phong kiến ở nông thôn Việt Nam, các thành thị và các vùng kinh tế công, nông nghiệp mới kinh doanh theo lối tự bản thực dân đã mọc lên ở khắp Bắc Trung Nam Việt Nam. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa theo lối thực dân đã hình thành và dần dần chiếm địa vị chi phối toàn bộ đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa tư tưởng trong xã hội Việt Nam.

2— Theo đà phát triển của công cuộc khai thác thuộc địa Đông Dương, bọn địa chủ phong kiến và bọn tay sai có thể lực đã dựa dẫm vào thực dân Pháp, bỏ vốn ra kinh doanh trong các ngành thương nghiệp, đồn điền, hầm mỏ, vận tải thủy bộ, vật liệu xây dựng, xay

xát gạo, cơ khí, điện, ngân hàng, in ấn, báo chí... (1). *Giai cấp tư sản Việt Nam non yếu đã hình thành bên cạnh giai cấp tư sản thực dân Pháp và tư sản ngoại kiều (Hoa, Ấn). Trong xã hội Việt Nam đã có thêm một giai cấp bóc lột mới, giai cấp tư sản Việt Nam.*

3— Do chính sách khai thác, vơ vét, bóc lột thuộc địa của thực dân Pháp từ cuối thế kỷ XIX, các tầng lớp nông dân lao động và thợ thủ công Việt Nam ngày càng bị bần cùng, vô sản hóa. Một bộ phận trong số nhân dân lao động bị bần cùng ấy đã phải bỏ quê hương đi vào các thành thị, hầm mỏ, đồn điền... bán sức lao động để sinh sống. *Giai cấp công nhân Việt Nam hình thành và phát triển ngày càng đông đảo. (2). Vừa Ta đời, giai cấp công nhân Việt Nam đã gặp cách mạng tháng Mười Nga, gặp chủ nghĩa Mác—Lê-nin chỉ lối, dẫn đường, được phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trên thế giới cổ vũ, phối hợp đấu tranh, nên tuy còn non trẻ, giai cấp công nhân Việt Nam đã sớm giác ngộ, nhận rõ sứ mệnh lịch sử của mình, đã sớm lãnh đạo giai cấp nông dân và cả dân tộc Việt Nam bước lên con đường cách*

(1) Trần Văn Giàu *Giai cấp công nhân Việt Nam*, in lần thứ hai—NXB Sự Thật, Hà Nội 1958, trang 176.

(2) Theo *giai cấp công nhân Việt Nam* đã dẫn trang 176, 180, 169, 187 thì năm 1919 ở Việt Nam mới có khoảng 100.000 công nhân, đến 1930 đã có 221.000 người, trong đó có 53.000 công nhân mỏ, 81.000 công nhân đồn điền, 86.000 công nhân, viên chức trong các nhà máy, tiệm buôn. Đó là chưa tính số thầy giáo, công chức hành chính sống rải rác và 27.000 thợ thủ công các loại trong cả nước.

mạng vô sản, theo chủ nghĩa Mác—Lê-nin, do quốc tế Cộng sản tổ chức và lãnh đạo. Việc giai cấp công nhân Việt Nam ra đời và bước lên vũ đài đấu tranh chính trị (1) đã làm cho thực dân Pháp hết sức lo sợ. Năm 1902 tên toàn quyền Pôn-Đu-me đã viết: Sự phát triển của những đô thị lớn như Sài Gòn, Chợ Lớn làm nảy sinh một thứ vô sản thành thị và ngoại ô; thái độ và hành động của đám vô sản này đã làm cho số người Âu và giai cấp giàu người bản xứ đều lo sợ một cách nghiêm trọng và có lý (2)..

Sự ra đời của giai cấp công nhân và phong trào đấu tranh dân tộc dân chủ của công nông và phong trào yêu

(1) *Glai cấp công nhân Việt Nam*, đã dẫn trang 106, 357, thì trước thế giới chiến tranh lần thứ I cả Đông Dương chỉ mới có 15 cuộc bãi công tự phát đòi quyền lợi hàng ngày của công nhân. Từ 1920 đến 1925 đã có 25 cuộc, 1928 có 23 cuộc (theo Trần Huy Liệu. Lịch sử 80 năm đấu tranh chống Pháp. Đã dẫn trang 272). Từ tháng 4-1929 đến tháng 4-1930 có 43 cuộc (Bắc Kỳ 22, Nam Kỳ 12, Trung Kỳ 4 cuộc). Trong những cuộc đấu tranh ấy, có nhiều cuộc nói lên tinh thần quốc tế vô sản của công nhân Việt Nam rất cao như: ngày 8-3-1920 công nhân và nhân dân lao động Sài Gòn, do công đoàn lãnh đạo, đã tổ chức ủng hộ cuộc biểu tình của 226 thủy thủ người Âu đang biểu tình tại bến cảng Sài Gòn, và ngày 4-3-1925, công đoàn đã lãnh đạo hơn 1.000 công nhân Ba Sơn đình công, không chịu sửa chữa nhiều tàu chiến Pháp, trong đó có tàu Yules michelet, không để cho các tàu chiến ấy kéo sang đàn áp phong trào đấu tranh của công nhân ở Thượng Hải, Quảng Châu (Trung Quốc)...

(2) Theo *Sự truyền bá chủ nghĩa Mác Lê-nin và các tổ chức cộng sản đầu tiên ở thành phố Hồ Chí Minh*, đã dẫn trang 12.

nước của các tầng lớp nhân dân Việt Nam những năm 20 là những nhân tố cơ bản trong nước đề cách mạng Việt Nam sớm tiếp thu chủ nghĩa Mác Lê-nin, và trên cơ sở những phong trào đó, từng bước hình thành những tổ chức yêu nước theo chủ nghĩa Mác Lê-nin, tiến lên thành lập Đảng cộng sản Đông Dương, đưa con thuyền cách mạng Việt Nam đi vào trào lưu cách mạng vô sản và chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới.

Đó là bối cảnh chung của phong trào yêu nước chống Pháp trong tỉnh Quảng Nghĩa đã trải qua những năm 20 thế kỷ này.

PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP Ở QUẢNG NGHĨA TIẾP THU CHỦ NGHĨA MÁC — LÊ NIN VÀ SỰ HÌNH THÀNH CÁC TỔ CHỨC CỘNG SẢN ĐẦU TIÊN Ở TRONG TỈNH (1926 — 1929)

Sau khi cuộc khởi nghĩa do hội Việt Nam quang phục miền Nam Trung bộ tổ chức bị thất bại (1916), phong trào yêu nước chống Pháp trong tỉnh Quảng Nghĩa lại càng bế tắc về đường lối, phương hướng, nên phong trào yêu nước trong tỉnh lại tự phát nổi lên với nhiều màu vẻ khác nhau mà chúng tôi đã trình bày trong mục cái lương ở phần trên.

Giữa lúc phong trào yêu nước chống Pháp trong nước, trong tỉnh « không có đường ra » ấy, năm 1920 đồng chí Nguyễn Ái Quốc, tức Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, đã tiếp thu được chủ nghĩa Mác Lê-nin, tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp, và bằng nhiều cách, Người tích cực ra sức truyền bá chủ nghĩa Mác Lê-nin vào Việt Nam; đến cuối năm 1924, Người lại đến Quảng Châu (Trung Quốc) lập ra Việt Nam Thanh niên Cách

mạng Đồng chí hội, tiếp tục chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức để tiến hành thành lập Đảng cộng sản, Đảng của giai cấp công nhân ở Đông Dương.

Tại Quảng Nghĩa, trước 1925, cụ Trần Kỳ Phong (1) đã cố gắng đem những hiểu biết của mình về chủ nghĩa Mác Lê-nin và cách mạng Tháng Mười Nga truyền bá trong một số người giàu lòng yêu nước, khuyên họ nên tìm hiểu và đi theo con đường của cách mạng Tháng Mười, con đường « tiến lên thế giới Đại Đồng », theo chủ nghĩa cộng sản.

Ngoài ra, trong tỉnh có một số thanh niên yêu nước theo học ở Hà Nội, Huế... qua sách báo tiến bộ của nước ngoài, nhất là sách báo ở Pháp, cũng đã tiếp thu được ảnh hưởng của cách mạng Tháng Mười và chủ nghĩa Mác Lê-nin, đem những sự hiểu biết ấy về truyền bá trong tỉnh.

Tuy nhiên, sự hiểu biết về chủ nghĩa Mác Lê-nin và cách mạng Tháng Mười lúc bấy giờ cũng mới có những khái niệm về chủ nghĩa Mác Lê-nin là một chủ nghĩa đấu tranh để xây dựng một « thế giới Đại Đồng », không còn quốc giới, không có chiến tranh, không còn

(1) Trần Kỳ Phong (1872 - 1941) Người làng Châu Me, xã Bình Châu, phủ Bình Sơn, đậu tú tài khoa nhâm dần (1902) tại trường thi Bình Định, là một nhà yêu nước, cách mạng chống Pháp nổi tiếng ở Quảng Nghĩa; đã tham gia các phong trào « Cần Vương », phong trào Duy Tân - Đông Du, phong trào khất thuế và các phong trào đấu tranh dân tộc dân chủ theo chủ nghĩa Mác Lê-nin do Đảng cộng sản lãnh đạo. Trong những năm 1923 - 1929, cụ đã tận tình dìu dắt giúp đỡ nhiều thanh niên yêu nước tập hợp nhau lại tìm đường cứu nước. Đến khi Đảng bộ cộng sản trong tỉnh thành lập, với khả năng của mình, cụ vẫn tham gia hoạt động theo đường lối chủ trương của Đảng cho đến hơi thở cuối cùng.

kẻ giàu người nghèo, không có nạn người bóc lột người, không còn cường quyền áp bức... Còn như làm thế nào, đi con đường nào để thực hiện cho được viễn cảnh đó thì vẫn còn lúng túng (1).

Cũng trong thời gian ấy, phong trào yêu nước có màu sắc cải lương trong tỉnh dần dần phân hóa. Những người yêu nước có nhiệt tình cách mạng, có ý chí chống Pháp giành lại độc lập tự do cho đất nước, cho dân tộc đã kiên quyết chống lại các thuyết cải lương thỏa hiệp tách ra lập những tổ chức yêu nước bí mật như hội « Thiếu niên ái quốc » và « Công ái xã » (2) để tự lãnh

(1) Chúng tôi viết những ý này là dựa vào sự nghiên cứu thơ văn của cụ Trần Kỳ Phong còn lại và dựa vào các cuộc trao đổi ý kiến với những học trò của cụ Tú Trần đã có nhiều tham gia phong trào yêu nước trong những năm 1923 — 1925; đặc biệt là trao đổi với các đồng chí Nguyễn Thiệu, Phạm Chương...

(2) Hội Thiếu niên ái quốc, gồm những thanh niên yêu nước ở Mộ Đức như Trần Toại người thôn Lương Nông, làng Thị Phở Nhi, Mộ Đức (Trần Toại đã bị mù trước năm 1923, khi còn học ở Huế), Hồ Độ, Lê Trọng Kha, Võ Sỹ... tự động lập ra ngày thành lập của hội thiếu niên ái quốc, theo « lịch sử Đảng Bộ cộng sản Quảng Ngãi (1930—1945) do Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Bộ Quảng Ngãi (thuộc Hội đồng hương Quảng Ngãi ở Hà Nội biên soạn) nói là lập vào 1923. Chúng tôi đề nghị nên xác định thêm cho rõ.

— Về Công ái xã thì lâu nay nói là Công ái Đảng. Song theo đồng chí Nguyễn Thiệu nói lại lúc đó đặt là Công ái xã tham gia lập Công ái xã lúc đầu có: Nguyễn Thiệu, Nguyễn Nghiêm, Trần Kỳ Truyền, Lê Ngọc Thụy. Ngày thành lập trước ngày toàn quyền Varren đến Đông Dương nhận chức (11-1925) mấy ngày. Nơi họp để lập Công ái xã tại một gò mả gần nhà Lê Ngọc Thụy, gần thị trấn Đồng Cát, nay thuộc xã Đức Tân, Mộ Đức, Quảng Nghĩa.

lấy trách nhiệm gây dựng lại phong trào yêu nước chống Pháp trong tỉnh.

Nhưng khi các tổ chức Công ái xã và hội Thiếu niên ái quốc được lập ra, cũng đều lúng túng do thiếu phương hướng, đường lối chính trị cụ thể, rõ ràng để làm kim chỉ nam cho phong trào yêu nước chống Pháp trong tỉnh hoạt động.

Trước tình hình đó, những người yêu nước Quảng Nghĩa một mặt cứ tiếp tục tập hợp những người có nhiệt tình yêu nước lại (1), một mặt ra sức đi tìm liên hệ với các tổ chức yêu nước cách mạng khác đang hoạt động trong nước để thoát cái thế bí thiếu phương hướng, đường lối hoạt động lúc bấy giờ.

Năm 1926, nhờ mối quan hệ giữa cụ Trần Kỳ Phong với cụ Nguyễn Đình Kiên, nhiều đồng chí, trong đó có các đồng chí Hồ Độ... đã tham gia vào Việt Nam cách

(1) Theo Phạm Văn Sơn, trong sách *Chế độ Pháp thuộc tại Việt Nam* xuất bản năm 1972, viết theo sách *Góp vào lịch sử chính trị vận động ở Đông Pháp* (5 tập) của Louis Marty, chánh mật thám Đông Dương thị trước 1926 ông Tú Trần Kỳ Phong đã tổ chức ra Tân Việt Đảng có 60 người. Chúng tôi đã hỏi nhiều đồng chí có hoạt động gần gũi với cụ Trần Kỳ Phong thời kỳ này đều nói có tập hợp nhau bàn việc cứu nước, song lúc bấy giờ không nghe nói đến Tân Việt Đảng. Chúng tôi ghi lại đây để tiếp tục nghiên cứu.

mạng Đảng (tiền thân của Đảng Tân Việt) (1). Bảy giờ trong Việt Nam cách mạng Đảng đã có sự đấu tranh gay gắt giữa hai xu hướng chính trị xu hướng « cách mạng quốc gia » của một bộ phận người cầm đầu VNKMD, phủ nhận vai trò lịch sử của giai cấp công nhân, phủ nhận tính Đảng mát xít của giai cấp công nhân (2)...

(1) Về việc Quảng Nghĩa có cơ sở Đảng Tân Việt không, thì hiện chúng tôi đã biết như sau :

— 1926, do sự giới thiệu của cụ Nguyễn Đình Kiên, các đồng chí Hồ Độ (Ngọc) và Nguyễn Bút ra Vinh gặp Trần Mộng Bạch, Thân Trọng Phước và cả hai được kết nạp vào Việt Nam cách mạng Đảng tại Vinh (theo lời kể đồng chí Nguyễn Bút); và trong sách « Chế độ Pháp thuộc của Pháp tại Việt Nam » của Phạm Văn Sơn, đã dẫn trang 103, cũng viết gần như vậy.

— Theo đồng chí Trần Hậu Toàn thì khoảng tháng 11 năm 1927 đồng chí đã được Phan Kim Huy phái đi vào Quảng Nghĩa, gặp Trương Quang Trọng, nhờ Trương Quang Trọng mời Hồ Độ ra Vinh họp Tổng bộ Việt Nam cách mạng Đảng (Hồ Độ lúc ấy là ủy viên trong Tổng bộ Việt Nam cách mạng Đảng). Cuộc họp này xong thì đồng chí Trần Hậu Toàn bị bắt trên đường đi sang Hồng Kông vào ngày 13-1-1928.

— Đồng chí Ngô Đức Đệ, nguyên là bí thư liên tỉnh « Tứ Định » của Đảng Tân Việt kể rằng: Mùa xuân 1928, Tổng bộ đã giao cho Ngô Đức Đệ vào gặp Hồ Độ, Trương Quang Trọng để bàn việc lập liên tỉnh Tân Việt. Ngô Đức Đệ đã gặp Hồ Độ, Trương, song sau đó cả Tỉnh bộ Quảng Nghĩa không còn liên lạc với Tân Việt, vì đã chạy sang hẳn Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội xem chú thích (2) cùng trang và ở trang 134.

(2) Nhận xét của sách *Sự truyền bá chủ nghĩa Mác i-ên-nin và các tổ chức cộng sản đầu tiên ở thành phố Hồ Chí Minh*, nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh 1940. Trang 142.

Họ ngày càng sa vào hoạt động có xu hướng quốc gia cải lương (1), và xu hướng của những người cách mạng chống Pháp triệt để, đã tiếp thu được đường lối cách mạng dân tộc — dân chủ theo chủ nghĩa Mác Lê-nin mà đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã vạch ra cho Việt Nam Thanh niên cách mạng Đồng chí hội. Những đảng viên Việt Nam Cách mạng Đảng ở Quảng Nghĩa do Hồ Độ, Trương Quang Trọng cầm đầu đã kiên quyết chống lại xu hướng chính trị cơ hội tiểu tư sản của « khối quốc gia » ~~...~~ và tán thành đường lối cách mạng dân tộc dân chủ theo chủ nghĩa Mác Lê-nin của Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội. Và từ đó phong trào yêu nước chống Pháp ở Quảng Nghĩa đã bắt đầu hoạt động theo con « Đường cách mệnh » dân tộc dân chủ, theo chủ nghĩa Mác Lê-nin do đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã vạch ra. Tuy nhiên, sự hiểu biết về chủ nghĩa Mác Lê-nin, về đường lối cách mạng dân tộc dân chủ, bấy giờ vẫn còn chưa có hệ thống rõ ràng. Mãi đến cuối 1927, khi đồng chí Nguyễn Thiệu rồi Trương Quang Trọng, Hồ Độ, Lê Trọng Kha... tiếp nhau ra nước ngoài học tập trở về thì phong trào yêu nước chống Pháp ở Quảng Nghĩa mới tiếp thu chủ nghĩa Mác Lê-nin và đường lối cách mạng dân tộc — dân chủ một cách mạch lạc, rõ ràng. Những tổ chức yêu nước chống Pháp ở Quảng Nghĩa từ đây hoàn toàn tách khỏi ảnh hưởng Việt Nam Cách mạng Đảng và gia nhập thẳng vào Việt

(1) Nhận xét trong bản tuyên đạt của Đông Dương cộng sản liên đoàn đã được thông qua tháng 8-1929, và in tháng 9-1929; công bố tháng 1-1930 dẫn theo sự truyền bá chủ nghĩa Mác Lê-nin nói trên, trang 1946

Nam Thanh niên (cách mạng Đồng chí hội, đi hẳn vào con đường cách mạng dân tộc dân chủ; con đường cách mạng vô sản theo chủ nghĩa Mác Lê-nin, dưới sự chỉ đạo của quốc tế cộng sản, mà đồng chí Nguyễn Ái Quốc là người đại diện.

Như vậy, phong trào yêu nước chống Pháp ở Quảng Nghĩa đã trải qua nhiều năm đấu tranh chống lại các khuynh hướng chính trị cơ hội tiểu tư sản, tư sản trong phong trào cải lương và khuynh hướng chính trị cơ hội biệt phái tiểu tư sản của khối quốc gia trong Việt Nam Cách mạng Đảng mới nhập hẳn vào trào lưu cách mạng vô sản theo chủ nghĩa Mác Lê-nin do Quốc tế cộng sản lãnh đạo. Từ đó, đường lối cách mạng dân tộc dân chủ theo chủ nghĩa Mác Lê-nin do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc vạch ra được xác lập, tổ chức Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội được xây dựng và phát triển trong tỉnh, tạo nên những tiền đề về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho việc thành lập tỉnh Đảng bộ Đảng cộng sản ở Quảng Nghĩa. Đến đây phong trào yêu nước chống Pháp trong tỉnh Quảng Nghĩa chẳng những đã từ bỏ xu hướng cải lương tư sản, mà còn từ bỏ cả con đường cách mạng quốc gia tư sản, tiểu tư sản, chuyển hẳn sang con đường cách mạng dân tộc dân chủ theo chủ nghĩa Mác Lê-nin do giai cấp vô sản lãnh đạo. Đó là một quá trình biến đổi về chất trong phong trào yêu nước, chống Pháp ở Quảng Nghĩa, một quá trình biến đổi hợp với qui luật phát triển của cách mạng, sau cách mạng tháng Mười.

Sau tháng 5-1929, Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội phân hóa, Những người cộng sản trong Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội ở Quảng Nghĩa đã lập tức tổ chức ra tổ chức « Dự bị cộng sản ».

có trách nhiệm trụ bị, xúc tiến xây dựng Đảng bộ cộng sản ở Quảng Nghĩa. Tiếp đó, những chi bộ cộng sản đã lần lượt xây dựng ở các phủ huyện.

Tuy vậy, cho đến giữa năm 1929, các tổ chức cơ sở của Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội ở Quảng Nghĩa còn tổ chức theo lối ghép nhiều hội viên ở nhiều địa phương xa nhau lại thành một chi bộ. Ở các thôn xã, đường phố, ngoài những tổ chức tương tế, tương trợ cổ truyền của nông dân và thợ thủ công đã có sẵn từ lâu, Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội còn chưa xây dựng được bao nhiêu các tổ chức chính trị của quần chúng như công hội, nông hội, thanh niên, phụ nữ... Cho nên về cơ bản, Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội ở Quảng Nghĩa còn chưa bám chắc được vào đông đảo quần chúng lao động bị áp bức. Do đó, mặc dù đến nửa cuối 1929, ở Quảng Nghĩa đã có tổ chức cộng sản ra đời, phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng vẫn chưa thể sớm đưa lên một cách mạnh mẽ được, Đảng bộ cộng sản tỉnh Quảng Nghĩa cần có thời gian bám chặt vào quần chúng, tuyên truyền giác ngộ, tổ chức quần chúng thì mới có thể đưa phong trào đấu tranh của quần chúng lên mạnh được.

II — CAO TRÀO CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ (1930 — 1931)

Sau khi Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội phân hóa, Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam cộng sản Đảng, rồi Đông Dương cộng sản Liên đoàn lần lượt thành lập. Trước tình hình trong một xứ có ba Đảng cộng sản cùng hoạt động, tranh chấp nhau, theo



Đồng chí Nguyễn Nghiêm bí thư đầu tiên của Đảng bộ
Đảng cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nghĩa.

chỉ thị của Quốc tế cộng sản (1), ngày 3-2-1930, hội nghị hợp nhất ba Đảng cộng sản, do đồng chí Nguyễn Ái Quốc chủ trì đã họp ở Cửu Long (cạnh Hương Cảng), lập ra Đảng cộng sản Việt Nam (2) sau đổi tên lại là Đảng cộng sản Đông Dương.

Trong thời gian đó, tỉnh hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội ở Quảng Nghĩa cũng phân hóa những người đã giác ngộ cộng sản tập hợp nhau lại, cùng xây dựng tổ chức « Dự bị cộng sản » phụ trách việc vận động thành lập Đảng bộ cộng sản Quảng Nghĩa, do đồng chí Nguyễn Nghiêm chủ trì. Sau khi Đông Dương cộng sản Đảng, An Nam cộng sản Đảng và Đông Dương cộng sản Liên đoàn thống nhất lại thành Đảng cộng sản Việt Nam, đồng chí Nguyễn Nghiêm tiếp được mối Đảng, thành lập tỉnh ủy lâm thời của Đảng bộ cộng sản tỉnh Quảng Nghĩa, do đồng chí Nguyễn Nghiêm làm bí thư. Dưới sự chỉ đạo của tỉnh ủy lâm thời, cơ sở Đảng, cơ sở các đoàn thể cách mạng của quần chúng đã phát triển mạnh ở khắp phủ huyện. Đến tháng 6-1930, Đại hội lần thứ nhất của Đảng bộ họp ở làng Hùng Nghĩa (Đức Phổ) thì toàn tỉnh có 75 đảng viên, 26 chi bộ (Đức phổ 4, Mộ Đức 6, Tư Nghĩa 3, Sơn Tịnh 5, Bình Sơn 3, Nghĩa Hành 3, Ba Tơ 2). Các phủ huyện, châu như Đức Phổ, Mộ Đức, Sơn Tịnh, Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành và Ba Tơ đều đã lập được huyện ủy lâm thời. Các đoàn thể quần chúng như công hội đỏ, nông hội đỏ, hội thanh niên, hội phụ nữ, cứu tế đỏ, tư vệ

(1) Xem thư Quốc tế cộng sản gửi các nhóm cộng sản ở Đông Dương, Văn kiện Đảng 1930-1945, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội 1977, trang 10

(2) Năm mươi năm hoạt động của Đảng, báo Nhân Dân ngày 30-1-1980.

đỏ (xích vệ)... đã được xây dựng đều khắp ở các địa phương trong tỉnh; số hội viên đã có khoảng 1.200 người, nhiều nhất là hội viên nông hội đỏ (1).

Tỉnh Đảng bộ tích cực xúc tiến công tác tuyên truyền giáo dục trong Đảng và trong quần chúng: đã lập các cơ quan in ấn, phát hành các văn kiện như: chính cương, sách lược điều lệ vắn tắt của Đảng và tuyên ngôn của Đảng cộng sản Việt Nam... Tỉnh ủy tiếp tục xuất bản báo DÂN CÂY trước (là cơ quan tuyên truyền của tỉnh hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội) làm cơ quan tuyên truyền chính thức của tỉnh Đảng bộ và xuất bản thêm các tờ báo BAN GÁI, TIẾN LÊN, để phát hành rộng rãi trong các tổ chức cách mạng của quần chúng (2). Trước ngày kỷ niệm 1/5/1930, ngày 30/4/1930, cờ và truyền đơn của Đảng cộng sản Việt Nam đã được treo và rải ở thị xã Quảng Nghĩa và ở ga Tiên Đào ở Bình Sơn (3). Các Đảng bộ đã tổ chức nhiều cuộc mít tinh ở Sở muối Sa Huỳnh, Tân Hội, Hùng Nghĩa, Vạn Lý, Đức Phở, Gò Huyện, Đức Tân (Mộ Đức), ở Tư Cung, Sung Tích, An Vĩnh, An Kỳ (Sơn Tịnh) và ở Chu Me (Bình Sơn)... Ngày 1-5 rồi 1-8-1930

(1) và (2) theo *Lịch sử Đảng bộ cộng sản Quảng Ngãi (1930—1945)*. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Quảng Ngãi (trực thuộc hội đồng hương Quảng Ngãi ở Hà Nội) xuất bản 1975, trang 25.

(3) Theo báo cáo Tuần Vũ Quảng Nghĩa ngày 30-4-1930 « có truyền đơn, cờ ở Thị xã Quảng Nghĩa và Bình Sơn, ký Đảng cộng sản Việt Nam ».

cờ, băng, truyền đơn của Đảng đã được treo và phát khắp nơi trong tỉnh Quảng Nghĩa (1).

Nội dung tuyên truyền và khẩu hiệu đấu tranh trong các cuộc hội họp, mít tinh, báo chí, băng, truyền đơn trong lúc này là ;

— Bỏ thuế đinh, thuế đò, thuế chợ, giảm lúa tô, nợ lãi, xóa nợ cho dân nghèo không tài sản.

— Không bắt lính, bắt xâu đưa đi các vùng rừng sâu nước độc...

— Mở thêm trường học, nhà thương (bệnh viện) ;

— Thực hiện các quyền tự do dân chủ như tự do đi lại làm ăn, tự do lập hội, tự do ngôn luận... thực hiện nam nữ bình quyền.

Việt Nam hoàn toàn độc lập; nước Việt Nam của người Việt Nam.

Những nội dung đấu tranh đó đã được viết thành những bài thơ, bài vè, bài ca để cho đảng viên, cán bộ, hội viên... học để nhớ thuộc để phổ biến rộng rãi trong quần chúng, kêu gọi quần chúng đấu tranh.

Tháng 9-1930 Tỉnh ủy tỉnh Quảng Nghĩa đã họp nhận định lại toàn bộ tình hình các mặt, xác định *mục tiêu đấu tranh lâu dài* của Đảng là « đánh đổ đế quốc và

(1) Ngày 1-8-1930 đồng chí Ngô Đáng, ở làng Châu Me, Bình Sơn đã rải truyền đơn trước đồn Tri Bình ở phía bắc Bình Sơn bị lính Pháp đuổi bắt được. Bị giặc Pháp tra tấn dã man mấy tháng liền, nhưng đồng chí chỉ chửi vào mặt chúng, không hề cung khai một điều bí mật của Đảng. Gương kiên trung bất khuất của đồng chí lúc ấy đã cổ vũ, động viên phong trào trong tỉnh rất nhiều. Đồng chí Ngô Đáng đã hy sinh ở nhà ngục Lao Bảo.

Nam Triều phong kiến, giành chính quyền về cho Công Nông Binh, giành ruộng đất về cho dân cày ». Mục tiêu đấu tranh trước mắt của Đảng là : đòi giảm tô, giảm tức, giảm sưu thuế ; đòi tự do đi lại làm ăn, phản đối cường hào ác bá ức hiếp quần chúng...

Đề chia lửa với cạo trào Nghệ Tĩnh, hội nghị Tỉnh ủy đã quyết định đưa phong trào đấu tranh lên một bước, giao huyện Đức Phổ tổ chức một cuộc biểu tình để rút kinh nghiệm cho phong trào toàn tỉnh sẽ đưa lên tiếp theo. Khẩu hiệu đấu tranh của cuộc biểu tình này là :

- 1— Đả đảo đế quốc Pháp và Nam Triều phong kiến.
- 2— Việt Nam độc lập, chính quyền về công nông binh.
- 3— Giao xưởng máy cho thợ thuyền, ruộng đất cho dân cày.

4— Giảm thuế điền, miễn thuế đinh, thuế đò, thuế chợ, bỏ thuế thân hoãn nợ, bỏ sưu.

5— Nam nữ bình quyền ;

6— Tự do hội họp, tự do báo chí, tự do đi lại làm ăn.

7— Ủng hộ Nghệ An đỏ, phản đối khủng bố Nghệ An đỏ.

Thi hành nghị quyết của Tỉnh ủy, đêm 8 rạng ngày 9-10-1930, trên ba ngàn quần chúng cách mạng ở các vùng Tân Hội, Hùng Nghĩa, Vạn Lý, Nhơn Phước, An Tây, Lộ Bàn, Mỹ Thuận, Liên Chiêu, Văn Trường... kéo về bao vây rồi chiếm lĩnh huyện đường Đức Phổ. Tên tri huyện Phan Lang và toàn bộ lại mục, lính tráng bỏ chạy. Quần chúng biểu tình lập tức thả người bị giam, đốt phá sổ sách, hồ sơ ấn tin của địch và làm chủ huyện đường cho đến 8 giờ sáng ngày 9-10-1930 mới giải tán (1).

(1) Trước khi kéo về huyện lỵ Đức Phổ, quần chúng tập trung tại gần trường Lộ Bàn để ủng hộ đội ngũ, nghe diễn thuyết rồi mới kéo đi. Cuộc biểu tình này do đồng chí Lê Luân thay mặt huyện ủy chỉ huy ; người cầm cờ là Huỳnh Long Thủy.

Phối hợp với cuộc biểu tình Đức Phổ, nhân dân Mộ Đức đã chặt ngã nhiều cây mù u ven quốc lộ số 1 và tỉnh lộ Thạch Trụ—Ba Tơ để ngăn cản địch kéo đến tiếp ứng cho huyện lỵ Đức Phổ chống lại cuộc biểu tình của nhân dân. Đồng thời truyền đơn, băng cờ cũng được treo phát nhiều nơi trong tỉnh để phối hợp.

Thế là cao trào cách mạng dân tộc—dân chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, đã bắt đầu dâng lên ở Quảng Nghĩa, bằng một cuộc biểu tình hào hùng và thắng lợi. Cuộc biểu tình nhân dân huyện Đức Phổ ngày 8-10-1930 đã mở thêm một mặt trận đấu tranh, tiến công thẳng vào chế độ thuộc địa Pháp và Nam Triều phong kiến tay sai ở miền Nam Trung Bộ, thiết thực phối hợp và chia lửa với cao trào Nghệ An đang bị đế quốc Pháp khủng bố ác liệt, đã làm cho địch rất lo sợ, bối rối, nên vội ra sức lùng bắt, khủng bố để mong sớm dập tắt phong trào.

Lúc này Tỉnh ủy đã chủ trương: những cán bộ bị địch chú ý đều phải thoát ly gia đình, rút vào hoạt động bí mật, ra sức xây dựng củng cố thêm các tổ chức Đảng và các hội quần chúng ra khắp nơi trong tỉnh. Cơ quan Tỉnh ủy dời về vùng Gò Huyện (Mộ Đức) — trước đó ở vùng Tân Hội, Hùng Nghĩa (Đức Phổ).

Ngày 13-10-1930 tỉnh ủy họp ở nhà bà Hương Bái, làng Nghĩa Lập (Mộ Đức) để rút kinh nghiệm về cuộc biểu tình Đức Phổ và bàn kế hoạch tiếp tục đưa phong trào trong tỉnh lên. Trong cuộc họp này Tỉnh ủy đã đề ra một số khẩu hiệu cho các cuộc đấu tranh của quần chúng để đòi giảm giờ làm, tăng tiền công cho các sắc thợ và cụ lý: đòi tăng công cày, công

cấy, công gặt, đòi giảm lúa tô, nợ lãi cho nông dân... (1).

Sau cuộc họp này, mặc dù có tên Nguyễn Hòa, người làng An Ninh, huyện Đức Phổ, sau khi dự kỳ họp của tỉnh ủy, đã chạy ra đầu thú, khai báo với địch nhiều điều bí mật của Đảng, ngày 30-10-1930 (9-9 Canh Ngọ) hàng nghìn quần chúng vùng đông Sơn Tĩnh vẫn tổ chức biểu tình thị oai kéo về huyện lỵ Sơn Tĩnh để phản đối thực dân Pháp đã đàn áp, khủng bố dã man phong trào «Nghệ An đỏ», phong trào của đồng bào huyện Đức Phổ. Khi cuộc biểu tình kéo đến gần miếu Văn Thánh (Quán Cơm) thì tên công sứ và tên giám binh Ru-vi-e đem lính đến đàn chặn cuộc biểu tình lại, thu toàn bộ băng, cờ, khẩu hiệu và bắt đại biểu của cuộc biểu tình. Quần chúng biểu tình đã trực tiếp đấu tranh chống lại địch không cho bắt đại biểu và đòi giải quyết các yêu sách. Đến chiều, địch phải đem thêm lính đến đàn áp mới giải tán được cuộc biểu tình và bắt được các đại biểu của cuộc biểu tình (2). Sau đó, địch lại đem quân tỏa về các làng bắt thêm nhiều cơ sở cách mạng. Mặc cho địch tăng cường đàn áp, khủng bố, ngày 16-11-1930 (23-9 âm lịch), quần chúng cách mạng ở hầu hết các làng trong 4 tổng thuộc huyện Mộ Đức lại rầm rộ biểu tình thị oai, kéo về hướng huyện lỵ Mộ Đức (Thạch Trụ). Khi cuộc biểu tình kéo đến địa phận làng Tú Sơn cách huyện lỵ 2 ki-lô-mét thì bị địch chặn lại thu băng cờ và đòi bắt đại biểu. Song quần chúng vẫn kéo tới. Địch bắn chỉ thiên rồi xông vào cướp băng cờ và bắt các

(1) Theo tự thuật của Nguyễn Công Phương — đã dẫn.

(2) Trong đó có Phạm Ngọc Trân, Trần Quang Ngọc, Võ Bàn, Mai Thị Thục...

đồng chí cầm băng, cờ (1) và sau đó cũng tĩa lính vào các làng lũng bắt cán bộ, cơ sở cách mạng. Ngày 01-12-1930 (12-10 âm lịch) quân chúng cách mạng vùng tây Đức Phổ tổ chức tuần hành thị oai, kéo đến xử trị tên lý trưởng làng Lộ Bàn (tên này trốn). Cùng thời gian, quân chúng cách mạng vùng đông Đức Phổ tuần hành thị oai kéo về xử trị bọn xã Huê (đều trốn) ở Văn Trường...

Lúc này thực dân Pháp đã điều lính lê dương, lính khố đỏ ở Bắc vào chi viện: và đề tỏ lòng trung thành với « bảo hộ », triều đình Huế cũng điều vào 50 tên lính « tuần sát » vào giúp sức cho Pháp đàn áp phong trào Quảng Nghĩa (2). Pháp đã bắt đầu chính sách khủng bố trắng đốt phá (3) bắn giết tràn lan.

Ngày 7-11-1931, quân chúng cách mạng ở vùng bắc, đông bắc huyện Sơn Tịnh đã rầm rộ biểu tình kéo về huyện lỵ. Khi cuộc biểu tình kéo đến cầu Bồ Đề (nay kênh Sơn Tịnh) thì bị Pháp bắn kịch liệt, làm chết 28 người và nhiều người bị thương. Ngày 19-10-1930 quân chúng vùng tây Sơn Tịnh lại biểu tình kéo về huyện lỵ: Khi cuộc biểu tình đang tập trung ở gò Tạng gần huyện lỵ thì bị quân Pháp tập kích bắn chết 5 người, bị thương 7 (trong số bị thương có nữ đồng chí Bảy Hương). Cùng thời gian ở Tư Nghĩa có 2 cuộc tuần hành thị oai và một cuộc biểu tình: Cuộc tuần hành thị oai của quân chúng cách mạng vùng đông Tư

(1) Trong đó có Trần Thị Hiệp, Trần Phát, Bùi Định...

(2) Quảng Nghĩa tỉnh chí đã dẫn.

(3) Dịch đốt nhà đồng chí Nguyễn Nghiêm lần thứ nhất vào ngày 13 -10 (anh Ngọ (2-12-1930), do tên tri huyện Lương Trọng Hối chỉ huy. Cũng trong tháng 12-1930 dịch đốt nhà đồng chí Trần Hàm.

Nghĩa do đồng chí Trần Tư và Bùi Phong lãnh đạo vào ngày 15-1-1931 (25-11 Canh Ngọ) kéo về tập trung ở Vạn Tường rồi kéo đi trị tội bọn Tổng Đoàn Mai... và cuộc tuần hành của quần chúng cách mạng vùng tây Tư Nghĩa ngày 17-1-1931 do đồng chí Từ Ty chỉ huy kéo về tập trung ở Bãi Két (ngọn sông Cù) rồi tuần hành xuống các vùng An Hội, Thu Phổ... Sau hai cuộc tuần hành này các đồng chí Từ Ty và Bùi Phong đều bị bắt (Bùi Phong bị bắt 21-01-1931). Ngày 19-01-1931 lại một cuộc biểu tình của quần chúng vùng đông Tư Nghĩa kéo về hướng tỉnh lỵ. Khi cuộc biểu tình đến ngã tư Ba La thì bị lính lê dương đôn bắn chết 6 người và nhiều người bị thương (trong số bị thương có Kiều Hoàng) (1). Ngoài ra, cũng trong thời gian này quần chúng cách mạng vùng Cổ Lũy (Trường Yên) kéo đến vây đồn Thương Chánh đòi bỏ, giảm thuế thương chánh và các thứ thuế khác.

Cuối tháng 01-1931, quần chúng cách mạng trong tỉnh vẫn tiếp tục đấu tranh mặc dù Pháp đang tàn sát khủng bố.

— Ngày 28-01-1931 (10-12 Canh Ngọ), quần chúng vùng đông bắc Bình Sơn biểu tình kéo về huyện lỵ: Khi cuộc biểu tình kéo đến vùng núi Sơn (Phước Minh) thì bị Pháp đàn áp, thu hàng, cờ và bắt đại biểu (2). Ngày 30-01-1931 (12-12 Canh Ngọ) quần chúng vùng các xã phía Trà Bồng kéo về đến Thạch An thì cũng bị Pháp bắn chặn, làm chết và bị thương một số và bắt đi các đại biểu (3).

(1) Một 6 người bị hy sinh trong cuộc biểu tình này hiện còn tại phía đông ngã tư Ba La một ki-lô-mét.

(2) *Số bị bắt có các đồng chí Nguyễn Công Say, Lê Vỹ

(3) Có các đồng chí Đào Du, Nguyễn Bá Hiệp, Bùi Chất.

Ngày 29 và 31-01-1931 quân chúng cách mạng Đông MĐ Đức đã tổ chức 2 cuộc tuần hành vũ trang kéo đi thị oai và trị bọn tay sai Pháp ở các vùng Trà Ninh, Quít Lâm và Minh Tôn, Đạm Thủy, Đông Lương, Thi Phồ...

Sang đầu tháng 02-1931 quân chúng cách mạng vùng Đông Nghĩa Hành đã tổ chức biểu tình kéo về hướng huyện lỵ, khi cuộc biểu tình kéo đến làng Kỳ Thọ thì bị địch chặn lại, cuộc biểu tình phải giải tán. Kế đó, ngày 03-2-1931, quân chúng cách mạng vùng Hành Tín, Hành Thiện... biểu tình tuần hành lưng trị tay sai Pháp trong vùng.

Đề phối hợp với các cuộc biểu tình ở Nghĩa Hành, ngày 02-2-1931, quân chúng cách mạng vùng Nam Tư Nghĩa đã tổ chức tuần hành: kéo đến tập trung ở phía bắc cầu Cây Bứa ở làng Nhu Năng.

Ngày 05-2-1931 (18-12 Canh Ngọ) quân chúng cách mạng bắc Đức Phồ tuần hành vũ trang kéo về Tân Hội trị tội bọn Chủ Cát, Xã Đạt... Cùng thời gian đó quân chúng cách mạng vùng đông và tây Đức Phồ tổ chức biểu tình kéo về huyện lỵ. Cuộc biểu tình cánh tây Đức Phồ khi kéo đến tập trung ở Lộ Bàn liền bị địch ập đến giải tán; cánh biểu tình phía đông Đức Phồ khi kéo đến làng Vĩnh Bình bắc Đức Phồ 3 ki-lô-mét, cũng bị địch chặn lại rồi giải tán. Trong cuộc biểu tình này, bà Thủ Bảy mẹ vợ đồng chí Nguyễn Nghiêm bị bắt và nhà đồng chí lại bị đốt lần thứ hai vào ngày 06-2-1931 (19-2 Canh Ngọ).

Trước tình hình đó, bọn ác ôn và một số tổng lý giàu có đã bỏ làng chạy về thị xã, thị trấn hoặc đến ở quanh các đồn bốt. Ở nông thôn, đêm này qua đêm khác, quân chúng luôn luôn hội họp, làm mít tinh đấu

tranh với bọn cường hào, địa chủ đòi chia lại công điền, đòi giảm lúa tô, lãi nợ, tăng công cấy, nông cấy, công gặt... Không khí sinh hoạt ở nông thôn luôn luôn vào động, đổi khác. Một số vùng chính quyền của địch đã bắt lực.

Song song với phong trào biểu tình, tuần hành thị oai, mít tinh, hội họp đấu tranh trong thôn xã cuối 1930 đầu 1931, phong trào xây dựng tập luyện tự vệ, xích vệ sôi nổi; có nơi như vùng tây Sơn Tĩnh, Đảng bộ đã tổ chức cho tự vệ, xích vệ kéo lên vùng núi An Bàng (thuộc Tư Nghĩa) huấn luyện tập trung cả 100 người trở lên một lần. Khi tự vệ tập luyện trên núi, được quần chúng các làng xung quanh tiếp tế cơm nước và canh gác, báo tin khá chu đáo (khi có địch thì quần chúng đốt khói và đánh mõ làm hiệu để anh em xích vệ đối phó) (1). Cái thế giữa cách mạng và phản cách mạng so với tháng 10-1930 đã khác nhiều. Quần chúng cách mạng, qua các tổ chức cách mạng của mình như Nông hội đỏ, đội tự vệ đỏ... dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã bắt đầu giữ quyền làm chủ từng phần, tự quản lấy trật tự xã hội trong nhiều vùng nông thôn mà bộ máy cai trị làng xã của Pháp đã rệu rã.

Như vậy, đến cuối 1930, đầu 1931 phong trào đấu tranh chống Pháp và phong kiến tay sai ở Quảng Nghĩa đã lên rất cao và đều khắp ở tất cả các huyện ở đồng bằng trong tỉnh. Phong trào ấy đã nổi lên với nhiều hình thức từ thấp đến cao như hội nghị, họp mít tinh nhỏ trong thôn xóm để đấu tranh chống cường hào, ác bá, đòi các quyền lợi dân sinh, dân chủ thiết thực cho nông dân: tổ chức tuần hành thị oai trong xã, trong

(1) Theo chị Phạm Thị Trinh và anh Nguyễn Đôn

ĐÍNH CHÍNH NHỮNG SAI, SÓT CHÍNH

Trang	dòng	IN SAI	SỬA LẠI
6	4 dl	tốt đẹp hơn	tốt hơn
8	1 tx	cũng có chỗ chưa ổn	cũng còn có chỗ chưa ổn
	18 tx	soi bóng bình	soi bóng mình
	4 dl	bạn đọc	bạn đọc
9	9 tx	tỉnh Kom Tum	tỉnh Kon Tum
14	7 tx	Chăm Re	Chăm-re
	8 tx	nguồn gốc	.Nguồn gốc
15	16 tx	Kết thành	kết thành
18	15 tx	Système de conquête par petits	Système de conquête par petits
19	9 dl	son Tĩnh	Sơn Tĩnh
20	3 và 4 tx	triều Huế	triều đình Huế
21	12 tx	giữ chức chánh quản	kiêm chức chánh quản
	13 tx	vũ Hội	Vũ Hội
22	7 tx	là Duy Thụy	là Lê Duy Thụy
	9 dl	thu ấn triệu	thu ấn triệu
23	5 tx	Tiêu phủ sứ	Tiêu phủ sứ
	10 tx	Đặng Đức Tuấn	Đặng Đức Tuấn
26	10 tx	TIÊU TẶC	TIÊU TẶC
	10 dl	vào tỉnh Quảng Nghĩa	vào tỉnh thành Quảng Nghĩa
27	10 tx	đề đề phòng giữ	đề phòng giữ
	13 tx	Tôn Cường	Tôn Tường
29	3 dl	« Cầm thành tập cảnh »	« Cầm thành thập cảnh »
32	9 dl	(Kiêm Tương)	(Kim Tương)
33	5 dl	1976 (178)	1978 (179)
34 và 38	16 và 27 tx	Tôn Thất Thiết	Tôn Thất Thụy
36	11 tx	bí mật hợp pháp	bí mật bất hợp pháp
37	18 tx	quan hệ	quan hệ
38	10 tx	« Phan, Lâm mã quốc	« Phan, Lâm mã quốc,
39	13 tx	bọn Đồng Khánh	bọn Đồng Khánh
41	20 tx	(collège des lettres)	(collège des lettres)
44	8 tx	(Phong Xiêng,	(Phong Niên,
	18 tx	Bây giờ phong trào	Bây giờ con đường
48	5 dl	Tử Hữu lập	Tử Hữu Lập
53	6 dl	chủ trì câu đối	chủ trì có câu đối
54	3 tx	cho nhân dân ta	cho thanh niên ta
	10 tx	gánh vàng đi đò sông, ngọ	« gánh vàng đi đò sông Ngộ »

54	20 tx	«chấn hưng thê hợa,	«chấn hưng thờ hợa,
58	15tx	thêm phần phụ giá	thêm phần phụ giá
59	1 tx	đề phát làng	đề phát làng
	phần chú thích	An Điền	An Điền
62	18 tx	cửu khung	cửu không
63	17 tx	còn tại theo	còn lại theo
	11 dl	Chế độ sau này	Chế độ xâu này
66	15 tx	Lê Tự Khiết, thường gọi là Bá Khiết	Lê Tự Khiết, thường gọi là Bồ Khiết
67	2 tx	kinh thành	linh thành
68	8 tx	Vẽ chính trị	Vẽ chính trị
69	14 dl	giảm thế	giảm thuế
	8 dl	đánh trống, nõ	đánh trống, đánh mõ
70	13 tx	Phan Cao Châm	Phạm Cao Châm
73 (1)	4 tx	bản xuống dân	bản xuống dân
	14 tx	Không lùi bước. Khí thế	không lùi bước. Và, trước sự khủng bố của giặc Pháp, khí thế
75 (1)	4 tx	làng Ba Na	làng Ba La
76 (1)	1 tx	xử giao giam	xử giáo giam
73	2 dl	ông Phạm Cao Đài	ông Phạm Cao Đàm
74	2 tx	khoản thuế	khoản thuế
75	3 tx	theo nõ	theo đó
	10 tx	xà sâu sắc	và sâu sắc
76	1 tx	bí mật động viên	bí mật vận động
	16 tx	Bùi Phú Thiện	Bùi Phú Thiệu
77	13 dl	đã tự bỏ	đã từ bỏ
78	14 dl	Sau khi bệnh nõo,	Sau bị bệnh nõo,
	6 dl	đi Thượng Hải. Phạm Cao Đài,	đi Thượng Hải để tìm cụ Phan Bội Châu, khi đến Thượng Hải, Phạm Cao Đài,
80	6 dl	Bùi Phú Triệu	Bùi Phú Thiệu
81	4 tx	Đình Hữu Tôn, người	Đình Hữu Tôn (Theo Lâm Quang Thự thì là Đặng Đình Tôn?), người
82	12 tx	và mở rộng	và mở thông
84	5 dl	trong hội này	trong hội nghị này
85	15 tx	quân cụ,	quân cụ,
88	6 dl	hưng bang chi chi	hưng bang chi chi
91	4 tx	Võ Càn	Võ Càn

95	3 tx	chỉ tạo	chỉ đạo
96	3 dl	nhỉ đạo	chỉ đạo
99	3 tx	ở Tân Thi	ở Ân Thi
	15 tx	vận động năm 1908	vận động trước năm 1908
	19 tx	« cải lương tương tục »	« cải lương hương tục »
	21 tx	hương kiên	hương-kiểm
100	14 tx	Hội trống tự do	Hội trống tự do
101	5 tx	lao động có nhau	lao động với nhau
103	6 tx	ruộng lễ tự	ruộng lễ tự
	7 dl	Phạm An	Phạm Ân
	7 dl	(con ông Cận)	(em ông Cận)
104	11 tx	phong trào hội trung tế	phong trào lập hội lương tế
105	10 dl	, nếu chúng đã	, nếu chúng đã
110	2 dl	năm 1939	năm 1938
111	5 tx	chuyển vào các thể	chuyển phong trào vào các thể
114	11 tx	công cụ	nông cụ
115	12 dl	Như ông Phó Mục Gia	Nhưng ông Phó Mục Gia
116	5 dl	đã bị	đã bị
117	6 dl	đồng bào Kinh trong tỉnh	đồng bào kinh, thượng trong tỉnh
118	10 dl	QUẢNG NGHĨA 1926	QUẢNG NGHĨA 1904-1926
120	9 dl	lại một lực lượng	lại thành một lực lượng
122	9 tx	phong trào lương trợ	phong trào này có nông dân tham gia, song phần nhiều chỉ tham gia phong trào lương trợ,
125	8 tx	Mác-Lê-Nin	Mác-Lê-nin
133	6 tx	Đảng mác-xít	Đảng mác-xít
	1 dl	Hồ Chí Minh 1910	Hồ Chí Minh 1980
139	18 tx	học dễ nhớ thuộc	học dễ nhớ thuộc
141	10 tx	biểu tình nhân dân	biểu tình của nhân dân
143	14 tx	Ngày 7-11-1931	Ngày 17-1-1931
	18 tx	Ngày 19-10-1930	Ngày 19-1-1931
144	8 dl	30-1-1930	30-1-1931
145	4 tx	Mình Tôn	Mình Tân
146	2 tx	nông cày	công cày
151	2 tx	Bôn-ga-lô	Bang-ga-lô
	7 tx	mộ Đức	Mộ Đức
152	10 tx	trật tự	trật tự
154	14 tx	người Việt cai trị	người Việt trị
157	5 tx	cứu nước -	cứu nước
160	4 dl	Ông Bô	Ông Bô
163	3 dl	Thường vụ	Thường vụ

168	6 tx	(1932-1936)	(1932-1939)
169	6 dl	chính thức nhận	chính thức thừa nhận
170	1 tx	cấp ủy miền nam	chấp ủy Miền Nam
171	1 tx	Đức Phổ Tam - Quan	Đức Phổ - Tam Quan
172	17 tx	« tái tổ cộng sản »	« tái tổ cộng sản »
173	11 tx	lo khôi phục	lo khôi phục
176	những chữ	Gô-Đa	Gô-Đa
178	13 tx	(in thiếu dòng)	- Đòi ban hành các quyền tự do dân chủ và tự do đi lại làm ăn, tự do hội họp và tổ chức, tự do ngôn luận.
180	27 tx	Việt dân biểu	Viện dân biểu
181	14 tx	Phơ-răng-cô	Phờ-răng-cô
183	19 tx	công điền	công điền
184	23 tx	ruộng đất trong	ruộng đất công trong
186	những chữ	Hương Lý	hương lý
187	17 tx	Nguyễn Lưu	Nguyễn Liêu
188	4 tx	truy huyện	tri huyện
189	9 tx	nhân dân	nông dân
191	8 tx	đền Châu Me	đền Châu Me
195	8 dl	1940 - 1445	1940-1945
196	4 tx	Đu-la-i-ê	Đa-la-đi-ê
210	13 tx	Pháp xít Nhật	phát xít Nhật
211	3 tx	- Bà là	- Bà là
219	9 dl	11/3/1745	11/3/1945
221	6 dl	nặng nãi	nặng lãi
222	14 tx	thân nhật	thân Nhật
223	6 dl	Tổ quốc, làm tròn	Tổ quốc, thề làm tròn
226	4 tx	có tập trường	có lập trường
231	8 dl	đu kính	đu kích
240	4 dl	'chính quyền'	chính quyền
247	8 tx	lượng lực	lượng lực
263	1 dl	là o ăng lớp	là do ăng lớp
	21 tx	đã có	đã có
264	8 dl	bị tan, bị tan	bị dứt, bị tan
269	6 tx	nhục tình	tục tình
273	16 tx	rã rịệt	rũ rịệt
	1 dl	6-1978	9-1978
275	1 tx	giặc giữ	giặc dữ
276	2 tx	phát cờ	phất cờ
277	3 tx	Nêu hát ra	Nên hát ra
	4 tx	Ngon đèn	Ngon đèn
281	6 tx	Nhật bản gây ra.	Nhật Bản.

vùng để trưng trị bọn tay sai của Pháp đang chống lại cách mạng; để biểu dương lực lượng cách mạng, hoặc tổ chức biểu tình lớn kéo lên huyện, lên tỉnh thực hiện đấu tranh với Pháp đòi những quyền dân tộc, dân chủ chung của cả nước, cả dân tộc... Những cuộc đấu tranh ấy, ngay từ cuộc biểu tình đầu tiên ở Đức Phổ (8-10-30) đã có đáng về « quân sự ». Các cuộc mít tinh, tuần hành biểu tình từ khi tập trung và kéo đi đều đã có bố trí tự vệ đồ thành từng đội sưu tra, phòng triệt, trừ gian để bảo vệ cuộc đấu tranh và tấn công địch, khi cần. Và trong những vùng chính quyền Pháp tan rã thì tự vệ đồ, xích vệ đã trở thành lực lượng vũ trang cách mạng làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự an ninh trong vùng. Lực lượng tự vệ, xích vệ tuy chưa tách ra khỏi lực lượng chính trị của quần chúng, song đã xuất hiện như một lực lượng vũ trang cách mạng.

Đến cuối 1930, đầu 1931, theo đà phát triển của phong trào đấu tranh, các tổ chức cách mạng của quần chúng do Đảng cộng sản tổ chức và lãnh đạo như Công hội đỏ (phần đông là thợ thủ công và lao động nghèo thành thị), Nông hội đỏ, Hội phụ nữ, Hội thanh niên học sinh, Hội cứu tế đỏ, Hội phản Đế, Đoàn thanh niên cộng sản và các đội tự vệ, xích vệ... đã phát triển đến hàng chục ngàn người (1), hoạt động ở khắp vùng nông thôn, thành thị trong tỉnh. Lần đầu tiên các tổ

(1) Theo *Sơ lược lịch sử Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình (1930-1980)* do Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Nghĩa Bình biên soạn, 1980 Trang 13 thì có đến 40.000 người, theo đồng chí Tôn Diêm thì trong báo cáo tỉnh ủy gửi xứ ủy do đồng chí Vũ Ngọc Oanh mang đi, nói lại có 17.000 người, trong đó có 5.000 xích vệ và 300 đảng viên trong 110 xã bộ.

chức cách mạng của quần chúng được xây dựng một cách có hệ thống từ cơ sở lên đến cấp tỉnh, được sự chỉ huy chỉ đạo một cách chặt chẽ theo nguyên tắc tập trung dân chủ khá nghiêm ngặt. Nhờ phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng được phát triển, các tổ chức cách mạng của quần chúng được xây dựng rộng rãi, đều khắp, những phần tử tích cực cách mạng xuất hiện ngày càng nhiều, nên tổ chức Đảng cũng được phát triển đều khắp, cả tỉnh đã có 110 chi bộ (riêng huyện Sơn Tịnh đã có 25 chi bộ) (1), các huyện đều đã có huyện ủy giám sát cơ sở chỉ đạo quần chúng đấu tranh nên mặc dù có bị địch khủng bố ác liệt, phong trào vẫn phát triển cả bề rộng lẫn bề sâu.

Trước tình hình đó, thái độ chính trị của các giai cấp, tầng lớp nhân dân trong tỉnh có biến chuyển mạnh.

Giai cấp nông dân lao động đông đảo đã vùng lên theo Đảng đấu tranh quyết liệt chống đế quốc Pháp và Nam Triều tay sai, đòi độc lập dân tộc, người cày có ruộng và đòi những quyền lợi thiết thân cho đời sống của họ hàng ngày. Lần đầu tiên, giai cấp nông dân đã giác ngộ rõ về quyền lợi và sứ mệnh lịch sử của giai cấp mình, đã được tổ chức lại thành một lực lượng chính trị cách mạng đông đảo, mạnh mẽ chưa từng có, và khối công nông liên minh trong tỉnh dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, đã hình thành trong đấu tranh ác liệt chống đế quốc Pháp và phong kiến tay sai.

Các tầng lớp trung gian như trí thức, thân hào, thân sĩ, phú nông, địa chủ nhỏ... đã có thái độ nước đôi dòm chừng, không còn tích cực phục vụ cho Pháp song chưa

(1) Lịch sử Đảng bộ cộng sản Quảng Ngãi đã dẫn.

tích cực tham gia, hoặc ủng hộ phong trào đấu tranh của nhân dân lao động:

Bọn cường hào, ác bá, quan lại, địa chủ... vừa khiếp sợ, vừa căm thù chống phá cách mạng quyết liệt hơn, làm tay sai cho thực dân Pháp tích cực hơn.

Trước cao trào cách mạng khắp nước Việt Nam, đặc biệt là trước cao trào cách mạng ở Nghệ Tĩnh và Quảng Nghĩa, thực dân Pháp hết sức lo sợ. Trong báo cáo gửi về Pháp nói về tình hình chính trị ở Trung kỳ đầu năm 1931, toàn quyền Đông dương Rô-banh đã viết: ... Từ khi nước Pháp đặt nền đô hộ trên đất nước này chưa bao giờ có nguy cơ đe dọa sự an ninh nội bộ của mình lớn hơn, thực sự hơn ». Chính do nhận định một cách hoảng sợ như vậy mà thực dân Pháp đã thi hành chính sách đàn áp tích cực, đàn áp thẳng tay (1) đối với phong trào cách mạng ở Trung kỳ, hòng cố giữ chế độ thuộc địa tàn bạo của chúng trên bán đảo Đông dương.

Để thi hành chính sách đàn áp tích cực đó, thực dân Pháp đã gấp rút thực hiện ở Quảng Nghĩa một loạt chủ trương, biện pháp chống phá cách mạng sau đây:

1 - Tờ chức lại bộ máy cai trị thời bình thành lập bộ máy cai trị làm nhiệm vụ đàn áp khủng bố cách mạng, có sự chỉ đạo, chỉ huy từ trên xuống dưới, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các mặt chính trị, quân sự, văn hóa ở cả thành thị lẫn nông thôn. Về phía Pháp, ngoài tên

(1) Xem bài Nhận định và phản ứng của Pháp trước phong trào Công sản 1930 - 1931 của Cao Huy Đình: Tạp chí nghiên cứu lịch sử số 4 (181), tháng 7 và 8-1978. Viện sử học Ủy ban khoa học xã hội Hà Nội.

công sứ nắm trọn quyền chỉ đạo trong toàn tỉnh, thực dân Pháp còn đặt thêm chức đại lý (Délégué) ở một số vị trí cơ động, xung yếu (như sở đại lý đặt tại huyện lỵ Mộ Đức ở Thạch Trụ) và tăng quyền hạn cho các tên đồn trưởng người Pháp ở các địa phương để chúng có thể kịp thời Phối hợp các lực lượng quân sự, chính trị trong từng vùng cùng đánh phá cách mạng một cách có hiệu quả hơn. Đối với hệ thống Nam Triều tay sai thì ngoài việc thúc ép bọn tỉnh, huyện, tổng, xã phải ra sức chống phá phong trào cách mạng tích cực hơn, Pháp còn đặt thêm chức bang tá để phục vụ việc đàn áp, đánh phá Phong trào trong từng tổng, từng xã (1) cho sát và kịp thời hơn. Ngoài ra, Pháp còn đặt thêm chức « tộc biểu » trong từng họ, hoặc từng chi họ, để buộc những tộc biểu ấy phải chịu trách nhiệm giám sát con em trong họ, làm cớ sở tại mắt thường xuyên, đều khắp cho Pháp chống phá cách mạng.

2 — Gấp rút tăng cường và tổ chức lại hệ thống lực lượng vũ trang phản cách mạng trong tỉnh, gồm có:

+ *Lực lượng cơ động ứng chiến* gồm lính Lê dương và lính khố đỏ.

(1) ở đồng bằng Quảng Nghĩa lúc ấy có 24 tổng. Pháp tổ chức mỗi tổng có 1 bang tá. (ở tổng miền núi không có bang tá). Mỗi bang tá phụ trách đánh phá cách mạng trong từng vùng nhất định. Mỗi bang tá có 1 đội lính bang tá, được vũ trang như lính khố xanh, Mỗi đội khoảng 10, 12 tên. Ngoài ra bang tá còn dựa vào các đồn lính của Pháp đóng xung quanh chi viện, yểm trợ để đánh phá cách mạng trong vùng. Bang tá có quyền bắt người và tra tấn, bán giết người nào hắn nghĩ là cộng sản.

Lính lê-dương đại bộ phận đóng ở tỉnh thành (tại trường tiểu học gần Bôn-ga-lô), 1 phân đội đóng ở núi Long Đầu và ở Hòa Bân trên đường Quán Cơm — Mỹ Khê, 1 phân đội đóng ở Quán Lát (Mộ Đức). Đại bộ phận lính khố đỏ cũng đóng tại tỉnh thành, một bộ phận đội đóng ở núi Long đầu (Quán Cơm), một phân đội đóng ở huyện lỵ mộ Đức cũ tại Thạch Trụ (1). Lính lê dương và khố đỏ có nhiệm vụ trấn giữ những điểm xung yếu và sẵn sàng hành quân yểm trợ các lực lượng Bình Định cần, lùng, đánh phá hoặc phản kích các cuộc đấu tranh của quần chúng cách mạng.

+ *Lực lượng chiếm đóng Bình Định* có 2 loại là lính khố xanh và lính bang tá. Lính khố xanh bố trí đồng cả thấy 19 đồn (2) ở các huyện lỵ, các điểm xung yếu ở miền núi ở các đồn địa đầu tỉnh ở một số vùng có phong trào cách mạng lên cao. Lính bang tá (vải quần chân màu đỏ), mỗi đồn chỉ một tiểu đội, đóng theo trụ sở của viên bang tá. Nhiệm vụ của lính khố xanh và lính bang tá là đóng giữ bảo vệ các địa điểm xung yếu, các trụ sở, cơ quan cai trị và đàn áp cách mạng, đánh phá, cần lùng đàn áp mọi cuộc nổi dậy đấu tranh của quần chúng và yểm trợ cho bộ máy cai trị làm nhiệm vụ (như thu thuế, bắt râu...) trong từng địa bàn được giao.

+ *Lực lượng dân binh*: Cuối 1930 Pháp đã tổ chức ra một tổ chức nửa quân sự, không thoát ly sản xuất, gọi là lính « đoàn đồng » hoặc « đoàn phu ». Pháp bắt

(1) Theo báo cáo của Hát-len công sứ Quảng Nghĩa ngày 13-2-1931 thì phái viên chỉ huy phân đội Mộ Đức tên là Paste

(2) Theo *Sơ lược lịch sử Đảng bộ Nghĩa Bình (1930-1980)*.

Bản in rô-nê-ô 1980, trang 14. 15.

tất cả tráng đinh đều phải vào đoàn phu. Lính đoàn phu không có lương. Trong một thôn hay xóm, cứ có 10 đến 15 đoàn phu thì tổ chức thành 1 thập, có thập trưởng chỉ huy; mỗi làng hoặc xã đều có ban chỉ huy đoàn phu gồm có xã đoàn trưởng, xã đoàn phó mỗi tổng có một ban chỉ huy tổng gọi là tổng đoàn, có tổng đoàn trưởng và tổng đoàn phó.

« Vũ khí » của đoàn phu có 1 cây gậy, 1 sợi dây dài (dễ trói người bị bắt). Nhiệm vụ của đoàn phu là phải túc trực canh gác, tuần tra gìn giữ an ninh thật tự trong xóm làng mình: có động thì phải đánh mõ báo động và giúp sức cho chính quyền và quân đội Pháp đi càn, lùng, đánh phá, đàn áp phong trào địa phương mình.

Tất cả các lực lượng vũ trang và nửa vũ trang phần cách mạng đều đặt dưới sự chỉ huy của phân khu (Secteur) quân sự Quảng Nghĩa do một phân khu trưởng người Pháp chỉ huy. Phân khu quân sự ở Quảng Nghĩa chịu sự chỉ huy theo hệ thống chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương song về chính trị trong tỉnh thì phân khu phải theo sự chỉ đạo của viên công sứ Quảng Nghĩa.

Như vậy để đàn áp phong trào nổi dậy của quần chúng cách mạng ở Quảng Nghĩa 1930—1931, Pháp đã tổ chức lực lượng vũ trang gồm « ba thứ quân » và bố trí thành 1 hệ thống chiếm đóng, hoạt động dày đặc khắp thành thị thôn quê, đồng bằng và miền núi trong tỉnh. Thực tế Pháp đã thực hiện một kiểu « chiến tranh một phía » để chống lại phong trào nổi dậy của nhân dân tỉnh Quảng Nghĩa.

3 — *Rã sức tuyên truyền chống cộng, gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, lôi kéo các làng lớp trên, trung*

gian và bọn cường hào, quan lại tham gia chống cộng sản. Nội dung tuyên truyền của Pháp bấy giờ là tập trung vào việc xuyên tạc, nói xấu cộng sản, nói xấu Liên-xô. Chúng nói cộng sản là giết người, cộng sản không có gia đình, không có Tổ quốc. Làm tay sai cho Nga Xô, cộng sản là vô thần, phá đạo... chúng ra sức ca tụng công ơn của « Đại Pháp », công đức của triều đình Huế; dọa nếu không có Pháp thì cộng sản sẽ cướp ruộng đất, của cải của người giàu. Pháp đã xuất bản báo « Tả Trục » và sách « Con nhện cộng sản » (1) và cho lưu hành những bài ca, bài về chống cộng như bài « kết đoàn » của Nguyễn Bá Trác... và liên tục cho bọn quan lại, thân hào phản động đi diễn thuyết khắp nơi để nói xấu chủ nghĩa cộng sản và các cán bộ cách mạng đang hoạt động. Pháp cổ động nhân dân đọc các báo, tạp chí phản động như tạp chí Nam Phong. Ngoài ra, Pháp còn khuyến khích, cổ xúy cho các thuyết cải lương thỏa hiệp Pháp—Nam hợp tác, và giúp cho báo Tiếng Dân là tờ báo theo thuyết cải lương được lưu hành rộng rãi trong các tầng lớp trên và trung gian để góp thêm tiếng réo chống cộng sản của thực dân Pháp (2).

(1) Báo « Tả trục » in cả chữ quốc ngữ và chữ Hán lưu hành ở các tỉnh miền Nam Trung bộ. Sách « Con nhện cộng sản » ngoài bìa có vẽ quả địa cầu và một con nhện to nằm ngay vị trí nước Nga, chân con nhện ôm cả quả địa cầu, dưới chú thích là « Con nhện cộng sản ».

(2) Báo Tiếng Dân là một tờ báo theo thuyết cải lương ra đời từ ngày 10-10-1937, do cụ Huỳnh Thúc Kháng làm chủ nhiệm kiêm chủ bút. Cuối năm 1938, báo Tiếng Dân đã có hàng loạt bài chống cộng, mà nổi tiếng nhất là bài « Cái nạn cộng sản bằng giấy »

4 – Đi đôi với chính sách đàn áp khủng bố, Pháp tung ra chính sách chiêu hàng, ép buộc quần chúng cách mạng mỗi nhà phải treo một lá « cờ qui thuận » (cờ xanh), và các gia đình có người thân thoát ly đi làm cách mạng thì phải tìm gọi về đầu thú hoặc là bắt nộp cho Pháp, nếu không thì Pháp sẽ cho quân đến đốt nhà, cướp của hãm hiếp v.v...

5 – Pháp đã chính thức thành lập sở mật thám (ban đầu gọi là ty liên phóng) trong tỉnh chuyên lo tổ chức, xây dựng cơ sở mật thám, cơ sở nội gián (AB đoàn) (1) để phá các tổ chức Đảng và tổ chức cách mạng của quần chúng, lấy tin tức phục vụ cho các cuộc hành quân càn lũng của Pháp và tay sai.

6) Pháp dùng chính sách « dùng người Việt cai trị người Việt, lấy quan làng trị dân làng » đưa bọn địa chủ, cường hào, quan lại đã bỏ làng chạy trở về làm bang tá, tổng đoàn, xã đoàn, tộc biểu v.v... để nắm lực lượng chống cộng ở hương thôn. Bọn này là người địa phương, có hận thù với phong trào cộng sản (đã làm chúng bị mất nhiều quyền lợi), nên chúng vừa sát lại rất ác, đã gây cho phong trào nhiều khó khăn tổn thất.

Với các chính sách và biện pháp đó, từ cuối 1930, Pháp đã thi hành khủng bố, đốt phá, bắt bớ, bắn giết trắng trợn. Đầu năm 1931 Pháp đã cho lính của chúng được quyền bắn tha hồ (Feu à Volonté) cướp phá tự do

(1) AB là 2 chữ đầu của chữ Anti boche viêk, có nghĩa là chống cộng. Trong Địa phương chí tỉnh Quảng Nghĩa của nguy quyền Sài Gòn 1968- ^(số \ B058) ở thư viện Qui Nhơn cũng T312

viết : « 1930-1931, AB đoàn được Pháp tổ chức khắp nơi »

khi đi lòng, cần và đàn áp các cuộc mít tinh, biểu tình của quần chúng.

Phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng đã bước vào giai đoạn căng thẳng ác liệt.



Trước thủ đoạn khủng bố dã man của Pháp và tay sai, đầu tháng 2/1931, thị hành chỉ thị « chống khủng bố » tháng 9/1930 của Trung ương Đảng, tỉnh ủy Quảng Nghĩa đã chủ trương lãnh đạo quần chúng toàn tỉnh dấy lên « 3 ngày căm thù » chống đế quốc và phong kiến tay sai. Trong những ngày căm thù cuối năm Canh Ngọ ấy, toàn tỉnh đã đồng loạt nổi trống mõ, rải truyền đơn, treo băng, cờ. Ban đêm đồng bào chẳng ai đi lại ngoài đường, mà họp nhau lại từng nhóm để cùng kể lại tội ác của quân cướp nước và bè lũ tay sai bán nước, cùng nhắc lại những gương dũng cảm hy sinh của các liệt sĩ đã quên mình vì dân, vì nước và cùng thề với nhau quyết tâm theo Đảng đấu tranh với giặc đến cùng. Kế đó toàn tỉnh mở một đợt đình công, bãi thị, nghỉ học... nổi lên đồng loạt khắp nông thôn, thị trấn, thị xã. Tiếp theo trong những ngày lết Canh Ngọ, đồng bào lại tỏ thái độ biểu đồng tình bằng cách không đốt pháo, không cúng lễ, ăn chơi linh đình, không tổ chức các cuộc vui Xuân như mọi năm, mặc dù dịch ra sức cổ động vui Xuân để chống cộng sản.

Thiết thực củng cố sự chỉ đạo của Đảng, tỉnh ủy đã chủ trương các tổ chức Đảng, các Ban chấp hành của các đoàn thể quần chúng đều phải có tổ chức dự bị, cán bộ dự bị hoạt động bí mật, bên cạnh các tổ chức và cán bộ đã công khai trước quần chúng, để cho mỗi khi

tổ chức bị vỡ, cán bộ bị bắt thì trong phòng trào vẫn được tiếp tục có sự chỉ đạo, khởi bị gián đoạn, đình trệ. Đề củng cố khối đoàn kết chiến đấu trong nông thôn, Đảng đã giao cho Nông hội và Hội phụ nữ chịu trách nhiệm đứng ra lo củng cố hoặc xây dựng lại các hội « biến tướng » trong quần chúng như hội trợ táng, hội tương ái, hội đồng canh (vòng đòi công), đoàn cày, đoàn cấy đoàn gặt đề tập hợp, đoàn kết quần chúng cùng đấu tranh chống khủng bố, đòi chia lại công điền, công thổ, đòi tăng công cày, công cấy, công gặt, đòi giảm lúa tô, lãi nợ và giúp đỡ đùm bọc nhau sản xuất phòng đói, chống đói... Ngoài ra Đảng đã lãnh đạo các phân hội cứu tế đỏ, Hội phản đế lo quyên góp giúp đỡ các gia đình cách mạng bị giặc Pháp khủng bố, đốt phá.

Công tác tuyên truyền giáo dục lúc này cũng được đẩy mạnh lên một bước nhiều lớp huấn luyện nhỏ, ngắn ngày cho cán bộ được mở gấp rút, liên tục. Ngoài các tờ báo của tỉnh như tờ Dân Cày, Bạn Gái, Đảng còn cho phát hành các tờ báo Lưỡi Liềm của huyện Sơn Tịnh, tờ Lao Động của Huyện Tư Nghĩa, tờ Con Đường Sống của huyện Đức Phổ, tờ Khôn Sống của phủ Bình Sơn, tờ Con Đường Sống của huyện Nghĩa Hành, Tiến lên của huyện Mộ Đức... để kịp thời phổ biến các chủ trương của Đảng đến cán bộ và quần chúng cách mạng. Ngoài báo chí, nhiều bài ca, vè, thơ cách mạng kêu gọi tinh thần yêu nước, thương dân, kẻ tội ác giặc Pháp và Nam Triều tay sai, kẻ nổi khổ nhục của quần chúng công nhân, nông dân... cũng được phổ biến sâu rộng để đẩy lên tình cảm cách mạng trong đồng chí, đồng bào. Trong dịp này, đề tăng cường việc tuyên truyền vận động tranh thủ các tầng lớp trên và trung gian, đồng chí Trần Toại tức

Kim Tương đã lấy danh nghĩa hội phần để Đồng minh viết bài phú chữ nho mà quần chúng Quảng Nghĩa lúc đó gọi là bài Thế sự (1) để kêu gọi các giới thân hào, thân sĩ đoàn kết với toàn dân chống Pháp cứu nước.

Cũng trong thời gian này Đảng đã có chủ trương cho các cấp, các ngành kể cả các đồng chí đang ở tù, phải lo đầy mạnh công tác vận động binh lính địch, chú trọng quân đoàn phu, lính bang tá và lính khố xanh để hạn chế rồi tiến lên làm thất bại các chính sách chia rẽ, đàn áp khủng bố của địch. Công tác vận động quân đoàn phu đạt kết quả khá, vài nơi đã vận động được lính lê dương theo cách mạng.

Chính nhờ những chủ trương chuyển nội dung hình thức đấu tranh và lo xây dựng củng cố tổ chức Đảng, tổ chức cách mạng của quần chúng ở tỉnh ủy mà mặc dù địch tăng cường lực lượng, khủng bố, đàn áp ác liệt, cơ sở cách mạng trong quần chúng và hệ thống chỉ đạo của Đảng vẫn duy trì phong trào đấu tranh của quần chúng, vẫn giữ vững và thu nhiều kết quả.

Giữa lúc mọi guồng máy cách mạng trong tỉnh đang chạy đều thì ngày 6/3/1931 do sự phản bội của tên Nguyễn Định, tức Chi, người làng Vạn Mỹ, phủ Tư Nghĩa, là một cán bộ phụ trách chi nhánh Quảng Hòa Tế ở sông Vệ (cơ quan liên lạc của Đảng) đồng chí Nguyễn Nghiêm đã bị thực dân Pháp bắt được giữa một cái cạm gọi là Cạm giám Tộ (2) tại làng Nhu Năng, phủ Tư Nghĩa.

(1) Vì bài phú ấy mở đầu bằng câu: "Thế sự đảo đầu, như tình triết đề" nghĩa là việc đời đã đến bước cùng cực, nhân tình đã hết mức chịu đựng.

(2) Theo đồng chí Hồng Hà, vợ đồng chí Nguyễn Nghiêm và đồng chí Nguyễn Thị Nhạn ở làng Nhu Năng.

Đồng chí Nguyễn Nghiêm sinh năm 1904, con trai cụ tú tài Nguyễn Tuyên, một nhà yêu nước, người làng Tân Hội, xã Phồ Phong, tổng Phồ Cầm huyện Đức Phồ, tỉnh Quảng Nghĩa. Năm 1908, cụ Nguyễn Tuyên tham gia phong trào Duy Tân, khát thuế, bị bắt đày ra Côn Đảo. Nguyễn Nghiêm ở với mẹ và học chữ Hán, chữ quốc ngữ ở ngay trong làng. Năm 1917, Nguyễn Nghiêm tiếp tục học chữ Hán và học nghề làm thầy bốc thuốc bắc với thân phụ vừa ra khỏi tù. Năm 1923, Nguyễn Nghiêm, qua sự giới thiệu của cụ Nguyễn Tuyên, đã tiếp xúc với nhà yêu nước nổi tiếng Trần Kỳ Phong và nhiều nhân vật yêu nước chống Pháp khác trong tỉnh. Từ đó, Nguyễn Nghiêm bắt đầu hoạt động cách mạng. Tháng 10/1925 Nguyễn Nghiêm đã cùng với Nguyễn Thiệu, Trần Kỳ Truyền lập ra Công Ai Xã để cùng lo gây dựng phong trào yêu nước chống Pháp trong tỉnh. Từ năm 1926 – 1929 với bí danh là Mười Hòa, Nguyễn Nghiêm đã luôn luôn là một cán bộ chủ chốt của phong trào yêu nước chống Pháp trong tỉnh. Sau khi Việt Nam Thanh niên cách mạng Đồng chí hội phân hóa (tháng 5/1929) đồng chí Nguyễn Nghiêm đã được những người cộng sản trong tỉnh giao phó trọng trách chủ trì công tác lo xây dựng tổ chức cộng sản trong tỉnh Quảng Nghĩa. Mùa xuân năm 1930, đồng chí được cử làm bí thư tỉnh ủy lâm thời Đảng bộ cộng sản ở Quảng Nghĩa. Từ đó, mặc dù bị Nực dân Pháp truy nã ráo riết, đồng chí Nguyễn Nghiêm vẫn luôn luôn đứng ở vị trí chỉ đạo chủ chốt của cao trào cách mạng dân tộc dân chủ, do Đảng lãnh đạo trong tỉnh. Sau khi bị Pháp bắt được, trước mọi cực hình của địch đồng chí Nguyễn Nghiêm vẫn hiên ngang bất khuất đến hơi thở cuối cùng. Sau khi biết mình bị

án tử hình, Nguyễn Nghiêm đã ung dung, khẳng khái viết một bài thơ trong đó có những câu:

... Tinh dân, nghĩa nước bao la,
Phát cao cờ Đảng xông ra chiến trường,
Thân dù thịt nát xương tan,
Giống nòi sống mãi, non sông huy hoàng
Lòng ta chan chứa nhiệt thành
Dẫu rằng ngã xuống đâu đành nằm yên
Biển thành hồn nước thiêng liêng
Hòa trọng Sóng cả dâng lên diệt thù... (1)

Trước khi phách kiên cường, hiên ngang bất khuất của đồng chí Nguyễn Nghiêm, ngày 23/4/1931, thực dân Pháp đã hèn nhát đem xử chém đồng chí tại bãi sông Trà Khúc. Đồng chí Nguyễn Nghiêm đã già từ đồng bào, đồng chí. Song tấm gương vì nước, vì dân vì Đảng mà phấn đấu quên mình của đồng chí vẫn luôn luôn cổ vũ dẫn dắt nhân dân, Đảng bộ Quảng Nghĩa tiến lên đấu tranh cho đến thắng lợi cuối cùng.

Ngay sau khi đồng chí Nguyễn Nghiêm bị giặc Pháp bắt, hội nghị tỉnh ủy mở rộng gồm 27 người, đã họp ở làng Diên Phước, Sơn Tịnh, đề quyết định những chủ trương biện pháp chỉ đạo nhằm giữ vững và phát triển cơ sở, tiếp tục đưa phong trào đi vào chiều sâu theo tinh thần các chỉ thị của Trung ương Đảng và xử ủy Trung Kỳ hồi cuối 1930.

Sau hội nghị tỉnh ủy mở rộng, toàn tỉnh đang tích cực lo củng cố cơ sở phong trào, thì sáng sớm ngày 23/4/1931 giặc Pháp đã man dã đem xử chém đồng chí bí thư tỉnh ủy - Nguyễn Nghiêm. Cũng trong thời gian đó, giặc Pháp đã cùng một lúc bắn chết 15 đồng bào ở làng An Nhơn, Sơn Tịnh.

(1) Đồng chí Trần Hàm đọc lại.

Trước hành động tàn bạo của giặc Pháp, đêm 25/4/1931 cờ đỏ búa liềm, truyền đơn, băng cờ, khẩu hiệu được tung ra trong toàn tỉnh:

- Phản đối xử tử đồng chí Nguyễn Nghiêm
- Phản đối bắn giết thường dân vô tội.
- Ủng hộ và bảo vệ phong trào Nghệ An đỏ!
- Ủng hộ Liên Ban Xô Viết.

- Dả đảo đế quốc Pháp và Nam Triều phong kiến!

Từ ngày 26-30/4/1931 một đợt bãi thị, bãi công mít tinh trong toàn tỉnh đã được tổ chức để truy điệu đồng chí Nguyễn Nghiêm và phản đối đế quốc Pháp tàn bạo. Các đồng chí, đồng bào bị bắt nhốt trong các nhà lao, trại giam trong khắp tỉnh cũng nổi dậy đấu tranh với các hình thức hò reo, hô khẩu hiệu, bãi thực, đình công để phản đối giặc Pháp và làm lễ truy điệu đồng chí Nguyễn Nghiêm. Đêm 30 và ngày 1/5/1931 hàng chục ngàn đồng bào khắp trong tỉnh lại nổi dậy mít tinh, biểu tình thị oai trong toàn tỉnh để truy điệu đồng chí Nguyễn Nghiêm và kỷ niệm ngày lao động Quốc tế. Trong đợt đấu tranh này, cuộc biểu tình quần chúng cách mạng 4 tổng Sơn Tịnh khi kéo về vây huyện, bị địch bắn chết 20 người và nhiều người bị thương, cuộc biểu tình của quần chúng cách mạng miền đông Mộ Đức khi kéo đến vùng Quít Lâm, Trà Ninh bị tàn sát 73 người và rất nhiều người bị thương. Cuộc biểu tình của quần chúng cách mạng miền Tây Tư Nghĩa khi kéo đến gần ga Ông Bồ bị bắn chết 12 người (xóm Phú Sơn 7 người, Xuân Phổ 4 người, Phú Hội 1 người). Sau đợt đấu tranh này, thực dân Pháp tiếp tục xua quân đi càng, lùng đốt phá, bắt bớ và tra tấn dã man

hàng trăm quần chúng cách mạng (1) không khí khủng bố tràn lan, quần chúng hết sức căm uất.

Song song với đàn áp, khủng bố địch dựa vào bộ máy chống cộng tổng hợp dày đặc đã ra sức tăng cường kèm kẹp, o ép quần chúng, ra sức ly gián chia rẽ giữa cách mạng với quần chúng, giữa quần chúng với nhau, đẩy mạnh cuộc tuyên truyền xuyên tạc nói xấu cộng sản, nói xấu Liên Xô... hòng làm cho quần chúng cách mạng bị dao động đề trên cơ sở đó ép buộc quần chúng xa dần cách mạng « quy thuận » với chúng.

Trước tình hình đó, ngày 26/5/1931, Tỉnh ủy họp tại làng Trà Sơn, Sơn Tịnh nghiên cứu, học tập các văn kiện của hội nghị Trung ương Đảng tháng 10/1930 và một số chỉ thị của xứ ủy Trung kỳ. Hội nghị đã đánh giá lại toàn bộ tình hình địch ta trong tỉnh và ra nghị quyết về: « gấp rút bảo vệ củng cố tổ chức cơ sở Đảng cơ sở quần chúng, bảo vệ và giúp đỡ các gia đình cách mạng, gia đình quần chúng bị địch khủng bố hoặc có người bị tử nạn trong các cuộc đấu tranh và trong các cuộc càn quét của địch ». Tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh bảo vệ và đòi những quyền lợi bức thiết đối với đời sống hàng ngày của quần chúng; ra sức chuẩn bị điều kiện đề mở một đợt tuyên truyền và đấu tranh vào dịp ngày 1/8/1931.

(1) Theo Quảng Nghĩa Tỉnh chí đã dẫn, trong 2 năm 1931-1932 số người bị giam hơn 6000, số bị án hơn 1.000. Theo đồng chí Tôn Diêm thì địch kết 9 án chung thân, 19 án tù 11-13 năm, 500 án tù 5-10 năm, 900 án tù 2-5 năm, đi đày Buôn Mê Thuộc hơn 300, Lao Bảo 20 người, Bà Nà 120 người.

Ngoài ra tỉnh ủy còn bàn kế hoạch tiếp tục đưa cán bộ đi giúp đỡ các tỉnh phía Nam lo xây dựng cơ sở, phong trào theo chỉ thị của xứ ủy Trung kỳ.

Trong lúc toàn Đảng bộ đang ra sức thi hành nghị quyết của tỉnh ủy lo khôi phục, củng cố cơ sở phong trào, thì ngày 22/7/1931, tên Huỳnh Tú, tức xã Quỳnh, người làng Trà Sơn đã phản bội, dẫn Pháp về vây bắt cơ quan tỉnh ủy đóng ở cấm Trà Sơn. Đồng chí Phan Thái Ất, bí thư tỉnh ủy đã bị bắt. (1) Đầu tháng 8/1931 các tỉnh ủy viên còn lại, cũng lần lượt bị bắt. Cơ sở Đảng và cơ sở cách mạng của quần chúng cũng bị bẽ vỡ tiếp theo ở nhiều nơi. Từ đó phong trào đấu tranh trong tỉnh Quảng Nghĩa chỉ còn những đợt làm mít tinh, những cuộc rải truyền đơn... rồi chuyển dần vào phong trào đấu tranh trực diện nhỏ của quần chúng đòi tăng công cày, công cấy, công gặt, đòi chia công điền và những cuộc đấu tranh của tù chính trị ở các trại giam đòi cải thiện chế độ sinh hoạt nhà tù, phản đối đánh đập tra tấn tù nhân. Đặc biệt, từ cuối năm 1930 về sau trong nhà lao Quảng Nghĩa đã nổi lên phong trào sáng tác thơ ca cách mạng khá rộng rãi. Những thơ ca ấy đã góp phần không nhỏ vào công tác tuyên truyền giáo dục thúc đẩy hướng dẫn phong trào và giữ vững khí tiết, phẩm chất cho cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng lúc ấy (2).

Cao trào đấu tranh chống thực dân Pháp và Nam

(1) Trong thơ văn yêu nước cách mạng Quảng Nghĩa, đã dẫn có in một phần những thơ văn này.

(2) Đồng chí Phan Thái Ất người làng Chợ Gay nay thuộc xã Vinh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An được xứ ủy Trung kỳ phái vào tham gia lãnh đạo phong trào Quảng Nghĩa từ giữa năm 1930.

Triều phong kiến của nhân dân Quảng Nghĩa đến cuối 1931 đã tụt thời lấu xuống. Song đúng như nhận định của Thường vụ Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương ngày 18/1/1931, phong trào ở Quảng Nghĩa là một phong trào « mạnh nhất phía Nam Trung kỳ » (1) và đây cũng là một phong trào chống đế quốc, chống phong kiến và tay sai mạnh mẽ, quyết liệt, sâu rộng nhất trong tỉnh, kể từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta.

Cao trào cách mạng 1930—1931 đã đưa được phong trào yêu nước chống Pháp trong tỉnh Quảng Nghĩa nhập thẳng vào trào lưu cách mạng dân tộc, dân chủ theo chủ nghĩa Mác-Lênin, do Đảng cộng sản đội tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo. Nhờ đó, phong trào yêu nước của nhân dân Quảng Nghĩa từ đây đã thoát hẳn với ảnh hưởng của những quan điểm yêu nước của các giai cấp phong kiến, tư sản... và đặc biệt là đã đoạn tuyệt hẳn với mọi trào lưu yêu nước có tính cải lương thỏa hiệp đã từng xâm nhập ít nhiều vào phong trào yêu nước của nhân dân Quảng Nghĩa trong những năm trước 1930. *Đây là một bước nhảy vọt lớn về chất* trong quá trình phát triển của phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Quảng Nghĩa.

Cao trào 1930 — 1931 trong một thời gian ngắn đã đem đường lối cách mạng dân tộc dân chủ (hồi ấy gọi là tư sản dân quyền cách mạng) của Đảng cộng sản Đông Dương truyền bá, phổ biến sâu rộng vào quảng

(1) *Chỉ thị của Thường vụ Trung ương Đảng 18/1/1931. Văn kiện Đảng 1929 — 1935*, nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội 1964, trang 137.

đại quần chúng nhân dân trong tỉnh một cách nhanh chóng. Các khẩu hiệu: Đánh đổ đế quốc Pháp và Nam Triều phong kiến, độc lập cho dân tộc, ruộng đất cho dân cày, chính quyền về tay công – nông – binh... đã nhanh chóng thấm sâu vào các tầng lớp nhân dân lao động, giác ngộ, lôi cuốn quảng đại quần chúng nông dân theo Đảng đấu tranh sinh tử với quân thù, hết đợt này đến đợt khác, làm cho chế độ thuộc địa phản động và phong kiến tay sai trong tỉnh bị một phen xáo động, rung rinh; và qua cao trào đấu tranh quyết liệt đó, đã xây dựng được khối công nông liên minh vững chắc, trên cơ sở đó, xác lập được địa vị độc quyền lãnh đạo của Đảng cộng sản. Đảng của giai cấp công nhân, đối với phong trào yêu nước và dân chủ của nhân dân trong tỉnh một cách vững chắc lâu dài.

Cao trào cách mạng 1930 – 1931 của nhân dân Quảng Nghĩa sở dĩ thu được những thắng lợi cơ bản và to lớn như vậy, ngoài những nguyên nhân như đường lối cách mạng dân tộc dân chủ của Đảng rất phù hợp với nguyện vọng, yêu cầu của nhân dân, nhất là nông dân lao động; phong trào đã kế tục được truyền thống của các phong trào yêu nước và dân chủ đã có từ trước trong tỉnh còn do công tác tuyên truyền, tổ chức và phát động quần chúng vùng lên đấu tranh đã thực hiện một cách khá linh hoạt và táo bạo. Đầu 1930, cơ sở Đảng, cơ sở cách mạng quần chúng trong tỉnh còn rất thưa thớt. Thế nhưng sau khi Đảng bộ được thành lập, mỗi huyện mới có một vài chi bộ, cơ sở cách mạng trong quần chúng chưa nhiều, Đảng bộ đã mạnh dạn phát động quần chúng nổi dậy đấu tranh; qua đấu tranh tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, huấn luyện và tổ chức quần chúng, xây dựng tổ chức Đảng

một cách mạnh và rộng hơn. Do nắm vững mối quan hệ biện chứng giữa các mặt công tác tuyên truyền, huấn luyện, tổ chức và phát động quần chúng đấu tranh như vậy, nên chỉ trong một thời gian ngắn, Đảng bộ Quảng Nghĩa đã phát động và tổ chức được một khối hàng chục ngàn quần chúng vào một hệ thống tổ chức dưới sự chỉ đạo của Đảng, theo nguyên tắc tập trung dân chủ, khá qui củ, nghiêm túc. Và qua cao trào đấu tranh đó, Đảng cũng rèn luyện, đào tạo được hàng loạt cốt cán cách mạng trong quần chúng công nông yêu nước, bảo đảm Cho Đảng lãnh đạo và chỉ đạo cao trào đấu tranh cách mạng của đông đảo quần chúng một cách chặt chẽ, qui củ gần 2 năm trời đã gây được những hạt giống quý cho các phong trào cách mạng trong tỉnh sau này.

Tuy cao trào cách mạng 1930 — 1931 ở Quảng Nghĩa có những ưu điểm và thắng lợi lớn kể trên, song trong việc vận dụng mối quan hệ giữa khẩu hiệu, hình thức và qui mô đấu tranh sao cho phù hợp với mục tiêu đấu tranh cụ thể của giai đoạn cách mạng trong những năm 1930 — 1931 thì còn có vấn đề phải xem xét.

Như Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương đã chỉ rõ trong một bức thư gửi xứ ủy Trung Kỳ tháng 9/1930... «trình độ dự bị của Đảng và quần chúng trong nước chưa đủ, vũ trang bạo động cũng chưa có, bạo động riêng lẻ trong vài địa phương trong lúc này là quá sớm (1). Nói cách khác là lúc bấy giờ trong nước ta chưa

(1) Thư của Trung ương Đảng gửi xứ ủy Trung kỳ. Xem *Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam*, trích Văn kiện Đảng (tập I) của vụ biên soạn Ban Tuyên huấn Trung ương, NXB sách giáo khoa Mác-Lênin, Hà Nội, 1979, trang 50.

có tình thế cách mạng trực tiếp. Cho nên khẩu hiệu hình thức và qui mô đấu tranh trong những năm 1930—1931 đáng lẽ phải phù hợp với yêu cầu, mục tiêu cụ thể của phong trào đấu tranh của nhân dân ta lúc ấy là: «*lấy những sự nhu yếu hàng ngày làm bước đầu mà dẫn dắt vô sản giai cấp và dân cày ra chiến trường cách mạng*» (1); hoặc là phải «*tập hợp, tổ chức vận động nông dân đấu tranh giành những quyền lợi hàng ngày*» (2) để giáo dục giác ngộ quần chúng, dẫn dắt tập dượt quần chúng đấu tranh vừa giành những quyền lợi thiết thân cho đời sống quần chúng, vừa chuẩn bị điều kiện cho những mục tiêu đấu tranh cao hơn.

Thế nhưng từ tháng 10/1930 đến 5/1931, sau khi Đảng bộ vừa mới được xây dựng chưa được bao lâu, phong trào trong tỉnh Quảng Nghĩa đã nổi dậy với những khẩu hiệu cao như chính quyền về tay công nông binh, và những hình thức đấu tranh cao gần giống các hình thức đấu tranh trong thời kỳ tiền khởi nghĩa như biểu tình, tuần hành, thị oai có vũ trang, có trưng trị tay sai và mít tinh hội họp công khai rầm rộ khắp cả tỉnh theo từng đợt một, làm cho tổ chức Đảng, tổ chức lực lượng cách mạng trong quần chúng bị bộc lộ và phong trào đấu tranh của đông đảo quần chúng, khi càng lên cao thì càng xa dần những mục tiêu cụ thể

(1) Luận cương chính trị của Đảng cộng sản Đông Dương. Văn kiện Đảng 1930—1945. Tập I. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng T.ƯXB. 1977. Trang 76.

(2) Nguyễn Ai Quốc «*Sai lầm và khuyết điểm trong phong trào cách mạng của nông dân*, xem » *Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam*, sơ thảo tập I 1920—1945; Nhà xuất bản Sự thật, 1981, trang 147.

mà Đảng đã đề ra lúc bấy giờ, làm cho phong trào đấu tranh của quần chúng sớm lâm vào cái thế bất hợp pháp, tiến thoái lưỡng nan.

Những thiếu sót đó, một phần chừng nào do chỉ đạo trong tỉnh có bị động với tình thế chung, một phần do Đảng bộ mới vừa được xây dựng, thiếu kinh nghiệm chỉ đạo phong trào đấu tranh cách mạng rộng lớn và quyết liệt. Những thiếu sót như vậy, trong tình hình cách mạng lúc bấy giờ là khó tránh khỏi.

Nhìn chung, phong trào cách mạng 1930 – 1931 ở Quảng Nghĩa là một cao trào nổi dậy của quần chúng dùng bạo lực cách mạng chống đế quốc Pháp và phong kiến tay sai đòi độc lập dân tộc và người cày có ruộng rất mạnh mẽ và quyết liệt.

Công lao của phong trào 1930 – 1931 là đã chuyển hướng phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Quảng Nghĩa từ lập trường yêu nước của các giai cấp tư sản, tiểu tư sản sang hẳn lập trường yêu nước của giai cấp công nhân; đưa phong trào trong tỉnh đi hẳn vào con đường cách mạng dân tộc dân chủ theo chủ nghĩa Mác – Lênin do giai cấp công nhân lãnh đạo, một bộ phận của trào lưu cách mạng vô sản thế giới, dưới sự chỉ đạo của Quốc tế cộng sản. Đó là một bước nhảy vọt về chất của phong trào yêu nước chống Pháp trong tỉnh Quảng Nghĩa. Đó là một thắng lợi rất to lớn, rất cơ bản, đặt cơ sở cho phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Quảng Nghĩa sau đó có con đường đúng đắn đề từng bước tiến lên giành thắng lợi. Ngoài ra, qua cao trào 1930 – 1931, nhân dân và Đảng bộ Quảng Nghĩa lại thu thêm nhiều kinh nghiệm cả nội dung lẫn

hình thức, cả thắng lợi lẫn không thắng lợi, rất phong phú, góp phần cho các phong trào cách mạng sau đó trong tỉnh tiến lên được thuận lợi hơn.

III. PHONG TRÀO ĐẤU TRANH ĐÒI DÂN SINH DÂN CHỦ CHỐNG PHẢN BỘI THUỘC ĐỊA VÀ PHÁT XÍT, CHỐNG CHIẾN TRANH (1932 - 1936)

Cuối 1931, trừ những tổ chức biến tướng có lâu đời trong nông thôn, hệ thống chỉ đạo của Đảng và các tổ chức cách mạng của quần chúng trong tỉnh Quảng Nghĩa căn bản đã bị thực dân Pháp phá vỡ. Cao trào cách mạng dân tộc dân chủ do Đảng cộng sản lãnh đạo đẩy lên từ 1930 đã tạm thời lắng xuống. Trong tỉnh từ đầu 1932 bước vào thời kỳ đấu tranh khôi phục tổ chức Đảng và các tổ chức cách mạng trong quần chúng, lãnh đạo phong trào đấu tranh đòi những quyền lợi thiết thân của quần chúng, dẫn dắt quần chúng tiến lên một cao trào mới.

Đầu năm 1932 một số đồng chí vừa ra tù tập hợp nhau lại, cùng xây dựng lại tổ chức Đảng. Trong thời gian ngắn, một số chi bộ ở Mộ Đức (1) Đức Phổ, Sơn Tịnh đã được xây dựng. Một tỉnh ủy lâm thời Đảng bộ Quảng Nghĩa, do đồng chí Võ Sĩ làm bí thư, đã được lập lại.

Đề cho quần chúng cách mạng trong tỉnh thấy Đảng vẫn tồn tại, ngày 14/3/1932 nhân dịp kỷ niệm Lê-Nin Lý-ép-ních, Lút-xăm-bu, tỉnh ủy đã tổ chức những cuộc

(1) Chi bộ được xây dựng lại lần đầu tiên ở Mộ Đức, gồm có các đồng chí Võ Sĩ (Minh Tân) Trần Khuy (Thị Phổ Nhất) và Nguyễn Thăng (Lương Nông Bắc).

mít tinh nhỏ, bí mật ở các vùng Minh Tân (Mộ Đức) Hùng Nghĩa, Tân Hội (Đức Phổ) và Sung Tích (Sơn Tịnh) đồng thời cũng phát truyền đơn ở thị xã Quảng Nghĩa và treo cờ Đảng ở núi Bút. Sau đó do sự bất cần của một học sinh ở thị xã Quảng Nghĩa, cơ sở Đảng lại bị địch phá vỡ.

Cũng từ 1932, một số đảng viên trẻ còn lại ở nam Đức Phổ, trong đó có các đồng chí Phạm Xuân Hòa Phạm Quy... Cùng tập hợp nhau lo xây dựng lại cơ sở Đảng và tổ chức quần chúng cách mạng trong tỉnh để lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Đến cuối 1933, cơ sở Đảng, đã khôi phục và phát triển ra các vùng ở Đức Phổ, Mộ Đức, Sơn Tịnh, Bình Sơn ở Quảng Nghĩa và bắt liên lạc được với cơ sở Đảng ở Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa... Đầu 1934, đại biểu các tỉnh Quảng Nam Quảng Nghĩa, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa đã họp, bàn biện pháp xây dựng, phát triển và củng cố các tổ chức Đảng và cơ sở cách mạng trong quần chúng, lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Hội nghị đã quyết định xuất bản tạp chí Cờ Đỏ làm cơ quan của Đảng và lập ra một Ban vận động thành lập xứ ủy Trung kỳ, do đồng chí Phạm Xuân Hòa, bí thư Quảng Nghĩa làm bí thư.

Đầu năm 1934, tỉnh ủy Quảng Nghĩa đã chính thức chấp nối được với xứ ủy Nam kỳ, được Đảng chính thức nhận (1); và từ đó, các Đảng bộ miền Nam Trung kỳ tạm thời chịu sự chỉ đạo của xứ ủy Nam kỳ.

Tháng 4/1935, đại biểu các tỉnh Quảng Nam, Quảng Nghĩa và Khánh Hòa họp tại Đức Phổ (Quảng Nghĩa)

(1) Đồng chí Bùi Bình người làng Minh Tân, Mộ Đức giới thiệu mối cho Phạm Quy vào bắt liên lạc với xứ ủy Nam Kỳ

có đồng chí Tống Văn Trân, phái viên của cấp ủy miền nam Đông Dương về dự và trực tiếp chỉ đạo hội nghị. Trong hội nghị này, theo quyết định của cấp trên hội nghị đã đổi Ban vận động thành lập xứ ủy Trung kỳ thành Ban cán sự Đảng miền nam Trung kỳ, do đồng chí Phạm Xuân Hòa làm bí thư (1) Công việc xây dựng khôi phục tổ chức Đảng đang đã phát triển tốt đẹp thì cuối tháng 4/1935, do đồng chí Phạm Quy tổ chức nhằm tên AB là Nguyễn Lừa (2) bị hấn tố giác, đồng chí Phạm Quy bị địch bắt; cơ sở Đảng ở Quảng Nghĩa và các tỉnh miền Nam Trung kỳ lại bị địch phá vỡ.

Song song với việc khôi phục, xây dựng lại, tổ chức Đảng, từ cuối 1931 đến đầu 1935, phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng trong tỉnh đã diễn ra theo những dạng sau đây :

— Dạng do Đảng chính thức chủ trương và tổ chức gồm các cuộc mít tinh nhỏ bí mật rải truyền đơn, treo cờ ngày 24/3/1932 treo cờ, rải truyền đơn ở Sơn Tịnh ngày 19/7/1933, ở Trà Sơn ngày 03/3/1934 (3).

— Dạng phong trào đấu tranh do từng nhóm Đảng viên và cốt cán còn lại trong quần chúng tự động đoàn kết, tổ chức quần chúng đấu tranh giành những quyền lợi thiết thân cho đời sống quần chúng như :

+ Cuộc biểu tình ngày 12/3/1932 của mấy nghìn người lãnh khoán gánh đất đắp đường xe lửa đoạn Đức

(1) Sơ lược lịch sử Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình đã dẫn, trang 21

(2) Nguyễn Lừa người làng An Ninh, Đức Phổ là tên A - B do tên Nguyễn Hòa, cũng người làng An Ninh đã phản bội Đảng từ 1930, làm mật thám cho Pháp tổ chức ra,

(3) Theo báo cáo mật thám Quảng Nghĩa, lưu ở Bộ Nội Vụ Hà Nội, hồ sơ, chuyên đề tập 7, tờ 37.

Phò Tam—Quan phản đối đại diện các công ty thầu khoán Brossard, Maupin, Grirep là Prévaul, Grisard Boulinine và Lovelep (1) đã cúp phạt tiền công một cách vô lý và đòi chủ phải trả tiền công cho người làm công đúng kỳ hạn như giao kèo.

Ngày 23/6/1933 có 300 nông dân Nghĩa Hành phản đối bọn chủ thầu đập Suối Đá tự ý tăng tiền thủy lợi phí, buộc chủ thầu phải hủy bỏ quyết định ấy (2).

+ Ngoài ra, nông dân trong từng thôn ấp dựa vào các tổ chức biến tướng và nghề nghiệp như các nhóm vòng đõ công (3), nhóm tương tế, tương trợ, đoàn cày, đoàn cấy, đoàn gặt... để đoàn kết đấu tranh đòi tăng công cày, công cấy, công gặt đập trong lúc ngày mùa và đòi bỏ hoặc bớt địa tô phụ (nhất là bắt tá điền phải chịu giống mạ) đòi chia lại ruộng đất công và đấu tranh chống lại bọn cường hào dùng quỹ công của làng đem chèn chén với nhau. Những cuộc đấu tranh thuộc loại này không ồn ào náo động, song nối tiếp nhau xảy ra phổ biến trong khắp tỉnh, đem lại nhiều quyền lợi thiết thực cho quần chúng.

— Từ cuối năm 1930 đến 1935, từ chính trị các nhà giam trong tỉnh Quảng Nghĩa đã có nhiều cuộc đấu tranh đòi cải thiện sinh hoạt nhà tù, nổi nhất là :

(1) Theo hồ sơ 376A/RP của Tòa khám sứ Trung Kỳ phòng nhất tháng 4/1933.

(2) Sơ lược lịch sử Đảng bộ Nghĩa Định đã dẫn, trang 20. Có tham khảo hồ sơ lưu trữ tại Bộ Nội Vụ Hà Nội, tập 69 chuyên đề, tập 3, Tờ 45.

(3) Theo báo cáo của công sứ Argey thì đến tháng 5/1935 ở Quảng Nghĩa có hơn 2.000 hội viên đồng canh và nhiều hội tương trợ khác, chưa rõ xu hướng chính trị.

+ Cuộc làm reo của tù chính trị bị đày Bà Nà ngày 14/3/1931 :

+ Cuộc làm reo của tù chính trị ngày 24/4/1931 phản đối địch xử tử đồng chí Nguyễn Nghiêm và vô cơ tàn sát đồng bào làng An Nhơn, Sơn Tịnh.

+ Cuộc tuyệt thực của tù chính trị ngày 29/4/1933 phản đối bắt tù chính trị gái làm xâu bên ngoài nhà giam.

+ Cuộc tuyệt thực ngày 07/01/1934 của tù chính trị đòi cải thiện chế độ ăn uống trong nhà tù.

+ Cuộc làm reo của toàn thể tù chính trị nhà lao Quảng Nghĩa phản đối bắt tù chính trị đi làm xâu nặng nhọc, đòi thi hành chế độ tù chính trị cho tù chính trị ngày... 8/1944.

+ Cuộc đấu tranh vạch mặt bọn phản động Pháp và Nam Triều phong kiến trong phiên tòa xử 33 đồng chí ta về tội « tái tổ cộng sản » miền nam Trung kỳ ngày 12/7/1935 tại dinh án sát tỉnh Quảng Nghĩa.

+ Đặc biệt, trong nhà lao, tù chính trị, nữ và nam, đều tham gia phong trào sáng tác thơ ca cách mạng đã dấy lên từ 1930—1931, mà nội dung chính là minh họa các đường lối, phương châm cách mạng của Đảng, truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin, tuyên truyền kinh nghiệm cách mạng và nội dung xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa của Liên Xô (như bài theo gương Nga Xô làm cách mạng), ca ngợi những gương hy sinh phấn đấu vì cách mạng mà quên mình của các chiến sĩ cộng sản, chiến sĩ yêu nước trong tỉnh, trong nước, và những bài động viên tinh thần chiến đấu kiên trì bất khuất của đảng viên, cán bộ và quần chúng cách mạng đang bị giam cầm, tra tấn, khủng bố ở trong và ngoài nhà

tù (1). Đây là một nét mới trong phong trào yêu nước chống Pháp trong tỉnh.

Ngoài ra, tù chính trị ở các nhà lao đều lo làm công tác binh địch vận, tranh thủ sự đồng tình của binh sĩ và nhân viên, cán bộ làm việc cho Pháp để mở rộng ảnh hưởng cách mạng và hạn chế chính sách khủng bố đàn áp của địch. Kết quả rõ nhất là cuộc vận động lính Lê dương ở các đồn Sơn Tịnh và Hòa Bản.

Nhìn chung phong trào đấu tranh trong tỉnh từ năm 1932 đến 1935 là phong trào đấu tranh trong thời kỳ lo khôi phục, xây dựng lại tổ chức và phong trào; nội dung chủ yếu là đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, đòi những quyền lợi thiết thực hàng ngày đối với cuộc sống của quần chúng; hình thức đấu tranh công khai, trực diện, hợp pháp với địch là chính. Những phong trào đấu tranh đó đã đoàn kết, tập hợp, giữ vững tinh thần và giành được một phần quyền lợi thiết thân cho quần chúng, giữ vững mối liên hệ giữa những đảng viên, cốt cán cách mạng với đông đảo quần chúng nông dân và dân nghèo thành thị, tạo thế và điều kiện cho việc khôi phục, phát triển phong trào cách mạng sau này

•••

Cuối 1935, một số đồng chí đảng viên cũ được ra tù tập hợp nhau lại thành lập Tỉnh ủy lâm thời Đảng bộ Đảng cộng sản Quảng Nghĩa do đồng chí Nguyễn công Phương làm bí thư, đã chủ trương:

(1) Những văn thơ này một phần in trong tập *Thơ văn yêu nước và cách mạng Quảng Nghĩa*, đã dẫn.

— Liên hệ tìm hiểu thăm tra lại các đảng viên cũ, kiên trì, bí mật xây dựng hệ thống tổ chức Đảng trong tỉnh.

— Đẩy mạnh việc xây dựng và củng cố các tổ chức biến tướng, tương ái, tương trợ vòng đời công, đoàn cây, đoàn cấy, đoàn gặt... để tập hợp đoàn kết và lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh giành những quyền lợi thiết thực của quần chúng.

— Tìm mọi cách bắt liên lạc với cấp trên, với Đảng bộ các tỉnh bạn.

— Ra tạp chí Đỏ đề tuyên truyền giáo dục nội bộ; đồng chí Phạm Văn Đồng lúc vừa ra tù về ở quê nhà, có góp ý cho tỉnh ủy một số ý kiến về xây dựng Đảng và viết cho tạp chí Đỏ 1 số bài trong đó có bài vạch mặt bọn To-rốt-kit (theo đồng chí Trần Lương kể).

Trong lúc chưa chấp được mối liên lạc trực tiếp với xứ ủy, với Trung ương, Tỉnh ủy chủ trương hết sức theo dõi nghiên cứu các báo công khai để tìm hiểu chủ trương, chính sách của Đảng, vận dụng vào tình hình của Đảng bộ, đề định ra chủ trương cụ thể lãnh đạo phong trào đấu tranh của nhân dân.

Đầu tháng 9/1936, hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban lâm thời chi nhánh Trung kỳ Đại hội Đông Dương (1), tỉnh Đảng bộ đã triệu tập nhiều cựu chính trị phạm tiêu biểu ở các huyện trong tỉnh họp tại đình làng Thiết Trường, Mộ Đức để bàn việc đẩy lên phong trào Đại hội Đông Dương trong tỉnh. Nhưng đến giữa tháng

(1) Ủy ban này đã được cử ra trong một cuộc họp tại Viện Dân biểu Trung kỳ, gồm 500 đại biểu nhiều giới ở các tỉnh Trung kỳ, do đại diện xứ ủy Trung kỳ là đồng chí Phan Đăng Lưu trực tiếp lãnh đạo.

9/1936, thực dân Pháp đã ra lệnh giải tán và khủng bố các Ủy ban hành động Đại hội Đông Dương. Không muốn đề phong trào sớm lâm vào thế bất hợp pháp, tỉnh ủy đã chủ trương ngừng cuộc vận động Đại hội Đông Dương trong tỉnh như đã định.

Tháng 11/1936, tại một cuộc họp ở núi Thiên Ấn, tỉnh ủy đã lập ra Ban liên lạc cựu chính trị phạm để liên hệ đề chỉ đạo lực lượng đảng viên, cốt cán cũ rất đông hoạt động, gây lại phong trào đấu tranh của quần chúng trong tỉnh theo chủ trương của tỉnh ủy; qua phong trào đó thử thách, thăm tra để lựa chọn người trung thành, tích cực kết nạp vào Đảng.

Đầu 1937, Tỉnh ủy đã nối được mối liên hệ chỉ đạo với xứ ủy Trung Kỳ, được xứ ủy trực tiếp hướng dẫn cụ thể các phương hướng, đường lối, chủ trương, chính sách mới của Đảng trong tình hình mới. Xứ ủy giao cho Đảng bộ Quảng Nghĩa tìm bắt liên lạc với cơ sở Đảng ở hai tỉnh Bình Định, Phú Yên để tiến tới lập một Ban cán sự liên tỉnh.

Tháng 5/1937, tỉnh ủy lâm thời Quảng Nghĩa đã họp thảo luận quán triệt những phương hướng đường lối chủ trương mới của Đảng, mà nội dung cụ thể là: «nhiệm vụ chiến lược chống đế quốc, chống phong kiến của cuộc cách mạng ở Đông Dương mà Đảng đã đề ra từ khi thành lập Đảng là không hề thay đổi; nhưng đó chưa phải là nhiệm vụ trực tiếp trước mắt của Đảng; mục tiêu trực tiếp trước mắt của Đảng là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống Phát xít và chiến tranh, đòi tự do dân chủ cơm áo và hòa bình. Kẻ thù cụ thể chủ yếu trước mắt của nhân dân Đông Dương là bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai của chúng».

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu trước mắt, Đảng nêu khẩu hiệu ủng hộ Mặt trận nhân dân Pháp, ủng hộ chính phủ phái tả ở Pháp. Ở Đông Dương, Đảng chủ trương lập Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương bao gồm các giai cấp, các Đảng phái, các dân tộc và các đoàn thể chính trị, xã hội, tôn giáo khác nhau. Về công tác tổ chức trong quần chúng, Đảng chủ trương chuyển các hình thức tổ chức bí mật, không hợp pháp sang các hình thức tổ chức công khai, hợp pháp để tập hợp và hướng dẫn quần chúng đông đảo đấu tranh từ thấp đến cao; thông qua phong trào đó, giáo dục, rèn luyện và phát triển đội ngũ cách mạng.

Đầu 1937, xứ ủy chỉ thị cho tỉnh Đảng bộ Quảng Nghĩa phải lợi dụng dịp chính phủ Pháp phái Thượng Nghị sĩ Giuyét—tanh Gô—đa sắp sang Đông Dương điều tra tình hình và tổ chức thu thập nguyện vọng và khi Gô—đa đến thì phải tổ chức đón đề đưa dân nguyện cho chính phủ Pháp, qua đó mà đưa phong trào công khai trong tỉnh lên một bước.

Thi hành chỉ thị đó, Tỉnh ủy đã lập một Ban vận động đón tiếp phái viên chính phủ Pháp, công khai đưa người đi thu thập nguyện vọng nhân dân và tổ chức quần chúng sẵn sàng đón Gô—Đa khi ông ta đến.

Mặc dù bọn phản động Pháp ở Quảng Nghĩa đã tìm mọi cách ngăn trở, song ngày 01/3/1937, một cuộc biểu tình lớn gồm hàng ngàn đại biểu nhân dân từ các huyện đồng bằng trong tỉnh đã hàng ngũ chỉnh tề, giương cao băng, khẩu hiệu kéo về thị xã Quảng Nghĩa đứng chặn dọc đường quốc lộ từ gần cầu Trà Khúc vào tận đồn Cống Kiêu phía Bun—ga—lô và từ ngã tư thị xã vào đến cửa tây tỉnh thành để đợi đón Gô—Đa.

Khi Gô-Đa đến quần chúng biểu tình vừa hò vang các khẩu hiệu, vừa giương cao các biểu ngữ đề tỏ rõ ý nguyện của mình. Khẩu hiệu và yêu sách của cuộc biểu tình đón Gô-Đa là:

- Thi hành các quyền tự do dân chủ như tự do ngôn luận, tự do tổ chức, tự do đi lại làm ăn...

- Cải thiện đời sống cho nhân dân lao động.

- Xóa bỏ án quản thúc cho cựu chính trị phạm, cải thiện chế độ nhà tù, thả hết tù chính trị...

Trước sức đấu tranh mạnh mẽ và trật tự của nhân dân, bọn cầm quyền ở Quảng Nghĩa buộc phải đề cho một đoàn đại biểu các tầng lớp nhân dân trong tỉnh do cụ Trần Kỳ Phong - một nhà yêu nước nổi tiếng - dẫn đầu kéo về tòa sứ gặp và hội đàm với Gô-Đa, đưa những yêu sách chính đáng có hàng vạn chữ ký của các tầng lớp của nhân dân cho Gô-Đa chuyển về chính phủ Pháp.

Cuộc biểu tình đón Gô-Đa ở Quảng Nghĩa thu được thắng lợi, nhân dân bước đầu thấy được khả năng đấu tranh công khai hợp pháp của mình trước kẻ thù trong tình hình mới; mối liên hệ giữa Đảng với đồng đảo quần chúng được khôi phục, và Đảng bộ thu được một số kinh nghiệm trong việc tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh theo các chủ trương mới của Đảng.

Tức tối trước thắng lợi của cuộc biểu tình đón Gô-Đa của quần chúng cách mạng, sau khi Gô-Đa rời Quảng Nghĩa, bọn phản động Pháp lập tức khủng bố phong trào, bắt giam và tra tấn dã man nhiều đại biểu nhân dân trong tỉnh, trong đó có đồng chí Trần Khuy (Trần Lương) ở Mộ Đức và Phạm Viết My ở Sơn Tịnh.

Bất chấp dịch khủng bố, tháng 6/1937, khi lên toàn quyền Brévié đến Quảng Nghĩa, quần chúng cũng đón gặp đưa những yêu sách mà nhân dân đã đưa cho Gô-Đa, đòi thả các đại biểu nhân dân mà các nhà cầm quyền bắt giam và tra tấn.

Tháng 5/1937, thi hành Nghị quyết tháng 3/1937 của Trung ương Đảng, dựa vào kinh nghiệm chỉ đạo phong trào công khai vừa qua, tỉnh ủy đã đề ra phương hướng đấu tranh trước mắt của nhân dân trong tỉnh là :

— Ủng hộ Mặt trận và chính phủ Mặt trận bình dân Pháp, chống phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh;

— Đòi chia lại công điền, công thổ cho công bằng hợp lý, đòi giảm nợ, giảm tô phụ, đòi tăng tiền công cho người lao động làm thuê ở thành thị và nông thôn;

— Đòi giảm thuế điền thổ, thuế môn bài, thuế thương chánh, đòi bỏ xâu, bỏ thuế thân, chống « phụ thu lạm bổ ».

— Đòi bỏ án quản thúc đối với cựu chính trị phạm, đòi toàn xá chính trị phạm...

Đề trực tiếp chỉ đạo phong trào đấu tranh công khai hợp pháp của quần chúng, tỉnh ủy đã lập bộ phận phụ trách công tác chỉ đạo phong trào công khai, nửa công khai, trực thuộc tỉnh ủy. Đồng thời tỉnh ủy giao cho các cấp Đảng bộ đều phải chăm lo đẩy mạnh vận động quần chúng xây dựng phát triển các tổ chức biến tướng, các tổ chức nghề nghiệp như hội trợ tán, nhóm thể thao, nhóm đọc sách báo, nhóm đi núi (kiếm củi cắt lá), các đoàn cày, đoàn cấy, đoàn gặt đập lúa; các tổ vòng đời công, hội đồng canh hội bảo trợ tù chính trị... Tỉnh ủy đã có chủ trương gấp rút xây dựng các tổ chức chính

trị của quần chúng như hội phụ nữ, đoàn thanh niên, phản đế (sau đổi thành đoàn thanh niên dân chủ) nông hội, công hội (sau này tổ chức ái hữu và nghiệp đoàn) để làm nòng cốt cho phong trào đấu tranh công khai hợp pháp của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Lúc này bọn Tơ-rốt-kit trong tỉnh đã bắt đầu hoạt động lập theo những luận điệu của các báo La Jutte, « báo Đuốc vô sản » tuyên truyền những luận điệu (tả như lập Mặt trận vô sản để chống lại Mặt trận nhân dân Đông Dương) cho nông dân là có đầu óc tư hữu không liên minh lâu dài với giai cấp công nhân được, giai cấp tư sản bản xứ là đối tượng phải đánh đổ của cách mạng Đông Dương... Hoạt động của bọn Tơ-rốt-kit đã lôi kéo được một số cựu chính trị phạm và thanh niên tiểu tư sản còn non nớt về chính trị chống lại các chủ trương lập Mặt trận dân chủ rộng rãi chống phản động thuộc địa, chống phát xít.. của Đảng cộng sản (1). Tỉnh ủy đã kịp thời chủ trương cho Đảng bộ Quảng Nghĩa kiên trì vạch mặt, chống lại mọi luận điệu phá hoại của bọn Tơ-rốt-kit, không để những luận điệu ấy len lỏi vào quần chúng, ngăn trở phong trào đấu tranh của quần chúng, do Đảng cộng sản lãnh đạo.

Với những phương hướng chỉ đạo đó của Đảng bộ, phong trào đấu tranh của quần chúng trong tỉnh, sau cuộc biểu tình đón Gô-Đa, đã từng bước phát triển lên như sau :

(1) Từ năm 1935, ở Quảng Nghĩa đã có nhóm Tơ-rốt-kit ở vùng Thu Xà (Tư Nghĩa) do Lê Quang Lương (Bích Khê) cầm đầu và nhóm ở Mộ Đức có Lê Cứ ở Hà Nội vào hoạt động.

— Tháng 5-1937, trong nông thôn Quảng Nghĩa có cuộc vận động tuyên truyền và lấy chữ ký ủng hộ cuộc bãi công của công nhân xe lửa Trường Thi (Vinh), đòi nhà cầm quyền phải thỏa mãn những yêu sách của công nhân xe lửa Trường Thi. Cuộc vận động này vừa làm tăng ý thức đoàn kết giữa công nhân với nông dân, vừa tập dượt cho quần chúng mạnh dạn tham gia vào phong trào đấu tranh dân sinh dân chủ trong nước một cách thiết thực.

— Tháng 8-1937, thực dân Pháp bày trò cải cách dân chủ, tuyên truyền rùm beng cho cuộc tuyên cử nghị viện vào Viện Dân biểu Trung kỳ để lừa gạt quần chúng. Theo chỉ thị của cấp trên, Đảng bộ Quảng Nghĩa đã kịp thời lợi dụng chính sách lừa bịp đó của địch, nhanh chóng vận động những nhân sĩ có cảm tình với cách mạng ra ứng cử. Trong cuộc vận động bầu cử, Đảng bộ đã tổ chức được nhiều cuộc họp và một tinh công khai đề các ứng cử viên gặp mặt cử tri. Trong các cuộc họp đó, quần chúng đã nói lên nguyện vọng yêu sách, đòi Viện dân biểu phải đấu tranh làm thỏa mãn những yêu sách đó và phải thường xuyên bình vực các quyền lợi dân sinh dân chủ của nhân dân. Sau khi các ứng cử viên do ta đưa đi được trúng cử (1), Đảng đã tổ chức nhiều đoàn đại biểu đến gặp từng dân biểu để bàn bạc, giúp họ cách hoạt động để bình vực các quyền lợi của nhân dân địa phương khi họp ở Viện dân biểu Trung Kỳ. Khi Viện dân biểu họp,

(1) Ba Dân biểu được quần chúng ủng hộ đã trúng cử khóa này là: Võ Hàng (Bình Sơn); Trần Thương (Đức Phò) Võ Đình Thụy (Tu Nghĩa).

khâm Sư và Triều đình Huế đưa ra các dự án tăng thuế thân, thuế điền thổ (giữa 1938); lập tức Đảng tổ chức mít tinh công khai, cử đại biểu đến gặp các dân biểu đòi các dân biểu phải kiên quyết bác bỏ các dự án thuế phản động nói trên. Trước sức ép của quần chúng, các dân biểu Quảng Nghĩa đã phải bỏ phiếu chống các dự án thuế đó, góp phần cùng đa số viện dân biểu Trung Kỳ ngày 16 tháng 9-1937 đã bỏ phiếu bác bỏ hai dự án tăng thuế thân và thuế điền thổ do thực dân Pháp chủ trương.

Cũng trong thời gian này, ngoài phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ ra, nhân dân Quảng Nghĩa còn có nhiều đợt lạc quyên, lấy chữ ký ủng hộ phong trào đấu tranh chống phát xít Pơ-răng-cô ở Tây Ban Nha và phong trào kháng chiến chống Nhật của nhân dân Trung Quốc.

Nhờ phong trào đấu tranh của quần chúng được khôi phục, công tác thẩm tra, thử thách Đảng viên cũ và quần chúng tích cực được thuận lợi, đến cuối 1937, số Đảng viên trong toàn tỉnh tăng lên nhiều (1). Hệ thống chỉ đạo của Đảng trong tỉnh đã được xây dựng lại thông suốt từ cơ sở lên huyện, tỉnh. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh Đảng bộ so với trước có nhiều thuận lợi hơn; phong trào đấu tranh của quần chúng ngày càng mở rộng và ngày càng đi sâu vào những vấn đề có quan hệ mật thiết đến quyền lợi bức thiết hơn.

— *Phong trào vận động thành lập tương tế, di hửu:*
Cuối 1937 đầu 1938, phong trào ái hữu nghiệp đoàn

(1) Theo lịch sử Đảng bộ Đảng cộng sản Quảng Nghĩa do dẫn, trang 56 nói là 280 đảng viên trong cả tỉnh.

khắp nước, qua báo chí công khai có ảnh hưởng nhiều đến các tầng lớp thợ thủ công, tiểu chủ, tiểu thương trong tỉnh. Một số Đảng viên lo công tác công khai ở Thị xã Quảng Nghĩa lợi dụng dịp cúng lễ của giới thợ may vào cuối 1937, đề tập hợp anh chị em thợ may, nhất là những thợ may có vai vế ở Thị xã Quảng Nghĩa lại đề bàn việc giúp đỡ, đùm bọc nhau dựa vào nhau mà làm ăn sinh sống. Trong cuộc họp này đã đi đến thỏa thuận là những thợ may có thể lực, giỏi tay nghề, kê cả những tiểu chủ, phải diu dắt anh chị em học nghề những thợ may nhiều khách, nhiều hàng sau khi lãnh hàng sẽ nhường bớt lại cho số thợ mới ra nghề may để họ sinh sống. Ngoài ra, anh chị em còn thỏa thuận, trong giới thợ may phải đùm bọc giúp đỡ nhau khi đau ốm lúc thất nghiệp, lúc trong gia đình có tang lễ... Cuộc họp bàn này đã góp được một số tiền làm quỹ để giúp đỡ nhau. Ở thị xã Quảng Nghĩa giới thợ may đã hình thành một dạng hội tương tế được các giới lao động khác trong thị xã hoan nghênh và hưởng ứng.

Đầu 1938, các hoạt động tương tế đã tập hợp đoàn kết được đại bộ phận anh chị em thợ may ở thị xã và một số vùng lân cận; một số cốt cán trong giới thợ may, thợ cắt tóc do chi bộ ở thị xã lãnh đạo đã mở cuộc vận động thành lập hội Ái hữu thợ may Quảng Nghĩa. Tháng 4-1938, đơn xin thành lập hội Ái hữu thợ may đã được tòa sứ Quảng Nghĩa chấp nhận. Sau đó hội nghị thành lập hội Ái hữu thợ may đã họp ở trường trung học Mai Xưa ở thị xã Quảng Nghĩa. Hội nghị đã bầu ra Ban trị sự hội Ái hữu thợ may Quảng Nghĩa do ông Phan Tấn một chủ hiệu may làm trưởng ban, đồng chí Trương Quang Viên (Giao) làm thư ký, đồng chí Trần Xương (Một Phố) làm thủ quỹ.

Trong quá trình thành lập hội Ái hữu thợ may, các đảng viên ở thị xã Quảng Nghĩa cũng thâm nhập vào các giới Cu-li xe kéo, thợ cắt tóc... đề vận động gây phong trào đấu tranh đòi thành lập tương tế, Ái hữu, đã xây dựng được một số nòng cốt trong các giới kể trên để dựa vào đó mà vận động sâu vào trong từng giới.

Song song với phong trào tương tế Ái hữu ở thị xã, các loại tổ chức biến tướng và nghề nghiệp như đoàn cây, đoàn cấy ở nông thôn đã được các Đảng bộ chăm lo xây dựng phát triển và củng cố. Nhờ các tổ chức biến tướng và nghề nghiệp hợp pháp đó, Đảng đã lãnh đạo được đông đảo quần chúng nông dân trong tỉnh đoàn kết đấu tranh giành những quyền lợi thiết thân như đòi tăng công cấy, công cấy, công gặt đập; đòi giảm tô phụ, lãi nợ; đòi các chủ nghề cá sửa đổi tỷ lệ chia phần cá giữa chủ nghề và thợ bần, đòi các chủ xe nước sửa đổi, tỷ lệ chia phần lúa thu công đồ nước ruộng cho chủ xe và thợ bần công bằng hơn.

— *Phong trào đấu tranh đòi chia lại công điền công thổ:*

Quảng Nghĩa có trên 135.000 mẫu ruộng đất, trong đó có 25.000 mẫu ruộng đất công (18%), nếu tính cả số 24.460 mẫu ruộng nguyên là ruộng đất công bị bao chiếm làm của riêng hay của các nhà thờ họ... thì số ruộng đất công chiếm độ 34% (1). Song lâu nay ruộng đất công thường bị quan làng tìm mọi cách chiếm đoạt sử dụng phần lớn. Do đó, trong những năm 1937, 1938, 1939 ở Quảng Nghĩa đã nổ ra nhiều cuộc đấu tranh đòi chia lại công điền, công thổ, đòi lấy lại những ruộng đất công mà bọn cường hào quan lại đã chiếm ở hầu

(1) Theo tài liệu đồng chí HỒ Thiết và Cao Ký, đã dẫn.

hết những xã có ruộng đất công. Tiêu biểu cho những cuộc đấu tranh ấy là cuộc đấu tranh của nhân dân làng Thi Phò Nhi (Mộ Đức), làng Hòa Vinh Tây (Nghĩa Hành) và cuộc đấu tranh đòi lại giải đất công ở Xóm Buồng của nhân dân làng Phước Lộc (Sơn Tịnh) cụ thể diễn biến các cuộc đấu tranh ấy như sau :

+ Ở Thi Phò Nhi: Đến tháng 6-1937, công điền, công thổ ở làng Thi Phò Nhi có 260 mẫu ruộng loại một, 40 mẫu ruộng loại 2, và 70 mẫu đất thổ thuộc loại 3 hầu hết đều nằm trong tay bọn cường hào, địa chủ, quan viên họ Trần (tiền hiền) và họ Nguyễn (hậu hiền) thao túng, sử dụng. Theo lệ làng, cứ 3 năm làng phải quân cấp lại ruộng đất công. Song khi quân cấp thì bọn cường hào chia theo chế độ « tọa thứ », nghĩa là người có chức quyền cao được hưởng số ruộng gấp đôi gấp ba số ruộng đất của một người dân thường, và được quyền bắt lấy phần ruộng tốt, ruộng thuận cạnh, thuận cư » (gần nhà, gần đường đi...) trước cho mình. Còn dân thường thì chúng cấp cho mỗi phần ruộng gồm nhiều mảnh xa nhau, mà đa phần là ruộng xấu.

Tháng 5-1937, Pháp và Nam Triều buộc các làng phải có bản hương ước mới. Khi thảo hương ước, bọn cường hào viết là việc chia ruộng đất trong làng vẫn theo chế độ tọa thứ như cũ.

Nhân dân trong làng phản uất. Chi bộ Thi Phò Nhi, được sự chỉ đạo của đồng chí Trần Khuy (Trần Lương), chủ trương phát động quần chúng đấu tranh chống lại việc quân cấp công điền theo chế độ tọa thứ và đòi quân cấp theo chế độ « bất thăm », có « phi giảm xấu gia » nghĩa là cứ bất thăm ai trúng lô ruộng tốt thì ít hơn, ai bất trúng lô ruộng xấu thì nhiều hơn. Chi bộ

còn chủ trương đòi phải giảm bớt các phần ruộng giành cho lễ nghi, lễ tự... để có thêm ruộng đất chia cho dân.

Cái khó của cuộc đấu tranh là dân trong làng phần đông thuộc họ Trần và họ Nguyễn Đức. Bà con thân thích của bọn cường hào, cường hào đông. Hơn nữa bọn cường hào đứng đầu là Trần Tuyên vừa có của vừa có thể che chở của tụi mật thám và huyện, tổng... để làm cho cuộc đấu tranh của dân bị thất bại.

Kế hoạch của chi bộ là cuộc đấu tranh nổ ra, phải tìm cách lôi kéo, tranh thủ tất cả những ai có mâu thuẫn với bọn cường hào về phe dân và tìm cách tranh thủ cả các dư luận báo chí, Viện dân biểu và những người có thế lực trong bộ máy cầm quyền của Pháp và bọn Nam Triều ở tỉnh, huyện. Từ phương hướng như vậy, chi bộ đã làm đơn kêu kiện chống bằng hương ước mới do bọn cường hào thảo ra và bí mật đi vận động lấy chữ ký của quần chúng trong làng. Trước khi cuộc đấu tranh nổ ra, chi bộ lôi kéo được một anh bát phẩm lính giảng là Trần Giảng, giao anh ta tìm cách tranh thủ tuần vũ tỉnh là Hường Dịch, và qua Hường Dịch để tranh thủ tên công sứ. Chi bộ còn phân công người đi lôi kéo tranh thủ dân biểu Võ Đình Thụy, đòi Thụy phải lấy tư cách dân biểu mà ủng hộ nguyện vọng của dân.

Sau khi đã chuẩn bị mọi mặt, cuộc đấu tranh chống chế độ quân cấp công điền ghi trong hương ước mới nổ ra.

Khi đơn kêu kiện của dân gửi tới huyện, tỉnh thì bọn cường hào trong làng như bang tá Trần Lương, lý trưởng Trần Tuyên được tên tri phủ là Lê Đình ủng hộ, cho lính về bắt giam một số chi ủy viên và đảng viên trong làng như các đồng chí Võ Đình, Nguyễn

Chuán, Trần Mè đề uy hiếp, buộc dân làng phải bỏ phiếu tán thành chủ trương chia công điền theo chế độ tọa thứ trong hương ước mới mà bọn cường hào vừa thảo.

Mặc dù bọn phủ huyện và cường hào đe dọa, nhờ công tác chuẩn bị chu đáo nên cuộc đấu tranh đòi quân cấp công điền theo chế độ bất thăm phi giảm, xấu gia của nhân dân dưới sự lãnh đạo của chi bộ vẫn tiếp tục được đẩy mạnh. Lúc bấy giờ cuộc đấu tranh dân sinh dân chủ trong nước, trong tỉnh đang lên mạnh, tên công sứ Pháp ở Quảng Nghĩa đang tìm cách hạn chế phong trào đấu tranh của quần chúng, không để phong trào càng thêm. Hơn nữa chi bộ Thi Phò Nhi được tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo đã khôn khéo tranh thủ sự ủng hộ của các dân biểu trong tỉnh và viết báo vạch trần thủ đoạn bất bớ, trấn áp quần chúng của tên tri phủ Lê Định và bọn cường hào đã làm cho nhà cầm quyền Pháp và Nam Triều ở Quảng Nghĩa lúc bấy giờ phải giải quyết thỏa đáng cuộc đấu tranh có lợi cho quần chúng và không để cho cuộc đấu tranh nổ ra to hơn.

Trước cuộc đấu tranh quyết liệt và khôn khéo của quần chúng ngày 16-6 năm 1937, bọn công sứ, tuần vũ đã cùng dân biểu Võ Đình Thụy về Thi Phò Nhi đứng ra chủ trì cuộc bầu phiếu hai chủ trương quân cấp công điền do Hương Lý và dân đưa ra. Trước khi bỏ thăm, tuần vũ Hương Dịch nói chia công điền, công thổ thế nào là tùy ý của dân, tỉnh không ép dân theo cách chia của Hương Lý đã đưa ra.

Kết quả cuộc bỏ thăm chủ trương chia công điền theo cách bất thăm và lấy phần theo cách phi giảm

xấu gia» của dân được thắng phiếu. Và các phần ruộng đất công dành cho tế tự, lễ lạc cũng đều phải giảm bớt với một tỷ lệ nhất định theo đề nghị của dân.

Cuộc đấu tranh đòi chia ruộng đất công một cách công bằng hợp lý ở Thi Phồ Nhi thắng lợi đã có ảnh hưởng tốt đến phong trào đấu tranh dân sinh dân chủ trong tỉnh lúc bấy giờ.

Ở Hòa Vinh Tây: Sau thắng lợi của cuộc đấu tranh đòi chia lại công điền, công thổ của nhân dân Thi Phồ Nhi, nhân dân làng Hòa Vinh Tây, dưới sự lãnh đạo của chi bộ và sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Nguyễn Công Phương, tỉnh ủy viên, đã mở cuộc đấu tranh đòi bọn cường hào phải xóa bỏ lối quân cấp công điền theo kiểu «tọa thứ», mà chia lại công điền công thổ theo kiểu bắt thăm phi giảm xấu gia.

Bọn cường hào lâu nay chiếm nhiều ruộng đất công như thủ chỉ Nguyễn Lưu, thủ chỉ Võ Lượng đua nhau phản đối đòi hỏi của nhân dân, dọa từ chức không chịu đi họp làng, và liên kết với bọn mật thám ở tỉnh về đe dọa, uy hiếp quần chúng.

Trước tình hình đó, chi bộ chia nhau đi vận động, tranh thủ từng kỳ hào, Hương Lý, nói rõ cho họ biết chuyện công sứ và tuần vũ đều ủng hộ nguyện vọng chính đáng của nhân dân Thi Phồ Nhi, sao hương lý làng ta lại không thuận theo ý dân mà làm điều phải, nếu để dân đấu tranh kêu kiện lên tỉnh, lên huyện thì sứ, tuần rồi cũng ủng hộ ý dân thôi, như vậy các vị còi trưởng trong làng sẽ mang tiếng... Do cuộc vận động tranh thủ của chi bộ, lý trưởng Trinh và các chức sắc như Nguyễn Khắc Hành, Phạm Bình, Nguyễn Hoàn... Đều đồng tình đem ruộng đất công ra quân

cấp theo kiểu bắt thăm của làng Thi Phồ Nhi. Nhờ tranh thủ được sự đồng tình của đa số chức sắc, lý hương nên sau đó nhân dân lại tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của viên truy huyện và chánh tổng đối với cáo yêu sách của nhân dân. Đến ngày quân cấp, tri huyện Lê Hoàng Hà đã ủy nhiệm cho chánh tổng thay mặt mình về làng Hòa Vinh Tây chủ trì việc chia công điền, công thổ theo lối bắt thăm và mỗi người dân đều được nhận phần ruộng đất của mình theo cách « phi giám xấu gia » như ở làng Thi Phồ Nhi đã làm.

+ Ở xóm *Buồng Phước Lộc*: Xóm Buồng là một giải bãi bồi độ 50 ha ở hữu ngạn sông Trà Khúc, nguyên là giải đất công thuộc làng Phước Lộc Sơn Tịnh (1) từ lâu đã bị bọn cường hào là Nguyễn Duệ (Hương Duật) chiếm làm của riêng để trồng dâu, muôi tằm, trồng mía... Tháng 12-1937, chi bộ Phước Lộc lãnh đạo nhân dân làm đơn lên tỉnh đòi hỏi bọn Hương Duật phải trả lại dải đất công ấy về cho dân chia nhau làm ăn. Cuộc đấu tranh đòi lại ruộng đất công này được bọn hương lý như Nguyễn Tuyết ủng hộ. Cuối cùng tòa án tỉnh Quảng Nghĩa buộc phải bắt bọn Hương Duật trao trả số đất công ở xóm Buồng ấy về làm đất công làng Phước Lộc. Tuy bị thua kiện, song bọn Hương Duật dựa thế của bọn mật thám không chịu trao trả. Nhân dân Phước Lộc phải bắt trời bọn Hương Duật đem lên tỉnh, bọn Duật mới chịu trả;

Sau khi đòi được đất, nhân dân Phước Lộc đã lập

(1) Giải bãi bồi xóm Buồng trước cách mạng tháng 8 thuộc địa phận làng Phước Lộc (Sơn Tịnh). Sau Cách mạng Tháng 8 mới chuyển giao cho xã Nghĩa Thắng (Tư Nghĩa) quản lý.

Hội đồng Canh như kiều ở Trà Bình Trại đề quản lý, khai thác dải bãi bồi xóm Buồng đem lại công ăn việc làm cho số dân nghèo. Hội đồng canh xóm Buồng tồn tại mãi đến cách mạng tháng 8-1945.

Ngoài những cuộc đấu tranh, kể trên, còn có nhiều cuộc đấu tranh đòi chia lại công điền công thổ khác như ở các làng Bồ Đề, Nghĩa Lập (Mộ Đức) Châu Mè (Bình Sơn)... đã đem lại nhiều quyền lợi thiết thực cho nhân dân. Nhờ đó khối đoàn kết đấu tranh trong nông thôn tăng lên, uy tín của Đảng ngày được khôi phục và nâng cao thêm một bước.



Đầu 1938, chính phủ Lê-Ông-Bờ-Lum đả, các chính phủ Sô-tăng, Đa-la-diê ở Pháp ngày càng ngả sang hữu. Trong khi ấy quân Nhật đã tràn xuống chiếm Hoa Nam uy hiếp nền hòa bình, an ninh của bán đảo Đông Dương. Trước tình hình đó, bọn phản động thuộc địa ở Đông Dương tìm mọi cách chống lại phong trào đấu tranh vì dân sinh dân chủ, vì hòa bình của nhân dân; tìm mọi cách tăng cường ách bóc lột nô dịch quân chúng để chuẩn bị chiến tranh. Cuối 1938, sau khi các dự án tăng thuế thân và thuế điền thổ bị Viện Dân biểu Trung kỳ bác bỏ, thực dân Pháp dùng thủ đoạn uy hiếp, đe dọa, mua chuộc các dân biểu lưng chừng trong Viện, buộc Viện Dân biểu phải bỏ phiếu tán thành các dự án thuế phản động của chúng.

Thi hành các Nghị Quyết 3/1938 của Trung ương Đảng ngoài việc tiếp tục đẩy mạnh các phong trào đấu tranh vì quyền lợi dân sinh, dân chủ thiết thân của đông đảo quần chúng lâu nay, tỉnh ủy Quảng Nghĩa đã chủ

trương mở rộng Mặt trận đấu tranh sang hướng chống các chính sách mới của bọn phản động thuộc địa.

Cuối 1938, trong tình đã mở đợt vận động lấy chữ ký đông đảo các tầng lớp nhân dân phản đối các dự án thuế mới của thực dân Pháp và triều đình Huế vừa ban hành. Tiếp theo đợt lấy chữ ký đó, ngày 5/12/1938 một cuộc biểu tình của đông đảo quần chúng miền đông Sơn Tịnh đã kéo lên huyện lỵ phản đối các dự án thuế mới đòi ban hành các quyền tự do dân chủ, đòi phòng thủ Đông Dương. Cuộc biểu tình có các khẩu hiệu:

- Phản đối các dự án thuế mới, thi hành các dự án thuế do Viện Dân biểu Trung kỳ đề ra hồi tháng 9/1938;
- Ban bố các quyền tự do dân chủ.
- Toàn xá tù chính trị
- Tổ chức cho nhân dân tham gia phòng thủ Đông Dương chống phát xít Nhật xâm lược.

— Ủng hộ nhân dân Trung Quốc kháng Nhật.

Cuộc biểu tình kéo lên đến núi Thiên Ân thì bị thực dân Pháp phái quân đến đó khủng bố, bắt các đại biểu (1). Sau khi bị khủng bố, cuộc biểu tình kéo về chợ Châu Sa làm mít tinh tuyên truyền các yêu sách và phản đối Pháp đã khủng bố bắt đại biểu trong cuộc biểu tình của nhân dân. Thực dân Pháp lại kéo quân về Châu Sa khủng bố và giải tán cuộc mít tinh.

Phối hợp với cuộc biểu tình ở Sơn Tịnh, trong tỉnh đã tổ chức một số cuộc mít tinh nhỏ, nửa công khai, củng cố nội dung phản đối dự án thuế mới và đòi phòng thủ Đông Dương.

(1) Đại biểu cho cuộc biểu tình miền đông Sơn Tịnh là đồng chí Trương Quang Viên (Giao) bị bắt. Sau đó dịch lũng bắt thêm một số đồng chí nữa.

Tiếp đó ngày 25/2/1939, quần chúng vùng Châu Me (Bình Sơn) và quần chúng một số làng đông Sơn Tĩnh lợi dụng lúc tại chợ Châu Me có đám hát đầu xuân, làm mít tinh và sau khi mít tinh xong đã chuyển thành cuộc biểu tình kéo về hướng phủ lý (Bình Sơn) để đưa yêu sách phản đối các dự án thuế mới và đòi tổ chức nhân dân phòng thủ Đông Dương chống xâm lược Nhật. Khi cuộc biểu tình kéo đến trước đền Châu Me thì bị lính khố xanh ra chặn lại, nhận yêu sách và giải tán cuộc biểu tình (1).

Đầu 1939, hưởng ứng sáng kiến của Mặt trận Dân chủ Đông Dương, chi nhánh Đảng xã hội Pháp và hội nhân dân Pháp ở miền bắc Đông Dương, nhân dân Quảng Nghĩa lại tổ chức quyên góp tiền và hiện vật để giúp nhân dân Trung Quốc kháng chiến chống Nhật với khẩu hiệu giúp nhân dân Trung Quốc chống Nhật là phòng thủ Đông Dương. Cuộc vận động này đã góp phần tăng cường ý thức chống Nhật xâm lược, chống phản động thuộc địa cho nhân dân trong tỉnh thêm một bước.

Giữa năm 1939, trong khi đời sống nhân dân ngày càng khó khăn, chính phủ Pháp mượn cớ lo chuẩn bị chiến tranh chống phát xít, lo phòng thủ Đông Dương đã bắt nhân dân Đông Dương phải mua 40 triệu đồng bạc công trái và phải đóng thêm 10 triệu đồng bạc thuế gọi là « thuế phòng thủ Đông Dương ». Song song với các chủ trương vơ vét bóc lột về kinh tế, bọn phản động thuộc địa Pháp lại bắt đầu hạn chế và bóp nghẹt các quyền tự do dân chủ, các cuộc đấu tranh đòi dân

(1) Sau khi cuộc biểu tình ở Châu Me bị giải tán; dịch đi bắt các đại biểu là : Bùi Ghé, Lê Lạc v.v...

sinh dân chủ, đòi phòng thủ Đông Dương, ủng hộ nhân dân Trung Quốc kháng Nhật... đều bị đàn áp khủng bố, nhiều người đã bị bắt, bị đày.

Thi hành chỉ thị của xứ ủy, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 150 cuộc cách mạng Pháp 1789, ngày 14/7/1939, tỉnh ủy đã tổ chức một cuộc biểu tình tại sân vận động thị xã Quảng Nghĩa, gồm hàng ngàn đại biểu quần chúng khắp các phủ huyện tham gia. Khẩu hiệu chính của cuộc biểu tình là phản đối thuế phòng thủ Đông Dương, đòi cải thiện đời sống cho quần chúng, đòi tổ chức và vũ trang cho quần chúng tham gia phòng thủ Đông Dương. Đồng thời, còn có các khẩu hiệu đòi thi hành các quyền tự do dân chủ, toàn xá tù chính trị, ủng hộ nhân dân Trung Quốc kháng Nhật... Cuộc biểu tình bị đàn áp, các đại biểu của quần chúng trong cuộc biểu tình đều bị bắt và bị kết án tù (1). Trong phiên tòa ngày 18/7/1939, các đồng chí ta đã lợi dụng diễn đàn tại phiên tòa, có đồng đảo quần chúng dự thỉnh, đứng lên vạch các chính sách phản động của bọn cầm quyền Pháp, kêu gọi nhân dân trong tỉnh tiếp tục đấu tranh đòi bảo vệ các quyền lợi đã giành được, đòi để nhân dân tham gia phòng thủ Đông Dương, phản đối thuế phòng thủ Đông Dương...

Như vậy, dưới sự chỉ đạo của Đảng, cao trào đấu tranh chống phản động thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh, đòi tự do dân chủ, cơm áo và hòa bình trong tỉnh Quảng Nghĩa đã phát triển ngày một cao rộng suốt từ năm 1936 đến 1939, đã thu được những thắng lợi quan trọng:

(1) Các đồng chí bị bắt và bị xử là Bùi Định 10 năm tù, Phan Chất 5 năm tù.

1) Phong trào đã dành được thế đấu tranh hợp pháp, trực diện đối mặt với bọn phản động thuộc địa, bọn địa chủ cường hào tay sai để đòi những quyền tự do dân chủ, cơm áo và hòa bình một cách thiết thực, lôi cuốn được đông đảo quần chúng nông thôn và thành thị vào cuộc đấu tranh. Trên cơ sở phong trào đó mà khôi phục được hệ thống chỉ đạo của Đảng và các tổ chức cách mạng của quần chúng trong tỉnh.

2) Phong trào đã dành được những quyền lợi dân sinh dân chủ cụ thể thiết thực có lợi cho đời sống hằng ngày, làm cho đông đảo quần chúng, nhất là nông dân, ngày càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng gắn bó thêm, khối liên minh công nông được củng cố làm cơ sở vững chắc cho Mặt trận Dân chủ chống phản động thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh, đòi dân sinh dân chủ và hòa bình trong tỉnh thêm mạnh.

3) Được sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương và ủy Trung kỳ, sự chỉ đạo phong trào của Đảng bộ Quảng Nghĩa có nhiều tiến bộ:

— Về mặt đường lối phương hướng đã nhận rõ tầm quan trọng của việc *nắm chắc mục tiêu cụ thể của cách mạng trong từng giai đoạn cụ thể*, xuất phát từ đó định ra yêu cầu, khẩu hiệu, quy mô và hình thức đấu tranh thích hợp khá phong phú, bảo đảm cho phong trào đấu tranh của quần chúng thu được những thắng lợi cụ thể để từng bước tiến lên giành thắng lợi lớn hơn.

Trong phương châm, sách lược đấu tranh, Đảng bộ Quảng Nghĩa đã biết nghiên cứu, đánh giá tình hình địch, ta, nhất là những mâu thuẫn trong nội bộ địch một cách cụ thể. Nhờ đó chỉ đạo từng phong trào, từng

cuộc đấu tranh đã xác định được yêu cầu, nội dung, hình thức, sách lược và bước đi thích hợp với khả năng và trình độ quần chúng, bảo đảm cho quần chúng đấu tranh giành thắng lợi. Mặt khác nhiều lúc đã biết lợi dụng được những mâu thuẫn trong xã hội cũng như mâu thuẫn trong nội bộ địch, đề có sách lược cụ thể, đúng đắn, phân hóa lực lượng địch và tranh thủ sử dụng mọi khả năng, mọi lực lượng để tăng cường sức mạnh cho cuộc đấu tranh quần chúng giành thêm thắng lợi.

Đó là những tiến bộ lớn trong sự chỉ đạo phong trào chúng ta Đảng bộ đã trưởng thành thêm một bước.

Tuy vậy, trong chỉ đạo đấu tranh và xây dựng lực lượng cách mạng trong thời kỳ này, Đảng bộ Quảng Nghĩa còn chưa chuẩn bị tốt tư tưởng và tổ chức cho phong trào có thể vững chắc sẵn sàng chuyển sang giai đoạn đấu tranh cách mạng đầy khó khăn trong tình hình mà đấu tranh hợp pháp và nửa hợp pháp không còn nữa. Cho nên khi chiến tranh thế giới lần thứ 2 nổ ra, thực dân Pháp dùng chính sách phát xít phản động, đàn áp khủng bố, phong trào Quảng Nghĩa trong giai đoạn mới có bị lung túng khó khăn. Cần nói thêm từ 1937 — 1938... đồng bào các dân tộc ít người miền tây Quảng Nghĩa có phong trào nước xu đỏ và những cuộc khởi nghĩa của phong trào này đã liên tiếp nổ ra ở Trà Bồng, Sơn Hà... Song Đảng bộ Quảng Nghĩa không liên hệ được với các phong trào ấy. Đó cũng là điều đáng tiếc.

Nhìn chung nội dung các phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Quảng Nghĩa trong những năm từ 1936 — 1939 đều chia thắng mũi nhọn vào bọn phản động thuộc địa, bộ phận phản động nhất của thực dân

Pháp và bọn địa chủ, cường hào ở nông thôn, là bọn phong kiến phản động trực tiếp làm tay sai cho bọn thực dân Pháp đàn áp bóc lột quần chúng nhân dân.

Về lực lượng các phong trào đấu tranh 1936 - 1939 ở Quảng Nghĩa chủ yếu vẫn là lực lượng nông dân lao động đông đảo. Cho nên, tuy nội dung, hình thức có khác với cao trào 1930 - 1931, song về thực chất vẫn là một phong trào dân tộc dân chủ, chống đế quốc Pháp và phong kiến tay sai trong những điều kiện mới mà thôi. Và Đảng bộ cùng nhân dân Quảng Nghĩa lúc bấy giờ sắp bước vào một giai đoạn đấu tranh khác cao hơn.

Chiến tranh thế giới lần thứ 2 bắt đầu. Lập tức, bọn phản động thuộc địa Pháp đã thi hành các chính sách phát xít phản động, thủ tiêu các quyền tự do dân chủ của nhân dân vừa mới giành được. Đảng cộng sản và các tổ chức quần chúng của Đảng bị khủng bố, và phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã bước sang giai đoạn mới.

IV. CAO TRÀO ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC GIÀNH CHÍNH QUYỀN VỀ TAY NHÂN DÂN 1940 - 1945

1 - Đấu tranh xây dựng lại hệ thống chỉ đạo của Đảng bộ và quá trình tiếp thụ đường lối, chủ trương mới của Đảng:

Tháng 9-1939, cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Tháng 6-1940, phát xít Đức tuyên chiến với Pháp. Bọn tư bản phản động đứng đầu là Pê-Tanh đầu hàng và làm tay sai cho Đức, đàn áp mọi phong trào

yêu nước đang chống Phát xít ở Pháp và ở các thuộc địa Pháp.

Bọn thực dân phản động Pháp ở Đông Dương thi hành chính sách cai trị thời chiến theo kiểu phát xít cực kỳ phản động, tấn công điên cuồng vào Đảng cộng sản và mọi phong trào quần chúng do Đảng cộng sản Đông Dương lãnh đạo (1). Không khí khủng bố, đàn áp lan nhanh khắp miền đất nước, Chính sách cai trị đó đã làm cho quyền lợi kinh tế, chính trị tất cả các giai cấp, các tầng lớp trong xã hội ở Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng đều bị thiệt thòi, mất mát. Ý thức dân tộc lại trở dậy trong các giai cấp, các tầng lớp nhân dân yêu nước Việt Nam.

Trước điều kiện lịch sử đó, Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương đã sớm đặt ra vấn đề chỉ đạo chiến lược sao cho thích hợp với tình hình mới. Ngày 29-9-1939, Trung ương Đảng đã ra thông cáo gửi cho toàn Đảng nhấn mạnh: « ... Hiện nay tình hình đã thay đổi nhiều ; hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề nổi dậy giải phóng, hoàn toàn vấn đề ấy mau hay chậm là tùy theo tình hình thế giới và năng lực của các đồng chí... » (2)

Ngày 6,7,8 tháng 11-1939, Trung ương Đảng lại ra Nghị quyết nhận định tình hình thế giới, trong nước, các chính sách phát xít phản động tàn bạo của bọn cầm

(1) Ngày 28-9-1939 toàn quyền Cà-tơ-ru ra nghị định giải tán ái hữu nghiệp đoàn. Ngày 17-11-1939, hắn lại ra Nghị định tịch thu tài sản Đảng cộng sản Đông Dương. Ngày 5-10-1939, Báo Đại ra đạ cấm hội họp, cấm tuyên truyền cộng sản.

(2) Thông cáo cho các đồng chí các cấp bộ, Văn kiện Đảng (1939—1945) nhà xuất bản Sự thật 1963—trang 24.

quyền Pháp ở Đông Dương; thái độ, xu hướng chính trị của các giai cấp, các Đảng phái trong nước. Nghị quyết nêu rõ: « ... Chính sách cai trị của Chính phủ Đu-la-di-ê đã hoàn toàn phản động (phát xít hóa). sự thống trị các thuộc địa, nhất là Đông Dương là một chế độ quân nhân phát xít rõ rệt và sự mưu đồ đưa hàng thỏa hiệp với phát xít Nhật đã đặt ra trước mắt vấn đề sống còn của các Dân tộc Đông Dương ».

« Bước đường sinh tồn của các Dân tộc Đông Dương không còn cớ con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để tranh lấy giải phóng độc lập. Để quốc Pháp còn, dân chúng Đông Dương chết; để quốc Pháp chết, dân chúng Đông Dương còn ». Nghị quyết liền đoán: « Cuộc cách mệnh đánh đổ đế quốc Pháp của các dân tộc Đông-Dương nhất định sẽ bùng nổ ». Và Trung ương Đảng đã chủ trương: « Thành lập mặt trận thống nhất Dân tộc phản đế Đông Dương để tranh đấu chống đế quốc chiến tranh, đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến thối nát, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập ». Nghị quyết đã bỏ khẩu hiệu tịch kỹ ruộng đất của địa chủ, nêu khẩu hiệu Tịch thu ruộng đất của những địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc và đổi khẩu hiệu lập chính phủ Xô-Viết công nông binh thành khẩu hiệu lập chính phủ liên bang cộng hòa dân chủ Đông Dương. Nghị quyết nêu rõ: « Công nông phải đưa cao cờ dân tộc lên, vì quyền lợi sinh tồn của dân tộc mà sẵn sàng bắt tay với tiểu tư sản và những tầng lớp tư sản bốn xứ, trung tiểu địa chủ còn có tâm tức đế quốc... có ít nhiều tinh thần chống đế quốc » Nghị quyết còn chỉ rõ: « Muốn đảm bảo sự thắng lợi của cách mạng phản

để cần phát làm tê liệt xu hướng quốc gia cải lương ».

Tháng 11-1940, sau khi Nhật xâm chiếm Đông Dương (1), Trung ương Đảng lại họp để rà xét lại tình hình thế giới, trong nước, đặc biệt nghiên cứu, đánh giá sự phát triển của phong trào cách mạng thế giới và địa vị của Liên Xô trước cuộc chiến tranh đế quốc và khả năng của phong trào cách mạng dân tộc dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam. Hội nghị đã xác nhận sự chuyển hướng chiến lược của hội nghị Trung ương Đảng tháng 11-1939 là hoàn toàn đúng đắn. Song vì quân phát xít Nhật đã thật sự xâm lược Đông Dương, nhân dân Đông Dương đã lâm vào cảnh « một cổ hai tròng » nên Trung ương đã ra nghị quyết lấy khẩu hiệu *đả đảo đế quốc chủ nghĩa Pháp Nhật và các thế lực phản động ngoại xâm, đả đảo phong kiến bán xứ phản bội quyền lợi dân tộc* thay cho khẩu hiệu *đánh đờ đế quốc Pháp và bọn phong kiến thối nát* mà hội nghị Trung ương tháng 11-1939 đã đề ra (2) Trong hội nghị tháng 11-1940, Trung ương Đảng cũng đã chủ trương *duy trì lực lượng vũ trang Bắc Sơn, thành lập những đội du kích dùng hình thức vũ trang công tác... phát triển cơ sở cách mạng, tiến tới thành lập căn cứ địa du kích* (3) và quyết nghị thành lập *nhân dân cách mạng quân* (4) dưới sự lãnh đạo và chỉ huy trực tiếp của Đảng.

Dưới ánh sáng của các nghị quyết của Trung ương Đảng tháng 11-1939 và tháng 11-1940, phong trào chống

(1) Nhật chiếm Lạng Sơn chiều 22-9-1940 và hôm sau chiếm Đồ Sơn, Hải Phòng rồi tiến tới chiếm Hà Nội.

(2) và (3) Văn kiện Đảng (1939—1945) đã dẫn trang 152, 153.

(4). Xem Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam, sơ thảo, tập I (1920—1954), Nhà xuất bản Sự thật, 1981, trang 327, 328.

Pháp, chống Nhật cứu nước ngày một lên cao, đặc biệt là các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (27-9-1940), đã liên tiếp nổ ra nói lên quyết tâm đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập tự do cho Tổ quốc, cho dân tộc của nhân dân cả nước.

Trước tình hình đó, ngày 8-2-1941, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã kịp thời bí mật về nước. Từ ngày 10 đến 19-5-1941 hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 đã họp dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, đại biểu quốc tế cộng sản. Hội nghị đã xem xét tổng kết lại tình hình thế giới trong nước và các phong trào cách mạng trong nước từ khi thế giới chiến tranh lần thứ hai nổ ra đến giờ. Hội nghị đã xác định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mệnh Đông Dương là giải phóng dân tộc. Hội nghị nhấn mạnh: « Pháp-Nhật ngày nay không phải chỉ là kẻ thù của công nông mà là kẻ thù của cả các dân tộc Đông Dương. Trong lúc này khẩu hiệu của Đảng ta trước hết phải làm sao giải phóng cho được các dân tộc Đông Dương ra khỏi ách của giặc Pháp-Nhật » (1) ... « Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc thì chẳng những toàn thể quốc gia, dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được (2).

Đề tập trung được tất cả lực lượng yêu nước, dù nhỏ, vào việc giải phóng dân tộc, hội nghị xác định chủ trương đúng đắn dẫn dắt các khẩu hiệu cách mạng ruộng đất của hội nghị Trung ương Đảng tháng 11-1939 và thêm vào đó các khẩu hiệu *giảm tô, giảm tức, chia lại*

(1 và 2) Xem Văn kiện Đảng. (1939-1945) đã dẫn, trang 193 và 194.

ruộng đất công, tiến tới thực hiện khẩu hiệu « người cày có ruộng ».

“ Về mặt trận dân tộc thống nhất, hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập Đồng minh (gọi tắt là Việt Minh) thay cho mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương (hai dân tộc Miên và Lào sẽ tổ chức mặt trận riêng) (1). Hội nghị quyết định sau đánh đổ đế quốc Pháp-Nhật, sẽ thành lập một chính phủ nhân dân của Việt Nam dân chủ cộng hòa, lấy lá cờ đỏ sao vàng năm cánh làm lá cờ toàn quốc của nước Việt Nam (2).

— Về khởi nghĩa vũ trang hội nghị nhấn mạnh: « Cuộc cách mạng Đông Dương, kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang » (3). Chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và dân ta trong giai đoạn hiện tại. Căn cứ vào điều kiện cụ thể và kinh nghiệm cách mạng ở nước ta, hội nghị cho rằng khi thời cơ đến thì với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn (4).

Như vậy, sau hơn 1 năm tình hình thế giới và trong nước thay đổi, qua các cuộc hội nghị Trung ương lần thứ VI (tháng 11-1939), lần thứ VII (11-1940) đến hội

(1) Văn kiện Đảng 1963 (1939-1945) đã dẫn, trang 24.

(2) Chương trình Việt Minh, Văn kiện Đảng (1939-1945), đã dẫn, trang 221.

(3) Văn kiện Đảng (1939-1945) đã dẫn, trang 211.

(4) Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, sơ thảo, tập I (1920-1954) NXB Sự thật, 1981, trang 337.

ng nghị Trung ương lần thứ VIII (tháng 5-1941), Đảng ta đã từng bước xây dựng và hoàn chỉnh đường lối, phương hướng cách mạng Việt Nam một cách rõ ràng, dứt khoát và khá cụ thể. Đó là quá trình hoàn chỉnh việc chuyển hướng chiến lược cách mạng Việt Nam một cách tài tình, sáng tạo. Chính đường lối phương hướng chiến lược ấy đã dẫn dắt cách mạng ba nước Đông Dương, trước hết là cách mạng Việt Nam tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Sau khi cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai nổ ra, tỉnh ủy Quảng Nghĩa đã họp phiên bất thường tại làng Lâm Lộc (Sơn Tịnh) để bàn kế hoạch chỉ đạo toàn Đảng bộ rút vào hoạt động bí mật theo tinh thần « Thông cáo cho các đồng chí, các cấp bộ » ngày 29-9-1939 của Trung ương Đảng (1). Song Nghị quyết của Tỉnh ủy chưa kịp triển khai thì Đảng bộ đã bị địch khủng bố, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng bộ đều bị bắt. Phong trào trong tỉnh thiếu sự chỉ đạo phải chững lại.

Tháng 4-1940, một tỉnh ủy lâm thời đã được thành lập lại để xúc tiến việc xây dựng cơ sở và tổ chức việc đi tìm bắt liên lạc với cấp trên. Sau một thời gian hoạt động, cơ sở Đảng đã khôi phục ở các huyện Đức Phổ, Nghĩa Hành và Mộ Đức. Ngày 28-10-1940, Đảng bộ Quảng Nghĩa đã chính thức tiếp được sự chỉ đạo của cấp ủy Trung kỳ, do một xứ ủy viên vào gặp tỉnh ủy Quảng Nghĩa để phổ biến nghị quyết của hội nghị

(1) *Văn kiện Đảng (1930-1945)* đã dẫn, trang 21.

Trung ương Đảng lần thứ 6. Đồng chí uỷ viên vào Quảng Nghĩa có mang theo giao cho tỉnh uỷ Quảng Nghĩa các tài liệu sau đây :

- Nghị quyết Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương;
- Tuyên ngôn của Đảng cộng sản Đông Dương;
- Một điều lệ nông hội; một điều lệ phân để cứu quốc hội; một điều lệ phân chiến hội;
- Một quyền công tào chi bộ.
- Hai số báo « Bể xiềng sắt »...

Ngày 5-10 âm lịch (04-11-1940) một cuộc họp tại nhà đồng chí Võ Soại (Định) ở thôn Lương Nông để chấn chỉnh lại tỉnh uỷ lâm thời (1). Lúc này cơ sở Đảng đã phát triển khá, riêng huyện Mộ Đức đã có 32 đảng viên trong 10 chi bộ (2).

Cũng trong năm 1940, trong khi tránh địch khủng bố, đồng chí Đỗ Xán (người làng An Kim, Sơn Tịnh) trên một chuyến xe lửa từ Nha Trang đi Suối Cát, đã gặp được đồng chí Phan Đăng Lưu, uỷ viên Trung ương Đảng vào ngày 18/9/1940. Do sự quen biết nhau lúc cùng ở tù Ban-Mê-Thuột đồng chí Đỗ Xán đã đưa đồng chí Phan Đăng Lưu về nghỉ ở một trại cưa của thợ rừng ở vùng Suối Cát. Đồng chí Đỗ Xán đã được đồng chí Phan Đăng Lưu phổ biến tinh thần cơ bản của các Nghị quyết 6 và Nghị quyết 7 của Trung ương Đảng, trao cho đồng chí Đỗ Xán một quyền sách chữ Hán nhan đề *Du kích đội địch thực tế chức nhiệm vụ cấp kỳ tha* (nghĩa là nhiệm vụ của đội du kích và một số

(1 và 2) Theo báo cáo của Liverset, chánh mật thám tỉnh Quảng Nghĩa đầu 1941. Hiện lưu trữ tại Sở lưu trữ Đà Lạt (1980).

vấn đề khác) và hướng dẫn cho đồng chí Đỗ Xán trở về Quảng Nghĩa hoạt động. Theo chỉ thị của đồng chí Phan Đăng Lưu, đồng chí Đỗ Xán đã trở về xây dựng cơ sở lập đội du kích hàng chục người (1). Song đến ngày 10/01/1941 thì công việc bị bại lộ, hầu hết cơ sở (đều ở Sơn Tịnh) trên 70 người (2); trong đó có Đỗ Xán, Đỗ Hữu và Nguyễn A tức Bé đều bị bắt. Nguyên nhân bại lộ chúng tôi chưa rõ. Và địch đã phá vỡ cả hệ thống cơ sở cách mạng đang hoạt động trong tỉnh Quảng Nghĩa, làm cho việc phổ biến, triển khai thực hiện các Nghị quyết 6 và 7 của Trung ương Đảng ở Quảng Nghĩa bị nghẽn lại.

Đầu 1941, đồng chí Nguyễn Năng Lự (3) trốn về Quảng Nghĩa, móc ráp xây dựng lại cơ sở Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ, Sơn Tịnh... Tháng 02/1941; đồng chí đã triệu tập một cuộc hội nghị ở Làng Vạn Mỹ, Tư Nghĩa để bàn việc xây dựng lại phong trào. Song khi đến cuộc họp, đồng chí Nguyễn Năng Lự thấy có một người mà đồng chí nghi là mật thám (tên T. Nh). Đồng chí lấy có địa điểm bị lộ nên tuyên bố giải tán hội nghị để tìm cách thăm tra chính đốn lại tổ chức, cơ sở trong tỉnh. Sau đó không bao lâu, đồng chí Lự bị địch bắt tại nhà đốc

(1 và 2) Theo báo cáo của Liverset đã dẫn. Về số cơ sở của đồng chí Đỗ Xán theo lịch sử Đảng bộ cộng sản Quảng Nghĩa (1930-1945) do Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Quảng Nghĩa (thuộc hội đồng hương ở Hà Nội) nói có 80 người. Theo báo cáo Liverset thì có 70 người cùng bị bắt với Đỗ Xán.

(3) Nguyễn Năng Lự (Độ) người làng Phú Thọ, Tư Nghĩa. Đảng viên 1930. Trong khi bị địch giam lỏng ở Kom-Tum, đồng chí có ý trốn đi hoạt động cách mạng, song lại sợ lên lỵ đến cha nên xin địch ra tù kín ở Quảng Trị rồi trốn khỏi nhà tù đồng chí về Quảng Nghĩa hoạt động.

công Cốc, người làng Phước Lộc, Sơn Tịnh. Và cơ sở Đảng, cơ sở quần chúng cũng lần lượt bị địch phá vỡ.

Cuối 1941, đồng chí Thùc tức Thù ở Bình Sơn đã bắt liên lạc với đồng chí Đào Thuận Thang ở làng An Hòa, Tam Kỳ về tổ chức được tiểu tổ nông dân cứu quốc ở một số làng ở Bình Sơn. Nhưng rồi, các đồng chí Đào Thuận Thang, đồng chí Thù (1) đều bị bắt; số còn lại ngừng hoạt động vì bị mất liên lạc với Đảng.

Năm 1942, một số đồng chí bị địch an trí ở Ba Tơ, trong đó có đồng chí Nguyễn Khâm (Nguyễn Đôn) đã bí mật lập ra Ủy ban vận động cách mạng và một chi bộ Đảng tại cảng an trí Ba Tơ, rồi từ cảng an trí Ba Tơ bắt liên lạc với các địa phương để gây lại cơ sở, phong trào cách mạng trong tỉnh (2). Đến cuối 1942, Ủy ban vận động cách mạng đã chấp nối được nhiều cốt cán ở châu Ba Tơ, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành. Tuy vậy, lúc này chi bộ Đảng và ủy ban vận động cách mạng ở Ba Tơ còn chưa nắm chắc được đường lối phương hướng cách mạng của Đảng nên hoạt động còn rất lúng túng.

Cuối năm 1942, đồng chí Huỳnh Tấn (3) từ nhà tù Ban-Mê-Thuột trở về, bị Pháp đưa lên an trí ở Ba Tơ. Sau khi đến Ba Tơ, đồng chí liền tham gia vào

(1) Đồng chí Thù người làng Long Giang, Bình Thới, Bình Sơn.

(2) Theo đồng chí Nguyễn Đôn, Ủy ban vận động cách mạng lúc ấy đã có ý thức làm nhiệm vụ xây dựng và lãnh đạo phong trào cả tỉnh.

(3) Huỳnh Tấn người làng Đông Yên, xã Bình Dương, Bình Sơn, đã từng tham gia Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội và tham gia « tái tổ » Đảng trong những năm 1934-1935 ở Quảng Nghĩa.

chi bộ Đảng và Ủy ban vận động cách mạng. Đồng chí Tấu đem sự hiểu biết về đường lối, chủ trương cách mạng của Đảng do các hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6, lần thứ 7 và lần thứ 8 mà đồng chí đã tiếp thu ở nhà tù Ban-Mê-Thuột phổ biến lại trong chi bộ. Sau đó chi bộ đã quyết nghị đổi Ủy ban vận động cách mạng thành Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Nghĩa và cử đồng chí Huỳnh Tấu làm bí thư chi bộ. Từ đó; Chi bộ Đảng và Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Nghĩa ở căn an trí Ba Tơ đã hoạt động theo đường lối phương hướng mà hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8, tháng 5/1941, đã vạch ra.

Đầu 1943, chi bộ ở căn an trí Ba Tơ đã bàn việc chuẩn bị đề cùng trốn khỏi ra ngoài hoạt động. Đồng chí Huỳnh Tấu đề ra là phải gấp rút tổ chức một cuộc treo cờ, rải truyền đơn đề phổ biến tinh thần Nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ 8. Đa số trong chi bộ thấy việc tuyên truyền cương lĩnh Việt Minh và tinh thần nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ 8 là cần. song phải có thời gian để chuẩn bị thêm cơ sở « làm cái ổ » để sau khi rải truyền đơn, treo cờ là trốn ngay khỏi căn an trí, không để địch bắt.

Tháng 6/1943, đồng chí Huỳnh Tấu triệu tập cơ sở các huyện về họp ở Bằng Chay (Ba Tơ) để bàn việc phát động một cuộc treo cờ, rải truyền đơn rộng khắp để phổ biến chương trình mặt trận Việt Minh, kêu gọi quần chúng cách mạng tham gia Mặt trận Việt Minh, đánh Pháp đuổi Nhật, giành lại độc lập cho Tổ quốc, giải phóng cho dân tộc. Sau hội nghị Bằng Chay, đêm 16 rạng 17/7/1943, lần đầu tiên chương trình Việt Minh được in rải ở ba địa điểm: An Tân (giáp Quảng Nam), ở gần núi Bút và ở Vĩnh Hưng (chợ Cung, Đức

Phổ). Ở Cầu Cát làng La Hà (Tư Nghĩa) có rải truyền đơn và băng kêu gọi đồng bào hãy đứng lên đánh đuổi Pháp-Nhật, liên minh với Tàu giành độc lập cho Tổ quốc, truyền đơn và băng ký tên Việt Nam Độc lập Đồng minh và ủy ban vận động Cứu quốc Quảng Nghĩa » (1).

Cuộc treo cờ, băng và rải truyền đơn ấy có tiếng vang rộng và ảnh hưởng rất tốt, làm cho giặc Pháp tức tối bắt bớ lung tung. Sau đó một thời gian, các đồng chí Huỳnh Tấn, Huỳnh Mau (người Ba Tơ) Hiếu (người Suối Bùn, Nghĩa Hành) và một số cơ sở ở Mộ Đức, Nghĩa Hành (có cơ sở in ấn) và Đức Phổ đã bị bắt.

Tuy nhiên, trong đợt khủng bố này, đại bộ phận cơ sở, cốt cán ở Ba Tơ và ở các huyện khỏi bị lộ, nên sau đó hệ thống cách mạng trong tỉnh được chỉnh đốn và hoạt động trở lại.

Như vậy, từ tháng 10/1939 đến tháng 7/1943, hệ thống chỉ đạo của Đảng và cơ sở cách mạng trong tỉnh Quảng Nghĩa đã 5 lần xây dựng lại và đã bị địch phá vỡ 6 lần. Do đó, các Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 6, thứ 7 và thứ 8 tuy Đảng bộ Quảng Nghĩa đều có tiếp thu và triển khai thực hiện, song phong trào cách mạng ở trong tỉnh vẫn chưa nổi lên được.

2—*Khởi nghĩa Ba Tơ mở đầu cao trào vũ trang khởi nghĩa chống Nhật cứu nước ở Quảng Nghĩa*
Đầu 1944, chi bộ Đảng ở cảng an trí Ba Tơ được

(1) Theo báo cáo về an ninh nội địa của Sở mật thám Trung Kỳ ngày 10/8/1943 và báo cáo của Bộ Lại Huế gửi cho Bảo Đại ngày 18/8/1943. (Trong tài liệu lưu trữ tại Bộ Nội vụ Hà Nội).

chính đốn và củng cố. Thời gian này có 2 đảng viên trong chi bộ cũ chưa được trở lại sinh hoạt chi bộ, song có thêm đồng chí Trương Quang Giao và Phạm Kiệt tham gia, và đồng chí Trương Quang Giao được cử làm bí thư chi bộ.

Nhờ đồng chí Giao và đồng chí Kiệt đã bí mật mang từ Ban-Mê-Thuột về một số văn kiện như Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 8 tóm tắt, chương trình Việt Minh và lời kêu gọi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc (chữ Hán) nên chi bộ đã có tài liệu để tuyên truyền huấn luyện đúng theo đường lối của Đảng. Tháng 9/1944, địch lại đưa các đồng chí Trần Lương và Trần Quý Hai từ nhà tù Ban-Mê-Thuột về đến an trí ở Ba Tơ, hai đồng chí tham gia chi bộ. Từ đó chi bộ Đảng ở căn an trí Ba Tơ, với danh nghĩa là Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Nghĩa đã tiếp tục gánh lấy trách nhiệm lo xây dựng và chỉ đạo phong trào cách mạng trong toàn tỉnh theo đường lối, chủ trương của hội nghị Trung ương lần thứ 8.

Cuối 1944, cơ sở cách mạng đã có ở nhiều vùng trong các huyện đồng bằng và ở Ba Tơ có một số người trong dân tộc ít người, và hàng chục cốt cán ở khắp các vùng trong tỉnh đã được huấn luyện kỹ đường lối, chủ trương và 5 bước công tác cách mạng của Đảng (theo đồng chí Trần Quý Hai thì chỉ riêng hai lớp do đồng chí Trần Lương và đồng chí chịu trách nhiệm huấn luyện tại Ba Tơ đã được 30 người).

Chi bộ lại chủ trương gấp rút chuẩn bị điều kiện sớm thoát khỏi căn an trí Ba Tơ để hoạt động[^] đầy phong trào lên và sớm xây cho được các căn cứ cách mạng ở miền núi để kịp ứng phó với mọi tình huống.

Đầu tháng 3/1945, chi bộ đã họp để kiểm điểm lại công tác chuẩn bị. Sau khi soát xét lại, chi bộ thấy mọi việc chuẩn bị đều khá tốt, nhất là việc chuẩn bị tài liệu để phát động phong trào, xây dựng, đào tạo cán bộ (truyền đơn, băng cờ, sách bỏ túi) và các lõm cơ sở bảo vệ làm chỗ đứng chân cho cán bộ khi thoát ra có chỗ dựa để từ đó xây dựng căn cứ du kích. Và chi bộ đã quyết định khoảng từ 15 đến 17/3/1945 thì cả chi bộ sẽ thoát ra khỏi cạm an trí Ba Tơ, chia nhau một bộ phận ở vùng miền núi lo xây dựng căn cứ du kích, xây dựng lực lượng vũ trang, và một bộ phận về đồng bằng để phát động tuyên truyền rộng rãi trong tỉnh và các địa phương lân cận để phổ biến các chủ trương đường lối của Mặt trận Việt Minh, kêu gọi nhân dân vùng lên đánh Pháp, đuổi Nhật, giành lại độc lập tự do cho Tổ quốc. Trong hội nghị này, khi bàn đến danh nghĩa hoạt động, đã có ý kiến lập Tỉnh ủy lâm thời; song sau khi bàn bạc, thấy số đảng viên trong tỉnh còn ít, các huyện chưa có chi bộ, nên hội nghị chủ trương lấy danh nghĩa Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi để hiệu triệu; việc lập Tỉnh ủy lâm thời đợi một thời gian sẽ tính. Hội nghị đã phân công:

— Đồng chí Phạm Kiệt, đồng chí Nguyễn Đôn phụ trách Ba Tơ, lo vận động đồng bào các dân tộc ít người miền Tây tỉnh, xây dựng cơ sở, lập căn cứ để làm chỗ dựa cho việc xây dựng lực lượng vũ trang, móc nối một trục giao thông xuyên miền Tây để bảo đảm cho yêu cầu chỉ đạo toàn tỉnh và liên hệ với miền núi các tỉnh bạn.

— Đồng chí Trần Lương phụ trách phía nam tỉnh gồm các huyện Mộ Đức, Đức Phổ và Nghĩa Hành và lo xây dựng mối liên hệ với các tỉnh phía Nam.

— Đồng chí Trương Quang Giao, đồng chí Trần Quốc Hai phụ trách phía Bắc tỉnh gồm Tư Nghĩa, Sơn Tịnh, Bình Sơn, lo xây dựng mối liên hệ với các tỉnh phía bắc và đặc biệt là phải lo tìm liên lạc với xứ ủy và Trung ương. Đồng chí Trương Quang Giao phụ trách chung.

Công việc chuẩn bị đề thoát khỏi cặng an trí Ba Tơ đang tiến hành thì chiều 10-03-1945, chi bộ nhận được tin Nhật - Pháp bắn nhau và Nhật đã chiếm xong thị xã Quảng Nghĩa. Suốt đêm 10-3-1945, chi bộ đã họp nhiều vấn đề bàn cách thức đối phó :

— Một là : trước tình hình mới, nên lập tức bung ra phát động quần chúng, xây dựng cơ sở, xây dựng căn cứ như chủ trương cũ, hay là phải chớp lấy thời cơ nổi dậy khởi nghĩa từng phần như Nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ 8 đã đề ra ? Sau khi thảo luận kỹ, hội nghị thấy : 1 là *Pháp đang tan rã, Nhật chưa đứng vững chân*, là một thời cơ vô cùng thuận lợi, mà *thời cơ thuận lợi cũng là một lực lượng, một sức mạnh* để làm một cuộc khởi nghĩa thắng lợi ; 2 là, tuy cơ sở cách mạng mà chi bộ nắm được phần lớn ở đồng bằng, song ở các vùng xung quanh Ba Tơ có khá nhiều anh em bị an trí, đa số là những Đảng viên, cán bộ trung thành, có kinh nghiệm cách mạng, chi bộ có khả năng động viên đại bộ phận anh em tham gia khởi nghĩa ; 3 là, cơ sở cách mạng đã có trong đồng bào Kinh Thượng ở châu Ba Tơ, tuy chưa nhiều, song quần chúng ở đây đã từng tham gia và được thử thách trong những phong trào trước, ta có khả năng phát động được họ nổi dậy khởi nghĩa. Đó là chưa tính đến một số cơ sở cảm tình cách mạng nằm trong binh lính địch, với lực lượng ấy, nếu ta khéo động viên tổ chức,

chỉ đạo thì với thời cơ này nhất định ta có thể làm một cuộc khởi nghĩa từng phần hoàn toàn thắng lợi.

Chi bộ đã nhất trí quyết nghị : phải vùng lên khởi nghĩa vũ trang ở Ba Tơ và đồng thời phát động một phong trào cách mạng thật rộng khắp trong toàn tỉnh và các địa phương xung quanh Quảng Nghĩa : Phải tích cực cướp vũ khí địch, xây dựng cho được lực lượng vũ trang chuẩn bị cho cao trào khởi nghĩa vũ trang chống Nhật giành chính quyền về tay nhân dân trong toàn tỉnh.

— Hai là, kẻ thù chính của cách mạng, tức mục tiêu của cách mạng phải nhằm vào đó để tiến công. Trước đây, các nghị quyết của Đảng đều kết luận phát xít Pháp là kẻ thù chính trước mắt, rồi mới đến phát xít Nhật. Nay Pháp đã bại trận, đang tan rã, và Nhật đã là kẻ trực tiếp thống trị Đông Dương. Nếu ta cứ đề khẩu hiệu đánh Pháp đuổi Nhật như cũ thì không ổn. Song do Đảng bộ Quảng Nghĩa vẫn chưa có liên hệ chỉ đạo trực tiếp với xứ ủy, với Trung ương Đảng, nên không còn cách gì để xin chỉ thị về việc thay đổi khẩu hiệu chiến lược này được. Cuối cùng hội nghị đã kết luận là « *chỉ bộ chúng ta phải dám chịu trách nhiệm trước Đảng mà giải quyết vấn đề cho phù hợp với tình hình thực tế* » Và hội nghị đã ra khẩu hiệu đánh đuổi phát xít Nhật, tẩy sạch phát xít Pháp ở Đông Dương ; trừng trị bọn Việt gian thân Nhật, bắt tay với Pháp dân chủ, liên minh với Tàu (1) Việt Nam hoàn toàn độc lập làm khẩu

(1) Lời tuyên cáo của Ủy Ban nhân dân cách mạng Ba Tơ trong Văn kiện Đảng (1939—1945) đã dẫn, trang 568 viết là « bắt tay Anh Mỹ ». Theo các đồng chí Trần Quý Hai, Nguyễn Đôn thì vấn đề lúc đó bàn nhiều là thái độ với Pháp chống Nhật, nên đề ra khẩu hiệu « bắt tay Pháp dân chủ », ngoài ra trong vấn đề bắt tay « Đồng Minh » thì nhấn mạnh khẩu hiệu « Liên Hoa » hơn.



Đội du kích Ba Tơ đang họp bàn kế hoạch chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa.

hiệu chỉ đạo cho cuộc vận động cách mạng trong tỉnh sắp tới.

— Bà là, phạm vi khởi nghĩa và cách tiến hành khởi nghĩa. Hội nghị đã nhất trí mục tiêu chính của cuộc khởi nghĩa là Ba Tơ (đồn Ba Tơ), song đồng thời phải cố gắng động viên lực lượng cách mạng các vùng trong tỉnh cùng nổi dậy khởi nghĩa để cho cuộc khởi nghĩa Ba Tơ khởi có lập.

Vấn đề cách tiến hành khởi nghĩa hội nghị đã nhất trí làm một cuộc khởi nghĩa để đánh quân thù nhất thiết phải dùng bạo lực cách mạng của quần chúng thì mới thành công được. Tuy nhiên trong tình hình địch ở Ba Tơ chưa có phòng bị, lực lượng vũ trang địch không nhiều (1), ta có thể dùng mưu để kỳ tập để giành thắng lợi song nhất thiết phải chuẩn bị lực lượng cho một cuộc khởi nghĩa bằng bạo lực.

— Bốn là, cung cách hoạt động cách mạng trong quần chúng từ ngày nổi dậy khởi nghĩa về sau, mọi công tác tuyên truyền, cổ động cách mạng có thể làm nửa công khai và công khai, song tổ chức cách mạng vẫn còn phải bí mật, và trong điều kiện cụ thể có thể sử dụng hình thức nửa công khai để tập hợp đoàn kết quần chúng.

— Năm là, phải gấp rút xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng và căn cứ du kích ở miền núi để làm lực lượng nòng cốt xung kích cho phong trào và chỗ dựa cho cách mạng trong mọi tình huống.

(1) Ngày 10-3-1945, ở thị trấn Ba Tơ địch có 1 trung đội lính khố xanh, có trang bị súng anh-đô-si-noa và súng mut-co-tông, do một thiếu-úy (quan một) người Pháp chỉ huy, đóng ở đồn Ba Tơ. Ngoài ra ở Nha kiềm lý, châu Ba Tơ còn có 1 tiểu đội lính lệ độ 6, 7 tên, trang bị súng anh-đô-si-noa và súng nạp hậu, do 1 tên đội chỉ huy đóng ở 1 trại trong khu vực Nha kiềm lý.

— Sáu là thời gian khởi nghĩa. Hội nghị đã quyết định phải dùng mưu (1) đánh úp bất ngờ trong sáng sớm ngày 27 tháng giêng ta (11-3-1945) để giành lấy bất ngờ trong khi địch ở Ba Tơ chưa kịp phòng bị. Chậm nhất là ngày 28, 29 tháng giêng phải khởi sự ; để lâu sẽ mất thời cơ.

— Bảy là, lập ban lãnh đạo cuộc khởi nghĩa (không phải ban chỉ huy) gồm các đồng chí Trương Quang Giao, Trần Quý Hai, Trần Lương, Phạm Kiệt và Nguyễn Đôn.

.

Họp xong, chi bộ chia nhau đi vận động anh em cán bộ, đảng viên bị an trí ở Ba Tơ tham gia khởi nghĩa và phân công đồng chí Nguyễn Đôn xuống Trường An để huy động cơ sở cách mạng phát động quần chúng cùng vùng lên khởi nghĩa.

Chi bộ đã vận động được 21 đồng chí trong tổng số 36 người bị an trí đồng ý tham gia khởi nghĩa. Anh em lập tức theo sự chỉ đạo của chi bộ định kéo lên đồn để kỳ tập. Song trong đêm 10 rạng 11/3/1945 bọn chỉ huy đồn khố xanh và nha kiểm lý đã nhận được tin Nhật đánh Pháp nên chúng đã đề phòng, ra lệnh cấm trại và dàn quân canh gác bốn phía đồn nghiêm ngặt. Mưu kỳ tập bất thành. Kế đó ban lãnh đạo cuộc khởi nghĩa lại được tin bọn Pháp ở thị xã Quảng Nghĩa dương theo đường Quảng Nghĩa – Nghĩa Hành kéo lên Ba Tơ, trong đó có tên giám binh chỉ huy lính khố xanh Quảng Nghĩa. Ban lãnh đạo chủ trương phải đón bắt tại Pháp, nhất là tên giám binh để vận động nó cùng phối hợp.

(1) Anh em định mượn cơ tù an trí mỗi buổi sáng phải đến đồn trình diện với Pháp để nhân đó bất ngờ mà nổi dậy cướp đồn khố xanh rồi tiến sang cướp Nha kiểm lý.

đánh Nhật, nếu được thì ép nó phải ra lệnh cho đồn Ba Tư phải giao súng cho quân khởi nghĩa. Để thực hiện chủ trương đó, Ban lãnh đạo cuộc khởi nghĩa đã một mặt cho rải truyền đơn, dán biểu ngữ, phát động quần chúng vùng Hoàng Đồn, Ba Tư vùng lên tham gia cách mạng; một mặt tổ chức lực lượng an trí thành hàng ngũ, có vũ trang dao rựa, gươm giáo... từ Ba Tư kéo xuống đón đường bắt tên giám binh Pháp. Khi đoàn « quân an trí » kéo đến Suối Loa (đông Ba Tư) vừa gặp đồng chí Nguyễn Đôn cùng số quần chúng cách mạng được phát động từ Trường An kéo lên tham gia khởi nghĩa, vừa lúc bọn giặc Pháp thất trận lần lượt chạy lên. Ta đón chúng lại. Và ta gặp được tên giám binh chạy theo toán thứ hai. Sau khi nghe ta nói rõ chủ trương ta bắt tay với Pháp, dân chủ cùng nhau chống Nhật, nó đồng ý cả, song nó mời ta cùng lên đồn Ba Tư bàn bạc kỹ việc hợp tác đánh Nhật, rồi nó sẽ trang bị cho ta. Đồng chí Phạm Sanh, biết tiếng Pháp, được cử giao thiệp với tên giám binh song đồng chí không có chân trong Ban lãnh đạo, nắm chưa vững ý đồ khởi nghĩa, nên đã đồng ý cho tên giám binh Pháp lên đồn Ba Tư.

Ngay khi đồng chí Phạm Sanh đã đề sây tên giám binh, Ban lãnh đạo cuộc khởi nghĩa (đủ 5 đồng chí) đã họp tại chòi canh xóm Suối Loa để kiểm điểm sự chỉ đạo khởi nghĩa. Hội nghị đã thấy rõ từ sáng đến trưa ta chưa thực hiện được chủ trương khởi nghĩa, đã bỏ mất một phần thời cơ thuận lợi. Nguyên nhân là trong lãnh đạo, ta chưa nhận thức đầy đủ, đã khởi nghĩa là phải dùng bạo lực, phải táo bạo, phải dũng cảm, kiên quyết, dám hy sinh, dám đổ máu để giành cho được thắng lợi. Không nắm vững quan điểm bạo lực, chỉ loay hoay với mưu kế thôi thì quả là còn đùa rờn với

khởi nghĩa. Hội nghị nhận thấy ta đã có tổ chức lẫn đạo' chung mà chưa có tổ chức chỉ huy cụ thể," nên thiếu quyết đoán kịp thời, như việc không kịp thời bắt tên giám binh Pháp. Từ nhận thức đó, hội nghị kết luận: *Dù phải tổn xương máu cũng phải kiên quyết chấp hành thực hiện cho kỳ được nghị quyết khởi nghĩa giành chính quyền ở Ba Tơ của Đảng.* Hội nghị nhận định yếu tố bất ngờ không còn nữa, địch lại có thêm số Pháp vừa từ Quảng Nghĩa chạy lên, có thể gây thêm một phần khó khăn cho cuộc khởi nghĩa. Tuy vậy, bọn Pháp từ thị xã Quảng Nghĩa hoảng hốt chạy lên đã gieo thêm vào binh lính Ba Tơ tinh thần hoang mang dao động: sức chiến đấu của địch ở Ba Tơ không tăng lên mà còn giảm sút. Và về phía quần chúng cách mạng ở Ba Tơ và Trường An sẵn có truyền thống và kinh nghiệm, đã được động viên, nếu được tiếp tục động viên và tổ chức tốt thì họ sẽ theo Đảng nổi dậy khởi nghĩa cướp chính quyền. Từ nhận định đó, hội nghị chủ trương:

1) Tung toàn bộ lực lượng anh em bị an trí đang tham gia khởi nghĩa cùng với cốt cán ở địa phương đi vào quần chúng, tiếp tục phát động đông đảo quần chúng trong đồng bào Kinh ở các thôn Trường An, Suối Loa, Hoàng Đồn, Mang Dốc... và đồng bào các dân tộc ít người ở gần thị trấn Ba Tơ và ở dọc trục lộ giao thông xung quanh Ba Tơ vùng lên tự vũ trang bằng giáo, mác, gươm, súng săn... cùng tham gia khởi nghĩa cướp chính quyền, song song với công tác phát động quần chúng phải một số đồng chí trở lên Ba Tơ làm công tác binh địch vận, tìm cách móc nối với các cơ sở cách mạng trong binh lính địch, nhất là cơ sở lính còn ở lại trong đồn Ba Tơ, đem chủ trương

khởi nghĩa của Đảng tuyên truyền động viên họ làm nội ứng khi ta tiến công, và lấy súng địch đưa ra trước ngoài đồn để trang bị cho ta.

2) Gấp rút tung người về đồng bằng cùng với cốt cán sẵn có phát động quần chúng nông thôn nổi dậy khởi nghĩa hỗ trợ cho cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Ba Tơ như Nghị quyết đêm 10/3/1945 đã quyết định.

3) Để giành những khả năng tranh thủ bộ phận Pháp chống Nhật còn lại, hội nghị chủ trương cử đại biểu vào đồn Ba Tơ tiếp tục thuyết phục tên giám binh vũ trang cho ta, hoặc ra lệnh cho lính khố xanh giao đồn và vũ khí cho ta.

Hội nghị phân công đồng chí Phạm Kiệt chỉ huy quân sự, đồng chí Nguyễn Đôn chính trị viên, thành Ban chỉ huy cuộc khởi nghĩa ở Ba Tơ. Về mặt Đảng, các đồng chí Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn, Nguyễn Khoách tức Thanh tổ chức thành một chi bộ ba Đảng viên chịu trách nhiệm lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ở Ba Tơ. Hội nghị đã rút hơn 10 đồng chí trong số 21 đồng chí bị An trí (1) sung vào lực lượng khởi nghĩa để trực tiếp tiến hành cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và lo xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng và căn cứ du kích ở miền núi.

Số còn lại, đã chia thành 2 bộ phận:

+ Bộ phận phía nam tỉnh do đồng chí Trần Lương phụ trách;

+ Bộ phận phía bắc tỉnh do đồng chí Trương Quang Giao và Trần Quý Hai phụ trách. Đồng chí Trương Quang Giao phụ trách chung. (Vẫn như quyết nghị đêm

(1) Chúng tôi chưa thống kê được danh sách 10 đồng chí ở lại Ba Tơ, mới biết các đồng chí Lê Lạo, Phan Phong, Phạm Xuân.

10-3-1945, chỉ thêm một số đồng chí cán bộ, đảng viên bị an trí vừa tham gia khởi nghĩa song các đồng chí ấy chưa ai được mời tham gia vào Ban lãnh đạo). Cả hai bộ phận phía bắc và phía nam đều có nhiệm vụ phát động quần chúng nông thôn vùng lên khởi nghĩa, đề phân tán lực lượng địch, bảo vệ cuộc khởi nghĩa ở Ba Tơ. Đồng chí Phạm Sanh được cử đi tiếp tục cuộc thuyết dụ tên giám binh.

Trước khi chia tay lên đường, đồng chí Trương Quang Giao đã nắm tay đồng chí chỉ huy khởi nghĩa Ba Tơ, tuyên bố: « Bất kỳ phải hy sinh giá nào, chúng ta cũng phải khởi nghĩa giành cho được chính quyền ở Ba Tơ, chúng tôi cũng sẽ nỗ lực phát động quần chúng đồng bằng vùng lên khởi nghĩa đề hưởng ứng các đồng chí ».



Sau khi phổ biến nghị quyết ngày 11-3-1945 của Ban lãnh đạo cuộc khởi nghĩa, tất cả anh em lập tức chia nhau đi làm nhiệm vụ.

Chiều ngày 11-3-1945, đồng chí Phạm Sanh và đồng chí Võ Thứ (vừa ở quê nhà lên thăm anh trai là Võ Nghị) vào đồn Ba Tơ gặp tên giám binh. Tên giám binh đề nghị anh em cách mạng đi theo nó lên Kom-pơ-lông đề nó huấn luyện quân sự cho rồi sẽ trang bị đầy đủ cho ta cùng nó đánh Nhật. Thế là chủ trương liên minh với bọn Pháp đề đánh Nhật không thành.

Đến tối 11-3-1945, lực lượng khởi nghĩa ở Ba Tơ đã có:

+ Ngoài số ở căng an trí ra, ta đã động viên được trên 400 đồng bào ở các làng xung quanh Ba Tơ tham gia khởi nghĩa;

+ Các cơ sở trong binh lính địch ở đồn Ba Tơ cũng móc nối lại được. Sau khi nghe ta phổ biến chủ trương khởi nghĩa của Đảng, anh em đã gửi ra cho lực lượng khởi nghĩa bên ngoài 4 khẩu súng và đạn. Và trên đường từ Suối Loa lên Ba Tơ, anh em ta cũng đã cướp được vài khẩu súng của binh lính bỏ ngũ.

+ Về phía địch, từ khi tên giám binh đến Ba Tơ, phổ biến chủ trương rút lực lượng lên Kom-pô-lông chống Nhật, thì binh sĩ trong đồn và gia đình họ trở nên rối loạn, bàn tán, kêu khóc, nhiều người đã lo trốn chạy về quê, tâm lý sợ Nhật, chán Pháp công khai bộc lộ và khá phổ biến.

Trước tình hình đó, chi bộ và Ban chỉ huy khởi nghĩa nhận định đã có đủ điều kiện đề nổ ra cuộc khởi nghĩa tức vũ khí địch giành chính quyền. Ban chỉ huy cử thêm đồng chí Nguyễn Khoách vào Ban chỉ huy khởi nghĩa, làm phó chỉ huy quân sự, và tổ chức lực lượng có trong tay lại như sau:

+ Lực lượng xung kích do anh em cán bộ đảng viên nguyên là tù an trí đảm nhiệm, được trang bị 7 khẩu súng, 4 khẩu do cơ sở trong đồn chuyển ra, 1 khẩu tước của tàn quân Pháp, 1 khẩu tước của lính đồn bỏ chạy về nhà, và 1 khẩu súng săn);

+ Lực lượng quân chúng vũ trang khởi nghĩa được tổ chức thành đội ngũ làm nhiệm vụ phụ trợ, thanh niên được bổ sung cho lực lượng xung kích.

Trong khi quân khởi nghĩa đang sắp xếp lực lượng

thị tại nha kiểm lý (1) Ba Tư, bọn nguy quyền (trong đó có bọn lính lệ thuộc nha kiểm lý) đang bàn kế hoạch đối phó với lực lượng cách mạng, và anh em cách mạng bị an trí khác ở Ba Tư cũng bàn cách đầu hàng Nhật, khi Nhật kéo đến (2). Trước tình hình đó Ban chỉ huy khởi nghĩa quyết định tranh thủ lúc địch chưa kịp phòng bị, đánh úp ngay nha kiểm lý, cướp thêm vũ khí rồi sẽ tập hợp lực lượng cướp đồn khố xanh Ba Tư. Lực lượng khởi nghĩa đã bố trí một bộ phận chặn viện giữa đoạn đường từ đồn khố xanh đến nha kiểm lý, một bộ phận hợp với quân chúng có vũ trang bao vây chặt nha kiểm lý và sẵn sàng chi viện cho bộ phận trực tiếp xông vào nha kiểm lý, bắt địch đầu hàng.

Khi lực lượng xung kích ta xông vào thì bọn nguy quyền còn đang họp. Tên kiểm lý Bùi danh Ngũ đã ngạo mạn hỏi: « Anh em an trí vào đây làm gì? ».

Trước thái độ lập lòe của địch, bộ phận có vũ trang của quân khởi nghĩa lập tức ập vào chĩa súng bắt bọn chúng ngồi im, và tuyên bố: « Nhật đã truất quyền Pháp. Chúng tôi không còn là những người tù bị an trí nữa. Chúng tôi là những người cách mạng vùng lên khởi nghĩa cướp chính quyền về cho nhân dân. Chúng tôi quyết hy sinh tất cả để giành lại độc lập tự do cho Tổ quốc, cho dân tộc, các ông phải nộp vũ khí đầu hàng, không nói lời thôi ».

(1) Nha kiểm lý là một cấp trực thuộc cấp tỉnh về danh nghĩa, được nguy quyền tổ chức ở các vùng miền núi, hải đảo.

(2) *Du kích Ba Tư của Bình Hải*, Nhà xuất bản quân đội nhân dân, 1958.

Trước cái thế không cự được, tên kiếm lý Bùi Danh Ngũ đã phải tuyên bố nộp vũ khí đầu hàng. Quân khởi nghĩa tịch thu được 7 súng, có đạn (vừa súng mứt-cờ-tông, vừa súng nạp hậu) và một số quân dụng. Quân khởi nghĩa bắt bọn ngục tuyền giao cho đồng bào có vũ trang giải đi tạm giữ, và lập tức tập trung toàn bộ lực lượng xông thẳng đến bao vây đồn khố xanh Ba Tư. Bố trí xong, quân khởi nghĩa vừa nổ súng vào đồn vừa gọi hàng.

Trong khi quân khởi nghĩa nổ súng, quân chúng khởi nghĩa từ nhiều hướng quanh Ba Tư cùng nổi trống mõ, thanh la, tù và hô khẩu hiệu vang dội. Cuộc tấn công từ bên ngoài của quân khởi nghĩa đã làm cho binh lính trong đồn hoang mang, dao động. Những cơ sở cách mạng trong đồn nhân đó rỉ tai bàn với binh sĩ địch nên sớm đầu hàng cho khởi chết. Trước sức tấn công uy hiếp của các lực lượng khởi nghĩa, bọn Pháp trong đồn Ba Tư do tên giám binh cầm đầu, đã vội lườn theo đường hào bí mật phía sau đồn thoát ra, chạy thẳng về hướng Kom-pờ-lông (Kom Tum). Toàn bộ binh sĩ trong đồn khố xanh Ba Tư đã mở cửa đồn đầu hàng. Quân khởi nghĩa chiếm đồn, lập tức hạ cờ tam tài của Pháp xuống, kéo cờ đỏ sao vàng lên trên cột cờ giữa đồn Ba Tư vào lúc nửa đêm tối 11/3/1745 (27 tháng giêng âm lịch), đồng thời thời chiếm giữ các trại lính, kho vũ khí, quân trang quân dụng và mọi tài sản khác của địch. (tài sản riêng của lính địch và gia đình của họ thì để cho phần ai nấy giữ). Sau đó quân khởi nghĩa tập hợp tất cả binh sĩ địch lại và tuyên bố : « làm cách mạng sẽ còn gặp nhiều gian khổ và hy sinh, anh em binh sĩ ai muốn tự nguyện tham gia cách mạng thì cách mạng sẽ xét từng người ; ai muốn về quê nhà làm ăn thì tùy ý.

Song tất cả đều không được trở lại làm việc cho giặc; nếu ai đã được cách mạng khuyến nhủ mà còn trở lại theo giặc chống cách mạng thì nhất định sẽ bị trừng trị».

Giai quyết xong công việc trong đồn, ngay đêm đó, quân khởi nghĩa chỉ để lại cho lực lượng vũ trang cách mạng 24 khẩu súng và đạn, còn tất cả vũ khí, đạn được quân dụng đều đã được đưa xuống thuyền chèo gấp về hướng căn cứ cất giấu.

Khi chiếm xong đồn khố xanh Ba Tư, quân khởi nghĩa đã phái cán bộ cùng thanh niên biết tiếng dân tộc đối được phi ngựa chạy về các hướng loan báo tin khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi và kêu gọi đồng bào các dân tộc ủng hộ quân khởi nghĩa đánh Nhật, đuổi Pháp.

Được tin cuộc khởi nghĩa thắng lợi hoàn toàn, đồng bào các dân tộc ở các cơ Nhứt, cơ Nhi, cơ Ba... xung quanh Ba Tư vô cùng phấn khởi, từ nửa đêm đến sáng ngày 12/3/45, đã nổi chiêng, trống liên hồi, hò reo, mang theo các loại vũ khí, đèn đuốc sáng bùng trên khắp các ngã đường từ trong rừng núi đổ về trung tâm thị trấn Ba Tư. Khi trời đã sáng, các lực lượng vũ trang và đồng bào các dân tộc Kinh Thượng có vũ trang đã tập trung thành hàng ngũ theo từng cơ, từng tổng, trước đồn khố xanh làm cuộc mít tinh lớn chưa từng có ở Ba Tư. Trước khí thế chiến thắng hào hùng của cuộc mít tinh, đội quân những người bị tù an trí và đồng bào vừa tham gia khởi nghĩa, với súng cầm lưỡi lê và các loại vũ khí cầm tay, nghiêm trang đứng trước lá cờ đỏ sao vàng năm cánh vừa được long trọng kéo lên. Anh em an trí bỗng súng chào cờ và bài hát *Muôn năm ta tung hô bóng cờ*. Tiếng hát vang lên như quyện

ôm lấy lá cờ cách mạng đương tung bay trước gió. Sau lễ chào cờ, Ban chỉ huy khởi nghĩa tuyên bố xóa bỏ chính quyền thực dân của Pháp, của Nhật, lập Ủy ban nhân dân cách mạng Ba Tư (1). Tuyên cáo có đoạn viết : « ... Ủy ban nhân dân cách mạng Ba Tư theo tiếng gọi của giang sơn, nhận thấy nhiệm vụ nặng nề lịch sử phó thác, đã mạnh mẽ tiên phong phát cờ khởi nghĩa, tiếp tục hưởng ứng đồng bào Nam kỳ và đội du kích cứu quốc Bắc Sơn, dựng lên chính quyền cách mạng Ba Tư. Chính quyền cách mạng Ba Tư là một bộ phận khăng khít của chính quyền cách mạng toàn quốc, vừa là phần tử chống phát xít của Mặt trận dân chủ toàn thế giới. Chính quyền cách mạng Ba Tư thì hành những nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân tộc giải phóng, đánh đuổi phát xít Nhật, tẩy sạch phát xít Pháp ở Đông Dương làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập, dựng lên chính thể Dân chủ cộng hòa theo tinh thần dân chủ do toàn dân đưa ra đề ban bỏ các quyền lực do dân chủ cho tất cả các tầng lớp nhân dân... ». Tuyên cáo kêu gọi toàn dân tham gia công cuộc chống Nhật cứu nước, tham gia các đoàn thể cứu quốc, hưởng ứng xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng.

Sau khi đọc tuyên cáo, người đại diện của Ủy ban nhân dân cách mạng Ba Tư đã nhân danh chính quyền cách mạng tuyên bố ban hành các quyền tự do dân chủ, xóa bỏ các khoản nợ do tề cho vay nặng lãi trong thời kỳ đế quốc phong kiến còn lại và đem tất cả tài sản (chiêng ché, nồi đồng, quần áo, vải, ngựa, dê, thóc gạo... do Pháp, đã phạt, cướp của nhân dân) mà quân khởi nghĩa vừa tịch thu được của địch chia cho đồng bào nghèo các

(1) Xem Văn kiện Đảng (1939 - 1945) đã dẫn trang 568.

đân tộc Kinh Thượng. cuối cùng cuộc mít tinh đã cử hành lễ « ăn thề » giữa đồng bào Kinh với Thượng, giữa quân khởi nghĩa với đồng bào, thề cùng đoàn kết đấu tranh đánh đổ phát xít Nhật, tẩy sạch phát xít Pháp và bẻ lũ tay sai của chúng là bọn Việt gian theo Nhật, theo Pháp.

➤ Sau cuộc mít tinh. Từ trung tâm thị trấn Ba Tơ, các lực lượng khởi nghĩa cùng toàn thể đồng bào Kinh Thượng đã cùng kéo đi tuần hành với lực lượng vũ trang của mình. tĩa về các làng chưa khởi nghĩa, kêu gọi đồng bào cùng nổi dậy, xóa bỏ ngụy quyền, dựng lên chính quyền cách mạng (1).

Được tin quân cách mạng khởi nghĩa Ba Tơ, quân Nhật và bọn bù nhìn thân nhật đã khẩn trương điều động lực lượng chia làm ba cánh kéo lên phản kích.

Cánh thứ nhất tiến theo đường Nghĩa Hành – Ba Tơ; cánh thứ hai tiến theo đường Mộ Đức – Ba Tơ; cánh thứ ba từ thị xã Quảng Nghĩa vòng lên phía Sơn Hà – Di Lăng qua Giá Vụt để bao vây phía sau Ba Tơ. Ý đồ của

(1) Theo các đồng chí Nguyễn Đôn và Trần Quý Hai thì sau khi khởi nghĩa thắng lợi ở Ba Tơ, ta đã phát triển cuộc khởi nghĩa ra ở 8 làng phía Trường An, Suối Loa, Hoàng Đôn... Chủ trương khởi nghĩa ở đồng bằng, do chuẩn bị không kỹ, nên không nổi dậy được, mà chỉ tổ chức được những cuộc mít tinh nửa công khai, mỗi cuộc có trên dưới 100 người dự để phổ biến chương trình điều lệ Việt Minh, cử ra Ủy ban vận động cứu quốc ở vùng Vĩnh Lộc, Trà Bình Trại, An Kỳ, An Vĩnh, Châu Sa, Phú Thành... Ở Sơn Tịnh cũng tổ chức được 8 cuộc mít tinh như thế trong đó có ở Minh Tân, Bồ Đề, Gò Huyện. Thị Phổ, Văn Trường... ở Mộ Đức. Các huyện khác chúng tôi chưa biết.

bọn Nhật là tập trung sức bao vây tiêu diệt lực lượng cách mạng của ta ngay từ lúc đội quân ấy vừa ra đời.

Trước tình thế đó, Ban lãnh đạo cuộc khởi nghĩa đã quyết định : « chuyển chính quyền cách mạng vào hoạt động nửa công khai (công khai với quần chúng, bí mật với địch) ; chuyển lực lượng vũ trang cách mạng vào căn cứ (phía chân núi Cao Muôn) để tự xây dựng và vận động đồng bào các dân tộc xây dựng chiến khu ». Nhận được chủ trương này, Ban chỉ huy cuộc khởi nghĩa ở Ba Tơ đã triển khai một cuộc tuyên truyền giải thích chủ trương của Đảng cho đồng bào các bản làng Kinh Thượng xung quanh thị trấn, cùng nhau tuyên thệ giao ước sẽ đoàn kết giúp đỡ nhau, giữ gìn bí mật và ủng hộ cách mạng, không để lộ cho Nhật biết tung tích quân cách mạng. Sau đó, lực lượng vũ trang cách mạng triển khai cuộc tuần hành kéo về phía nam và phía tây thị trấn để đánh lạc hướng địch. Đến 22 giờ ngày 14/3/1945 thì toàn bộ lực lượng vũ trang gồm 28 đồng chí có 24 khẩu súng, rời thị trấn Ba Tơ, đi vào căn cứ. Khi hành quân đến hang Én thì đoàn quân dừng lại để cử hành lễ tuyên thệ của đội *du kích cứu quốc* sau này thường gọi là đội du kích Ba Tơ. Dưới lá cờ đỏ sao vàng năm cánh phát phới, toàn đội du kích cứu quốc Ba Tơ đã long trọng giao cao nắm tay tay trái lên ngang tai tuyên thệ : *Thề hy sinh vì Tổ quốc, làm tròn ba nhiệm vụ : Ra sức vận động nhân dân tham gia cách mạng, xây dựng chiến khu cách mạng. Không ngừng củng cố và phát triển lực lượng vũ trang cách mạng, Sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ chiến đấu khi có lệnh.* Sau khi làm lễ tuyên thệ, đội du kích cứu quốc Ba Tơ lại tiếp tục

cuộc di chuyển đến vùng đã định, và bắt đầu một giai đoạn hoạt động và phát triển mới.



Cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Ba Tơ đêm 11-3-1945 đã thắng lợi rực rỡ.

Ngọn cờ khởi nghĩa vũ trang chống Nhật ở Ba Tơ đã trở thành ngọn cờ vẫy gọi, thức tỉnh đồng viên và đoàn kết nhân nhân Quảng Nghĩa, và trong chừng mực nào đó, cả nhân dân miền Nam Trung Bộ, vùng lên đánh đuổi phát xít Nhật tây sạch phát xít Pháp, giành lại độc lập tự do cho Tổ quốc; khởi nghĩa vũ trang ở Ba Tơ thắng lợi, đã *chính thức khai sinh 1 chính quyền cách mạng, một lực lượng vũ trang cách mạng* của nhân dân Quảng Nghĩa, đặt dưới sự lãnh đạo và chỉ huy trực tiếp của Đảng cộng sản, làm ngọn cờ, nòng cốt cho cao trào vũ trang chống Nhật cứu nước mà cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Ba Tơ đã mở đầu. Chính quyền đó, lực lượng vũ trang đó là tiêu biểu cho ý chí, nguyện vọng sâu xa của nhân dân từ ngày nước ta bị mất vào tay giặc pháp.

Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ thắng lợi chứng minh sức mạnh của một luận điểm đúng đắn của Đảng « : ... Với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành được thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn » (1),

(1) Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 8 (tháng 5-1941) Văn kiện Đảng (1939-1945) đã dẫn, trang 213.



Tượng đài kỷ niệm khởi nghĩa Ba Tơ

Thắng lợi cuộc vũ trang khởi nghĩa ở Ba Tơ cũng chứng tỏ một khi đường lối chính sách cách mạng đúng đắn của Đảng đã thâm nhập vào quần chúng thì nhất định nó sẽ trở thành một sức mạnh vật chất thật sự.

Khởi nghĩa vũ trang ở Ba Tơ giành được thắng lợi, còn chứng minh sức sống mãnh liệt của phong trào yêu nước trong nhân dân Quảng Nghĩa. Thật vậy, thực dân Pháp và phát xít Nhật đã không ngừng tìm đủ cách đánh phá các phong trào yêu nước trong tỉnh. Thế mà, chỉ với một số đảng viên bị an trí và cơ sở cách mạng không nhiều trong quần chúng, nhưng khi thời cơ đến, nhờ có đường lối cứu nước của Đảng rọi sáng, với lòng tin vô hạn vào quần chúng cách mạng, những chiến sĩ cộng sản bị an trí ở Ba Tơ đã đã dám táo bạo vùng lên phát động quần chúng vũ trang khởi nghĩa và giành được thắng lợi.

Khởi nghĩa vũ trang Ba Tơ thắng lợi, chứng tỏ phong trào yêu nước ở Quảng Nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, đã trưởng thành, biết vận dụng sáng tạo đường lối, phương châm của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể, đã kịp thời nhận rõ được kẻ thù chính của cách mạng đã thay đổi, nên Mạnh dạn thay đổi khẩu hiệu đánh Pháp đuổi Nhật thành khẩu hiệu đánh đuổi phát xít Nhật, tẩy sạch phát xít Pháp, đã bắt đầu biết vận dụng kết hợp được sức mạnh của lực lượng chính trị (có binh vận) với lực lượng vũ trang thành một sức mạnh tổng hợp để chiến thắng quân thù, xây dựng phát triển lực lượng cách mạng đưa phong trào cách mạng trong tỉnh tiến lên một bước dài mạnh mẽ hơn, cao hơn,

Cuộc khởi nghĩa vũ trang Ba Tơ thành công chứng tỏ những người cộng sản lãnh đạo cuộc khởi nghĩa có một lập trường kiên định, trung thành vô hạn với đường lối của Đảng. Chính nhờ có tập trường kiên định, ý chí vững vàng đó mà khi vừa nghe tin Nhật hất cẳng Pháp, chi bộ đã dứt khoát bỏ chủ trương trốn ra hoạt động, *kịp thời ra Nghị quyết khởi nghĩa rất táo bạo và đúng đắn*; chính do có lập trường kiên định đó mà sau hai lần dùng mưu không thành trong buổi sáng thì trưa 11-3-1945, chi bộ đã kịp thời kiểm điểm rút ra kết luận là trong chỉ đạo đã « *đưa dõn với khởi nghĩa* », đã không nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng, trong đó có phần chưa dám quyết chí hy sinh, đổ máu để giành thắng lợi. *Chính nhờ có cuộc kiểm điểm đầy tinh thần cách mạng ở tại chòi cạnh xóm Suối Loa đó mà các đồng chí lãnh đạo cuộc khởi nghĩa đã có những chủ trương đúng đắn đưa cuộc khởi nghĩa tiến đến thắng lợi vào đêm 11-3-1945 ở Ba Tơ.*

Công lao của cuộc vũ trang khởi nghĩa ở Ba Tơ đối với phong trào chống Nhật cứu nước ở Quảng Nghĩa rất to lớn, kinh nghiệm của cuộc vũ trang khởi nghĩa ở Ba Tơ đã góp phần không nhỏ vào việc tổ chức và lãnh đạo thắng lợi cuộc tổng khởi nghĩa tháng 8-1945 ở địa phương.

3) Tiến tới tổng khởi nghĩa tháng 8-1945:

Sau khi cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Ba Tơ thắng lợi, tình hình địch và ta trong tỉnh Quảng Nghĩa đều có những chuyển biến mới:

Lực lượng thực dân Pháp trong tỉnh căn bản đã tan rã. Phát xít Nhật tuy đã có chuẩn bị trước, song đến cuối tháng 3-1945 vẫn chưa có đủ tay chân để xây dựng bộ máy cai trị mới của Nhật. Nhiều chủ trương

chính sách chưa triển khai được, Nhật phải tạm dùng bộ máy tay sai của Pháp còn lại để tiến hành việc cai trị trong tỉnh, đồng thời ra sức lo đào tạo, xây dựng các lực lượng tay sai mới, trước hết là lực lượng chính trị.

Với các chính sách đó của Nhật, các nhóm chính trị thân Nhật như Ủy ban Độc lập do Lê Luân, Bạch Quang Ba cầm đầu ; nhóm phản Đế tự cường gồm một số To-rót-ki-t ở Mộ Đức liên kết với nhóm thân Nhật ở An Chí (Nghĩa Hành) của Phan Thuyên, Cao Trung ; nhóm Đông phương Đại hội (1) của Ngô Đình Diệm do Phan Quang Bồng, Phan Xán cầm đầu ; nhóm Tân Việt Nam do Bạch Quang Ba, Võ Đình Thụy cầm đầu ; nhóm Quốc dân đảng của bọn Trần Hoàn ở Bình Sơn, và các nhóm thanh niên tiên tiến thân Nhật đều nổi lên hoạt động chống phá cách mạng rất găng. Về tôn giáo, những tên thân Nhật trong các đạo Cao đài, phật giáo... cũng ra sức đi sâu vào một số vùng nông thôn thành thị lôi kéo quần chúng ủng hộ Nhật, chống lại Việt Minh. Các luận điệu « lợi dụng Nhật để giành độc lập » cho đất nước được tuyên truyền rộng rãi, không những chỉ lôi kéo được số ít tầng lớp trung gian chưa giác ngộ chính trị, mà còn lôi kéo được một số cựu chính trị phạm trong đó có những cán bộ, đảng viên cộng sản cũ trong các phong trào từ 1930. Trong những nhóm đó, có bọn thật sự có ý thức, xu hướng chính trị phản động, cố tình theo Nhật chống phá cách mạng như bọn Lê Luân, Phan Quang Bồng, Phan Xán, Phan Thuyên, Trần Hoàn... song có số không ít, hoặc do bản chất cơ hội, mạnh dạn theo đó hoặc vì bản thân non nớt về chính trị, song lại tưởng mình « cao tay ấn »,

(1) Lịch sử Đảng bộ Đảng cộng sản Quảng nghĩa đã dẫn, trang 88

có thể, « lợi dụng Nhật để giành độc lập » cho
Tổ quốc... Song nhìn chung, những luận điệu
thân Nhật lúc này của các phe chính trị, tôn giáo đều
mang màu sắc cơ hội cải lương thỏa hiệp, chống lại
cách mạng đặc biệt là chống lại cao trào vũ trang khởi
nghĩa vừa nổ ra ở Ba Tơ, do Đảng cộng sản lãnh đạo.

Ngoài các nhóm kể trên ở Quảng Nghĩa trong những
năm 1944, 1945, 1946 còn có nhóm cơ hội trong tổ chức
« Thế giới cách mệnh Đảng » do Trần Kỳ Truyện cầm
đầu, truyền bá thuyết « thế giới nhất đại nhân », và
« hồng bất thương hồng », có màu sắc vô chính phủ.
Trần Kỳ Truyện lý luận thế giới như một con người
không lỗi, sao con người lại giết con người, tại sao con
người không hòa thuận thương yêu nhau. Về mặt chính
trị, nhóm « Thế giới cách mệnh Đảng » chủ trương : khi
đánh đuổi Pháp xong là phải tiến thẳng lên chủ nghĩa
cộng sản, xây dựng thế giới đại đồng, thủ tiêu mọi
biên giới quốc gia, mọi hình thức chính phủ, xóa bỏ
sự phân biệt chủng tộc, thủ tiêu và xóa bỏ mọi loại
binh đao chiến tranh. Trần Kỳ Truyện cho rằng đánh
Pháp rồi mà còn lập chính phủ dân chủ cộng hòa, còn
dùng bao lực để cai trị dân... là đi vào con đường tư
bản chủ nghĩa. Nhờ uy tín cá nhân, Trần Kỳ Truyện
đã phát động lôi kéo được một số quần chúng ở các
vùng Bình Trị, Bình Hải, Bình Cố và sau cách mạng
Tháng Tám, Truyện đã kéo quần chúng ấy chống lại
chính quyền cách mạng. Đó là mới điếm qua các thế
lực thân Nhật, các luồng tư tưởng chống cộng sản,
chống Việt minh trong tỉnh, chưa nói đến các luồng tư
tưởng phản động từ những trung tâm chính trị trong
nước qua báo, sách phản động cũng thường xuyên tác

động mạnh vào Quảng Nghĩa, nhất là từ khi chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim ra đời.

Cho nên lúc bấy giờ, muốn đẩy phong trào chống Nhật cứu nước trong tỉnh Quảng Nghĩa tiến nhanh, mạnh lên để kịp đón thời cơ mới, Đảng không thể không đấu tranh đánh bại các luồng tư tưởng, chính trị độc hại thân Nhật, chống cộng do bọn thân Nhật và các loại cơ hội khác phun ra.

Cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Ba Tơ thắng lợi đã có ảnh hưởng sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân trong tỉnh và có tiếng vang rộng ở trong nước (1) nhất là ở các tỉnh miền Trung. Sau khởi nghĩa vũ trang ở Ba Tơ, nhờ phương thức hoạt động bí mật kết hợp với công khai, nửa công khai, nên các nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ tám, chương trình, điều lệ Việt Minh và thư của đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi đồng bào toàn quốc (2) nhanh chóng được phổ biến sâu rộng trong cơ sở, cốt cán, trong số đông cựu chính trị phạm và trong quần chúng cách mạng làm chuyển biến nhanh nhận thức chính trị của đông đảo quần chúng, kể cả một số chính trị phạm lầm lạc có lúc đã đi theo bọn thân Nhật. Nhờ đó cơ sở Việt Minh và Ủy ban vận động cứu quốc các cấp xã, vùng, tổng, huyện đã nhanh chóng phát triển rộng khắp trong lĩnh thành thế của Việt Minh,

(1) Xem *Những sự kiện lịch sử Đảng* tập I (1920 — 1945) Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương biên soạn — Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội 1976, trang 698.

(2) Nghị quyết của Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ, do Trung ương Đảng chủ trì, từ 15—20-4-1945 đã viết: « ở Trung Kỳ, nghĩa quân nổi dậy hoạt động ở Quảng Nghĩa » *Văn kiện Đảng (1939—1945)* đã dẫn, trang 491

của du kích Ba Tư càng lan rộng mạnh vừa làm cho Nhật và tay sai lo sợ, vừa có sức hút đối với các tầng lớp nhân dân yêu nước và cách mạng trong tỉnh, tạo thuận lợi chưa từng có cho yêu cầu xây dựng, phát triển cơ sở phong trào.

Tuy vậy, phong trào chống Nhật cứu nước cuối tháng 3 đầu tháng 4/1945 vẫn còn có những nhược điểm cần phải sớm khắc phục thì mới có thể đưa phong trào cách mạng trong tỉnh tiến lên mạnh mẽ và vững chắc:

— Hệ thống chỉ đạo Đảng chưa hình thành, vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng chưa rõ.

— Danh nghĩa mặt trận thống nhất đoàn kết dân tộc Mặt trận Việt Minh còn lu mờ, hệ thống chỉ đạo của các đoàn thể cứu quốc chưa hình thành nên việc tuyên truyền giáo dục, tổ chức động viên và chỉ đạo quần chúng vùng lên chống Nhật cứu nước còn gặp lúng túng, khó khăn (1).

— Đội du kích cứu quốc Ba Tư, sau khi rút vào căn cứ còn gặp nhiều khó khăn về cung cấp, về nguồn bổ sung, địa bàn hoạt động còn hẹp nên chưa phát triển và củng cố được.

— Cơ sở ở thị xã, trong công nhân, trí thức và binh sĩ địch chưa có bộ phận chuyên trách, nên chưa được đẩy mạnh, chưa tạo được thế phối hợp đấu tranh, hỗ trợ nhau giữa các vùng, các mặt công tác.

(1) Đến giữa tháng 3/1945, chưa có quyết nghị thành lập hình Ủy lâm thời: số Đảng viên có sinh hoạt trong các chi bộ còn ít; nhiều huyện chưa có huyện ủy lâm thời. Mặt trận Việt Minh cũng chưa được thành lập. Bấy giờ Đảng chỉ lấy danh nghĩa Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi để chỉ đạo mọi hoạt động cách mạng trong tỉnh.

Trước tình hình đó, Đảng bộ đã có liên tiếp những chủ trương chỉ đạo cụ thể như sau :

1) Chính thức thành lập Ban chấp hành lâm thời tỉnh Đảng bộ, do đồng chí Trương Quang Giao làm bí thư. Khẩn trương xem xét tuyển chọn những cốt cán của phong trào để truy nhận Đảng viên cũ và kết nạp Đảng viên mới, thành lập thêm những chi bộ mới ở các vùng và củng cố tăng cường chi bộ trong lực lượng du kích Ba Tơ để sớm hình thành một hệ thống lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng khắp các phủ huyện, châu, tổng xã và trong lực lượng vũ trang cách mạng.

2) Đồi Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Nghĩa thành Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Nghĩa của tổng bộ Việt Minh, xúc tiến hình thành hệ thống chỉ đạo của các hội cứu quốc từ các xã lên đến tỉnh để các đoàn thể cách mạng của quần chúng có thể chủ động hoàn thành các nhiệm vụ đoàn thể của mình.

3) Thành lập Ban quân sự của Đảng (1) chịu trách nhiệm trước Đảng, chỉ đạo chỉ huy các lực lượng vũ trang cách mạng trong tỉnh, đưa đội du kích cứu quốc Ba Tơ về trung châu cùng các đoàn thể cứu quốc lo tổ chức huấn luyện lực lượng tự vệ, và qua công tác xây dựng tự vệ mà tuyển chọn người tổ chức các tiểu tổ du kích để làm lực lượng nòng cốt cho các lực lượng vũ trang quần chúng, vừa làm lực lượng dự bị cho đội du kích cứu quốc Ba Tơ. Đồng thời, đội du kích cứu quốc Ba Tơ còn phải tích cực chuẩn bị 2 chiến khu du kích : một ở vùng Núi Lớn thuộc tây Mộ Đức, đồng Nghĩa Hành (chiến khu Nam), một ở vùng Vĩnh Tuy.

(1) Ban quân sự tỉnh gồm đồng chí Nguyễn Chánh làm chính trị viên và các đồng chí Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn làm ủy viên.

Sơn Tịnh gọi là chiến khu Vĩnh Sơn (chiến khu Bắc) làm chỗ dựa cho mọi hoạt động mở rộng căn cứ địa ở miền núi và đồng bằng để tạo thế liên kết với các vùng căn cứ cách mạng ở miền núi Bình Định và Quảng Nam, chuẩn bị điều kiện cơ bản cho mọi yêu cầu tấn công, thổi thủ sau này của cách mạng :

4) Ra báo Chơn Độc lập làm cơ quan tuyên truyền của Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Nghĩa của Tổng bộ Việt Minh để phổ biến rộng rãi đường lối chủ trương chính sách của Đảng và của Mặt trận. Yêu cầu trung tâm của tờ báo là hướng dẫn công tác tuyên truyền giáo dục, chống các luận điệu độc lập giả hiệu của Nhật, động viên đông đảo quần chúng cách mạng vùng lên đấu tranh giành cho được độc lập thật sự theo đường lối của Đảng ;

5) Cử bộ phận chuyên trách lo đẩy mạnh công tác vận động cách mạng ở thị xã, thị trấn, đẩy mạnh công tác vận động công nhân, viên chức, vận động binh lính địch ở tất cả các địa phương, các cấp. Riêng công tác thị xã và công tác binh vận do tỉnh Ủy trực tiếp chỉ đạo.

Thực hiện các chủ trương trên, đến cuối tháng 5 đầu tháng 6/ 1945 phong trào các mặt trong tỉnh đều có những bước nhảy vọt mới :

Số hội viên các hội cứu quốc, đông nhất là hội nông dân cứu quốc, đã từ 11.000 người trong tháng 5/1945, rồi 7 vạn người trong tháng 6/1945 và đến tháng 7/1945 đã có khoảng 11 vạn người (1); cơ sở cách mạng ở

(1) Lịch sử Đảng bộ cộng sản Quảng Nghĩa, đã dẫn, trang 79. Theo chúng tôi thì có thể ít hơn, vì hội viên phụ nữ thường ở hai chân : một chân phụ nữ và một chân nông dân hoặc thanh niên.

thị xã Quảng Nghĩa đến tháng 6/1945 đã có 2 chi hội công nhân cứu quốc, 1 chi hội thanh niên cứu quốc và chi hội binh dân cứu quốc nằm ngay trong đồn lính khố xanh. Đội du kích cứu quốc Ba Tơ khi rời núi về Trung Châu hoạt động (1) chỉ còn có 15 người (cả chỉ huy); sau hơn 2 tháng xây dựng, trong tỉnh đã hình thành một hệ thống lực lượng vũ trang cách mạng gồm hàng ngàn đội viên tự vệ cứu quốc, tiểu tổ du kích và đại đội (2) du kích cứu quốc tập trung (du kích Ba Tơ).

Đại đội Phan Đình Phùng đóng ở chiến khu Vĩnh Sơn và đại đội Hoàng Hoa Thám đóng ở chiến khu Núi Lớn. Mỗi đại đội có khoảng 400 chiến sĩ, thường xuyên phái một trung đội phân tán về các vùng trong tỉnh để huấn luyện tự vệ và tham gia công tác phát động quần chúng. Lực lượng vũ trang càng phát triển, phong trào luyện tập quân sự, phong trào tổng quân càng náo nức, rầm rộ, lại có tác dụng động viên cổ vũ các phong trào khác tiến lên mạnh mẽ hơn, không khí cách mạng náo nhiệt hơn.

Ngày 20/6/1945 (ngày 11/5 Ất Dậu), báo Chơn Độc lập, cơ quan của Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Nghĩa của Tổng bộ Việt Minh, ra đời. Đồng thời, báo

(1) Ngày đội du kích cứu quốc Ba Tơ về Trung Châu hoạt động theo các đồng chí Trần Quý Hai và Nguyễn Đôn thì vào khoảng 15 - 17/3 âm lịch (cuối tháng 4/1945), không phải đến 15/5/1945 mới rời núi như quyển *Du kích Ba Tơ* của Bình Hải đã viết.

(2) Du kích Ba Tơ tổ chức mỗi đại đội có 3 phân đội, mỗi phân đội có 3 trung đội, mỗi trung đội có 3 tiểu đội. Vậy mỗi đại đội du kích Ba Tơ tương đương với một tiểu đoàn sau này.

Xung Phong cơ quan của các lực lượng vũ trang cách mạng Quảng Nghĩa cũng ra số đầu. Hai tờ Chơn Độc lập và Xung Phong đã mang đến cho người đọc những lời kêu gọi, những chỉ thị, thông cáo của Đảng và Mặt trận, những tin tức tình hình phong trào cách mạng trong tỉnh, trong nước, động viên, hướng dẫn đồng bào trong tỉnh xông lên đấu tranh chống Nhật cứu nước.

Do lực lượng chính trị, vũ trang trong tỉnh phát triển nhanh, nên những nhu cầu về tài chính, quân nhu, quân lương ngày càng lớn. Tháng 6-1945, lấy danh nghĩa Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Nghĩa của Tổng bộ Việt Minh, tỉnh ủy đã ra chỉ thị qui định nội dung, phương hướng và kế hoạch vận động và quản lý tài chính, quân nhu, và đồng thời cũng quyết định thành lập các ban tài chính quân nhu các cấp tỉnh huyện, tổng để lo điều hành công tác quân nhu tài chính của Đảng và của mặt trận. Cũng trong dịp này, Tỉnh ủy đã quyết định lấy ngày 27 âm lịch hàng tháng (1) làm ngày «mua khí giới» để động viên đồng bào quyên góp, ủng hộ các lực lượng vũ trang cách mạng.

Thực hiện các chủ trương về tài chính quân nhu nói trên của Đảng, từ tháng 6-1945, đã có phong trào quyên góp vận chuyển quân lương, và phong trào tổng quân trong tỉnh rất nhộn nhịp.

• •

Phong trào chống Nhật cứu nước của nhân dân trong tỉnh càng lên cao thì hệ thống nguy quyền của Nhật và

(1) Ngày 27 âm lịch là ngày khởi nghĩa Ba Tơ (27 tháng giêng Ất Dậu-11-3-1945).

Pháp để lại ở cơ sở làng, xã, tổng càng tan rã hoặc mất hiệu lực : Nhiều nơi tổng lý đã giao sổ sách, hộ tịch và đồng triện cho Nông hội hay Ủy ban vận động cứu quốc địa phương, hoặc bỏ việc, hoặc làm việc « hai mặt » theo sự chỉ đạo của cán bộ cách mạng địa phương. Ở một vài phủ, huyện, bọn tri phủ, tri huyện và nha lại cũng đã hoạt động cầm chừng, có người đã bí mật liên hệ với cách mạng, làm một số việc cho cách mạng. Như vậy từ tháng 6-1945, ở Quảng Nghĩa đã xuất hiện nhiều vùng nông thôn do các lực lượng cách mạng làm chủ với những mức độ khác nhau. Quân Nhật và chính phủ bù nhìn thực tế chỉ đóng và hoạt động ở các thị xã, thị trấn trên các trục lộ giao thông lớn và xung quanh nơi chúng đóng quân. Và ngay tại thị xã, các thị trấn có quân Nhật và quân ngụy đóng, chúng cũng không còn kiểm soát chặt được; các cán bộ cách mạng vẫn đi lại hoạt động dễ dàng, gần như nửa công khai.

Đề đẩy mạnh thêm đà tan rã của ngụy quyền và nhanh chóng phát triển thế lực của cách mạng, tháng 6-1945, Tỉnh ủy đã chủ trương dùng hình thức « tuyên truyền xung phong » vào sâu trong các vùng thị xã, thị trấn, các vùng chưa có cơ sở cách mạng (một số vùng có đạo Thiên chúa và Cao đài chiếm đa số) để tuyên truyền rộng rãi các chủ trương đường lối của Mặt trận Việt Minh, xây dựng cơ sở cách mạng. Ngoài ra, Tỉnh ủy còn chọn những cơ sở cách mạng có quan hệ với ngụy quân, ngụy quyền, thân hào, thân sĩ đích thân đến gặp từng người, từng gia đình để nói rõ tình thế đất nước, vận động họ tham gia Việt Minh theo khả năng của từng người. Chủ trương này đã góp thêm phần vô hiệu hóa hệ thống ngụy quân, ngụy quyền

và kéo được một số tầng lớp trung gian thoát khỏi sự thao túng của các thế lực thân Nhật, ngã về với Việt Minh (1).



Trước khi khởi nghĩa Ba Tơ, mối lo chung của lãnh đạo là nếu phong trào Quảng Nghĩa nổi lên mà phong trào trong nước, nhất là phong trào các tỉnh lân cận chưa lên, thì phong trào Quảng Nghĩa sẽ dễ bị cô độc, bất lợi. Vì vậy ngay từ khi còn hoạt động bí mật ở căn cứ an trí Ba Tơ, chi bộ Đảng đã bí mật móc nối với các đồng chí đang hoạt động bí mật ở Quảng Nam, Bình Định... cùng giúp nhau lo gây dựng cơ sở, phong trào (2). Sau khởi nghĩa Ba Tơ, Tỉnh ủy đã phân công đồng chí Trần Lương vào tham gia công tác xây dựng cơ sở phong trào ở Bình Định, đồng chí Trần Quý Hai ra tham gia xây dựng cơ sở, phong trào ở Quảng Nam; đồng chí Hồ Độ vào móc nối cơ sở ở Khánh Hòa. Đến đầu tháng 4-1945, phong trào chống Nhật cứu nước ở Quảng Nghĩa đã liên kết được với phong trào chống Nhật cứu nước ở các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa... Chính

(1) Xem thư của « Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Nghĩa gửi cho quan lại, lý hào, viên chức trong tỉnh » trong tập tài liệu cách mạng Tháng Tám của Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Quảng Nghĩa do đồng chí Huỳnh Đăng Hà biên soạn. Tờ 37.

(2) Trước lúc nổ ra cuộc khởi nghĩa Ba Tơ, đã có đồng chí Giám ở Quảng Nam và đồng chí Đình Trung ở Bình Định đến Ba Tơ để gặp các đồng chí trong chi bộ ở căn cứ an trí bàn kế hoạch phối hợp hoạt động.

nhờ chấp nối được phong trào các tỉnh mà tháng 5-1945 Quảng Nghĩa đã gặp được đồng chí Hồng Xích Tâm, liên lạc của Trung ương Đảng, tại huyện Phú Lộc và nhận được nơi đồng chí một số tài liệu chính thức của Trung ương Đảng, trong đó có chỉ thị *Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta và quyền Hoa quân nhập Việt* (1). Trong cuộc gặp này các đồng chí Trần Quý Hai và Trần Quế đã nhờ đồng chí Hồng Xích Tâm báo cáo lại với Trung ương Đảng, tình hình cơ sở, phong trào của Quảng Nghĩa, Quảng Nam và của một số tỉnh mà Tỉnh ủy Quảng Nghĩa đã liên hệ được từ sau ngày khởi nghĩa Ba Tơ. Hai đồng chí cùng đồng chí Hồng Xích Tâm bàn kế hoạch cụ thể xây dựng hệ thống liên lạc từ Trung ương vào đến Quảng Nghĩa. Như vậy đến tháng 5-1945, phong trào chống Nhật cứu nước ở các tỉnh miền Trung từ Quảng Bình trở vào nói chung và phong trào ở Quảng Nghĩa nói riêng, đã chính thức chấp nối được liên lạc với Trung ương Đảng, song vẫn chưa nhận được sự chỉ đạo trực tiếp thường xuyên của Trung ương. Tuy vậy việc nhận được chỉ thị *Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* của Trung ương đã giúp cho Tỉnh ủy Quảng Nghĩa sáng tỏ nhiều vấn đề chỉ đạo trong tình hình mới sau khi Nhật hất cẳng Pháp chiếm quyền thống trị Đông Dương.

Tỉnh ủy Quảng Nghĩa đã tổ chức cho toàn Ban tỉnh ủy và cán bộ chủ chốt của phong trào nghiên cứu học tập, liên hệ với tình hình thế giới, tình hình trong nước.

(1) Theo lời kể của đồng chí Trần Quý Hai thì đồng chí Hồng Xích Tâm về gặp được cơ sở Quảng Bình, Quảng Bình mời giới thiệu đồng chí Tâm vào Quảng Trị, Thừa Thiên; Thừa Thiên mời đồng chí Hai ra gặp

Trong tỉnh, Đảng bộ Quảng Nghĩa đã nhận thấy rõ: Cách mạng Đông Dương đã bước vào « Thời kỳ tiền khởi nghĩa ». Vấn đề chuẩn bị những điều kiện để sẵn sàng nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền đã trở thành vấn đề cấp bách. Do đó, Tỉnh ủy đã có một loạt chủ trương mới:

— Đẩy mạnh việc xây dựng, huấn luyện các lực lượng vũ trang cách mạng (du kích cứu quốc Ba Tơ, tiểu tổ du kích và tự vệ cứu quốc) cả số lượng và chất lượng (1) sẵn sàng làm nòng cốt cho cao trào khởi nghĩa sắp tới trong tỉnh.

— củng cố các đoàn thể cứu quốc về tư tưởng và tổ chức, đặc biệt là chính đốn các Ban chấp hành của hội nông dân, thanh niên và phụ nữ có đủ khả năng lôi cuốn và chỉ huy quảng đại quần chúng cách mạng trong tỉnh xông lên khởi nghĩa giành chính-quyền khi có thời cơ; đẩy mạnh công tác đô thị, công tác binh vận và công tác vận động các tầng lớp trung gian vào cao trào cách mạng chống Nhật cứu nước trong tỉnh.

— Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục trong nội bộ và trong nhân dân, tiếp tục vạch trần chính sách độc lập giả hiệu của Nhật, vạch mặt bán nước của các tổ chức chính trị cơ hội thân Nhật và những tên thật sự làm tay sai cho Nhật, kể cả một số tên phản động đội lốt tôn giáo, nhất là số trong đạo Cao Đài đang dựa vào quân Nhật chống lại phong trào chống

(1) Xem xét các chỉ thị số 1 và số 5 (10-6 Ất Dậu, chỉ thị số 6 (20-6 Ất Dậu) và thông báo ngày 24-4 Ất Dậu của Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Nghĩa của Đảng bộ Việt Minh. Trong tập tài liệu do đồng chí Huỳnh Đăng Hà, đã dẫn.

Nhật, cứu nước của nhân dân ta (1); đồng thời gấp rút tuyên truyền giáo dục cho quần chúng cách mạng nhận rõ thế suy sụp của Nhật, nhận rõ thời cơ cách mạng đang đến gần để chuẩn bị ý thức cho quần chúng sẵn sàng xông lên khởi nghĩa giành chính quyền khi có lệnh.

— Đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng Đảng, đặc biệt chú ý công tác phát triển mới, truy nhận đảng viên cũ, lập thêm chi bộ mới, hình thành gấp các Ban chỉ đạo Đảng ở các phủ, huyện, châu, chọn người tăng cường Ban chấp hành tỉnh Đảng bộ. Gấp rút tăng cường xây dựng các Ban chấp hành và đoàn thể cách mạng của quần chúng, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng trong mọi tình thế.

— Gấp rút tranh thủ sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Đảng, của xứ ủy, đồng thời sớm liên lạc với các tỉnh mà Quảng Nghĩa đã có liên hệ để cùng bàn bạc vạch kế hoạch phối hợp nổi dậy khởi nghĩa khi có thời cơ.

— Đề giúp Tỉnh ủy nghiên cứu soạn thảo kế hoạch khởi nghĩa trong tỉnh, cần lập một Ban nghiên cứu soạn thảo kế hoạch khởi nghĩa để sớm đưa Tỉnh ủy thông qua (2).

(1) Xem mục 7 và mục 10 trong chỉ thị số 6 ra ngày 20-6 Ất Dậu nói về bọn phản động tìm cách phá hoại Việt Minh và bọn phản động trong giới Cao đài sẵn khi giới trong tập tài liệu của Huỳnh Đăng Hà đã dẫn.

(2) Bản kế hoạch này đã được Tỉnh ủy thông qua tháng 6-1945, trong đó có qui định điều kiện khởi nghĩa là: khi có lệnh của Trung ương Đảng; khi Nhật đầu hàng; khi đồng minh đổ bộ vào nam Trung Kỳ, bắt đầu khởi nghĩa chiếm ngay toàn bộ miền núi làm căn cứ nối liền với các vùng giải phóng ở đồng bằng...

Thi hành các Nghị quyết trên, đến tháng 7-1945 các mặt công tác đều phát triển. Hệ thống chỉ đạo các đoàn thể của quần chúng đều đã được hình thành ở các cấp xã, tổng, phủ huyện, riêng các giới nông dân, thanh niên, phụ nữ, đã lên đến cấp tỉnh; số lượng, chất lượng hội viên đều tăng lên; không khí sẵn sàng vùng lên khởi nghĩa trong quần chúng cách mạng rất rõ. Lực lượng du kích cứu quốc Ba Tơ đã được bổ sung, huấn luyện tương đối chu đáo: Đại đội Phan Đình Phùng ở chiến khu Vĩnh Tuy đã có 4 phân đội độ 600 chiến sĩ; đại đội Hoàng Hoa Thám ở chiến khu Núi Lớn có 3 phân đội gần 400 chiến sĩ; lực lượng tự vệ cứu quốc tiêu tố du kích được tổ chức đều khắp trong các xã, thôn. Cơ sở cách mạng trong công nhân, binh lính đều phát triển khá. Đặc biệt đến tháng 7-1945, các trung gian như công chức, hạ sĩ quan, thân hào, thân sĩ, linh mục đạo thiên chúa... đã bắt đầu xa lìa Nhật ngã về phía cách mạng. Thế và lực của Việt Minh đã áp đảo mọi hoạt động của các tổ chức thân Nhật, các vùng cách mạng làm chủ được mở rộng thêm nhiều, phạm vi kiểm soát của Nhật co lại. Cái thế hai chính quyền cùng tồn tại trong tỉnh đã nổi lên khá rõ, mặc dù cách mạng chưa tuyên bố lập chính quyền ở nông thôn, đồng bằng.

Ý thức chờ thời cơ nổi dậy giành chính quyền ngày càng chín muồi trong các cấp lãnh đạo, chỉ huy, trong quần chúng cách mạng đồng đảo.

Đến khoảng cuối tháng 7-1945, trong tỉnh đã có những điều kiện cơ bản cho một cuộc nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền được chuẩn bị khá chu đáo. Tuy nhiên, khi thời cơ tới, nếu không có được sự hỗ trợ, chi viện của phong trào ở các tỉnh lân cận thì cuộc nổi dậy khởi nghĩa sẽ bị cô độc. Do đó, trong khi chưa được Trung

ương, xử ủy trực tiếp chỉ đạo, được sự đồng ý của nhiều tỉnh bạn, Tỉnh ủy Quảng Nghĩa đã đứng ra triệu tập một cuộc họp gồm nhiều đại biểu các tỉnh Quảng Bình, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Nghĩa, Bình Định, Khánh Hòa (1) để cùng nhau nhận định tình hình địch-ta, cùng bàn biện pháp phối hợp hành động, khi có thời cơ phải kịp thời nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền. Cuộc họp đã được khai mạc vào đầu tháng 7-1945 tại thôn Vĩnh Lộc xã Tịnh Bình, phủ Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Nghĩa. Đặc biệt cuộc họp này có đồng chí Lành (Tố Hữu), phái viên của Trung ương Đảng đã kịp về dự. Hội nghị đã nghe các tỉnh báo tình hình địch-ta, các mặt công tác cách mạng trong từng tỉnh. Hội nghị đã được đồng chí Lành thông báo tình hình thế giới, trong nước, và đã phân tích sâu tình thế cách mạng trong nước đang chuyển nhanh đến ngày mà cách mạng Việt Nam phải kiên quyết vùng lên giành chính quyền từ tay giặc Nhật để kịp ứng phó với tình thế do việc Nhật thua trận xảy ra. Đồng chí đã phổ biến một số chủ trương công tác lớn của Trung ương Đảng đề ra nhằm ứng phó với tình thế cách mạng trước mắt. Đồng chí đặc biệt hoan nghênh các Đảng bộ miền Trung, trong khi chưa được cấp trên trực tiếp chỉ đạo, đã dũng cảm nhận lấy trách nhiệm trước Đảng, vận dụng một cách đúng đắn các đường lối chủ trương của Đảng vào tình hình cụ thể của địa phương và đã giành được nhiều thắng lợi to lớn:

Sau khi thảo luận, hội nghị đã nhất trí nhận định là giặc Nhật đang lao nhanh vào tình thế suy sụp, ngày

(1) Lúc này Quảng Trị đã có liên hệ hoạt động với các tỉnh từ Quảng Bình trở vào, song vì một lý do cá nhân mà không mời đại biểu của Quảng Trị cùng họp. Đó là điều đáng tiếc.

toàn thắng của mặt trận dân chủ chống phát xít đã đến gần, thời cơ cho một cuộc nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền không còn xa nữa, các Đảng bộ phải xúc tiến việc chuẩn bị khởi nghĩa với tinh thần hết sức khẩn trương thì mới khởi sự vào thế « bị động bỏ lỡ thời cơ ngàn năm có một ».

Theo ý kiến của đồng chí Lành, hội nghị đã cử đồng chí Nguyễn Chí Thanh (đại biểu Khánh Hòa) và đồng chí Trần Quý Hai (đại biểu Quảng Nghĩa) về Trung ương dự hội nghị toàn quốc của Đảng. Trong khi chờ đợi Trung ương có chỉ thị về việc sắp xếp tổ chức chỉ đạo ở Trung Kỳ, hội nghị đã giao cho Tỉnh ủy Quảng Nghĩa lãnh trách nhiệm làm nhiệm vụ phối hợp mọi hoạt động đấu tranh cách mạng giữa các tỉnh trong vùng, nhất là khi có thời cơ cần nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền.

Như vậy đến tháng 7-1945, phong trào chống Nhật cứu nước ở Quảng Nghĩa đã xây dựng được một lực lượng cách mạng rất mạnh và ở thế tiến lên vững vàng chưa bao giờ có, với thế và lực đó, nhân dân và Đảng bộ Quảng Nghĩa đã sẵn sàng nổi dậy một cách chủ động khi có thời cơ.

Sau khi hội nghị các tỉnh miền Trung, phong trào chuẩn bị khởi nghĩa trong tỉnh Quảng Nghĩa rất náo nhiệt; khí thế cách mạng của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh lên cao rùng rục.

Ngày 9-8-1945, tin Liên Xô tuyên chiến với phát xít Nhật và đang tiến mạnh về phía đông bắc Trung Quốc và bắc Triều Tiên đã làm cho nhân dân cách mạng ở

Quảng Nghĩa vô cùng phấn khởi, mong chờ.

Sáng ngày 7-7 năm Ất Dậu (14-8-1945), nhận được nhiều tin báo về cho biết là phát xít Nhật đã đầu hàng đồng minh, trưa 14-8-1945, Tỉnh ủy Quảng Nghĩa, căn cứ theo kế hoạch khởi nghĩa được Tỉnh ủy thông qua trước đó, đã phát ngay 2 chỉ thị số 8 và số 9, ra lệnh cho toàn thể các lực lượng chính trị, vũ trang cách mạng trong tỉnh vùng lên khởi nghĩa, giành chính quyền về tay nhân dân. Chỉ thị viết:

Giặc Nhật đã đầu hàng đồng minh. Các cấp hội, các Ban chấp hành phải cấp bách huy động toàn dân nhanh chóng vũ trang đề kịp thời khởi nghĩa, phải bảo vệ cơ quan cách mạng, lĩnh thẻ cấp bách, phải triệt để thi hành chỉ thị, không được chậm trễ (1). Cùng ngày 14-8-1945, các đơn vị du kích cứu quốc Ba Tư cũng nhận được mệnh lệnh của Tỉnh ủy: Bộ đội, du kích bắc và nam phải lập tức lấy các đồn Thượng du, xong về tập trung đề chờ lệnh. Nhiệm vụ của đại đội Phan Đình Phùng cướp đồn Di Lăng, Trà Bông, Sơn Hà, chiếm xong các phủ huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh rồi về tập trung gần tỉnh lỵ. Nhiệm vụ của Đại đội Hoàng Hoa Thám cướp các đồn Ba Tư, Minh Long, chiếm các huyện Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ rồi về đóng gần tỉnh lỵ (1).

Thi hành lệnh khởi nghĩa của Tỉnh ủy, 16 giờ ngày 11-8-1945 (7-7 Ất Dậu) tiếng trống khởi nghĩa đã vang lên từ làng Thi Phổ Nhi (nơi cơ quan Tỉnh ủy đóng) rồi loan chuyển âm vang khắp nơi trong tỉnh. Hàng chục vạn nhân dân trong tỉnh đã cùng các lực lượng vũ

(1) Xem chỉ thị số 8, số 9 trưng bày tại Viện Bảo tàng cách mạng Việt Nam, Hà Nội.

(1) Dù kích Ba Tư của Bình Hải đã dẫn.

trang cách mạng từ các chiến khu, từ các làng xã, thị trấn, thị xã đã nhanh chóng triển khai thế trận. Lực lượng cách mạng của quần chúng nông dân, có vũ trang phối hợp với các lực lượng vũ trang cách mạng trong tỉnh đã nhất tề cùng tấn công địch gần như đồng loạt khắp nơi trong tỉnh. Đến điển cụ thế dưới đây :

Từ đêm 14 rạng ngày 15-8-1945, quần chúng cách mạng khắp nông thôn đã vùng lên tuần hành thị oai, biên tỉnh có vũ trang vây bắt tổng lý và bọn tay sai ngoan cố, tịch thu toàn bộ hồ sơ, công quỹ, đồng triệu của nguy quyền thôn xã rồi kéo lên vây chiếm các phủ, huyện, chợ châu lý, bắt nguy quyền các phủ huyện phải giao nộp toàn bộ sổ sách, hồ sơ, ấn tín ngân quỹ cho cách mạng. Riêng tại châu Ba Tơ, quần chúng cách mạng đã phối hợp với cơ sở cách mạng trong binh lính địch chiếm đồn khố xanh, tước vũ khí địch, rồi mới kéo đến chiếm trụ sở nguy quyền của châu Ba Tơ.

Lực lượng du kích Ba Tơ, từ ngày 15 đến 16-8-1945 đã lần lượt đánh chiếm các đồn Di Lăng, Sơn Hà, Minh Long, huyện lý Nghĩa Hành và bao vây gọi hàng đồn Trà Bồng. Riêng đồn khố xanh Ba Tơ, khi quân du kích Ba Tơ kéo đến thì quần chúng cách mạng địa phương đã chiếm rồi.

Tại thị xã Quảng Nghĩa, mặc dù còn có trên 1 tiểu đoàn Nhật và 1 đại đội lính khố xanh đóng giữ, đêm 14 rạng ngày 15-8-1945, quần chúng cách mạng đã nổi dậy bãi công, bãi thị, tháo gỡ các bộ phận quan trọng các nhà máy điện, nhà máy xe lửa, chuyển nhiều đầu máy xe lửa đi nơi khác không để địch phá, cùng cả tỉnh hình thành thế bao vây, triệt đường tiếp tế, điện nước và lương thực cho quân Nhật. Đêm 15-8-1945, chi hội binh nhân cứu quốc trong lính khố xanh, đã phối hợp với

tự vệ cứu quốc thị xã nổi dậy khởi nghĩa ở đồn khố xanh, khố đỏ (còn một tiểu đội) thu vũ khí quân dụng và bắt viên lãnh binh tỉnh phải nộp đủ ấn tín của sở chỉ huy quân nguy. Cùng đêm, lực lượng cách mạng cũng đánh chiếm thu toàn bộ hồ sơ của Sở mật thám tỉnh Quảng Nghĩa (tên chánh sở mật thám là Bùi Trọng Lệ đã chạy trốn xuống ở nhà tên giám thú Lương ở Vạn Tường đến ngày 17-8 mới bắt được). Đêm 16-8-1945, quân khởi nghĩa lại chiếm dinh tỉnh trưởng và các cơ quan trực thuộc nguy quyền cấp tỉnh (kể cả kho bạc), tỉnh trưởng Lương Trọng Hối đã giao nộp toàn bộ ấn tín, tiền bạc, vũ khí.

Như vậy, đến đêm 16 rạng ngày 17-8-1945 toàn bộ nguy quyền, nguy quân trong cả tỉnh Quảng Nghĩa đã bị các lực lượng khởi nghĩa đánh cho hoàn toàn tan rã, kè cả nguy quyền, nguy quân ở ngay tỉnh lỵ, sát nách quân Nhật. Và ngày 15-8-1945, trong chỉ thị số 10 tỉnh ủy đã quyết định lập các Ủy ban nhân dân cách mạng xã, tổng, phủ huyện tiến tới thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng toàn tỉnh. Từ đó, Ủy ban vận động cứu quốc tỉnh Quảng Nghĩa của tổng bộ Việt Minh và Ủy ban chỉ đạo khởi nghĩa (thường trực Tỉnh ủy) đã thực tế làm nhiệm vụ chính quyền cấp tỉnh, trực tiếp chỉ đạo các Ủy ban nhân dân huyện, tổng, xã và các ngành quân đội, tài chính cung cấp.

Tuy nhiên, quân đội Nhật đã lập tức phản kích cao trào vũ trang khởi nghĩa nhân dân Quảng Nghĩa. Các trận đánh nhau giữa các lực lượng vũ trang cách mạng với quân Nhật đã liên tiếp xảy ra. Hai trận ở vùng Xuân Phổ – An Hội (Tư Nghĩa) vào sáng ngày 15-8 và sáng 16-8-1945; tại cống Châu me ở Tú Sơn và tại Mộ Cây (Mộ Đức); một trận vào đêm 16 rạng ngày 17-8 ở

đầu cầu Châu Ô (Bình Sơn); một trận vào tối 16-8-1945 ở sông Vệ (Tur Nghĩa); một trận ở vùng Ba La — Ngọc An (Tur Nghĩa) ngày 17-8-1945; và một trận ta diệt đồn Cồ Lũy (Tur Nghĩa) vào đêm 17 rạng ngày 18-8-1945.. Đó là chưa kể những cuộc Nhật đem quân đi càn, lùng và đốt phá nhà của dân chúng như trong ngày 16-8 ở sông Vệ. Những trận đánh nhau giữa Nhật và quân khởi nghĩa, trừ trận đánh đồn Cồ Lũy đêm 17-8 do quân khởi nghĩa chủ động tấn công, còn các trận khác đều do quân Nhật gây ra. Cho đến ngày 18-8-1945, quân Nhật ở Quảng Nghĩa chưa nhận được lệnh ngừng bắn, chuẩn bị đầu hàng đồng minh, vẫn tiếp tục thực hiện những cuộc hành quân thường xuyên chống lại Việt, Minh chống lại du kích Ba Tơ, mà quân Nhật đã thực hiện kể từ cuộc khởi nghĩa Ba Tơ nổ ra (1), những cuộc hành quân của Nhật, có bọn phản động làm tay sai, trong số đó có tên đội lốt Cao đài, đã dẫn đường cho Nhật cùng Nhật đốt phá, bắn giết nhân dân, tập kích quân khởi nghĩa (như trận tối 16-8 ở sông Vệ) đã làm cho làn sóng chống Nhật và bọn tay sai Nhật trong quần chúng cách mạng dâng cao thêm. Ở một số nơi, quần chúng



(1) Theo Thép Mới trong bài « *Hà Nội là sáng tạo* » (báo Nhân Dân ngày 19-8-1982) thì đến chiều 17-8-1945, tướng Xu-Si-ba-si, tư lệnh quân đoàn 38 của Nhật chiếm đóng toàn Đông dương, mới nhận được lệnh của thống chế Nam Tước Tê-rô-si, tư lệnh đạo quân Quan nam của Nhật, từ Sài Gòn điện ra là thực hiện chuẩn bị ngừng bắn trong vòng năm ngày, với yêu cầu phải giữ nguyên hiện trạng cho đến khi quân đồng minh đến. Và đến ngày đó Xu-Si-ba-si mới ký lệnh đề ngày 18-8 cho toàn quân đoàn 38 của y thực hiện ngừng bắn, kể từ 03 giờ sáng ngày 21-8-1945.

khởi nghĩa đã nổi dậy lòng trị bọ tay sai Nhật. cho đến ngày 18-8-1945, thế đấu tranh giữa quân khởi nghĩa với quân Nhật còn rất căng.

Bị quân khởi nghĩa bao vây, cắt đường tiếp tế. quân Nhật ở thị xã Quảng Nghĩa đã lâm vào tình thế thiếu lương thực, điện nước... rất khốn quẫn. Biết được tình hình đó, ngày 18-8 Tỉnh ủy đã chủ trương một mặt điều động toàn bộ lượng lực du kích cứu quốc Ba Tor về đóng thành một vòng đai bán nguyệt từ xã Nghĩa trang (phủ lý Tư Nghĩa) vòng lên vùng Xuân Phổ, An Hội. Đề cùng các lực lượng du kích cùng tự vệ thôn xã hỗ trợ quần chúng khởi nghĩa, tiếp tục bao vây triệt đường tiếp tế của Nhật, và sẵn sàng đánh Nhật, khi địch bung ra càn lung, cướp phá; mặt khác, Tỉnh ủy đã chủ động tổ chức xúc tiến việc điều đình buộc Nhật phải ngừng phản kích, không can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổng khởi nghĩa giành thắng lợi hoàn toàn.

Điều kiện đề điều đình với quân Nhật là :

1 - Nhật phải thừa nhận chính quyền cách mạng.

2 - Nhật không được can thiệp vào việc vũ trang khởi nghĩa của quần chúng.

3 - Rút toàn bộ quân Nhật còn đóng lẻ tẻ các nơi trong tỉnh Quảng Nghĩa về tập trung vào một nơi ở thị xã để chờ ngày rút đi.

4 - Quân Nhật trao khí giới cho chính quyền cách mạng Việt Nam. Chính phủ Việt Nam sẽ đảm bảo an toàn và cung cấp lương thực cho quân đội Nhật; hết chiến tranh, chính phủ Việt Nam sẽ tổ chức cho quân đội Nhật về nước.

Cuộc vận động, điều đình với Nhật giằng co, kéo dài đến ngày 21-8-1945, quân Nhật mới đồng ý nhận các điều

kiện quân khởi nghĩa đưa ra, trừ khoản buộc quân Nhật phải trao vũ khí cho Việt Minh. Đến đây cuộc thương lượng giữa Nhật và quân khởi nghĩa vẫn tiếp tục : thế căng thẳng giữa Nhật với Việt Minh giảm dần.

Ngày 22-8-1945, trong chỉ thị số 14, Tỉnh ủy đã ra lệnh : đình chỉ các cuộc tiến công vào quân Nhật trừ khi quân Nhật khiêu khích ta cần phải tự vệ ; đình chỉ các cuộc đình công, bãi công ; các công sở phải làm việc trở lại ; gấp rút sửa sang, khôi phục các đường giao thông vận tải, các cơ sở thông tin bưu điện, các nhà máy điện, nước máy v.v... (1). Sau ngày 22-8-1945, đại biểu quân khởi nghĩa đã ký với đại biểu quân Nhật một bản hiệp nghị, theo đó quân Nhật thừa nhận và tôn trọng chính quyền cách mạng Việt Nam, sẽ không can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam, hai bên tuyệt đối không đánh nhau ; quân Nhật sẽ ở yên tại chỗ để chờ ngày rút khỏi Quảng Nghĩa – khi cần đi lại Nhật sẽ thông báo trước chính quyền địa phương (2).

Sáng ngày 25-8-1945, một đơn vị quân du kích cứu quốc Ba Tư do đồng chí Tuấn Tài chỉ huy, đã được Tỉnh ủy phái về đóng ở thị xã để cùng với các lực lượng khởi nghĩa ở thị xã và xã Nghĩa Lộ lo giữ gìn trật tự an ninh bảo vệ các cơ quan Đảng, chính quyền, mặt trận cấp tỉnh sắp về làm việc ở thị xã Quảng Nghĩa. Ngày 26, 27-8 các bộ phận cơ quan chỉ đạo của tỉnh đã có mặt tại thị xã và Tỉnh ủy đã họp phiên đầu tiên tại thị xã Quảng Nghĩa vào ngày 27-8-1945.

(1) và 2 Lịch sử Đảng bộ cộng sản tỉnh Quảng Nghĩa, 68
dẫn, trang 87, 88.

Sáng ngày 20-8-1945, trước một cuộc biểu tình lớn có hàng chục vạn đại biểu nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã kéo về lập trung tại thị xã, Ủy ban nhân dân cách mạng đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi do đồng chí Trần Toại tức Kim Tương làm chủ tịch, đã tuyên thệ phụng lãnh trách nhiệm quản lý chính quyền cách mạng trong tỉnh.

*••

Cao trào vũ trang khởi nghĩa chống Nhật cứu nước giành chính quyền về tay nhân dân trong tỉnh Quảng Nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, bắt đầu từ cuộc vũ trang khởi nghĩa Ba Tư, đã toàn thắng, góp phần xứng đáng cùng nhân dân cả nước kết thúc rực rỡ chặng đường đấu tranh giải phóng dân tộc đẩy gian khổ, hy sinh, song vô cùng oanh liệt của các dân tộc Việt Nam, dựng lên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á.

Thắng lợi toàn vẹn đó là kết quả tổng hợp của tất cả những phong trào đấu tranh yêu nước chống Pháp, chống Nhật giành độc lập tự do cho Tổ quốc, của bao thế hệ cách mạng đã anh dũng quên mình vì nghĩa cả, người trước ngã, người sau tiến lên, ông cha làm bị thất bại thì con cháu lại rút tỉa, học tập kinh nghiệm để tìm đường tiến lên. Thắng lợi đó là sự nghiệp, công lao các giai cấp, các tầng lớp nhân dân, các dân tộc yêu nước trong tỉnh đã được Đảng cộng sản lãnh đạo đi theo con đường cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lê-nin. kiên trì gương cao ngóng chờ cách mạng dân tộc dân chủ, đoàn kết toàn dân trên cơ sở công nông liên minh, liên tục đấu tranh chống địch, kiên trì xây dựng, tích lũy

lực lượng, chuẩn bị mọi điều kiện cho thắng lợi cuối cùng.

Riêng trong cao trào cách mạng giải phóng dân tộc (1940—1945), nhất là giai đoạn từ khởi nghĩa Ba Tơ đến cách mạng Tháng Tám 1945, nổi lên những điểm sau đây :

Đảng bộ Quảng Nghĩa đã quán triệt và gương cao ngọn cờ cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng, động viên, tổ chức các giai cấp, các tầng lớp nhân dân yêu nước mà đại đa số là giai cấp nông dân thành một lực lượng cách mạng hùng hậu, lấy khối công nông liên minh làm cơ sở, dưới sự lãnh đạo chỉ đạo của Đảng bộ, kiên quyết gương cao ngọn cờ độc lập thật sự. (Chơn Độc lập), kiên quyết đấu tranh đánh đuổi Pháp, Nhật và tay sai, chống lại mọi khuynh hướng chính trị cải lương thỏa hiệp nói là lợi dụng Nhật để giành độc lập cho xứ sở... Chính việc kiên quyết gương cao ngọn cờ độc lập thật sự, triệt để chống độc lập giả hiệu đó đã thức tỉnh mau chóng cán bộ, đảng viên, cốt cán và đông đảo quần chúng cách mạng trong tỉnh khởi rơi vào vũng lầy độc lập giả hiệu của Nhật, quyết tâm theo Đảng chống Nhật cứu nước, tạo nên một lực lượng cách mạng lớn mạnh chưa bao giờ có trong tỉnh, cô lập mọi bọn thân Nhật và cơ hội khác, sẵn sàng vùng lên vũ trang khởi nghĩa đê bẹp quân thù, giành thắng lợi trọn vẹn cho cách mạng.

Nhờ quán triệt đường lối phương hướng cách mạng của Đảng nên trong lúc chưa được sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Đảng, khi Nhật—Pháp vừa nổ súng bắn nhau, Đảng bộ Quảng Nghĩa đã kịp thời nhận rõ kẻ thù chính trước mắt của cách mạng, mạnh dạn đổi khẩu hiệu « đánh đờ phát xít Pháp—Nhật » thành

khẩu hiệu « đánh đuổi phát xít Nhật, tẩy sạch phát xít Pháp » (1) để lãnh đạo nhân dân cách mạng trong tỉnh cùng nhằm vào một kẻ thù chính trước mắt là phát xít Nhật và bè lũ tay sai của Nhật mà đấu tranh đánh đổ, sớm làm cho Nhật và tay sai bị cô lập và thất bại.

Cao trào chống Nhật cứu nước ở Quảng Nghĩa những năm 1944, 1945 đã phát triển theo những hình thái và bước đi như sau : Lợi dụng thời cơ Pháp đã bị Nhật đánh tan rã, song Nhật cũng chưa đứng vững chân. Đảng bộ Quảng Nghĩa, với một ít lực lượng sẵn có : đã táo bạo vùng lên khởi nghĩa từng phần ở Ba Tơ, tạo thế chủ động tiến công địch, giành quyền làm chủ từng bộ phận với những mức độ khác nhau, ở nông thôn đồng bằng và miền núi, tích cực xây dựng phát triển lực lượng vũ trang, chính trị vượt bậc đều khắp các vùng, để tạo nên một thế và lực mới mạnh mẽ, vững chắc hơn ; và khi có thời cơ mới thì kết hợp toàn bộ sức mạnh của cả hai ngọn đòn bọ lực : lực lượng chính trị (có binh vận), lực lượng vũ trang của cách mạng, thành một sức mạnh tổng hợp, xông lên vũ trang khởi nghĩa đồng loạt, khắp cả ba vùng đồng bằng, miền núi, thị xã, thị trấn, đập tan toàn bộ nguy quân, nguy quyền của Nhật trong tỉnh ; đồng thời tiến đánh và vây ép quân Nhật, làm cho chúng phải khốn đốn, rồi mở cuộc điều đình và buộc chúng phải thừa nhận chính quyền cách mạng và rút đi.

(1) Theo lời đồng chí Trần Quý Hai lúc về Trung ương dự hội nghị Đảng toàn quốc, đồng chí báo cáo toàn bộ các chủ trương của Đảng bộ Quảng Nghĩa, trong đó có chủ trương đổi khẩu hiệu này, đã được Trung ương Đảng nhận là đúng.

Trong chỉ đạo xây dựng và sử dụng các lực lượng vũ trang chính trị, Đảng bộ Quảng Nghĩa cũng đã có những sáng tạo :

Về chỉ đạo quân sự, dựa vào lực lượng chính trị đông đảo quần chúng cách mạng, Đảng bộ Quảng Nghĩa đã sớm xây dựng các lực lượng tự vệ cứu quốc thôn, tiêu tô du kích xã và vùng, lực lượng du kích cứu quốc Ba Tư tập trung có tính cách chính quy, thành một hệ thống lực lượng vũ trang, nửa vũ trang hoàn chỉnh, có chỉ đạo, chỉ huy chặt chẽ, có hệ thống cung cấp, quân nhu, quân trang đều khắp, đầy đủ. Trong chỉ đạo, chỉ huy các lực lượng vũ trang hoạt động, Đảng bộ Quảng Nghĩa đã linh hoạt, khi thì tập trung lại huấn luyện, khi thì phân tán ra đi phát động quần chúng xây dựng cơ sở chính trị, vũ trang, khi thì đồng loạt tấn công giải phóng các vùng miền núi, giáp ranh, mở rộng căn cứ, tạo thế đứng vững chắc cho mọi trường hợp tấn công, thoái thủ ; khi thì tập trung tấn công vây ép địch ở thị xã, thị trấn hỗ trợ cho cao trào vũ trang khởi nghĩa của quần chúng cách mạng trong tỉnh giành được thắng lợi.

Trong công tác xây dựng lực lượng chính trị, Đảng bộ Quảng Nghĩa đã biết chú trọng vận động đồng bào Kinh ở đồng bằng đồng thời với vận động đồng bào các dân tộc ít người ở miền núi; vừa dựa vào số trung kiên chí cốt với Đảng trong mọi hoàn cảnh khó khăn, vừa mạnh dạn phát động, lôi kéo lực lượng cán bộ, đảng viên cũ từ các phong trào trước vốn rất đông ở trong khắp tỉnh vào những Ban vận động cứu quốc các cấp đề cùng lo phát động, tổ chức quần chúng tham gia phong trào chống Nhật cứu nước. Nhờ đó mà chỉ

một thời gian ngắn đã xây dựng được lực lượng chính trị, vũ trang cách mạng to lớn hàng chục vạn người vào các tổ chức cứu quốc được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ rất qui củ, có hệ thống dọc từ xã lên đến huyện, tỉnh, bảo đảm cho cuộc vũ trang khởi nghĩa có thể nhất hô bá ứng, đồng loạt cùng tiến công địch khắp cả ba vùng đồng bằng, miền núi, thị xã, thị trấn giành thắng lợi hoàn toàn.

Trong quá trình chỉ đạo cao trào chống Nhật cứu nước, Đảng bộ Quảng Nghĩa đã chú trọng chống lại chiến bài độc lập giả hiệu của Nhật, kiên quyết vạch mặt những tổ chức, những tên tay sai của Nhật chống phá cách mạng là hoàn toàn cần thiết, đúng đắn. Không làm như vậy thì không thể làm cho quần chúng cách mạng đồng đảo phân biệt đâu là độc lập thật, đâu là độc lập giả, lực lượng cách mạng trong tỉnh sẽ bị phân tán yếu đi.

Trước và trong cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, bọn tay sai Nhật đã tham gia vào các hoạt động, các cuộc hành quân của Nhật chống lại cách mạng, đàn áp, đốt phá, bắn giết đồng bào và chiến sĩ cách mạng (nhất là trong các trận Nhật tập kích ở Sông Vệ, ở Tú Sơn, ở Xuân Phổ...), nên Đảng bộ Quảng Nghĩa đã có chủ trương « bắt giữ » và « trừng trị » Việt gian là đúng đắn. Tuy nhiên trong công tác bắt giữ và trừng trị Việt gian, lại chỉ nêu vấn đề ra một cách chung chung trong một vài chỉ thị, thông cáo, thiếu phân tích rõ thế nào là Việt gian phản động, thiếu chính sách cụ thể đối xử với từng loại, từng hạng; thiếu nêu rõ quyền hạn, trách nhiệm thi hành đối với từng cấp, từng ngành một cách cụ thể và chu đáo. Do đó mà trong những ngày 16,

17-8-1945, ở một số nơi, cấp chỉ đạo, nhất là ở cơ sở, đã nhận thức vấn đề sai lệch, xử lý tùy tiện, có những trường hợp không thích đáng, sai lầm. Cũng do sự chỉ đạo đại khái, thiếu hạn trọng như vậy, mà trong vài nơi, bọn đầu cơ nhận đó đã mượn danh cách mạng, xử lý một số vụ theo ý riêng của chúng. Đó là một khuyết điểm trong chỉ đạo cụ thể; thật đáng tiếc.

Nhìn chung, cao trào đấu tranh chống phát xít Pháp-Nhật giành chính quyền về tay nhân dân trong những năm 1944, 1945 là một cao trào yêu nước của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân cách mạng đồng đảo, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng cộng sản, có quy mô to lớn, sâu rộng và mạnh mẽ chưa từng có trong tỉnh Quảng Nghĩa. Để đưa cao trào ấy tiến lên, Đảng bộ đã nắm rất chắc các đường lối, chủ trương, phương châm, phương thức cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng, nhất là nắm rất chắc tinh thần nghị quyết Trung ương lần thứ tám (5-1941). Nhờ nắm chắc đường lối phương châm chung của Đảng nên Đảng bộ đã có những chủ trương cách mạng rất táo bạo, linh hoạt và sáng tạo sát với tình hình địa phương trong từng lúc khác nhau rất sắc bén. Có được sự chỉ đạo táo bạo, linh hoạt, sáng tạo sắc bén đó là do Đảng bộ Quảng Nghĩa đã trung thành vô hạn với sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, có tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức cao trong việc thực hiện đường lối phương châm cách mạng của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương mình. Và trong chừng mực nhất định, còn nhờ

những cán bộ chỉ đạo phong trào đã được đào tạo, lời
luyện trong những cao trào cách mạng chống Pháp
quyết liệt rộng lớn trong tỉnh trước đó, nên đã có ý
thức và kinh nghiệm trong việc vận dụng cương lĩnh,
phương châm để đưa phong trào tiến đến thắng lợi
tròn vẹn và vững chắc, kết thúc một cách vẻ vang giai
đoạn đấu tranh cách mạng chống Pháp giành độc lập
và dân chủ cho Tổ quốc, cho dân tộc.

PHẦN KẾT

MẤY SUY NGHĨ BAN BẦU

Từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, nhân dân Việt-Nam kế tiếp truyền thống yêu nước chống ngoại xâm đều có chung một nguyện vọng, một ý chí cháy bỏng là làm sao đánh đuổi cho được bọn cướp nước là thực dân Pháp giành lại độc lập, tự do cho Tổ quốc cho dân tộc.

Là một phần máu thịt của dân tộc Việt Nam, nhân dân Quảng Nghĩa đã trường kỳ hy sinh phấn đấu thực hiện cho kỳ được nguyện vọng cứu nước, cứu dân tha thiết đó. Trong suốt sáu mươi năm (1885-1945), trải qua ba thời kỳ : Phong trào « Cần Vương », phong trào yêu nước chống Pháp mang màu sắc dân chủ tư sản và phong trào yêu nước chống Pháp đi con đường cách mạng vô sản, theo chủ nghĩa Mác-Lê-Nin, nhân dân Quảng Nghĩa đã làm lên 9 cuộc khởi nghĩa vũ trang, 2 đợt nổi dậy và 3 cao điểm đấu tranh chính trị công khai (1). Phong

(1) *Chín cuộc khởi nghĩa vũ trang* gồm có : phong trào « Cần Vương » 3 cuộc (và 1 cuộc vận động khởi nghĩa không thành) ; phong trào phục quốc một cuộc (1916), cuộc khởi nghĩa Ba Tơ (1945) và cuộc khởi nghĩa của đồng bào các dân tộc ít người ở miền tây Quảng Nghĩa. Khởi nghĩa của ông Đinh Đoàn, Đinh Đâu trước 1908, khởi nghĩa của các ông Đinh Mút, Đinh Tom trước và sau 1921 ; khởi nghĩa của các ông Chánh Nhá, Phó Nía năm 1937 đến 1945 và khởi nghĩa của đồng bào Trà Hồng do Phó Mục Gia đứng đầu 1937-1945.

— *Hai cuộc nổi dậy là* : Cao trào « khát thuế » 1908 và cao trào 1930-1931.

— *Ba cao điểm đấu tranh chính trị công khai là* :

- Phong trào Duy Tân (1906-1908).
- Phong trào Cải lương 1923-1926).
- Phong trào Mặt trận dân chủ (1936-1939).

trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Quảng Nghĩa như những làn sóng nối tiếp nhau, lúc lên, lúc xuống, không bao giờ ngừng, mà xu thế chung của những đợt sóng cách mạng đó là : nội dung và mục tiêu chính trị ngày càng tiến bộ, đúng đắn hơn ; lực lượng chiến đấu ngày càng lớn mạnh và tổ chức được chặt chẽ, qui củ hơn ; qui mô và hình thái đấu tranh của phong trào ngày càng rộng khắp và nhiều dạng về linh hoạt hơn. Đặc biệt, những lúc con đường giải phóng dân tộc đi vào những khúc quanh của lịch sử đất nước, phong trào yêu nước chống Pháp ở Quảng Nghĩa đều lập tức có mặt với phong trào cả nước ở vị trí tiền tiêu của cuộc chiến đấu. Kết quả là : những phong trào yêu nước chống Pháp lớn, nhỏ, từ cuộc khởi nghĩa năm 1885 của ông Lê Trung Đình đến cuộc khởi nghĩa Ba Tơ tháng 3-1945 đều đã góp phần chuẩn bị cho cao trào toàn dân Quảng nghĩa nổi dậy tổng khởi nghĩa vũ trang tháng Tám 1945, cùng cả nước giành lại độc lập tự do cho Tổ quốc, đưa đất nước ta, dân tộc ta bước lên vũ đài các dân tộc tiên tiến trên thế giới,

•••

« Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh », đó là ý chí, quyết tâm chống ngoại xâm đáng tự hào của nhân dân ta, dân tộc ta. Song chế độ phong kiến triều Nguyễn, kể từ vua Gia Long, là một chế độ cực kỳ phản động, « ởong rần cắn gà nhà », đàn áp, bóc lột nhân dân cao độ. Triều đình và nhân dân đối lập nhau, khối đoàn kết dân tộc chống ngoại xâm hầu như bị tan rã. Vì vậy mà trước họa xâm lăng của giặc Pháp, nhà nước phong kiến của triều Nguyễn bất lực, phải liên tiếp

nhượng bộ rồi đi đến đầu hàng bán nước cho Pháp. Chính lúc ấy, phong trào văn thân giương cao ngọn cờ Cần Vương chống Pháp đề tập hợp các lực lượng yêu nước chống Pháp xâm lược và bẻ lũ tay sai. Ở Quảng Nghĩa, lực lượng Văn thân yêu nước đã kịp thời vùng lên khởi nghĩa để thực hiện khẩu hiệu có tính cương lĩnh: « tiêu tặc, trừ gian, bình quốc loạn » (1). Phong trào Cần Vương do các nhà Văn thân Quảng Nghĩa lãnh đạo, trước sau luôn luôn trung thành, kiên định với mục tiêu đánh Pháp giành độc lập dân tộc. Chính vì vậy mà trong vòng mười một năm, phong trào Cần Vương đã tổ chức được ba cuộc khởi nghĩa vũ trang (và một cuộc vận động khởi nghĩa không thành). Khởi phục và phát triển được truyền thống yêu nước bất khuất của nhân dân trong tỉnh.

Phong trào yêu nước chống Pháp sau Cần Vương ở Quảng Nghĩa, chủ yếu vẫn là do tầng lớp trí thức Hán học yêu nước lãnh đạo. Những phong trào yêu nước chống Pháp trong thời kỳ này tuy có mang màu sắc dân chủ tư sản song vẫn không xa rời mục tiêu độc lập dân tộc. Thực ra những khẩu hiệu vận động có mang màu sắc dân chủ tư sản trong các phong trào Duy Tân, Phục Quốc, Cải lương... từ đầu thế kỷ XX đến những năm 1925-1926 trong tỉnh, khởi phát là do nhu cầu phát triển của một nền kinh tế tư bản, mà là do hoài vọng độc lập dân tộc của giới sĩ phu yêu nước đang bị bế tắc về đường lối trước sức mạnh của nền kinh tế tư bản đế quốc đang thống trị hoàn cầu. Đáng chú ý là do ảnh hưởng của cuộc vận động yêu nước và dân chủ tư sản

(1) Khẩu hiệu đề trên cờ cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Bội Loan 1885-1888.

của hội Duy Tân đã làm thức tỉnh tinh thần chống Pháp, chống Nam triều tay sai của Pháp trong đông đảo nhân dân lao động, đẩy lên một phong trào khát thuế long trời lở đất, làm rung chuyển ách thống trị hà khắc của Pháp và tay sai. Sự kiện này chứng tỏ nguyện vọng, yêu cầu độc lập và dân chủ của nông dân là vô cùng bức thiết và khả năng cách mạng của nông dân là rất to lớn, hùng hậu.

•••

Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận xét: « Trong mấy mươi năm chưa có Đảng, tình hình đen tối như không có đường ra » (2).

Những năm 20 của thế kỷ này, phong trào yêu nước chống Pháp trong tinh trải qua sự phân hóa và đi vào một bước ngoặt mới. Chủ nghĩa Mác-Lê-nin và cách mạng tháng Mười Nga đã soi sáng đường đi đến thắng lợi cho những lực lượng yêu nước chống Pháp chân thành và triệt để. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc, người con ưu tú nhất của dân tộc, đã từ chủ nghĩa yêu nước chân chính tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lê-nin, dẫn dắt nhân dân ta đi vào con đường cách mạng vô sản theo chủ nghĩa Mác-Lê-nin cách mạng và khoa học. Đảng cộng sản Việt Nam (sau đổi là Đảng cộng sản Đông Dương) ra đời, xác định đường lối phản đế, phản phong, giành độc lập dân tộc và dân chủ nhân dân. Khẩu hiệu độc lập dân tộc, người cày có ruộng, chính quyền về tay công nông

(2) Hồ Chí Minh tuyển tập. Tập II. Nhà xuất bản sự thật, Hà Nội - trang 146.

hình như những tiếng kèn xung trận vang dội, thòi thúc giải cấp công nhân, nông dân và toàn dân tộc ta xông lên giành lại độc lập, tự do. Trung thành với đường lối đó, Đảng bộ cộng sản tỉnh Quảng Nghĩa đã bền bỉ đi sâu phát động, tổ chức, lãnh đạo quần chúng công, nông và các tầng lớp yêu nước khác vùng lên đấu tranh sinh tử với quân thù suốt 15 năm, góp phần cùng cả nước giành cho kỳ được độc lập và dân chủ thực sự. Từ khi Đảng bộ cộng sản Quảng Nghĩa thành lập, phong trào yêu nước chống Pháp trong tỉnh đã có sự thay đổi về chất: phong trào đã từng bước kết hợp được chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, kết hợp được tinh thần cách mạng triệt để với tính khoa học của chủ nghĩa Mác-Lê-nin trong việc vận dụng chiến lược, sách lược và xây dựng, điều khiển cách mạng theo hệ thống lãnh đạo, chỉ đạo tập trung dân chủ. Phong trào yêu nước đã có nội dung giai cấp và đã thật sự trở thành những phong trào cách mạng của quần chúng; chấm dứt thời kỳ mà những phong trào yêu nước chống Pháp thường nổ ra theo những kế hoạch, âm mưu của một số ít nhà lãnh đạo.

Trong quá trình phát triển, phong trào yêu nước chống Pháp trong tỉnh đã không ngừng đấu tranh chống mọi quan điểm, chủ trương đầu hàng, thỏa hiệp với Pháp, với Nhật của các phe phái phong kiến, tư sản và tiểu tư sản đặc biệt là chống những xu hướng cải lương thỏa hiệp. Trong một tỉnh có đông tiểu tư sản nông thôn (và thị thành nhỏ), nếu không đặt rõ và vạch vấn đề đấu tranh tư tưởng và đường lối thì khó có thể làm cho nhân dân yêu nước nhận rõ địch ta, phải trái. Và như thế thì sẽ khó giữ cho được đội ngũ cốt cán của phong trào đi đúng đường lối cách mạng chân chính

và triệt để. Như vậy ắt sẽ gặp khó khăn lớn trong việc dẫn dắt đồng đảo quần chúng thẳng bước tiến lên giành thắng lợi trọn vẹn cho cách mạng.

Lực lượng lãnh đạo, mục tiêu và tính chất phong trào trong tình mỗi thời kỳ có chỗ khác nhau. Nhưng có một cái chung như sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình lịch sử các phong trào yêu nước chống Pháp trong 60 năm, đó là lòng yêu nước, thương dân, chí căm thù—quân cướp nước và bè lũ bán nước. *Giải phóng dân tộc luôn luôn là mục tiêu cơ bản hàng đầu và là động lực thúc đẩy các lực lượng yêu nước chống Pháp (và Nhật) tiến lên giành thắng lợi.* Từ khi có Đảng cộng sản, mục tiêu dân chủ, giành ruộng đất về cho dân cấy ngày càng thấm sâu vào quảng đại quần chúng nông dân lao động, lời cuốn đông đảo nông dân theo Đảng đấu tranh giành độc lập và dân chủ. Tuy vậy, nghiên cứu kỹ vào nội dung, yêu cầu và khẩu hiệu đấu tranh chống Pháp trong tỉnh Quảng Nghĩa qua các thời kỳ, kể cả thời kỳ do Đảng cộng sản lãnh đạo, *nhiệm vụ dân tộc luôn luôn nổi lên, xuyên suốt và ở địa vị chủ yếu trong mọi đường lối, chủ trương và khẩu hiệu đấu tranh, nhiệm vụ dân chủ luôn luôn phục tùng nhiệm vụ dân tộc.* Mỗi quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và dân chủ phát triển như vậy là hợp với yêu cầu phát triển của cách mạng, đúng như đại hội quốc tế cộng sản lần thứ hai đã chỉ rõ: ... *Sự lũng đoạn của các nước ngoài luôn luôn kèm hãm đời sống xã hội và vì lẽ đó, bước thứ nhất của cách mạng thuộc địa là phải lật đổ tư bản nước ngoài (1).*

(1) Dẫn theo sách *Cách mạng Tháng Tám năm 1945*, in lần thứ hai trang 155. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội — 1971 — Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương biên soạn.

Phương hướng, đường lối và bước đi phù hợp với yêu cầu khách quan của cách mạng là bảo đảm chắc chắn cho phong trào yêu nước chống Pháp (và Nhật) trong tình vũng vằng tiến tới thắng lợi cuối cùng. Không ngừng gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, dân chủ nhân dân. Phong trào yêu nước chống Pháp ở Quảng Nghĩa đã từng bước giành được trái tim, khối óc của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, nhất là đã lôi cuốn được công nhân dân lao động vào mặt trận yêu nước chống Pháp, trên cơ sở công nông liên minh dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, liên tục dùng những ngọn đống bạo lực cách mạng, cùng với nhân dân cả nước, đập tan xiềng gông đế quốc, phong kiến, giành chính quyền về tay nhân dân.

Con đường mà các phong trào yêu nước ở Quảng Nghĩa đã đi suốt 60 năm còn chỉ rõ thêm: người nông dân Việt Nam mất nước, chẳng những ước mong có miếng đất, mảnh vườn để sinh sống, mà còn rất tha thiết với độc lập, tự do. Bởi lẽ « nước mất thì nhà tan ». *Không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc thì chẳng những toàn thể quốc gia, dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi bộ phận của giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được.* (Nghị quyết Trung ương Đảng, lần thứ tám, tháng 5-1941).

Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đó là yêu cầu, nguyện vọng sâu xa, tha thiết của nhân dân ta. Khởi dậy được sức mạnh của cả dân tộc đương khát vọng độc lập, tự do và biết động viên, tổ chức, lãnh đạo được đông đảo nhân dân vào cuộc đấu tranh sinh tử với quân thù « khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng ».

Quảng Nghĩa nằm giữa chiều dài của Tổ quốc Việt Nam ở xa những trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa quan trọng của đất nước. Đến cách mạng tháng Tám 1945, Quảng Nghĩa căn bản còn là một tỉnh nông nghiệp, sản xuất phân tán theo lối tự cấp tự túc. Trong tỉnh trừ mấy nhà tư sản thương nghiệp Hoa Kiều, Ấn Kiều nhỏ, còn thì chưa có một nhà tư sản công thương nghiệp nào là người Việt Nam. Cả tỉnh chỉ có mấy chục công nhân ngành xe lửa và điện đèn. Tầng lớp thợ thủ công sống phân tán và còn dính chặt vào sản xuất nông nghiệp. Đại bộ phận dân cư trong tỉnh là nông dân. Trong nông thôn Quảng Nghĩa còn lưu giữ khá đậm những mối quan hệ thân tộc, xóm làng, nghề nghiệp, quan hệ đoàn kết, tương trợ nhau trong sản xuất và đời sống... Những mối quan hệ đó nối liền và xoắn xuýt với nhau theo phong tục tập quán lâu đời, ít khi bị tan vỡ. Sống trong cái khung cảnh kinh tế xã hội còn mang nhiều màu sắc thuần phác nông thôn xa xưa và ít bị ảnh hưởng của nền kinh tế, văn hóa tư sản chi phối, với truyền thống đấu tranh với thiên nhiên và đấu tranh xã hội lâu dài, nhân dân Quảng Nghĩa đã có những tâm tư tình cảm và những nguyện vọng cơ bản giống nhau, sẵn sàng cùng nhau hành động.

Từ khi xâm chiếm Việt Nam, giặc Pháp đã cấu kết với các thế lực phong kiến phản động, lạc hậu, áp bức, bóc lột nhân dân ta vô cùng tàn khốc, làm cho nhân dân ta, trước hết là nông dân, ngày càng bần cùng và không có lối thoát. Có áp bức, có đấu tranh. Áp bức dân tộc và áp bức giai cấp nặng nề tăng vọt lên đã làm cho phong trào đấu tranh của nhân dân, chủ yếu là của nông dân, thường có tính chất bùng nổ, và khơi ngòi những cuộc bùng nổ ấy thường là o ùng lớp trí thức

yêu nước có nhiều quan hệ với nhân dân lao động. Và khi đã bùng nổ thì những nhà lãnh đạo cốt cán của phong trào ở Quảng Nghĩa thường biết men theo những mối quan hệ sẵn có trong xã hội mà lan chuyển phong trào ra rất nhanh, rất rộng và nhiều khi khá mạnh.

Mỗi lần phong trào yêu nước chống Pháp bùng nổ, giặc Pháp và tay sai thường dùng chính sách khủng bố đẫm máu hòng tiêu diệt mầm phản kháng trong nhân dân ta. Nhưng chúng đã uổng công. Phong trào trước bao giờ cũng để lại cho mai sau những cốt cán để tiếp tục sự nghiệp đánh Tây cứu nước. Những cốt cán của phong trào còn lại đó, thường bám vào những mối quan hệ xã hội chằng chịt sẵn có mà bắt rễ, xâu chuỗi tạo thêm cốt cán mới để cùng xây dựng lại cơ đồ. Bởi những cốt cán ấy vốn từ nhân dân mà ra và là đại biểu cho yêu cầu nguyện vọng độc lập và dân chủ của nhân dân, nên họ có cái thể để bám chặt vào trong nhân dân, họ có uy tín rất lớn, luôn luôn được nhân dân nuôi dưỡng, che chở và nghe theo. Sự tồn tại và phát triển lớp lớp cán bộ qua các phong trào nối tiếp nhau như vậy đã tạo môi trường xã hội thuận lợi cho các phong trào yêu nước chống Pháp trong tỉnh có sẵn nhiều hạt giống cách mạng nằm sâu trong quần chúng, giữ gìn củng cố mối quan hệ giữa lãnh đạo với quần chúng ngày càng bền chặt. Chính vì vậy mà có nơi, có lúc hệ thống lãnh đạo chỉ đạo phong trào bị tan, bị tan, mà cơ sở và phong trào vẫn còn. Đó là yếu tố rất quan trọng khiến cho phong trào yêu nước chống Pháp trong tỉnh Quảng Nghĩa thường phục hồi nhanh chóng, và luôn luôn có mặt ở tiền tuyến cuộc chiến đấu kịp thời trong những khúc quanh của lịch sử cách mạng Việt Nam. Từ khi có Đảng cộng sản, đội ngũ cốt cán mới

được nhân thêm gấp bội, bám chắc khắp xóm làng, đường phố. Nhờ đó, mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng, trước hết là mối liên hệ giữa đội ngũ cán bộ cách mạng chuyên nghiệp với lực lượng cốt cán của quần chúng trung thực ở cơ sở càng rộng và chặt hơn. Điều đó rất nghĩa vì sao phong trào ở Quảng Nghĩa nhiều lúc dâng lên với cái thế nhất hô bá ứng.

Phong trào yêu nước chống Pháp trong tỉnh Quảng Nghĩa từ 1885 đến 1945 đã liên tục tiến công vào giặc Pháp và phong kiến tay sai, góp phần xứng đáng cùng cả nước giành lại độc lập, tự do cho Tổ quốc, cho dân tộc. Làm được như vậy, suy cho cùng, là do các phong trào yêu nước chống Pháp ở Quảng Nghĩa luôn luôn nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc, dân chủ nhân dân, nắm chắc ngọn đòn bọ lực cách mạng giáng trả bạo lực phản cách mạng của quân thù luôn luôn xây dựng, mở rộng và giữ gìn được mối liên hệ bền chặt giữa lãnh đạo phong trào với quần chúng cách mạng đông đảo. Đó là kinh nghiệm và là niềm tự hào chính đáng của các phong trào yêu nước chống Pháp trong tỉnh Quảng Nghĩa từ 1885 đến 1945.

PHỤ LỤC

1. Xin đúc một chữ đồng ⁽¹⁾

LÊ ĐÌNH CẦN

Hạ bút thảo đôi hàng quốc ngữ,
Gởi đồng bào, chừ vị sĩ phu.
Nước ta trải mấy nghìn thu.
Gian truân phải nhượng giặc thù phải co.
Bởi sức mạnh cơ đồ Phù Đổng,
Từ Lạng Sơn đến vũng Hà Tiên.
Thuở xưa vua thánh tôi hiền,
Đủ tài đuổi giặc giữ quyền an bang.
Giờ, trên chín bệ lâu vàng mục hủ,
Dưới trăm quan giặc ngủ im lìm.
Gió táy phẩn phát ngoài rèm.
Lát lay hồn quế bên đèn phù dung.
Mặc nói giống lao lung tù hãm,
Chốn triều đường trải gấm lạy Lang sa.
Than ơi một cõi sơn hà
Nghìn năm vẫn hiển thành ra ngục tù.
Nước Đại Việt mây mù phủ kín,
Giống Lạc Hồng điêu đứng tang thương.
Vì chung giặc Pháp xâm lăng
Vì chung nhà Nguyễn bán mình cầu thân.
Giờ ta tự cứu lấy mình.
Vứt dường khoa mục treo danh hoạn đồ.
Quyết ngăn chống sóng to vào cửa,
Cứu dân ta khỏi bề trầm luân.
Cả kêu tất thấy bà con,

Sự cơ dường ấy ngồi nằm sao an ?
 Lẽ nào đề làm than rên xiết,
 Có mắt mà chẳng biết thấy nghe.
 Há đâu cứ mãi hôn mê
 Cam làm nô lệ một bề mà thôi
 Hòa ái quốc mê rồi lại tỉnh,
 Nỗi hận thù phải tính làm sao ?
 Chớ đem sinh lực tiêu hao.
 Ham mùi lợi lộc chui đầu quyền môn.
 Kia chẳng phải thiên hôn địa ám,
 Nước ta từ Nguyễn Ánh đến nay.
 Dân nghèo, vua lại no say,
 Lợi quyền tóm vắt về tay cường đồ.
 Cơ vận hội ai xui đến đó,
 Vì du hoan quyền rũ xa hờa ;
 Dem thân đời lấy sơn hà
 Làm vua nước Việt tới nhà Pháp Lang.
 Hai mươi triệu (dân) thành đàn trâu ngựa.
 Xô xuống hầm không cự không la.
 Cướp cả nước tịch cả nhà
 Dắt đầu đi đó thật là nhục nhơ
 Thế rồi nói rằng nhờ tế - độ,
 Được danh là bảo hộ Viêm Bang ;
 Nghĩ thôi luống những ngựa gan ;
 Giặc Nguyên thưở trước nghênh ngang hoàn cầu.
 Chỉ mấy trận ôm đầu chạy trốn,
 Hống thẳng Tây có đáng là bao !
 Oan hồn càng lặc càng cao,
 Chẳng lo rửa nhục lại nào mua danh.
 Hỡi những kẻ tài danh quốc sĩ,
 Chữ kinh luân xin nghĩ cho sâu.
 Đợi trời, trời có hay đâu

Là người, người phải cùng nhau cứu đời.
Trước thế cuộc chớ ngồi mà ngó,
Họa diệt vong nào có bao xa!
Triệu, Trung vốn phận đàn bà,
Nêu gương anh kiệt chói lòa non sông.
Ta đây đã sỏi sành kinh sử,
Đạo ở đời còn đợi chờ ai?
Nước nhà gặp lúc nạn tai,
Sao không ra sức diệt loài thù chung.
Mà để vậy ngó chừng nhau mãi,
Uốn lưỡi mềm bàn cãi chuyện xưa.
Đưa cây ra địch với cưa
Thịt nào mà chịu cho vừa thớt dao.
Giữ thân phận kẻ nào người ấy,
Đoái trông ra càng thấy đau buồn,
Quan nha ra cúi vào luồn,
Triều đình làm mướn ra tuồng chi đâu.
Nghĩ như vậy càng đau càng nhục
Còn vinh chi xung khắc với nhau.
Năm tay tỉnh dậy cho mau.
Đồi lòng mé muội mà trau tinh thần.
Đồi hủ tục thuận phong trở lại
Đồi điểm đảng bỏ thói điều ngoa
Đồi lòng gian nịnh tinh ma,
Đồi nòi đại chợ khôn nhà bấy nạy;
Đồi dựa thế hại người nghĩa khí,
Đồi thị phi theo lý sự cùn
Đồi khăn, đồi áo lòng thông,
Đồi răng trắng lại, bỏ lòng đen đi;
Bao thú tính chi chi cũng đồi,
Sợi tóc dài bối rối bấy lâu,
Lược cài trâm dắt chi đâu,

**Nặng nề sừng gạc trên đầu thối hời;
Bỏ chè rượu, bỏ mùi nha phiến
Bỏ hàng Tàu vải quuyến trắng đằm
Bỏ nghề đồ bát gian tham,
Bỏ mê phù thủy, bỏ nhảm tụng kinh;
Bỏ cho hết nhục tình cựu chế,
Đều ở ăn theo lệ văn minh,
Sao cho phù hợp với mình,
Đừng đưa xa xỉ, đừng bày rình rang.
Phải tìm học k ôn ngoan làm trước,
Phải kết đoàn cả nước với nhau,
Nông công hai nghiệp làm đầu,
Khoa danh đừng chuộng công hầu đừng ham.
Cuộc tự lập chăm làm cho nổi,
Thì nước nhà mới trở đầu lên;
Giang san thu phục về mình,
Danh vang bốn biển tiếng rền năm châu.
Đừng phó mặc tới đâu hay đó,
Đừng ngủ đờn đợi cổ người lo;
Cũng đừng thi thụt nhỏ to,
Ồ... ở lỗ miệng, bo bo việc nhà.
Xin cả thầy gái, trai, già, trẻ,
Khắp mọi nhà cha mẹ anh em
Chung lòng đấu sức lo chăm,
Đừng chờ vận hội, đừng thêm dối gian.
Bỏ hết thói « chỉ đàng, làm ngõ »
Bỏ sạch tưởng nói, có làm không;
Mạnh, giàu vì sức người đồng,
Gặp khi gánh nặng tâm đồng chung vai.
Đường kinh quốc đường dài dằng dặc,
Đừng quay lưng kẻ Bắc người Nam
Cùng đừng lực bất khả khăm,**

Sớm sơn đỏ đỏ, tối chàm xanh xanh.
Đừng lán lướt rằng mình hiểu biết,
Vinh mặt mày nói ngược làm xuôi.
Việc này chẳng chuyện riêng ai,
Gặp cơn quốc nạn ghé vai đỡ đỡ.
Cũng phải tránh, đừng đâm dưng thọc,
Đừng mưu toan nịnh dục hại nhau;
Gió đưa chẳng trước thì sau,
Trí khôn lặn mở đâu đâu cũng đều.
Nói giống ta chung nhau mà giữ
Đề kẻ thù găm gờ thịt da,
U mê chi lắm vậy mà,
Phải sao chịu vậy hư đà quá hư.
Cũng có kẻ lừa dư tiền đủ,
Nhưng lo bề ăn ngủ mà thôi
Miễn sao thông thả cái đời,
Vẫy vùng miệng chấu đưa bơi trong lòng!
Củi một đống chất chồng trên lửa,
Đề vậy ngồi mà ngỡ rằng an,
Thương thay chim sẻ một đàn,
Cháy thiêu phải chịu thở than đặng nào?
Khắp trong nước anh hào chẳng thiếu
Đề vậy ngồi mà chịu nhục như.
Đập đầu nện óc trơ trơ,
Sai đâu đi đó, mong chờ người thương.
Kìa thử hỏi ai thương sa đó.
Ai giết người giày xéo non sông.
Ai gieo tử nhục làm than,
Ai gieo tang tóc ngập tràn máu xương.
Lại còn bảo rằng sang bảo hộ,
Kéo qua đây khai hóa văn minh.
Làm cho nói giống điệu linh

Luân thương diên đảo nghĩa như lộn phèo !
Mà có kẻ chạy theo lạy lục,
Thờ làm thầy đời nhục làm vinh,
Nghĩ thôi càng giận hơn tình,
Bập bênh vận nước chênh vênh mái chèo.
Nghĩ mà giận những người theo giặc,
Nghĩ mà đau nước mắt nhà sao !
Đôi lời nhắn với đồng bào,
Ở đời ta phải tính sao với đời.
Kẻ biết trước chỉ người chưa biết,
Đừng để dân bị diệt không hay
Đau lòng nên phải nói ngay,
Đừng chê lời tục, đừng nài thanh tao.
Miễn giữ được tài cao chí cả,
Giữ một niềm sắt đá tri tri,
Xem trong hai chữ an nguy,
Chữ nào là nhục chữ nào là vinh ?
Đạo quân tử răn mình còn đó,
Dạy cho ta chỉ có chữ hùng,
Cường quyền coi chúng như không,
Đọc ngang một cõi vầy vùng bốn phương,
Trong chính sử giữ đường tiết nghĩa,
Việc ở ăn vận chữ kiên trinh.
Gặp cơn sóng gió bất bình,
Chẳng đời, chẳng nhiều, chẳng khinh, chẳng sùng,
Đạo mình học rành rành các đạo,
Can có chi cam chịu thua người.
Giờ sao chẳng chút hồ người,
Cái hư trước mặt ai cười, cười ai ?
Giờ sao cũng một nòi một giống,
Cũng thịt xương sao không một lòng,
Nói chi xiết, kẻ chi cùng,

Ta xin đúc một chữ đồng với nhau,
Cũng có kẻ sinh sau khôn trước
Cũng có người hiền ngược làm xuôi
Trên hung cây có tay người,
Mặc ai khổ nhục miễn đời no say.
Đường vinh nhục ta nay phải sáng
Chí tự cường cây hãn nhân dân,
Mong sao trên dưới một lòng,
Cùng nhau lấp hố bất bằng từ đây.
Đời nô lệ đang cay quết sạch,
Đất tự do — hạnh phúc xây nên,
Nghìn thu lộng cảnh rồng tiên.
Việt Nam chung đúc văn minh loài người.

1908 .

(Nguyễn Xuân Phong đọc lại)

Chúng tôi thấy bài này phản ánh khá rõ những tư tưởng quan điểm và chủ trương của hội Duy Tân ở Quảng Nghĩa mà ông Lê Đình Cần là một nhà sáng lập (B.Đ.)

Tâm sự (1).

PHẠM CAO ĐÀM

Ai bày ai biểu sự xin xâu,
Tội báo thân hào cực bấy lâu.
Mưa nắng chi sồn gan đá sắt,
Đắng cay phải trả nợ mây râu.
Đã dành gánh vác cho non nước
Bao quản lao đao chuyên dải dẫu.
Nghĩ lại làm trai nên phải vậy.
Xưa nay thành bại lạ gì đâu

1906

Dặn dạ (2)

NGUYỄN ĐÌNH QUẢNG.

Dân cực ta nay sướng được nào,
Dân lầm ta chịu cũng không sao.
Đắng cay dặn dạ đừng nấp nỉ,
Non nước trên lòng phỉ ước ao
Di ở chớ nài chân rã riệt,
Ấp iu đâu phải mặt chạo vào (nhấn nhó)
Gặp cơn sóng gió còn cơn tạnh,
Cầm lái giông sâu lướt tới ào!

1908

(1 và 2) Cụ Phạm Cao Đàm và cụ Nguyễn Đình Quảng là 2 yếu nhân trong phong trào Duy Tân ở Quảng Nghĩa. Trong cuộc chống thuế, chống xâu, hai cụ đều bị bắt. Trên là 2 bài thơ các cụ làm sau khi bị bắt. Đây là một bằng chứng là phong trào chống thuế chống xâu ở Quảng Nghĩa không phải do hội Duy Tân lãnh đạo.

Hai bài thơ trên do cụ Phạm Thọ Chánh, cháu cụ Phạm Cao Chăm đọc. Hội Định ghi tháng 6-1978.

Chuyện ngược đời

TRẦN KỶ PHONG

Cuộc đời nghĩ cũng lạ cho,
Người ta ăn gạo, trâu bò ăn rơm.
Người cày mà chẳng có cơm,
Mấy anh thợ ngói lấy rơm lợp nhà.
Buồn cho mấy chú thợ da,
Trong lưng không nịt, đi ra không giày.
Buồn cho các chú thợ may,
Bao nhiêu quần áo trao tay cho người.
Nói ra dở khóc, dở cười,
Người làm không hưởng đũa-xôi không làm.

-Do Nguyễn Quang Cự và Phạm Lăng

1938.

(đọc lại)

Hãy xốc tới

NGUYỄN NGHIÊM

Hãy xốc tới phá tan nền thống trị,
Đạp chông gai xây dựng cột dân quyền.
Nổi phong ba để quốc đả ngã nghiêng
Dậy sấm sét rung rinh bé quân chủ.
Sống cách mạng ào ào trong vũ trụ,
Chớp lửa lòng sáng rực ánh tương lai,
Đường đấu tranh hiện tại vẫn còn dài.

Là cho trận cuối diệt trừ loài giặc giũ.
Hỡi tất cả bạn đồng tâm đồng chí,
Kin cùng nhau gắn chặt nghĩa keo sơn.
Còn người còn nước còn non,
Hễ còn áp bức ta còn đấu tranh!

1930

(Do chị Hồng Hà (vợ anh Nghiêm) đọc lại).

Đâu đành nằm im

(Thơ tuyệt mệnh ?)

Tử sanh, sanh tử là gì,
Đem thân ra trận mà thi mới hào.
Đền nợ nước rơi máu đào,
Đã vì nghiệp lớn sá nào tính riêng!
Đời còn lắm nổi truân chuyên,
Nước còn ly loạn đâu yên việc nhà.
Tình dân nghĩa nước bao la,
Phất cao cờ Đảng xông ra chiến trường.
Thân dù thịt nát xương tan.
Giống nòi sống mãi, non sông huy hoàng.
Lòng ta chan chứa nhiệt thành,
Đâu rằng ngã xuống đâu đành nằm im.
Biến thành hồn nước thiêng liêng.
Hòa trong sóng cả dâng lên diệt thù.
Đời lời nhắn bạn "chính phu,
Tử sanh há dễ mờ lu chi hùng.

1931

(Do đồng chí Trần Hàm đọc lại)

Theo gương Nga Xô cùng nổi dậy

Khuyết Danh,

Sóng cách mạng vang lừng thật dữ
Công nông Nga đã phất cờ đầu.
Mười ngày chấn động hoàn cầu.
Làm gương cho cả năm châu soi vào.
Biết bao vũng máu đào xương trắng.
Chi đấu tranh quyết thắng đến cùng.
Làm tròn sứ mệnh công-nông
Mở đường thắng lợi đại đồng mai sau
Ngay từ lúc cùng nhau tổ chức,
Bọn Nga hoàng đã chực phá tan,
Biết bao thủ đoạn dã man,
Súng gươm đã lăm mưu gian cũng nhiều.
Chúng những tưởng làm tiêu cách mạng
Nào ngờ đâu cách mạng càng hăng
Phong trào ngày một thêm tăng,
Con đường lịch sử có ngăn được nào.
Lửa đã cháy dầu vào thêm cháy,
Giết một người nổi dậy hàng muôn.
Thịt tan xương nát máu tuôn,
Một năm cách mạng nổi lên hai lần.
Nhân gặp lúc những quân đế quốc,
Gây chiến tranh để cướp thị trường,
Tranh quyền đoạt lợi bán buôn,
Công nông bia đạn chiến trường phơi thây
Hung Áo Đức chung tay đấu sức,
Pháp Anh Nga hiệp lực kết liên,
Tung bom vãi đạn liên miên.

Àu châu khói lửa xung thiên mịt mù.
Ngà chuyên chế cơ đồ sụp đổ,
Nêu hất ra hơi thở cuối cùng.
N. ọn đèn sắp tắt lửa bùng,
Quay ra tàn sát đê hồng nuôi hơi.
Nhà tan, máu đỏ ngập trời,
Kẻ ngoài chiến địa người nơi ruộng đồng.
Áo, giày, than, bánh, sạch không,
Thuốc tó chông chất, xiềng gông nặng nề
Đau thương túi nhục ê chề,
Khí cảm máu uất quyết thề đứng lên!
Cứu lấy mình, mình phải hy sinh.
Cùng nhau đoàn kết đấu tranh,
Phá nền đế chế chặt tung xích xiềng.
Đảng xã hội giành quyền lãnh đạo,
Khắp dân gian cổ động tuyên truyền,
Công nông binh cùng kết liên
Không bao lâu đã cướp chính quyền trong tay
Liên lập tức đổi thay chế độ,
Kê-răn-ki chính phủ lâm thời,
Nhưng công nông vẫn kiếp tôi đòi,
Thoát nơi miệng rắn vào nơi hang hùm.
Bọn tư bản ngấm ngấm chuyên chế,
Chẳng nghĩ gì sinh kế công nông,
Bánh mì, ruộng đất, cũng không,
Chiến tranh vẫn cứ bùng bùng nổ ra
Dân lao động đã hoại xương máu,
Lại phải thêm tranh đấu một lần,
Phen này đem hết tinh thần,
Giết cho sạch hết cái quân lừa đời!
Phải đập đổ lâm thời chính phủ,
Mặt nạ kia vứt bỏ đi ngay.

Võ trang bạo động xông ra,
Những phường tư bản thẳng tay diệt trừ,
Ngày 25 tháng Mười nổi dậy,..
Công-nông-binh hết thấy đấu tranh,
Thị thành rầm rập biểu tình,
Nông thôn náo động tuần hành thị uy;
 Binh lính cũng quay về với Đảng
Kẻ thù chung quyết chẳng buông tha.
Đảng Bôn-sơ-vích đứng ra
Năm quyền lãnh đạo xông ra chiến trường
Lê-nin đứng chủ trương công việc
Đem tinh thần quyết liệt đấu tranh,
Mưa bom lửa đạn tung hoành,
 Gian lao chẳng ngại, hy sinh chẳng nề.
Bọn tư bản đến kỳ mất lộ,
Kê-răn-ky phải bỏ trốn ngay.
Ngọn cờ cách mạng tung bay,
Toàn dân vui vẻ mừng ngày thành công.
Lập ra Xô Viết liên bang
Xây nền cộng sản cho ngàn thu sau,
Song vẫn thấy năm châu vô sản,
Bị trong vòng tư bản dã man.
Các nước thuộc địa cơ hàn,
Đảng cộng sản luận bàn mọi lẽ
Cùng lập ra Quốc tế đệ-tam,
Năm châu vô sản kết đoàn,
Cùng dân nhược tiểu phá tan quân thù,
Nền cách mạng cơ đồ bền vững
Cuộc thành công cũng chẳng xa đâu.
Anh chị em ơi! phải mau mau!
Cứu ta ta phải cùng nhau một lòng:
Đừng mơ màng ngóng trông thần phật,

Đứng vững công vai đất lạy trời,
Lững lờng ý lại tay người,
Con đường giải phóng sáng ngời do ta
Kết đoàn sức mạnh bao la,
Hương theo cờ Đảng xông ra chiến trường.
Đường thắng lợi là gan bền chí vững,
Chữ nghĩa nhân sẽ thắng bạo tàn.
Búa liềm chọi với súng gươm,
Tinh thần cao, súng đạn, bom lo gì.
Giống Hồng - Lạc nào thua chi
Bao phen quét sạch cả bè xâm lăng.
Giờ có Đảng, càng tăng sức mạnh
Nung chí hùng cất cánh bay cao,
Đồng tâm đồng chí đồng bào,
Đạp đổ đế quốc, lật nhào vua quan,
Thực dân phong kiến tiêu tan,
Xích xiềng bẻ gãy lăm than xóa mờ
Chung tay xây dựng cơ đồ,
Việt Nam độc lập tự do đời đời,
Sông Trà rộn tiếng cười vui
Nước non đâu cũng con người hùng anh.
Mừng rằng mình đã góp công,
Xây nền cộng sản, rạng danh giống nòi
Đồng bào ơi đứng lên mau!

1930 - 1931 ?

Bài này do nữ đồng chí Kiều Thị Quang đọc
cho Bùi Định ghi tháng 9/1972.

LỜI TUYÊN CÁO CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁCH MẠNG BA TƠ

Thưa toàn thể đồng bào Việt Nam thân ái. Nước ta hơn 80 năm mất về tay quân Pháp; đồng bào ta hơn 80 năm chung kiếp chọa đầy; quân Pháp quá tham lam, chúng hút máu chúng ta như đĩa đỏi. Nước Pháp vừa bị mất, tên phản quốc Pétain liền đả hàng bọn quốc xã Hitler thì ở Đông Dương thẳng Decoux, đồ đệ trung thành của nó cũng quy hàng theo Nhật, làm tay sai cho phát xít Nhật hoàng.

Chúng nó toa rập nhau bóc lột đồng bào ta đến tận xương tủy, nào tăng gia sưu thuế, quốc trái lạc quyền, tịch thu xe ngựa, hạn chế tất cả các thứ nhu cầu làm cho đồng bào ta sống dở chết dở.

Đến giờ đây cuộc chiến tranh dân chủ chống phát xít đã bước vào giai đoạn mới, quân đồng minh Anh, Mỹ, Nga đã quét sạch phát xít Đức, Ý ở Âu Châu, tấn công ráo riết ở Á, Úc châu; chiếm cứ gần hết căn cứ quan trọng của Nhật, đánh ngay vào đất Nhật làm cho phát xít Nhật không kịp trở tay, lực lượng Nhật đến ngày tan vỡ, hơn nữa cộng hòa dân chủ Degaulle thành lập ảnh hưởng đến thời cuộc Viễn Đông làm cho bọn phát xít ở Đông Dương muốn lợi chiếm độc quyền cũng âm mưu chống Nhật, sợ thừa lúc Anh, Mỹ đổ bộ, phát xít Pháp hưởng ứng bên trong nên Nhật cũng chẳng đại gì nuôi ong tay áo.

Ngày 25 tháng giêng là ngày mở màn đề diễn trò hề thay thay đổi chủ ở xứ này, phát xít Nhật lột khi giới phát xít Pháp, nhờ bọn Việt gian ủng hộ, Nhật nắm chắc về mọi phương diện kinh tế, chính trị cũng như quân sự, ngoại giao để chúng tha hồ động viên nhân

lực, tài lực chống phe dân chủ. Thế là nước ta từ nay hoàn toàn đã trong tay phát xít Nhật, xứ ta ngày nay đã chính thức biến thành ra bãi chiến trường ghê gớm, đồng bào ta phải đổ máu chết chóc với bom đạn đồng minh mà thủ phạm gây ra chính là phát xít Nhật bản gây ra. Đứng trước tai vạ diệt vong này, hai mươi triệu đồng bào chẳng lẽ ngồi yên chờ chết?

Không, quyết không. Ủy ban nhân dân cách mạng Ba Tơ theo tiếng gọi của giang sơn, nhận thấy nhiệm vụ nặng nề lịch sử phó thác đã mạnh mẽ tiên phong phát cờ khởi nghĩa tiếp tục hưởng ứng đồng bào Nam kỳ và đội du kích Bắc Sơn dựng lên chính quyền cách mạng Ba Tơ. Chính quyền cách mạng Ba Tơ là một bộ phận kháng khí của chính quyền cách mạng toàn quốc, là phần tử chống phát xít của mặt trận dân chủ thế giới.

Chính quyền cách mạng Ba Tơ thi hành những nhiệm vụ của cuộc dân tộc giải phóng đánh đuổi phát xít Nhật, tẩy sạch phát xít Pháp Đông Dương làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, dựng lên chính phủ tân dân chủ do toàn dân bầu ra để bảo vệ và ban bố các quyền tự do dân chủ cho tất cả các tầng lớp nhân dân.

Ủy ban cách mạng xin kêu gọi toàn thể đồng bào sẵn sàng ủng hộ chính quyền cách mạng Ba Tơ, mau chuẩn bị lực lượng cho kịp thời cơ để tổng công quân Nhật ra khỏi nước nhà, tinh thể đã cấp bách, cơ hội đã đến rồi, lực lượng quân đội Đức-Ý rời Nhật đã đến lúc diệt vong. Đồng Minh Anh, Mỹ, Nga, đã đến ngày toàn thắng, mặt trận kháng chiến Trung Hoa đã đến ngày rực rỡ, cách mạng Việt Nam đã đến ngày thành công.

Hỡi đồng bào! Lúc này hơn lúc nào hết, đồng bào hãy mau mau đoàn kết lại không phân biệt già trẻ, gái trai, không phân biệt giàu nghèo sang hèn, không phân biệt tôn giáo đảng phái nào, hễ ai là giống giống máu mủ của Việt Nam, phải chung lưng đấu cật góp tài góp sức tham gia vào cuộc chiến đấu giải phóng để đem lại độc lập chân chính cho nước nhà.

Chúng tôi Ủy ban nhân dân cách mạng Ba Tơ, xin đứng thề trước đồng bào, cố noi theo vết chân của tiền nhân, rửa hờn cho giống nòi, báo thù cho Tổ quốc.

Một lần nữa, Ủy ban chúng tôi xin kêu gọi đồng bào gia nhập vào các hội cứu quốc, tiếp tục hưởng ứng bạo động, ủng hộ chính quyền cách mạng Ba Tơ, cùng nhau hô to và thực hành 6 khẩu hiệu:

- 1—Đánh đuổi phát xít Nhật.
- 2—Tây sạch phát xít Pháp Đông Dương.
- 3—Trừng trị bọn Việt gian thân Nhật.
- 4—Bắt tay Anh, Mỹ.
- 5—Liên minh Tàu.
- 6—Việt Nam hoàn toàn độc lập.

MỤC LỤC

	Trang
- Lời giới thiệu	5
- Lời nói đầu	7
- Phần mở đầu: Mấy nét về đất nước - nhân dân - truyền thống của tỉnh Quảng Ngãi	9

PHẦN MỘT

Phong trào « Cần Vương chống Pháp » tỉnh Quảng Nghĩa (1885 - 1896)	18
I. Cuộc khởi nghĩa của ông Lê Trung Đình (1885)	20
II. Cuộc khởi nghĩa của ông Nguyễn Bá Loan (1885 - 1888)	25
III. Cuộc khởi nghĩa của ông Thái Thứ (1894)	28
IV. Cuộc vận động chống Pháp cứu nước của ông Trần Du (1895 - 1896)	32

PHẦN HAI

Phong trào yêu nước mang màu sắc dân chủ tư sản trong tỉnh Quảng Nghĩa (1897 - 1926)	
I. Những biến đổi cơ bản trong xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX	41
II. Hội Duy Tân và phong trào « Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh » trong tỉnh Quảng Nghĩa (1904 - 1908)	44
III. Cao trào chống thuế, xâu (khất thuế) của nhân dân Quảng Nghĩa (1908)	57
IV. Cuộc vận động khởi nghĩa của hội Việt Nam quang phục miền Nam Trung Bộ (1908 - 1916)	75

V. Các phong trào « cải lương » (1923—1926)	97
VI. Phong trào chống sưu, chống thuế, chống áp bức, giành quyền làm chủ núi rừng của các dân tộc ở người ở miền Tây Quảng Nghĩa	107

P Ầ N B A

Phong trào yêu nước chống Pháp trong tỉnh Quảng Nghĩa trên con đường cách mạng vô sản theo chủ nghĩa Mác Lê-nin (1926—1945)	125
I. Phong trào yêu nước chống Pháp ở Quảng Nghĩa tiếp thu chủ nghĩa Mác Lê-nin và sự hình thành các tổ chức cộng sản đầu tiên ở trong tỉnh (1926—1929)	129
II. Cao trào cách mạng dân tộc dân chủ (1930—1931)	136
III. Phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, chống phản động thuộc địa và phát xít, chống chiến tranh (1932—1939)	168
IV. Cao trào đấu tranh giải phóng dân tộc giành chính quyền về tay nhân dân (1940—1945)	196

PH Ầ N K Ế T

Mấy suy nghĩ bước đầu	257
-----------------------	-----

PH Ầ N P H Ụ L Ụ C	266
--------------------	-----

Chịu trách nhiệm xuất bản :

PHẠM NHỚ — HỒNG NHÂN

Biên tập :

NGÕ ĐỨC LỘC — HỒNG NHÂN

Bìa :

CAO BÁ ĐẠT

Trình bày :

THANH LIÊM

Sửa bản in :

VÕ LÂN

In tại xí nghiệp ~~in~~ Quang Trung Nghĩa Bình. Số lượng
5.000 cuốn, khổ 13 × 19. In xong ngày 25 tháng 6 năm 1985.

Nộp lưu chiểu tháng 6 năm 1985

Thư viện tỉnh Quảng Ngãi



DCN.000152

Giá 35đ